

PHÂN TÍCH GIỚI TỖ KHUU I



Tỳ-Khuru Indacanda
Nguyệt Thiên Dịch 2004

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 13-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Chương Verañja (Verañjakaṇḍam)

Tụng phẩm Verañja

- [01] Đức Thế Tôn ngự tại Verañjā
- [02] Phần nói về sự bình phẩm đức Thế Tôn
- [03] Ví dụ về con gà con. Giảng về ba Minh
- [04] Bà-la-môn Verañja quy y Tam Bảo
- [05] Phần nói về sự thiếu hụt vật thực ở Verañjā
- [07] Giảng về sự tồn tại lâu dài của Phạm hạnh
- [08] Giảng về nguyên nhân của việc quy định điều học
- [09] Đức Thế Tôn từ giả Bà-la-môn Verañja

I. Chương Pārājika thứ nhất (Paṭhamapārājikakaṇḍam): Tội thực hiện việc đôi lứa

01. Tụng phẩm Sudinna

- [10] Câu chuyện về tỳ-khuru Sudinna
- [17] tỳ-khuru Sudinna thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ
- [20] Sự quy định (paññatti) lần thứ nhất

02. Tụng phẩm "Được che đậy"

- [21] Câu chuyện về con khỉ cái
- [22] Sự quy định thêm (anupaññatti) lần thứ nhất
- [23] Câu chuyện về các vị tỳ-khưu nhóm Vajjiputtaka
- [24] Sự quy định thêm lần thứ hai
- [25] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ nhất
- [30] Sự lìa bỏ việc học tập
- [33] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ nhất (tiếp theo)
- [38] Nói về ba mươi khiêu (magga). Các trường hợp phạm tội
- [47] Các trường hợp không phạm tội

03. Tụng phẩm thứ ba

- [48] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải (Vinītavatthugāthā)
- [49] Các câu chuyện dẫn giải

II. Chương Pārajika thứ nhì (Dutiyapārajikakaṇḍamaṃ): Tội trộm cắp

01. Tụng phẩm thứ nhất

- [79] Câu chuyện về tỳ-khưu Dhaniya con trai người thợ gốm
- [83] Sự quy định lần thứ nhất
- [84] Sự quy định thêm
- [85] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ nhì
- [90] Các tiêu đề của sự phân tích
- [91] Các trường hợp phạm tội
- [122] Các yếu tố phạm tội
- [125] Các trường hợp không phạm tội

02. Tụng phẩm thứ nhì

- [126] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
- [127] Các câu chuyện dẫn giải

III. Chương Pārajika thứ ba (Tatiyapārajikakaṇḍamaṃ): Tội giết người

01. Tụng phẩm thứ nhất

- [176] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-khưu
- [178] Định hơi thở ra hơi thở vào
- [179] Sự quy định lần thứ nhất
- [180] Câu chuyện về các tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Sự quy định thêm
- [181] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ ba
- [187] Các tiêu đề của sự phân tích
- [189] Các trường hợp phạm tội
- [203] Các trường hợp không phạm tội

02. Tụng phẩm thứ nhì

- [204] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
- [205] Các câu chuyện dẫn giải

IV. Chương Pārajika thứ tư (Catutthapārajikakaṇḍamaṃ): Tội khoe pháp thượng nhân không thực chứng

- [227] Câu chuyện về các vị tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā
- [230] Năm kẻ cướp lớn
- [231] Sự quy định lần thứ nhất
- [232] Sự quy định thêm
- [233] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārājika thứ tư
- [236] Giải nghĩa về pháp thượng nhân
- [237] Các trường hợp phạm tội
- [281] Các trường hợp không phạm tội
- [282] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
- [283] Các câu chuyện dẫn giải
- [300] Tổng kết phần pārājika. Bài kệ tóm lược

V. Chương Mười ba pháp (Terasakaṇḍaṃ)

01. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ nhất: Cố ý làm xuất tinh

- [301] Câu chuyện về tỳ-khưu Seyyasaka. Sự quy định lần thứ nhất
- [302] Sự quy định thêm
- [303] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
- [304] Các tiêu đề của sự phân tích
- [306] Các trường hợp phạm tội
- [343] Các yếu tố xác định tội
- [343] Các yếu tố xác định tội
- [344] Các trường hợp không phạm tội
- [345] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
- [346] Các câu chuyện dẫn giải

02. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ nhì: Xúc chạm cơ thể với người nữ

- [377] Câu chuyện về tỳ-khưu Udāyi. Sự quy định điều học
- [378] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
- [379] Các tiêu đề của sự phân tích
- [387] Các yếu tố xác định tội
- [388] Các trường hợp không phạm tội
- [389] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

03. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ ba: Nói lời dâm dục với người nữ

- [399] Câu chuyện về tỳ-khưu Udāyi. Sự quy định điều học
- [401] Các tiêu đề của sự phân tích
- [403] Các trường hợp phạm tội
- [408] Các trường hợp không phạm tội
- [409] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
- [410] Các câu chuyện dẫn giải

04. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ tư: Ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân với người nữ

- [416] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi. Sự quy định điều học
 - [417] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [418] Các trường hợp phạm tội
 - [420] Các trường hợp không phạm tội
 - [421] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
 - [422] Các câu chuyện dẫn giải
05. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ năm: Tiến hành việc mai mối
- [423] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi
 - [427] Sự quy định điều học
 - [429] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [430] Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ
 - [434] Các trường hợp phạm tội
 - [438] Sự quy định thêm
 - [488] Các yếu tố xác định tội
 - [491] Các trường hợp không phạm tội
 - [492] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải
 - [493] Các câu chuyện dẫn giải
06. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ sáu: Làm cốc liêu
- [496] Câu chuyện về các tỳ-khuru ở thành Ālavī.
 - [499] Câu chuyện về hai anh em ân sĩ và rồng chúa Maṇikaṇṭha
 - [500] Câu chuyện về vị tỳ-khuru và bầy chim
 - [502] Sự quy định điều học
 - [503] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [504] Cách thức xem xét và xác định khu đất làm cốc liêu
 - [511] Các trường hợp phạm tội
 - [521] Các yếu tố xác định tội
 - [522] Các trường hợp không phạm tội
07. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ bảy: Làm trú xá lớn
- [523] Câu chuyện về tỳ-khuru Channa. Sự quy định điều học
 - [524] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [525] Cách thức xem xét và xác định khu đất làm trú xá lớn
 - [532] Các trường hợp phạm tội
 - [538] Các yếu tố xác định tội
08. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ tám: Cáo tội pārājika không có nguyên cớ
- [540] Câu chuyện về tỳ-khuru Dabba Mallaputta.
 - [544] Câu chuyện về các tỳ-khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka
 - [546] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Mettiyā
 - [547] Sự quy định điều học

- [548] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [552] Các trường hợp phạm tội
 - [565] Các trường hợp không phạm tội
09. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ chín: Cáo tội pārājika từ nguyên nhân nhỏ nhất
- [566] Câu chuyện về các tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Sự quy định điều học
 - [567] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [572] Các trường hợp phạm tội
 - [591] Các trường hợp không phạm tội
10. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười: Chia rẽ hội chúng
- [592] Câu chuyện về tỳ-khưu Devadatta yêu cầu năm sự việc
 - [595] Sự quy định điều học
 - [596] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [598] Tuyên ngôn nhắc nhở
 - [600] Các yếu tố xác định tội
11. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười một: Ủng hộ kẻ chia rẽ hội chúng
- [602] Câu chuyện về các tỳ-khưu ủng hộ sự chia rẽ. Sự quy định điều học
 - [603] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [605] Tuyên ngôn nhắc nhở
 - [607] Các yếu tố xác định tội
 - [608] Các trường hợp không phạm tội
12. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười hai: Vị tỳ-khưu có bản tánh khó dạy
- [609] Câu chuyện về tỳ-khưu Channa. Sự quy định điều học
 - [610] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [612] Tuyên ngôn nhắc nhở
 - [614] Các yếu tố xác định tội
 - [615] Các trường hợp không phạm tội
13. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười ba: Làm hư hỏng các gia đình
- [616] Câu chuyện về các tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka.
 - [620] Câu chuyện về trưởng lão Sāriputta và Moggallāna. Hành sự xua đuổi
 - [623] Sự quy định điều học
 - [624] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
 - [628] Tuyên ngôn nhắc nhở

- [630] Các yếu tố xác định tội
- [631] Các trường hợp không phạm tội
- [632] Tổng kết chương Mười Ba Pháp. Bài kệ tóm lược

VI. Chương Bất Định (Aniyatakaṇḍamaṃ)

01. Điều Bất định (Aniyata) thứ nhất: Ngồi với người nữ ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất

- [633] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi
- [634] Câu chuyện về bà Visākhā mẹ của Migāra. Sự quy định điều học
- [635] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
- [637] Phương thức xác định tội

02. Điều Bất định (Aniyata) thứ nhì: Ngồi với người nữ ở chỗ ngồi kín đáo

- [646] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi. Sự quy định điều học
- [647] Giải nghĩa từ ngữ của điều học
- [650] Phương thức xác định tội
- [658] Tổng kết chương Bất Định. Bài kệ tóm lược

---o0o---

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!

Chương Verañja (Verañjakaṇḍamaṃ)

Tụng phẩm Verañja

[01] Đức Thế Tôn ngự tại Verañjā

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Verañjā, ở cội cây *Nimba* của dạ xoa *Naḷeru*, cùng với đại chúng tỳ khuru có số lượng năm trăm vị tỳ khuru. Vị bà-la-môn *Verañja* đã nghe được rằng: “*Chấn chấn là ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sākya (Thích Ca), từ dòng dõi Sākya đã xuất gia, và hiện ngự tại Verañjā, ở cội cây Nimba của dạ xoa Naḷeru cùng với đại chúng tỳ khuru có số lượng năm trăm vị tỳ khuru. Tiếng tăm tốt đẹp về ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vậy: ‘Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’ Vị ấy sau khi tự mình chứng ngộ thắng trí đã công bố về thế gian này tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành*

tự về văn tự. Vị ấy giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy!”

---o0o---

[02] Phần nói về sự bình phẩm đức Thế Tôn

Sau đó, bà-la-môn Verañja 2 đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà-la-môn Verañja đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Thưa ngài Gotama, tôi đã được nghe điều này: “*Sa-môn Gotama không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị bà-la-môn già cả, uy tín, lớn tuổi, sống thọ, đã đạt đến giai đoạn cuối của cuộc đời.*” Thưa ngài Gotama, điều ấy thật đúng như thế bởi vì ngài Gotama không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị bà-la-môn già cả, uy tín, lớn tuổi, sống thọ, đã đạt đến giai đoạn cuối của cuộc đời. Thưa ngài Gotama, điều ấy thật không thích đáng!

- Nay Bà-la-môn, trong thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ta không thấy một ai mà ta có thể cung kính, hoặc có thể đứng dậy, hoặc có thể mời chỗ ngồi. Nay Bà-la-môn, bởi vì nếu Như Lai cung kính, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi người nào thì đầu của người ấy sẽ bị vỡ tan.

- Ngài Gotama không biết về phẩm chất (arasarūpo)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama không biết về phẩm chất.*” Nay Bà-la-môn, các phẩm chất về sắc, các phẩm chất về thanh, các phẩm chất về hương, các phẩm chất về vị, các phẩm chất về xúc, đối với Như Lai các việc ấy đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama không biết về phẩm chất;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra

- Ngài Gotama không biết thương thức (Nibbhogo)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama không biết thường thức.*” Nay Bà-la-môn, các sự thường thức về sắc, các sự thường thức về thanh, các sự thường thức về hương, các sự thường thức về vị, các sự thường thức về xúc, đối với Như Lai các việc ấy đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama không biết thường thức;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

- Ngài Gotama thuyết về không hành động (akiriyavādo)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama thuyết về không hành động.*” Nay Bà-la-môn, bởi vì ta thuyết về không hành động đối với việc làm ác của thân, đối với lời nói ác của miệng, đối với suy nghĩ ác của ý; ta thuyết về không hành động của các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama thuyết về không hành động;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

- Ngài Gotama thuyết về đoạn diệt (ucchedavādo)!³

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt.*” Nay Bà-la-môn, bởi vì ta thuyết về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân hận, của si mê; ta thuyết về sự đoạn diệt của các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

- Ngài Gotama có sự ghê tởm (jegucchī)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama có sự ghê tởm.*” Nay Bà-la-môn, bởi vì ta ghê tởm với việc làm ác của thân, với lời nói ác của miệng, với suy nghĩ ác của ý; ta ghê tởm trong sự tạo thành các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà

với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama có sự ghê tởm;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

- Ngài Gotama là người cách ly (venayiko)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama là người cách ly.*” Nay Bà-la-môn, bởi vì ta thuyết về pháp đưa đến sự cách ly đối với luyến ái, đối với sân, đối với si; ta thuyết về pháp đưa đến sự cách ly đối với các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama là người cách ly;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

- Ngài Gotama là người thiêu đốt (tapassī)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama là người thiêu đốt.*” Nay Bà-la-môn, ta thuyết rằng các pháp ác và bất thiện tức là việc làm ác của thân, lời nói ác của miệng, và suy nghĩ ác của ý cần được thiêu đốt. Nay Bà-la-môn, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; ta gọi người ấy là: “*Người thiêu đốt.*” Nay Bà-la-môn, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama là người thiêu đốt;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

- Ngài Gotama là người thoát khỏi bào thai (apagabbho)!

- Nay Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai.*” Nay Bà-la-môn, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; ta gọi người ấy là: “*Người thoát khỏi bào thai.*” Nay Bà-la-môn, sự sanh vào bào thai trong

ngày vị lai của Như Lai, tức là sự tái sinh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về ta thì có thể nói rằng: “*Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai;*” và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

---o0o---

[03] Ví dụ về con gà con. Giảng về ba Minh

Này Bà-la-môn, cũng giống như con gà mái có được tám, hoặc mười, hoặc mười hai quả trứng. Nếu con gà mái nằm lên trên chúng đúng cách, ủ nóng đều đúng cách, ấp đúng cách, và trong số các con gà con mới nở ấy, con nào dùng vuốt của móng chân hoặc mỏ phá vỡ vỏ trứng và nở ra an toàn trước tiên, thì điều nên nói về con gà con ấy là thế nào, lớn nhất hay nhỏ nhất?

- Thưa ngài Gotama, nên gọi nó là “*Con lớn nhất*” bởi vì nó lớn nhất trong bầy.

- Này Bà-la-môn, cũng tương tự như thế trong số chúng sanh sống trong vô minh (ví như) đang ở trong quả trứng và bị trùm kín lại, ta là người duy nhất đã phá vỡ vỏ trứng vô minh và chúng đắc quả vị Chánh Đẳng Giác vô thượng ở trên đời. Này Bà-la-môn, ta đây là người đứng đầu và cao cả nhất của thế gian. Này Bà-la-môn, hơn nữa ta đã có sự nỗ lực được thành tựu không bị thôi giảm, có niệm được thiết lập không bị xao lãng, có thân được khinh an không còn rạo rực, có tâm được an trụ tập trung. Này Bà-la-môn, quả vậy sau khi đã tách ly khỏi các dục và tách ly khỏi các pháp bất thiện, ta đây đã chứng đạt và trú thiền thứ nhất với hỷ và lạc sanh lên do tách ly (khỏi các triền cái), có tầm, có tứ. Do sự đình chỉ tầm và tứ, ta đã chứng đạt và trú thiền thứ hai với nội phần an tịnh, tâm được chuyên nhất, có hỷ và lạc sanh lên do định, không tầm, không tứ. Và do sự không còn tham muốn ở hỷ, với xả ta đã trú, có niệm và tỉnh giác ta đã chứng nghiệm trạng thái lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh nói rằng: “*Vị ấy có xả, có niệm, có sự trú vào lạc;*” ta đã chứng đạt và trú thiền thứ ba. Do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ (của thân), do sự trừ diệt hỷ và ưu ở tâm (đã có) trước đây, ta đã chứng đạt và trú thiền thứ tư với sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc.

Trong khi tâm được an trụ, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đạt đến trạng thái vững chắc như thế, ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ ghi nhớ về các kiếp sống trước (Túc Mạng Minh). Ta nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: *“Vào kiếp sống ấy, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm khổ và lạc như vậy, có tuổi thọ như vậy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm khổ và lạc như vậy, có tuổi thọ như vậy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này.”* Như thế, ta nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Nay Bà-la-môn, quả vậy vào canh đầu của đêm ta đã chứng đạt Minh thứ nhất này, ta đã diệt tận vô minh và làm cho minh sanh khởi, ta đã diệt tận bóng tối và làm cho ánh sáng sanh khởi. Như thế ấy là điều (ta đã thành đạt) trong lúc ta sống không dễ duôi, nỗ lực, quyết tâm. Nay Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở đầu tiên của ta, tương tự như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

Trong khi tâm được an trụ, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ (quán xét) về sự sanh tử của chúng sanh (Sanh Tử Minh). Ta đây nhìn thấy chúng sanh bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, ta đây biết được rằng trong khi chết đi rồi sanh lại chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ: *“Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu (bhonto) này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu (bhonto) này có hành động tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, loài người.”* Như thế, ta nhìn thấy chúng sanh bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, ta đây biết được rằng trong khi chết đi rồi sanh lại chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, (hay) đọa vào cõi khổ. Nay Bà-la-môn, quả vậy vào canh giữa của đêm ta đã chứng đạt Minh thứ hai này, ta đã diệt

tận vô minh và làm cho minh sanh khởi, ta đã diệt tận bóng tối và làm cho ánh sáng sanh khởi. Như thế ấy là điều (ta đã thành đạt) trong lúc ta sống không dễ duôi, nỗ lực, quyết tâm. Nay Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở thứ hai của ta, tương tự như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

Trong khi tâm được an trụ, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ đoạn tận các lậu hoặc (Lậu Tận Minh). Ta đây đã biết rõ: “*Đây là Khổ*” đúng theo bản thể thật (yathābhūtaṃ). Ta đây đã biết rõ: “*Đây là nguyên nhân của Khổ*” đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “*Đây là sự Diệt Khổ*” đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “*Đây là sự thực hành đưa đến sự Diệt Khổ*” đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “*Đây là các lậu hoặc*” đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “*Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc*” đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “*Đây là sự diệt tận các lậu hoặc*” đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: “*Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc*” đúng theo bản thể thật. Trong khi ta đây biết được như thế, thấy được như thế, thì tâm cũng đã được giải thoát khỏi dục lậu, tâm cũng đã được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm cũng đã được giải thoát khỏi vô minh lậu. Khi ta đã được giải thoát, trí tuệ giải thoát đã khởi lên và ta đã biết rõ rằng: “*Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn (đưa đến) bản ngã nào khác (tương tự) như vậy nữa.*” Nay Bà-la-môn, quả vậy vào canh cuối của đêm ta đã chứng đạt Minh thứ ba này, ta đã diệt tận vô minh và làm cho minh sanh khởi, ta đã diệt tận bóng tối và làm cho ánh sáng sanh khởi. Như thế ấy là điều (ta đã thành đạt) trong lúc ta sống không dễ duôi, nỗ lực, quyết tâm. Nay Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở thứ ba của ta, tương tự như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

---o0o---

[04] Bà-la-môn Verañja quy y Tam Bảo

Khi được nói như thế, bà-la-môn Verañja đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Ngài Gotama là vị đứng đầu, ngài Gotama là người cao cả nhất. Bạch ngài Gotama, thật là tuyệt vời! Bạch ngài Gotama, thật là tuyệt vời! Bạch ngài Gotama, giống như người có thể lật ngựa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): “*Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;*” tương tự như thế, Pháp đã được ngài Gotama giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Tôi đây

xin quy y ngài Gotama, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ khuru. Xin ngài Gotama chấp nhận tôi là nam cư sĩ đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Xin ngài Gotama hãy nhận lời tôi về việc cư trú mùa mưa ở Verañjā cùng với hội chúng tỳ khuru.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người bà-la-môn Verañja hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

---o0o---

[05] Phần nói về sự thiếu hụt vật thực ở Verañjā

Vào lúc bảy giờ, Verañjā có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành (setaṭṭhikā), vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực.

Vào lúc bảy giờ, có những người buôn ngựa từ xứ Uttarāpatha đã đến cư trú mùa mưa ở Verañjā cùng với năm trăm con ngựa. Ở các bãi nhốt ngựa, họ có chuẩn bị từng phần (pattha) lúa mạch 5 cho các vị tỳ khuru. Vào buổi sáng, các vị tỳ khuru mặc y cầm y bát rồi đi vào trong thành Verañjā để khát thực. Khi không nhận được đồ ăn khát thực, các vị đi đến khát thực ở các bãi nhốt ngựa và mang về tu viện (mỗi vị) một phần lúa mạch. Các vị giã đi giã lại trong cối giã rồi thọ dụng. Đại đức Ānanda nghiền phần lúa mạch ở tảng đá rồi dâng lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thọ dụng thức ấy.

Quả vậy, đức Thế Tôn đã nghe tiếng cối giã. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không (hỏi việc) không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị tỳ khuru bởi hai lý do: “*Chúng ta sẽ thuyết Pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử.*” Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda, tiếng cối giã ấy là gì vậy?

Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này Ānanda, tốt lắm! Tốt lắm! Này Ānanda, (điều ấy) đã được khắc phục bởi các người là những người hoàn thiện. Về sau này, con người sẽ chẻ bai cơm gạo *sāli* và thịt.

Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna (Mục Kiền Liên) đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, hiện nay Verañjā có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Bạch ngài, bề mặt bên dưới của đại địa cầu này có chất như là mật ong, không cạn bã, và có hương vị y như thế. Bạch ngài, thật tốt thay nếu con lật ngựa quả địa cầu ra (để rồi) các tỳ khuru sẽ thọ dụng chất bổ dưỡng (ấy)6

- Này Moggallāna, ngươi sẽ giải quyết thế nào về các chúng sanh sống ở quả địa cầu?

- Bạch ngài, con sẽ biến hoá một bàn tay trở thành giống như đại địa cầu và di chuyển chúng sanh sống ở quả địa cầu đến đó, rồi con sẽ lật ngựa quả địa cầu ra bằng cánh tay kia.

- Này Moggallāna, thôi đi. Ngươi chớ thích thú để lật ngựa quả địa cầu ra nữa khiến chúng sanh sẽ gánh chịu sự xáo trộn.

- Bạch ngài, thật tốt thay nếu tất cả hội chúng tỳ khuru có thể đi đến Uttarakuru để khát thực.

- Này Moggallāna, ngươi sẽ giải quyết thế nào về các tỳ khuru không có thần thông?

- Bạch ngài, bằng cách nào mà tất cả các tỳ khuru đều sẽ đi được thì con sẽ làm theo cách ấy.

- Này Moggallāna, thôi đi. Ngươi chớ thích thú đến việc đi đến Uttarakuru để khát thực của toàn bộ hội chúng tỳ khuru nữa.

---o0o---

[07] Giảng về sự tồn tại lâu dài của Phạm hạnh

Khi ấy, đại đức Sāriputta (Xá Lợi Phất) trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tâm như vậy đã sanh khởi: “*Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế*

Tôn nào đã tồn tại lâu dài?” Sau đó vào lúc chiều tối, đại đức Sāriputta khi xuất khỏi thiền tịnh đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: *“Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài?”*

- Nay Sāriputta, Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī, và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài. Nay Sāriputta, Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konāgamana, và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài.

- Bạch ngài, vậy do nhân gì, do duyên gì khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī, và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài?

- Nay Sāriputta, đức Thế Tôn Vipassī, đức Thế Tôn Sikhī, và đức Thế Tôn Vessabhū đã không nỗ lực để thuyết giảng Giáo Pháp một cách chi tiết đến các đệ tử và các vị ấy đã có ít *suttaṃ, geyyaṃ, veyyākaraṇaṃ, gāthā, udānaṃ, itivuttakaṃ, jātakaṃ, abbhūtaḍḍhammaṃ, vedallaṃ*.⁷ Điều học cho các đệ tử đã không được (các vị ấy) quy định và giới bôn *Pātimokkha* đã không được công bố. Với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thánh Văn đã được giác ngộ theo chư Phật (ấy), các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã khiến cho Phạm hạnh ấy biến mất thật nhanh chóng. Nay Sāriputta, cũng giống như nhiều bông hoa khác nhau được đặt xuống ở trên tấm ván sàn và không được kết lại với nhau bằng sợi chỉ, cơn gió (sẽ) làm phân tán, làm tung toé, và hủy hoại chúng. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Nay Sāriputta, giống như việc (các bông hoa) không được kết lại với nhau bằng sợi chỉ; nay Sāriputta, tương tự như thế với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thánh Văn đã được giác ngộ theo chư Phật (ấy), các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã khiến cho Phạm hạnh ấy biến mất thật nhanh chóng. Và chư Phật Thế Tôn ấy (chỉ) nỗ lực dùng tâm biết được tâm để giáo huấn các đệ tử. Nay Sāriputta, trong thời quá khứ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác Vessabhū, ở trong khu rừng ghê rợn nọ, dùng tâm biết được tâm rồi

giáo huấn và chỉ dạy hội chúng tỳ khuru một ngàn vị rằng: “*Hãy suy tầm như vậy*⁸ . *Chớ suy tầm như thế*⁹ . *Hãy tác ý như vậy*¹⁰ . *Chớ tác ý như thế*¹¹ . *Hãy từ bỏ điều này*¹² . *Hãy thành tựu rồi an trú điều này.*”¹³ Nay Sāriputta, khi ấy trong lúc được đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác Vessabhū giáo huấn như thế chỉ dạy như thế, các tâm của một ngàn vị tỳ khuru ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Nay Sāriputta, vào trường hợp ấy trong khi đã bị kinh sợ đối với khu rừng ghê rợn, người nào chưa dứt bỏ ái dục đi vào khu rừng ấy thì hầu hết các sợi lông sẽ dựng đứng lên. Nay Sāriputta, đây là nhân đây là duyên khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī, và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài.

- Bạch ngài, vậy do nhân gì, do duyên gì khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konāgamana, và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài?

- Nay Sāriputta, đức Thế Tôn Kakusandha, đức Thế Tôn Konāgamana, và đức Thế Tôn Kassapa đã nỗ lực để thuyết giảng Giáo Pháp một cách chi tiết đến các đệ tử và các vị ấy đã có nhiều *suttam*, *geyyam*, *veyyākaraṇam*, *gāthā*, *udānam*, *itivuttakam*, *jātakam*, *abbhūtaḍḍhammā*, *vedallam*. Điều học cho các Thinh Văn đã được (các vị ấy) quy định và giới bổn *Pātimokkha* đã được công bố. Với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh Văn đã được giác ngộ theo chư Phật (ấy), các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã duy trì Phạm hạnh ấy lâu dài và trường cửu. Nay Sāriputta, cũng giống như nhiều bông hoa khác nhau được đặt xuống ở trên tấm ván sàn và được kết lại với nhau bằng sợi chỉ, cơn gió (sẽ) không làm phân tán, không làm tung toé, và không hủy hoại chúng. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Nay Sāriputta, giống như việc (các bông hoa) được kết lại với nhau bằng sợi chỉ; nay Sāriputta, tương tự như thế với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh Văn đã được giác ngộ theo chư Phật (ấy), các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã duy trì Phạm hạnh ấy lâu dài và trường cửu. Nay Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konāgamana, và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài.

[08] Giảng về nguyên nhân của việc quy định điều học

Sau đó, đại đức Sāriputta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Thế Tôn, nay là thời điểm của việc ấy. Bạch Thiện Thế, nay là thời điểm của việc ấy, (tức là thời điểm) đức Thế Tôn nên quy định điều học cho các đệ tử, nên công bố giới bốn *Pātimokkha*; như thế Phạm hạnh này có thể được tiếp tục và tồn tại lâu dài.

- Nay Sāriputta, người hãy chờ đợi! Nay Sāriputta, người hãy chờ đợi! Trong trường hợp ấy, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm. Nay Sāriputta, cho đến khi nào một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện trong hội chúng này thì cho đến khi ấy bậc Đạo Sư chưa quy định điều học và công bố giới bốn *Pātimokkha* cho các đệ tử. Nay Sāriputta, chính bởi vì một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bốn *Pātimokkha* cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. Nay Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về số lượng thì cho đến khi ấy một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện trong hội chúng này. Nay Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự đông đảo về số lượng nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này, nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bốn *Pātimokkha* cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. Nay Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển thì cho đến khi ấy một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện trong hội chúng này. Nay Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này, nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bốn *Pātimokkha* cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. Nay Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự dồi dào về lợi lộc thì cho đến khi ấy một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện trong hội chúng này. Nay Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này, nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bốn *Pātimokkha* cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy. Nay Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về việc học nhiều thì cho đến khi ấy một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện trong hội chúng này. Nay Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc học nhiều nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện

trong hội chúng này, nên bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bốn *Pātimokkha* cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy 14. Nay Sāriputta, bởi vì hội chúng tỳ khuru không có ô nhiễm, không có tội lỗi, có ác pháp đã lìa, được thanh tịnh, trong sạch, đã an trú vào mục đích 15. Nay Sāriputta, bởi vì trong số năm trăm tỳ khuru này, vị tỳ khuru thấp nhất (đã) là vị Nhập Lưu, không còn pháp bị đọa, được bền vững, và hướng đến sự giác ngộ.

---o0o---

[09] Đức Thế Tôn từ giả Bà-la-môn Verañja

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, điều này đã trở thành thông lệ của các đảng Như Lai là khi các vị cư trú mùa mưa do những ai đã thỉnh mời thì các vị không ra đi du hành trong xứ sở khi chưa thông báo cho những người ấy. Nay Ānanda, chúng ta sẽ thông báo cho bà-la-môn Verañja này.

- Bạch ngài, xin vâng. Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn.

Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát cùng với đại đức Ānanda là sa-môn thị giả đi đến tư gia của bà-la-môn Verañja, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, bà-la-môn Verañja đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với bà-la-môn Verañja đang ngồi một bên điều này:

- Nay Bà-la-môn, do được ông thỉnh mời chúng tôi đã trải qua mùa (an cư) mưa. Giờ chúng tôi thông báo ông rằng chúng tôi muốn ra đi du hành trong xứ sở.

- Bạch ngài Gotama, sự thật là các vị đã được tôi thỉnh mời và đã trải qua mùa (an cư) mưa. Tuy nhiên, việc cúng dường chưa được dâng cúng. Và điều ấy không phải là không có vật bố thí cũng không phải là không có lòng bố thí. Trong trường hợp này, điều ấy làm sao có thể đạt được khi cuộc sống tại gia có nhiều phận sự và có nhiều việc cần phải làm? Xin ngài Gotama nhận lời bồi trãi phạn của tôi vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khuru.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà-la-môn Verañja bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy bà-la-môn Verañja đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm tại tư gia của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài Gotama, đã đến giờ. Thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y cầm y bát đi đến tư gia của bà-la-môn Verañja, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khuru. Sau đó, bà-la-môn Verañja đã tự tay làm hải lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, bà-la-môn Verañja đã choàng lên đức Thế Tôn với ba y và choàng lên mỗi một vị tỳ khuru với một xấp vải đôi. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà-la-môn Verañja bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

Sau đó, khi đã ngụ tại Verañjā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã đi dọc theo Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja, và đến được bên bờ Payāga 16. Sau khi đến nơi, ngài đã vượt qua sông Gaṅgā tại bến bờ Payāga và ngụ đến thành Bārāṇasī (Ba-la-nại). Sau đó, khi đã ngụ tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Vesālī (Vệ Xá). Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngụ đến thành Vesālī. Tại nơi ấy, trong thành Vesālī, đức Thế Tôn đã ngụ tại Mahāvana (Đại Lâm), nơi giảng đường Kūṭāgāra.

Dứt tụng phẩm Verañja.

-ooOoo-

I. Chương Pārājika thứ nhất (Paṭhamapārājikakaṇḍam): Tội thực hiện việc đôi lứa

01. Tụng phẩm Sudinna

[10] Câu chuyện về tỳ-khuru Sudinna

Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Vesālī có ngôi làng Kalanda. Ở nơi ấy, có người con trai nhà đại phú tên là Sudinna Kalandaputta 17. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến Vesālī cùng với nhiều người bạn do công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, được vây quanh bởi hội

chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng Giáo Pháp. Sudinna Kalandaputta đã nhìn thấy đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo đang ngồi thuyết giảng Giáo Pháp. Sau khi nhìn thấy, Sudinna Kalandaputta đã khởi ý điều này 18: *“Hay là ta cũng nên nghe Pháp?”* Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gần hội chúng ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã khởi ý điều này: *“Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà?”* Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, hội chúng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, và ra đi. Sau đó, khi hội chúng đã đứng dậy không bao lâu, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Xin đức Thế Tôn hãy (làm lễ) xuất gia cho con.

- Nay Sudinna, vậy người đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia sống không nhà chưa?

- Bạch ngài, con chưa được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay Sudinna, các đức Như Lai không (làm lễ) xuất gia cho người con trai chưa được mẹ và cha cho phép.

- Bạch ngài, bằng cách nào khiến mẹ và cha sẽ cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà thì con đây sẽ làm theo cách ấy.

[11]Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, Sudinna Kalandaputta đã đi về lại làng Kalanda đến gặp mẹ và cha, sau khi đến đã nói với mẹ và cha điều này:

- Mẹ và cha à, theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Khi được nói như thế, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Này Sudinna thương, con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương, con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được?

Đến lần thứ nhì, Sudinna Kalandaputta đã nói với mẹ và cha điều này:

- Mẹ và cha à, theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Đến lần thứ nhì, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Này Sudinna thương, con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương, con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được?

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã nói với mẹ và cha điều này:

- Mẹ và cha à, theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như

vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Đến lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Nay Sudinna thương, con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Nay Sudinna thương, con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được?

Khi ấy, Sudinna Kalandaputta (nghĩ rằng): “*Mẹ và cha không cho phép ta về việc rời nhà xuất gia sống không nhà!*” rồi đã nằm xuống ngay tại chỗ ấy trên nền đất không có trải lót (nói rằng):

- Đối với tôi, hoặc là cái chết ngay tại đây, hoặc là sự xuất gia.

Sau đó, Sudinna Kalandaputta đã không ăn một bữa, đã không ăn hai bữa, đã không ăn ba bữa, đã không ăn bốn bữa, đã không ăn năm bữa, đã không ăn sáu bữa, đã không ăn bảy bữa.

[12] Khi ấy, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Nay Sudinna thương, con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Nay Sudinna thương, con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được? Nay Sudinna thương, con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống, và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Nay Sudinna thương, con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Nay Sudinna thương, con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được? Nay Sudinna thương, con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống, và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

[14]Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Nay Sudinna mến, bạn chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Nay Sudinna mến, bạn không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa bạn một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc bạn đang còn sống mẹ và cha lại cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được? Nay Sudinna mến, bạn hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống, và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, bạn có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Nay Sudinna thương, bạn chính là ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

Khi ấy, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta điều này:

- Mẹ và cha à, Sudinna này nằm trên nền đất không có trái lót (nói rằng): “*Đối với tôi, hoặc là cái chết ngay tại đây, hoặc là sự xuất gia.*” Nếu mẹ và cha không cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia sống không nhà, anh ta sẽ đi đến cái chết ngay tại chỗ ấy. Và lại, nếu mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia sống không nhà, mẹ và cha sẽ còn nhìn thấy anh ta cho dù đã xuất gia. Nếu Sudinna không thích trong việc rời nhà xuất gia sống không nhà, thì anh ta còn chôn nào khác đây? Anh ta sẽ quay trở về ngay tại chỗ này. Mẹ và cha hãy cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia sống không nhà đi.

- Các con thương, mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

- Nay Sudinna mến, hãy đứng dậy đi. Bạn đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia sống không nhà.

Khi ấy, Sudinna Kalandaputta (nghĩ rằng): “*Nghe nói ta đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia sống không nhà*” nên mừng rỡ phấn chấn, vừa đứng dậy vừa dùng bàn tay phủ khắp mình mẩy. Sau đó nhiều ngày, Sudinna Kalandaputta đã phục hồi lại sức khỏe và đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia sống không nhà. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy (làm lễ) xuất gia cho con.

Rồi Sudinna Kalandaputta đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên. Khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, đại đức Sudinna đã thọ trì và thực hành các đức hạnh đầu đà có hình thức như vậy: là vị ngụ ở rừng, là vị chuyên khát thực, là vị mặc *y paṃsukūla*¹⁹, là vị đi khát thực theo tuần tự từng nhà. Đại đức đã sống nương tựa vào ngôi làng nọ trong xứ Vajjī.

[15] Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành (setatthikā), vật thực được phân phối theo thể, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Khi ấy, đại đức Sudinna đã khởi ý điều này: “Hiện nay, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thể, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Và lại, nhiều quyền thuộc của ta ở trong thành Vesālī thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng, và dồi dào lúa gạo, hay là ta nên sống nương tựa vào quyền thuộc vậy? Hơn nữa, do có liên quan đến ta, quyền thuộc sẽ cúng dường vật thí, sẽ làm các điều phước thiện, và các tỳ khuru sẽ nhận được lợi lộc còn ta sẽ không bị khó nhọc về đồ ăn khát thực.” Sau đó, đại đức Sudinna đã thu xếp sàng tọa, cầm y bát, và ra đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, đại đức đã đến được thành Vesālī. Tại nơi ấy trong thành Vesālī, đại đức Sudinna trú ở Mahāvana, nơi giảng đường Kūṭāgāra.

Quyền thuộc của đại đức Sudinna đã nghe được rằng: “Nghe nói Sudinna con trai của Kalanda đã đến thành Vesālī.” Họ đã đem lại cúng dường đến đại đức Sudinna bữa ăn gồm sáu mươi nôi cơm. Khi ấy, đại đức Sudinna đã phân chia cho các tỳ khuru sáu mươi nôi cơm ấy rồi vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi vào làng Kalanda để khát thực, trong khi đi tuần tự từng nhà để khát thực đã đi đến nhà của cha mình. Vào lúc bấy giờ, người nữ tỳ của quyền thuộc của đại đức Sudinna có ý định đồ đi món cháo chua đã để cách đêm. Khi ấy, đại đức Sudinna đã nói với người nữ tỳ của quyền thuộc ấy điều này:

- Nay chị gái, nếu vật ấy cần phải đồ bỏ thì hãy trút vào đây trong bình bát của tôi.

Khi ấy, trong lúc đang trút món cháo chua đã để cách đêm ấy vào bình bát của đại đức Sudinna, người nữ tỳ của quyền thuộc của đại đức Sudinna đã nhận ra đặc điểm của các cánh tay, của các bàn chân, và của giọng nói (của đại đức Sudinna) 20. Sau đó, người nữ tỳ của quyền thuộc của đại đức Sudinna đã đi đến gặp mẹ của đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với mẹ của đại đức Sudinna điều này:

- Bẩm bà, bà nên biết là công tử Sudinna đã trở về.

- Nay nô tỳ, nếu người nói đúng, ta sẽ ban cho người khỏi kiếp tôi tớ.

Vào lúc bấy giờ, đại đức Sudinna (ngồi) tựa vào chân của vách tường nọ rồi thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Và người cha của đại đức Sudinna trong lúc đi công chuyện đã nhìn thấy đại đức Sudinna (ngồi) tựa vào chân của vách tường nọ đang thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, lẽ nào con lại ăn món cháo chua đã để cách đêm? Này Sudinna thương, hay là con nên đi về nhà mình đi?

- Này gia chủ, tôi đã đi đến nhà của ông rồi. Từ nơi đó mà tôi đã nhận được món cháo chua đã để cách đêm này.

Khi ấy, người cha của đại đức Sudinna đã nắm lấy cánh tay của đại đức Sudinna và nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, hãy đi. Chúng ta sẽ đi về nhà.

Sau đó, đại đức Sudinna đã đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người cha của đại đức Sudinna đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, hãy ăn đi.

- Này gia chủ, thôi đi. Việc thọ thực ngày hôm nay của tôi đã hoàn tất.

- Này Sudinna thương, vậy hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai.

Đại đức Sudinna đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[16]Sau đó, khi trải qua đêm ấy mẹ của đại đức Sudinna đã cho phủ lên mặt đất bằng phân bò tươi rồi bảo người chắt thành hai đồng gồm một vàng, một bạc. Các đồng ấy lớn đến mức khiến người đàn ông đứng ở phía bên này không nhìn thấy người đàn ông đứng ở phía bên kia, và người đàn ông đứng ở phía bên kia không nhìn thấy người đàn ông đứng ở phía bên này. Sau khi đã cho che lại các đồng ấy bằng những tấm thảm, cho sắp đặt chỗ ngồi ở giữa, và cho che màn xung quanh, mẹ của đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của đại đức Sudinna rằng:

- Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương quý mến thì con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy.

- Thừa mẹ, xin vâng. Người vợ cũ của đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của đại đức Sudinna.

Sau đó vào buổi sáng, đại đức Sudinna đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người cha của đại đức Sudinna đã đi đến gặp đại đức Sudinna, sau khi đến đã cho mở hai đồng ấy ra rồi đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, phần này là vật hồi môn của người đàn bà là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương, con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

- Cha à, tôi không thể nào, tôi không có khả năng (làm như thế). Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, người cha của đại đức Sudinna đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, phần này là vật hồi môn của người đàn bà là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương, con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

- Này gia chủ, nếu gia chủ không nổi giận thì chúng ta nên bàn về điều ấy.

- Này Sudinna thương, hãy nói đi.

- Này gia chủ, nếu vậy thì hãy cho người thực hiện những bao tải thật lớn, cho người đổ đầy vàng bạc vào, cho người đưa lên các xe kéo hàng, rồi nhận chìm ở giữa giòng sông Gaṅgā. Điều ấy có lý do là gì? Này gia chủ, bởi vì

từ đó là nguyên nhân khiến ông có sự sợ hãi, hoặc có sự kinh hoàng, hoặc có lòng dửng dưng lên, hoặc là sự gìn giữ; điều ấy sẽ không có cho ông nữa.

Khi được nói như thế, người cha của đại đức Sudinna đã tỏ ra không hài lòng:

- Tại sao con trai Sudinna lại nói như thế?

Sau đó, người cha của đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của đại đức Sudinna rằng:

- Này con dâu, nếu vậy thì con là người được yêu thương quý mến, có lẽ con trai Sudinna sẽ làm theo lời con.

Khi ấy, người vợ cũ của đại đức Sudinna đã ôm lấy hai bàn chân của đại đức Sudinna và nói với đại đức Sudinna điều này:

- Công tử ơi, các nàng tiên nữ ấy như thế nào khiến chàng thực hành Phạm hạnh vì các nàng ấy vậy?

- Này chị gái, tôi thực hành Phạm hạnh không phải vì các nàng tiên nữ.

Khi ấy, người vợ cũ của đại đức Sudinna (nghĩ rằng): “*Từ nay, công tử Sudinna xưng hô với ta bằng tiếng chị gái*” nên đã ngắt đi rồi ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, đại đức Sudinna đã nói với người cha điều này:

- Này gia chủ, nếu vật thực sẽ được bố thí thì hãy bố thí đi. Ông chớ có quấy rầy chúng ta nữa.

- Này Sudinna thương, hãy ăn đi.

Khi ấy, mẹ và cha của đại đức Sudinna đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn đại đức Sudinna với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Sau đó, khi đại đức Sudinna đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, mẹ của đại đức Sudinna đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng, và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương, con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy

quay về đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

- Mẹ à, tôi không thể nào, tôi không có khả năng (làm như thế). Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, mẹ của đại đức Sudinna đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng, và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương, chính vì điều ấy con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavi đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta.

- Mẹ à, điều này tôi có thể làm được.

- Này Sudinna thương, hiện nay con ngụ ở đâu vậy?

- Mẹ à, ở Mahāvana.

Sau đó, đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

---o0o---

[17] tỳ-khuru Sudinna thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ

[17]Sau đó, mẹ của đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của đại đức Sudinna rằng:

- Này con dâu, nếu vậy thì khi nào đến thời kỳ, kinh nguyệt của con xuất hiện, khi ấy con hãy cho mẹ hay.

- Thưa mẹ, xin vâng. Người vợ cũ của đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của đại đức Sudinna.

Sau đó chẳng bao lâu, người vợ cũ của đại đức Sudinna đã đến thời kỳ, nàng đã có kinh nguyệt. Khi ấy, người vợ cũ của đại đức Sudinna đã nói với mẹ của đại đức Sudinna điều này:

- Thưa mẹ, con đã đến thời kỳ, kinh nguyệt của con đã xuất hiện.

- Này con dâu, vậy thì con đã được con trai Sudinna yêu thương quý mến khi trang điểm với đồ trang sức nào, (giờ) con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy.

- Thưa mẹ, xin vâng. Người vợ cũ của đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của đại đức Sudinna.

Sau đó, mẹ của đại đức Sudinna đã đưa người vợ cũ của đại đức Sudinna đi đến Mahāvana gặp đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng, và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương, con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

- Mẹ à, tôi không thể nào, tôi không có khả năng (làm như thế). Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, mẹ của đại đức Sudinna đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Này Sudinna thương, gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng, và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương, chính vì điều ấy con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavi đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta.

- Mẹ à, điều này tôi có thể làm được.

Rồi đã nắm lấy cánh tay của người vợ cũ đi vào trong (khu rừng) Mahāvana. Trong khi điều học chưa được quy định, vị ấy không nhận thức được điều nguy hại nên đã tiến hành việc đôi lứa với người vợ cũ ba lần. Do việc ấy, nàng ta đã mang thai.

[18]Chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: “Ngài ơi, hội chúng tỳ khuru thật sự không có sự ô uế, không bị điều tai tiếng, nay Udinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai tiếng!” Sau khi nghe được tiếng đồn của

chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(như trên)... chư thiên ở cõi Đạo Lợi ...(như trên)... chư thiên ở cõi Dạ Ma ...(như trên)... chư thiên ở cõi Đâu Suất ...(như trên)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc Thiên ...(như trên)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại ...(như trên)... chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: “*Ngài ơi, hội chúng tỳ khuru thật sự không có sự ô uế, không bị điều tai tiếng, nay Udinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai tiếng!*” Vào thời khắc ấy vào giây phút ấy, lời đồn đãi như thế ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên.

Sau đó, khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, người vợ cũ của đại đức Sudinna đã sanh con trai. Khi ấy, những người bạn của đại đức Sudinna đã đặt tên cho đứa bé trai là “*Bījako (Chủng Tử)*,” đã đặt tên cho người vợ cũ của đại đức Sudinna là “*Bījakamātā (Mẹ của Chủng Tử)*,” và đã đặt tên cho đại đức Sudinna là “*Bījakapitā (Cha của Chủng Tử)*.” Thời gian sau, cả hai người ấy đã rời nhà xuất gia sống không nhà²¹ và đã chứng đắc quả vị A-la-hán.

[19]Sau đó, đại đức Sudinna đã khởi lên sự ăn năn, đã khởi lên nỗi ân hận: “*Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời!*” Do chính sự ăn năn ấy và do nỗi ân hận ấy, vị ấy đã trở nên ồm ồm, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khô sở, buồn bã, ăn năn, và có vẻ thờ thần. Khi ấy, những vị tỳ khuru bạn của đại đức Sudinna đã nói với đại đức Sudinna điều này:

- Nay đại đức Sudinna, trước đây đại đức có sắc tướng, các căn rạng rỡ, sắc diện an tịnh, nước da trong sáng, thanh khiết. Hiện nay, trong lúc này đại đức đây lại trở nên ồm ồm, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khô sở, buồn bã, ăn năn, và có vẻ thờ thần. Nay đại đức Sudinna, không lẽ đại đức không thỏa thích thực hành Phạm hạnh hay sao?

- Nay các đại đức, không phải tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh mà tôi đã tạo nên ác pháp, tôi đã thực hiện việc đôi lừa với người vợ cũ. Nay các đại đức, tôi đây đã khởi lên sự ăn năn, đã khởi lên nỗi ân hận: “*Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia*

trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời!”

- Nay đại đức Sudinna, đại đức có sự ăn năn là phải lẽ, có nỗi ân hận là phải lẽ. Bởi vì đại đức đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời. Nay đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn sự ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao? Nay đại đức, ở đây trong khi đức Thế Tôn thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì đại đức lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn sự ràng buộc thì đại đức lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì đại đức lại nghĩ đến sự chấp thủ. Nay đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kèm chế các sự khao khát, để trừ diệt các sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết Bàn hay sao? Nay đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tướng, đã đề cập đến sự kèm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tâm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Nay đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay đại đức, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Sau đó, khi đã khiển trách đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[20] Sự quy định (paññatti) lần thứ nhất

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi đại đức Sudinna rằng:

- Nay Sudinna, nghe nói người thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, tại sao người đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao? Này kẻ rò dại, thế mà ở đây trong khi ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì người lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì người lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì người lại nghĩ đến sự chấp thủ. Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kiềm chế sự khao khát, để trừ diệt sự vương mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết Bàn hay sao? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tướng, đã đề cập đến sự kiềm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tâm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rò dại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không (cao thượng). Này kẻ rò dại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không (cao thượng). Này kẻ rò dại, thà người đặt dương vật vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không (cao thượng). Điều ấy có lý do như thế nào? Này kẻ rò dại, bởi vì do nguyên nhân kia 22 người có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi người lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rò dại, quả thật do nguyên nhân này 23, khi tan rã thân xác và chết đi, người có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rò dại, thế mà ở đây lại là người, tức là việc người bị vương vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Này kẻ rò dại, đối với các pháp bất thiện người là người

vi phạm đầu tiên, trước tất cả. Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rò dại, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Sau đó, khi đã khiển trách đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi đã bảo các tỳ khuru rằng:

- Này các tỳ khuru, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khuru vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru hiện thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp²⁴, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khuru, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ khuru nào thực hiện việc đôi lứa là vi phạm tội pārājika, không được cộng trú*”²⁵. Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru như thế.

Dứt tụng phẩm về Sudinna.

---o0o---

02. Tụng phẩm "Được che đậy"

[21] Câu chuyện về con khỉ cái

Vào lúc bảy giờ, tại Mahāvana (Đại Lâm) ở Vesālī, có vị tỳ khuru nọ dùng thức ăn dụ dỗ con khỉ cái rồi thực hiện việc đôi lứa với nó. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khuru ấy đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Vesālī để khát thực. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khuru trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị tỳ khuru ấy. Con khỉ cái ấy đã nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi thấy đã đi đến gần các vị tỳ khuru ấy, sau khi đến gần đã lúc lắc hông ở phía trước các vị tỳ khuru ấy, đã lúc lắc

đuôi, đã đưa hông ra, và làm dấu hiệu. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “*Không còn nghi ngờ gì nữa, vị tỳ khuru ấy thực hiện việc đôi lứa với con khi cái này!*” rồi đã nấp vào ở một bên. Sau đó, vị tỳ khuru ấy sau khi đi khát thực ở trong thành Vesālī đã mang đồ ăn khát thực quay trở về. Khi ấy, con khi cái ấy đã đi đến gần vị tỳ khuru ấy. Rồi vị tỳ khuru ấy đã thọ dụng đồ khát thực ấy một phần và cho con khi cái ấy một phần. Sau đó, khi đã ăn xong đồ khát thực ấy con khi cái ấy đã đưa hông ra cho vị tỳ khuru ấy. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy thực hiện việc đôi lứa với con khi cái ấy. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này:

- Này đại đức, chẳng phải điều học đã được đức Thế Tôn quy định hay sao? Này đại đức, tại sao đại đức lại thực hiện việc đôi lứa với con khi cái này?

- Này các đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là với người nữ chứ không phải với thú cái.

- Này đại đức, chẳng phải điều ấy là đúng như thế hay sao? Này đại đức, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này đại đức, tại sao đại đức sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(như trên)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nổi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này đại đức, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Sau đó, khi đã khiển trách vị tỳ khuru ấy bằng nhiều phương thức, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---o0o---

[22] Sự quy định thêm (anupaññatti) lần thứ nhất

Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi vị tỳ khuru ấy rằng:

- Này tỳ khuru, nghe nói người đã thực hiện việc đôi lứa với con khi cái, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, tại sao người sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(như trên)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rò dại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái là không (cao thượng). Này kẻ rò dại, thà người đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái là không (cao thượng). Này kẻ rò dại, thà người đặt dương vật vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái là không (cao thượng). Điều ấy có lý do như thế nào? Này kẻ rò dại, bởi vì do nguyên nhân kia²⁶ người có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, người lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rò dại, quả thật do nguyên nhân này²⁷, khi tan rã thân xác và chết đi, người có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rò dại, thế mà ở đây lại là người, tức là việc người bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ khưu, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ khưu nào thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thú cái là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú.*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khưu như thế.

Dứt chuyện con khi cái.

---o0o---

[23] Câu chuyện về các vị tỳ-khuru nhóm Vajjiputtaka

Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru nhóm Vajjīputtaka cư trú ở Vesālī đã thọ thực theo ý thích, ngủ theo ý thích, tắm theo ý thích. Sau khi đã thọ thực theo ý thích, sau khi đã ngủ theo ý thích, sau khi đã tắm theo ý thích, sau khi đã tác ý không chon chánh, các vị ấy đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược (*dubbalyamaṃ*). Thời gian sau đó, các vị ấy bị tác động bởi sự bất hạnh của quyền thuộc, bởi sự bất hạnh về tài sản, bởi sự bất hạnh về bệnh hoạn nên đi đến gặp đại đức Ānanda và nói như vậy:

- Thưa ngài Ānanda, chúng tôi không phải là những người chê bai đức Phật, không phải là những người chê bai đức Pháp, không phải là những người chê bai đức Tăng. Thưa ngài Ānanda, chúng tôi là những người chê bai chính mình, là những người không chê bai kẻ khác. Chính chúng tôi không có may mắn, chúng tôi có phước báu ít oi, chúng tôi đây sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời. Thưa ngài Ānanda, giờ đây nếu chúng tôi có thể đạt được sự xuất gia trong sự chứng minh của đức Phật, có thể đạt được sự tu lên bậc trên, thì giờ đây chúng tôi có thể là những người hành Minh Sát, có thể sống gắn bó với sự tu tập về các thiện pháp tức là các pháp có liên quan đến sự giác ngộ vào đầu đêm và cuối đêm. Thưa ngài Ānanda, tốt thay xin ngài hãy trình sự việc này lên đức Thế Tôn.

- Nay các đại đức, được rồi.

Nghe theo các vị nhóm Vajjīputtaka cư trú ở Vesālī, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay Ānanda, việc Như Lai có thể hủy bỏ điều học *pārājika* đã được quy định cho các đệ tử vì lý do của các vị Vajjī hoặc của những người con trai của các vị Vajjī là điều không có cơ sở và không hợp lý.

---o0o---

[24] Sự quy định thêm lần thứ hai

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoạt rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược mà thực hiện việc đòỉ lưà thì vị ấy không đợc tu lên bậc trên trong tương lai. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sau khi lìa bỏ sự học tập và sau khi tuyên bố sự yếu nhược rồi thực hiện việc đòỉ lưà thì vị ấy đợc tu lên bậc trên trong tương lai. Và nay các tỳ khuru, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ khuru nào thọ trì sự học tập và lối sống của các tỳ khuru, khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược, mà thực hiện việc đòỉ lưà ngay cả với loài thú cái là vị phạm tội pārajika, không đợc cộng trú.*”

---o0o---

[25] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ nhất

Vị nào: là bất cứ vị nào có mối quan hệ như vậy, có giai cấp như vậy, có tên như vậy, có họ như vậy, có giới hạnh như vậy, có trú xứ như vậy, có hành xứ như vậy (yathāgocaro), là vị trưởng lão (trên mười năm tỳ khuru), mới tu (dưới năm năm), hoặc trung niên (trên năm năm); vị ấy đợc gọi là “*vị nào.*”

[26]**Tỳ khuru:** “*Vị đi khát thực*” là tỳ khuru. “*Vị chấp nhận việc đi khát thực*” là tỳ khuru. “*Vị mặc y đã đợc cắt rời*” là tỳ khuru. Là tỳ khuru do sự thừa nhận. Là tỳ khuru do tự mình xác nhận. Là tỳ khuru khi đợc (đức Phật) nói rằng: “*Này tỳ khuru, hãy đi đến (ehi bhikkhu).*” “*Vị đã tu lên bậc trên bằng Tam Quy*” là tỳ khuru. “*Vị hiền thiện*” là tỳ khuru. “*Vị có thực chất*” là tỳ khuru. “*Vị thánh hữu học*” là tỳ khuru. “*Vị thánh vô học*” là tỳ khuru. “*Vị đã đợc tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng đợc duy trì*” là tỳ khuru. Ở đây, vị tỳ khuru đã đợc tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất, bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng đợc duy trì, vị này là “*vị tỳ khuru*” đợc đề cập trong ý nghĩa này.

[27]**Sự học tập:** Có ba sự học tập: sự học tập về tăng thượng giới, sự học tập về tăng thượng tâm, sự học tập về tăng thượng tuệ 28. Ở đây, “*sự học tập*” đợc đề cập trong ý nghĩa này là sự học tập về tăng thượng giới.

[28] **Lối sống** nghĩa là điều học nào đã đợc đức Thế Tôn quy định, điều học ấy gọi là lối sống. Vì thế, vị học tập theo lối sống ấy đợc gọi là “**thọ trì lối sống.**”

[29] **Khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược:** Nay các tỳ khuru, có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. Nay các tỳ khuru, có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

---o0o---

[30] **Sự lìa bỏ việc học tập**

Nay các tỳ khuru, thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ?

Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị bức bối, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, mong mỗi thân phận cư sĩ, mong mỗi thân phận người phụ việc chùa, mong mỗi thân phận sa di, mong mỗi thân phận ngoại đạo, mong mỗi thân phận đệ tử ngoại đạo, mong mỗi thân phận không phải là sa-môn, mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ đức Phật?*” Nay các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khuru) bị bức bối, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ đức Pháp?*” ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ đức Tăng?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ sự học tập?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ Luật?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ giới bốn Pātimokkha?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ việc đọc tụng?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ thầy tế độ?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ thầy dạy học?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ đệ tử?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ học trò?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy tế độ?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy dạy học?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên lìa bỏ Phạm hạnh?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành gia chủ?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành nam cư sĩ?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành người phụ việc chùa?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành sa di?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành ngoại đạo?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành đệ tử ngoại đạo?*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành không phải là sa-*

môn?” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hay là tôi nên trở thành không phải là Thích tử?*” Này các tỳ khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được liả bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khưu) bị bực bội, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh samôn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khưu, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Nếu như tôi có thể liả bỏ đức Phật?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Nếu như tôi có thể không phải là Thích tử?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Giờ tôi nên liả bỏ đức Phật?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Giờ tôi nên không phải là Thích tử?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Vậy tôi hãy nên liả bỏ đức Phật?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Vậy tôi hãy nên không phải là Thích tử?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Ước gì tôi có thể liả bỏ đức Phật?*” ... (như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Ước gì tôi có thể không phải là Thích tử?*” Này các tỳ khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được liả bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khưu) bị bực bội, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh samôn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khưu, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ mẹ.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ cha.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ anh (em) trai.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ chị (em) gái.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ con trai.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ con gái.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ vợ.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ quyến thuộc.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ bạn bè.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ làng quê.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ phố phường.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ ruộng.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ vườn.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ tiền vàng.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ vàng khối.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi nhớ nghề nghiệp.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi hồi tưởng lại sự cười, nói, đùa giỡn trước đây.*” Này các tỳ khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được liả bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khưu) bị bực bội, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh samôn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khưu, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi có mẹ. Người ấy có thể nuôi tôi.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi có cha. Người ấy có thể nuôi tôi.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi có anh (em) trai. Người ấy có thể nuôi tôi.*” ... nói ra, tuyên bố

rằng: “Tôi có chị (em) gái. Người ấy có thể nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con trai. Người ấy có thể nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con gái. Người ấy có thể nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vợ. Người ấy có thể nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có quyền thuộc. Các người ấy có thể nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có bạn bè. Các người ấy có thể nuôi tôi.” Đây các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khuru) bị bức bối, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh samôn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có mẹ. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có cha. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có anh (em) trai. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có chị (em) gái. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con trai. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có con gái. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vợ. Người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có quyền thuộc. Các người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có bạn bè. Các người ấy sẽ nuôi tôi.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có làng quê. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có phố phường. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có ruộng. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vườn. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có tiền vàng. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có vàng khối. Tôi sẽ sống nhờ nó.” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi có nghề nghiệp. Tôi sẽ sống nhờ nó.” Đây các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khuru) bị bức bối, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh samôn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Việc khó làm!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Không phải việc dễ làm!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Việc khó thực hành!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Không phải việc dễ thực hành!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không nỗ lực!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không chịu đựng nổi!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không sung sướng!” ... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không thỏa thích!” Đây các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

[31] Nay các tỳ khuru, thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ?

Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị bực bội, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh sa-môn, trong khi bị bôn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ đức Phật.*” Nay các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khuru) bị bực bội, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh sa-môn, trong khi bị bôn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)... mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ đức Pháp.*” ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ đức Tăng.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ sự học tập.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ Luật.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ giới bốn Pātimokkha.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ việc đọc tụng.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ thầy tế độ.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ thầy dạy học.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ đệ tử.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ học trò.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ vị có chung thầy tế độ.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ vị có chung thầy dạy học.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi lìa bỏ Phạm hạnh.*” ...(như trên)... ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi là gia chủ.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi là cư sĩ.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi là người phụ việc chùa.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi là sa di.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi là ngoại đạo.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi là đệ tử ngoại đạo.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi không phải là sa-môn.*” ... nói ra, tuyên bố rằng: “*Hãy ghi nhận tôi không phải là Thích tử.*” Nay các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

Hoặc là (vị tỳ khuru) bị bực bội, không thỏa thích, có ý định từ biệt hạnh sa-môn, trong khi bị bôn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận tỳ khuru, mong mỗi thân phận gia chủ, ...(như trên)..., mong mỗi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi đã chán đức Phật (alam me buddhenāti).*” ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi đã chán Phạm hạnh (alam me sabrahmacārīhi).*” Nay các tỳ khuru, như thế là ...(như trên)...

Hoặc là ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi còn liên quan gì với đức Phật?*” (*Kinnu me buddhenāti*) ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi còn liên quan gì với Phạm hạnh?*” Đây các tỳ khuru, như thế là ...(như trên)...

Hoặc là ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi không còn cần đến đức Phật.*” ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi không còn cần đến Phạm hạnh.*” Đây các tỳ khuru, như thế là ...(như trên)...

Hoặc là ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi đã hoàn toàn lìa khỏi đức Phật.*” ...(như trên)... nói ra, tuyên bố rằng: “*Tôi đã hoàn toàn lìa khỏi Phạm hạnh.*” Đây các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

Hoặc là, còn có những điều khác ám chỉ đến đức Phật (*Buddhavevacanam*), hoặc ám chỉ đến đức Pháp, hoặc ám chỉ đến đức Tăng, hoặc ám chỉ đến sự học tập, hoặc ám chỉ đến Luật, hoặc ám chỉ đến giới bốn *Pātimokkha*, hoặc ám chỉ đến việc đọc tụng, hoặc ám chỉ đến thầy tế độ, hoặc ám chỉ đến thầy dạy học, hoặc ám chỉ đến đệ tử, hoặc ám chỉ đến học trò, hoặc ám chỉ đến vị có chung thầy tế độ, hoặc ám chỉ đến vị có chung thầy dạy học, hoặc ám chỉ đến Phạm hạnh, hoặc ám chỉ đến gia chủ, hoặc ám chỉ đến nam cư sĩ, hoặc ám chỉ đến người phụ việc chùa, hoặc ám chỉ đến sa di, hoặc ám chỉ đến ngoại đạo, hoặc ám chỉ đến đệ tử ngoại đạo, hoặc ám chỉ đến (trạng thái) không phải là sa-môn, hoặc ám chỉ đến (trạng thái) không phải là Thích tử, và vị nói ra, tuyên bố với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy. Đây các tỳ khuru, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

[32] Đây các tỳ khuru, thế nào là sự học tập chưa được lìa bỏ? Đây các tỳ khuru, ở đây sự học tập được lìa bỏ với những hình thức nào, với những biểu hiện nào, với những dấu hiệu nào và vị bị điên (*ummattako*) lìa bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bị điên thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị có tâm bị rối loạn (*khittacitto*) lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị có tâm bị rối loạn thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị bị thọ khổ hành hạ (*vedanaṭṭo*) lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bị thọ khổ hành hạ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của thiên nhân thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của loài thú thì sự học tập vẫn chưa

được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái (ariyakena) trong sự chứng minh của người bình dân (milakkhaka) và nếu người ấy không hiểu được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người quý phái và nếu người ấy không hiểu được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người quý phái nhưng nếu người ấy không hiểu được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người bình dân nhưng nếu người ấy không hiểu được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo lối đùa cợt thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học do bị lừa dối thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói ra nhưng có ý định không cho nghe được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy có ý định cho nghe được nhưng nói ra không rõ ràng thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói với người không hiểu biết (aviññussa) thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy không nói ra rõ ràng với người hiểu biết thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Hoặc vị ấy không nói ra rõ ràng đầy đủ (cả câu) thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Nay các tỳ khuru, như thế là sự học tập chưa được lìa bỏ.

---o0o---

[33] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ nhất (tiếp theo)

Việc đôi lứa nghĩa là việc nào là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa; việc ấy gọi là việc đôi lứa.

[34] **Thực hiện** nghĩa là vị nào đưa vật biểu tượng (nimittam) vào vật biểu tượng (nimittena), đưa dương vật (aṅgajātaṃ) vào âm vật (aṅgajātena) cho đầu chỉ (đưa vào) khoảng cách bằng hạt mè, vị ấy được gọi là thực hiện.

[35] **Ngay cả với loài thú cái:** Sau khi thực hiện việc đôi lứa với giống cái của loài thú thì không còn là sa-môn, không phải là Thích tử nữa chứ không phải chỉ với người nữ; vì thế được gọi là “*ngay cả với loài thú cái.*”

[36] **Là vị phạm tội pārajika:** cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu không thể sống bám víu vào thân thể ấy; tương tự như thế, vị tỳ khuru sau khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế được gọi “*là vị phạm tội pārajika.*”

[37] **Không được cộng trú:** cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn *Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “*không được cộng trú.*”

---o0o---

[38] Nói về ba mươi khiếu (*magga*). Các trường hợp phạm tội

Nữ tánh (*itthī*) có ba loại: người nữ, phi nhân nữ, thú cái.

Lưỡng căn (*ubhatobyañjanaka*) 29 có ba loại: người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn.

Vô căn (*paṇḍaka*) 30 có ba loại: người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn.

Nam tánh (*purisa*) có ba loại: người nam, phi nhân nam, thú đực.

Vị thực hiện việc đôi lứa với người nữ theo ba đường (*magge*): ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân nữ ...(như trên)... với thú cái theo ba đường: ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *pārājika*.

Vị thực hiện việc đôi lứa với người lưỡng căn ...(như trên)... với phi nhân lưỡng căn ...(như trên)... với thú lưỡng căn theo ba đường: ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *pārājika*.

Vị thực hiện việc đôi lứa với người vô căn theo hai đường: ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội *pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân vô căn ...(như trên)... với thú vô căn ...(như trên)... với người nam ...(như trên)... với phi nhân nam ...(như trên)... với thú đực theo hai đường: ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội *pārājika*.

[39] Vị tỳ khuru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện của người nữ thì phạm tội *pārājika*. Vị tỳ khuru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường tiểu tiện của người nữ thì phạm tội *pārājika*. Vị tỳ khuru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào miệng của người nữ thì phạm tội *pārājika*. Vị tỳ khuru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện, vào đường tiểu tiện, vào miệng của phi nhân nữ ...(như trên)... của thú cái ...(như trên)... của người lưỡng căn ...(như trên)... của phi nhân lưỡng căn ...(như trên)... của thú lưỡng căn thì phạm tội *pārājika*.

Vị tỳ khuru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(như trên)... vào miệng của người vô căn thì phạm tội *pārājika*. Vị tỳ khuru nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện, vào miệng của phi nhân vô căn ...(như trên)... của thú vô căn, của người nam, của phi nhân nam, của thú đực ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*.

[40] Các tỳ khuru đối nghịch (*bhikkhupaccatthikā*) 31 đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của người nữ); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của người nữ); nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, (nhưng) ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của người nữ); nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, (nhưng) ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của người nữ); nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, (nhưng) ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của người nữ); nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, không ưng thuận việc rút ra thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường tiểu tiện (của người nữ) ...(như trên)... với miệng (của người nữ); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện, với đường tiểu tiện, với miệng (của người nữ); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem phi nhân nữ ...(như trên)... thú cái, người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện, với đường tiểu tiện, với miệng (của đối tượng); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện, với đường tiểu tiện, với miệng (của đối tượng); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem người vô căn ...(như trên)... phi nhân vô căn, thú vô căn lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem thú vô căn đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem người nam ...(như trên)... phi nhân nam, ...(như trên)... thú đực lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem thú nam đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy

vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

[41] Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện, với đường tiểu tiện, với miệng (của người nữ) – của người nữ được che phủ và của vị ấy không được che phủ – của người nữ không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của người nữ được che phủ và của vị ấy không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện, với đường tiểu tiện, với miệng (của người nữ) – của người nữ được che phủ và của vị ấy không được che phủ – của người nữ không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của người nữ được che phủ và của vị ấy không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem phi nhân nữ ...(như trên)... thú cái, người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện, với đường tiểu tiện, với miệng (của đối tượng) – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ – của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng) – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ – của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của đối tượng không được che phủ và của vị ấy

không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn, người nam, phi nhân nam, thú đực lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng) – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ – của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem thú đực đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần lại gần vị tỳ khuru rồi kết hợp dương vật (của vị ấy) với đường đại tiện (của đối tượng), ...(như trên)... với miệng (của đối tượng) – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ – của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ – của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

[42] Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện, đường tiểu tiện, miệng (của người nữ) với dương vật (của vị ấy); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần người nữ đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện, đường tiểu tiện, miệng (của người nữ) với dương vật (của vị ấy); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần phi nhân nữ ...(như trên)... thú cái, người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn ...(như trên)...

người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn, người nam, phi nhân nam, thú đực rồi kết hợp đường đại tiện, miệng (của đối tượng) với dương vật (của vị ấy); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần thú đực đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện, miệng (của đối tượng) với dương vật (của vị ấy); nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

[43] Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện, đường tiểu tiện, miệng (của người nữ) với dương vật (của vị ấy) – của vị ấy được che phủ và của người nữ không được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của người nữ được che phủ – của vị ấy được che phủ và của người nữ được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của người nữ không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần người nữ đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện, đường tiểu tiện, miệng (của người nữ) với dương vật (của vị ấy) – của vị ấy được che phủ và của người nữ không được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của người nữ được che phủ – của vị ấy được che phủ và của người nữ được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của người nữ không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần phi nhân nữ ...(như trên)... thú cái, người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn, ...(như trên)... người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn, người nam, phi nhân nam, thú đực rồi kết hợp đường đại tiện, miệng (của đối tượng) với dương vật (của vị ấy) – của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ – của vị ấy được che phủ và của đối tượng được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của

đối tượng không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội. Các tỳ khuru đối nghịch đem vị tỳ khuru lại gần thú đực đang tỉnh táo, đang ngủ, đang say sưa, bị điên, đang đờ đẫn, đã chết chưa bị (thú) ăn, đã chết chưa bị (thú) ăn nhiều phần ...(như trên)... thì phạm tội *pārājika*. ...(như trên)... đã chết đã bị (thú) ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện, miệng (của đối tượng) với dương vật (của vị ấy) – của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ – của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ – của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ; nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội). ...(như trên)... không ưng thuận thì vô tội.

[44] Các tỳ khuru đối nghịch (*bhikkhupaccatthikā*) được phân tích như thế nào thì những vị vua đối nghịch (*rājapaccatthikā*)³², những kẻ trộm cướp đối nghịch (*corapaccatthikā*), những kẻ vô lại đối nghịch (*dhuttapaccatthikā*), những kẻ thảo khấu đối nghịch (*uppalagandhapaccatthikā*) nên được phân tích như thế.

[45] Vị đưa (dương vật) vào khiêu (*maggam*) theo đường khiêu (*maggena*) thì phạm tội *pārājika*. Vị đưa (dương vật) vào nơi không phải là khiêu (*amaggam*) theo đường khiêu (*maggena*) thì phạm tội *pārājika*. Vị đưa (dương vật) vào khiêu (*maggam*) không theo đường khiêu (*amaggena*) thì phạm tội *pārājika*. Vị đưa (dương vật) vào nơi không phải là khiêu (*amaggam*) không theo đường khiêu (*amaggena*) thì phạm tội *thullaccaya* (trọng tội)³³.

[46] Vị tỳ khuru vi phạm giới với vị tỳ khuru đang ngủ, vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất. Vị tỳ khuru vi phạm giới với vị sa di đang ngủ, vị sa di thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị sa di thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất. Vị sa di vi phạm giới với vị tỳ khuru đang ngủ, vị tỳ khuru thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị tỳ khuru thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất. Vị sa di vi phạm giới với vị sa di đang ngủ, vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

[47] Các trường hợp không phạm tội

Vị không biết, vị không ưng thuận³⁴, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt tụng phẩm “Được che đậy.”

---o0o---

03. Tụng phẩm thứ ba

[48] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải (Vinītavatthugāthā)

*Câu chuyện con khỉ cái,
và các vị Vajjī,
(trong hình tướng) gia chủ,
lõa thể, và ngoại đạo,
chuyện về đưa bé gái,
Uppalavaṇṇā,
hai trường hợp chuyển tánh,
người mẹ, rồi con gái,
chị (em) gái, người vợ,
lưng đeo, dương vật dài,
vết loét hai trường hợp,
tranh vẽ, và tượng gỗ,
với chuyện Sundara
thành ra năm (trường hợp),
năm chuyện bãi tha ma,
chuyện xương (được thâu nhặt),
rồng cái, dạ-xoa nữ,
ma nữ, người vô căn,
liệt cảm giác, khi đụng,
chuyện vị A-la-hán
ngủ ở Bhaddiya,
bốn chuyện Sāvatti,
Vesāli ba chuyện,
vòng hoa, vị ngủ mơ,
ở Bhārukaccha,
Supabbā, Saddhā,
chuyện vị tỳ khuru ni,
vị ni tu tập sự,*

và vị sa di ni,
gái điếm, người vô căn,
nữ gia chủ, lẫn nhau,
vị lớn tuổi xuất gia,
chuyện nai tơ (cuối cùng).

---o0o---

[49] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã thực hiện điều đôi lứa với con khi cái. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc³⁵ : “*Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội pārajika?*” rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārajika*.

[50] Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khuru Vajjīputtaka cư trú ở Vesālī đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng chúng ta đã phạm tội pārajika?*” rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ khuru, các người đã phạm tội *pārajika*.

[51] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ (nghĩ rằng): “*Như thế này thì ta sẽ không phạm tội*” rồi đã thực hiện việc đôi lứa trong hình tướng gia chủ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārajika*.

[52] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ (nghĩ rằng): “*Như thế này thì ta sẽ không phạm tội,*” sau khi trở nên trần truồng rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārajika*.

[53] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ (nghĩ rằng): “*Như thế này thì ta sẽ không phạm tội,*” sau khi mặc vải sợi cỏ ...(như trên).... sau khi mặc vỏ cây ...(như trên).... sau khi mặc gỗ lát mỏng, sau khi mặc tấm mền bằng tóc, sau

khi mặc cánh chim cú, sau khi mặc da sơn dương rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

[54] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đi khát thực. Khi thấy một đứa bé gái nằm trên ghế, vị ấy đã khởi dục vọng rồi đưa ngón tay cái vào âm vật (của đứa bé gái). Đứa bé gái đã chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika*. Người phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng).

Vào lúc bảy giờ, có người thanh niên *bā-la-môn* nọ đem lòng say đắm tỳ khuru ni *Uppalavaṇṇā*. Khi ấy, lúc tỳ khuru ni *Uppalavaṇṇā* đã đi vào làng để khát thực, thanh niên *bā-la-môn* ấy đã đi vào liêu cốc nắp kín rồi chờ đợi. Khi đi khát thực trở về sau bữa ăn, tỳ khuru ni *Uppalavaṇṇā* đã rửa chân rồi đi vào liêu cốc và ngồi xuống ở trên giường. Khi ấy, người thanh niên *bā-la-môn* ấy đã nhắc bông tỳ khuru ni *Uppalavaṇṇā* lên và làm điều tối bại. Tỳ khuru ni *Uppalavaṇṇā* đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, vị ni không ưng thuận thì vô tội [36](#)

[56] Vào lúc bảy giờ, tướng trạng người nữ (*itthīlingaṃ*) đã xuất hiện ở vị tỳ khuru nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chuyển sang (sinh hoạt) với các tỳ khuru ni (và vẫn giữ nguyên) thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm (thâm niên) ấy. Những tội nào của các tỳ khuru có liên quan đến các tỳ khuru ni, các tội ấy được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các tỳ khuru ni. Những tội nào của các tỳ khuru không có liên quan đến các tỳ khuru ni thì được vô tội với các tội ấy.

Vào lúc bảy giờ, tướng trạng người nam đã xuất hiện ở vị tỳ khuru ni nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, ta cho phép chuyển sang (sinh hoạt) với các tỳ khuru (và vẫn giữ nguyên) thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm (thâm niên) ấy. Những tội nào của các tỳ khuru ni có liên quan đến các tỳ khuru, các tội ấy được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các tỳ khuru. Những tội nào

của các tỳ khuru ni không có liên quan đến các tỳ khuru thì được vô tội với các tội ấy.

[57] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ (nghĩ rằng): “*Như thế này thì ta sẽ không phạm tội*” rồi đã thực hiện việc đôi lừa với người mẹ. ...(như trên)... rồi đã thực hiện việc đôi lừa với con gái. ...(như trên)... rồi đã thực hiện việc đôi lừa với chị (em) gái. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Đây tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã thực hiện việc đôi lừa với người vợ cũ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Đây tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

[58] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ là người có lưng dẹo. Vị ấy bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã dùng miệng ngậm lấy dương vật của mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Đây tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ là người có dương vật dài (*lambī*). Vị ấy bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã đưa dương vật của mình vào đường đại tiện của mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Đây tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

[59] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã nhìn thấy thân người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục 37. Vị ấy (nghĩ rằng): “*Như thế này thì ta sẽ không phạm tội*” rồi đã đưa dương vật vào bộ phận sinh dục rồi rút ra bằng chỗ vết loét. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Đây tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã nhìn thấy thân người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy (nghĩ rằng): “*Như thế này thì ta sẽ không phạm tội*” rồi đã đưa dương vật vào vết loét rồi rút ra từ bộ phận sinh dục. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

[60] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật (của mình) sờ vào vật biểu tượng ở tranh vẽ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *dukkaṭa* (tác ác).

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật (của mình) sờ vào chỗ kín ở tượng gỗ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *dukkaṭa* (tác ác).

[61] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru tên Sundara đã được xuất gia ở thành Rājagaha và (đang) đi trên đường. Có người nữ nọ sau khi nhìn thấy vị ấy đã nói điều này:

- Thưa ngài, xin chờ chốc lát, tôi sẽ đánh lễ.

Trong khi đánh lễ, người nữ ấy đã vén y nội lên rồi dùng miệng ngậm lấy dương vật (của vị ấy). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, có phải người đã ưng thuận?

- Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

- Nay tỳ khuru, vị không ưng thuận thì vô tội.³⁸

[62] Vào lúc bảy giờ, có người nữ nọ sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

- Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ ra sức. Ngài đừng ra sức, như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có người nữ nô sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.
- Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.
- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy ra sức. Tôi sẽ không ra sức, như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ khưu, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có người nữ nô sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.
- Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.
- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở bên trong rồi cho xuất (tinh) ra ở bên ngoài. ...(như trên)... Ngài hãy cạo xát ở bên ngoài rồi cho xuất (tinh) ra ở bên trong, như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ khưu, người đã phạm tội *pārājika*.

[63] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nô sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể chưa bị (thú) ăn và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ khưu, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nô sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể chưa bị (thú) ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ khưu, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể đã bị (thú) ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *thullaccaya* (trọng tội).

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và (dương vật) có va chạm vào miệng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và (dương vật) không có va chạm vào miệng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *dukkaṭa* (tác ác).

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đem lòng say đắm người nữ nọ. Nàng ấy đã từ trần và bị quăng bỏ ở mộ địa. Các khúc xương đã bị phân tán rải rác. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã đi vào bãi tha ma rồi thu nhặt các khúc xương lại và đã đặt dương vật vào chỗ kín. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *dukkaṭa* (tác ác).

[64] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã thực hiện việc đôi lứa với rỗng cái. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã thực hiện việc đôi lứa với dạ-xoa nữ. ...(như trên)...) đã thực hiện việc đôi lứa với ma nữ (*petiyā*). ...(như trên)...) đã thực hiện việc đôi lứa với người vô căn. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

[65] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị liệt cảm giác (*upahatindriyo*). Vị ấy (nghĩ rằng): “*Ta đây không cảm giác được lạc hay khổ, như thế ta sẽ*

không phạm tội” rồi đã thực hiện việc đôi lư. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, kể rõ đại ấy đã phạm tội *pārājika* dầu đã cảm giác hay đã không cảm giác.

[66] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ (nghĩ rằng): “*Ta sẽ thực hiện việc đôi lư với người nữ*” nhưng chỉ mới đụng chạm vị ấy đã hối hận. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng).

[67] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Jāṭiyā ở thành Bhaddiya đã nằm xuống. Các phần cơ thể của vị ấy đã bị cương lên bởi gió. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy), đến khi đạt được mục đích đã bỏ đi. Các vị tỳ khuru nhìn thấy (vị ấy) bị nhảy nhua nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, dương vật trở nên cương cứng do năm lý do: do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bị cắn bởi sâu bọ. Nay các tỳ khuru, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên cương cứng. Nay các tỳ khuru, dương vật của vị tỳ khuru ấy trở nên cương cứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy là vị A-la-hán. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không có phạm tội.

[68] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andha ở thành Sāvatti đã nằm xuống. Có cô chăn bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy). Vị tỳ khuru ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andha ở thành Sāvatti đã nằm xuống. Có cô chăn dê nọ nhìn thấy ...(như trên)... Có cô đi mót củi nọ nhìn thấy ...(như trên)... Có cô đi nhặt phân bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy). Vị tỳ khuru ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

[69] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī đã nằm xuống. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy) và sau khi đạt được mục đích đã đứng cạnh bên rồi cười. Vị tỳ khuru ấy thức giấc đã nói với người nữ ấy điều này:

- Có phải việc làm này là của cô?

- Thưa vâng, việc làm này là của tôi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người có biết không?

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

- Nay tỳ khuru, vị không biết thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy). Vị tỳ khuru ấy đã lập tức đứng dậy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, có phải người đã ưng thuận?

- Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

- Nay tỳ khuru, vị không ưng thuận thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy). Vị tỳ khuru ấy đã đạp (khiến cô ấy) lăn tròn. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, có phải người đã ưng thuận?

- Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

- Nay tỳ khuru, vị không ưng thuận thì vô tội.

[70] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ khi nghỉ ngơi vào ban ngày tại giảng đường Kūṭāgāra ở Mahāvana trong thành Vesālī đã mở cửa lớn rồi nằm xuống. Các phần thân thể của vị ấy đã bị cương lên bởi gió. Vào lúc bảy giờ, có nhiều người nữ mang theo vật thơm và tràng hoa đã đi đến tu viện ngắm nhìn các trú xá. Khi ấy, những người nữ ấy đã nhìn thấy vị tỳ khuru ấy nên đã ngồi lên trên dương vật (của vị ấy), đến khi đạt được mục đích đã nói rằng: “*Đây quả thật là người như bò mộng,*” sau khi để lại vật thơm và tràng hoa rồi đã bỏ đi. Các vị tỳ khuru nhìn thấy (vị ấy) bị nhầy nhựa nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khuru, dương vật trở nên cương cứng do năm lý do: do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bị cắn bởi sâu bọ. Nay các tỳ khuru, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên cương cứng. Nay các tỳ khuru, dương vật của vị tỳ khuru ấy trở nên cương cứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy là vị A-la-hán. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không có phạm tội. Nay các tỳ khuru, đối với vị nghỉ ngơi (paṭisallīyanta) vào ban ngày, ta cho phép nghỉ ngơi sau khi đã đóng cửa lớn lại.

[71] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ khuru nọ người thành phố Bhārukaccha trong lúc đang ngủ (mơ thấy) đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ (nên nghĩ rằng): “*Ta không còn là sa-môn nữa, ta sẽ hoàn tục.*” Trong lúc đi đến thành phố Bhārukaccha, giữa đường đã nhìn thấy đại đức Upālī và đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upālī đã nói như vậy:

- Nay đại đức, trong giấc mơ thì không phạm tội.

[72] Vào lúc bảy giờ, nữ cư sĩ tên Supabbā ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có tri kiến như vậy: “*Người nữ nào cúng dường việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng vật thí tối thượng.*” Sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru, cô ấy đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai bắp vế; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng).

Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Supabbā ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có tri kiến như vậy: “Người nữ nào cúng dường việc đôi lúa thì người nữ ấy dâng vật thí tối thượng.” Sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru, cô ấy đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lúa.

- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở lỗ rún; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở bụng; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở nách; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở cổ; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở lỗ tai; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở bím tóc; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở giữa hai ngón tay; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ đến gần và dùng tay làm (ngài) xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng).

[73] Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Saddhā ở trong thành Sāvatti là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có tri kiến như vậy: “Người nữ nào cúng dường việc đôi lúa thì người nữ ấy dâng vật thí tối thượng.” Sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru, cô ấy đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lúa.

- Nay chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở giữa hai bắp vế; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng).

[74] Vào lúc bảy giờ, nữ cư sĩ tên Saddhā ở trong thành Sāvatti có đức tin mù quáng. Cô ấy có tri kiến như vậy: “Người nữ nào cúng dường việc đôi lúa thì người nữ ấy dâng vật thí tối thượng.” Sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru, cô ấy đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lúa.

- Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở lỗ rún; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở bụng; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở nách; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở cổ; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở lỗ tai; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở bím tóc; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cạo xát ở giữa hai ngón tay; ...(như trên)... Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ đến gần và dùng tay làm (ngài) xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị tỳ khuru ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ khuru, người không phạm tội *pārājika* mà phạm tội *saṅghādisesa* (tăng tàng).

[75] Vào lúc bảy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị tỳ khuru rồi buộc phải phạm giới với vị tỳ khuru ni. Cả hai đã ưng thuận, cả hai nên bị trục xuất. Cả hai đã không ưng thuận, cả hai đều vô tội.

Vào lúc bảy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị tỳ khuru rồi buộc phải phạm giới với cô ni tu tập sự. ...(như trên)... rồi buộc phải phạm giới với vị sa di ni. Cả hai đã ưng thuận cả hai nên bị trục xuất. Cả hai đã không ưng thuận, cả hai đều vô tội.

[76] Vào lúc bảy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị tỳ khuru rồi buộc phải phạm giới với gái điếm. ...(như trên)... rồi buộc phải phạm giới với người vô căn. ...(như trên)... rồi buộc phải phạm giới với nữ gia chủ. Vị tỳ khuru đã ưng thuận, vị tỳ khuru nên bị trục xuất. Vị tỳ khuru đã không ưng thuận, vị tỳ khuru vô tội.

Vào lúc bảy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị tỳ khuru rồi buộc phải phạm giới lẫn nhau. Cả hai đã ưng thuận, cả hai nên bị trục xuất. Cả hai đã không ưng thuận, cả hai đều vô tội.

[77] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ xuất gia lúc tuổi đã lớn. Vị ấy đã đi gặp người vợ cũ. Cô ấy đã níu giữ lại (nói rằng):

- Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy hoàn tục.

Vị tỳ khuru ấy trong lúc bước lui đã té ngựa ra. Cô ấy đã giở (y) lên rồi ngồi lên trên dương vật (của vị ấy). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ khuru, có phải người đã ưng thuận?

- Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

- Này tỳ khuru, vị không ưng thuận thì vô tội.

[78] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ ngụ ở trong rừng. Có con nai tơ đã đi đến chỗ tiểu tiện của vị ấy. Trong lúc đang uống nước tiểu, nó đã dùng miệng ngậm lấy dương vật (của vị ấy). Vị tỳ khuru ấy đã ưng thuận. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ khuru, người đã phạm tội *pārājika*.

Dứt điều *pārājika* thứ nhất.

---o0o---

II. Chương *Pārājika* thứ nhì (*Dutiyapārājikakaṇḍam*): Tội trộm cắp

01. Tụng phẩm thứ nhất

---o0o---

[79] Câu chuyện về tỳ-khuru Dhaniya con trai người thợ gốm

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Rājagaha (Vương Xá), ở núi Gijjhakūṭa (Linh Thú sơn). Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo thân thiết đồng quan điểm đã dựng lên ở sườn núi Isigili những túp lều bằng cỏ rồi vào mùa (an cư) mưa. Đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm cũng đã dựng lên túp lều bằng cỏ và vào mùa (an cư) mưa. Rồi khi đã sống qua ba tháng mùa mưa, các vị tỳ-kheo ấy đã tháo gỡ các túp lều cỏ, thu xếp cỏ và gỗ lại, rồi ra đi du hành trong xứ sở. Còn đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã cư trú mùa mưa ở chính nơi ấy, mùa lạnh ở nơi ấy, và mùa nóng ở nơi ấy. Rồi trong lúc đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đi vào làng để

khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ, rồi (mang) đi.

Đến lần thứ nhì, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Và lần thứ nhì, trong lúc đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ, rồi (mang) đi.

Đến lần thứ ba, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Và lần thứ ba, trong lúc đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ, rồi (mang) đi.

Khi ấy, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã khởi ý điều này: *“Quả thật đã đến lần thứ ba, trong lúc ta đi vào làng để khát thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ, rồi (mang) đi. Và lại, ta đã khéo học tập nghề làm đồ gốm với thầy ta, không sai sót, và có tay nghề thiện xảo; hay là ta nên đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều hoàn toàn bằng đất sét?”* Sau đó, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều hoàn toàn bằng đất sét, rồi đã thu nhặt cỏ, củi, phân bò khô, và nung chín túp lều ấy. Túp lều ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến. Giống như tiếng vang của cái chuông nhỏ, âm thanh của túp lều ấy cũng tương tự như thế.

Rồi sau đó, đức Thế Tôn trong lúc đi xuống từ núi Gijjhakūṭa cùng với nhiều vị tỳ-kheo đã nhìn thấy túp lều đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến ấy. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, cái vật đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến kia là vật gì vậy?

Khi ấy, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỳ-kheo, kẻ rò đại ấy thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các tỳ-kheo, vì sao kẻ rò đại ấy lại đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều hoàn toàn bằng đất sét? Này các tỳ-kheo, kẻ rò đại ấy quả không có sự quan tâm, không có lòng thương xót, không có tâm vô hại đối với các sanh mạng! Này các tỳ-kheo, hãy đi và phá vỡ túp lều ấy. Chớ để

loài người sau này (theo gương đó) gây nên việc giết hại các sanh mạng. Nay các tỳ-kheo, không nên thực hiện cốc liêu hoàn toàn bằng đất sét; vị nào thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata).

- Bạch ngài, xin vâng.

Các vị tỳ-kheo ấy sau khi đáp lời đức Thế Tôn đã đi đến túp lều ấy, sau khi đến đã phá vỡ túp lều ấy. Khi ấy, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã nói với các tỳ-kheo ấy điều này:

- Nay các đại đức, vì sao các vị phá vỡ túp lều của tôi vậy?

- Nay đại đức, đức Thế Tôn bảo phá vỡ.

- Nay các đại đức, nếu bậc Pháp chủ bảo phá vỡ thì hãy phá vỡ đi.

[80] Sau đó, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã khởi ý rằng: *“Quả thật đã đến lần thứ ba, trong lúc ta đi vào làng để khát thực, những cô cát cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ, rồi (mang) đi. Ngay cả túp lều hoàn toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Có viên quản lý kho gỗ là người đồng đạo với ta; hay là ta nên yêu cầu viên quản lý kho gỗ các cây gỗ rồi tạo nên một túp lều bằng gỗ?”*Sau đó, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã đi đến gặp viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

- Nay đạo hữu, quả thật đã đến lần thứ ba, trong lúc ta đi vào làng để khát thực, những cô cát cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ, rồi (mang) đi. Ngay cả túp lều hoàn toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Nay đạo hữu, hãy cho ta các cây gỗ; ta muốn thực hiện túp lều bằng gỗ.

- Thưa ngài, các cây gỗ mà tôi có thể dâng ngài thì các loại như thế không có. Thưa ngài, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng phòng lúc hữu sự. Nếu đức vua bảo cho các thứ ấy thì ngài hãy cho người mang đi.

- Nay đạo hữu, (các thứ ấy) đã được đức vua cho rồi.

Khi ấy, viên quản lý kho gỗ (nghĩ rằng): *“Các sa-môn Thích tử này quả thật là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp, ngay cả đức*

vua cũng tịnh tín những vị này; không thể nào (họ) lại nói: ‘Đã được cho!’ về vật chưa được cho,” nên đã nói với đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm điều này:

- Thưa ngài, hãy cho người mang đi.

Sau đó, đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm đã cho người cắt xẻ các cây gỗ ấy thành từng miếng, cho chuyển đi bằng các xe tải, rồi đã thực hiện tấp lều bằng gỗ.

[81] Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra là quan đại thần xứ Magadha trong lúc đi thanh tra các công việc trong thành Rājagaha đã đi đến gặp viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

- Này khanh, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng phòng lúc hữu sự, những cây gỗ ấy đâu rồi?

- Thưa quan lớn, những cây gỗ ấy đã được đức vua cho đến ngài Dhaniya con trai người thợ gốm rồi.

Khi ấy, Bà-la-môn Vassakāra quan đại thần xứ Magadha trở nên không hoan hỷ (nghĩ rằng): *“Vì sao đức vua lại cho Dhaniya con trai người thợ gốm những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng phòng lúc hữu sự?”* Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

- Nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng phòng lúc hữu sự đã được bệ hạ cho đến Dhaniya con trai người thợ gốm, có đúng không vậy?

- Ai đã nói như thế?

- Tâu bệ hạ, viên quản lý kho gỗ.

- Này Bà-la-môn, nếu thế thì hãy truyền lệnh gọi viên quản lý kho gỗ.

Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra quan đại thần xứ Magadha đã truyền lệnh trối viên quản lý kho gỗ.

[82] Đại đức Dhaniya con trai người thợ gổm đã nhìn thấy viên quản lý kho gổ bị trói lại và đang bị dẫn đi, sau khi nhìn thấy, đã nói với viên quản lý kho gổ điều này:

- Này đạo hữu, vì sao người bị trói lại và bị dẫn đi vậy?
- Thưa ngài, vì sự việc của những cây gổ ấy.
- Này đạo hữu, người cứ đi. Ta cũng đi nữa.
- Thưa ngài, ngài nên đến trước khi tôi bị giết chết.

Sau đó, đại đức Dhaniya con trai người thợ gổm đã đi đến hậu cung của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đại đức Dhaniya con trai người thợ gổm, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Dhaniya con trai người thợ gổm rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đại đức Dhaniya con trai người thợ gổm điều này:

- Thưa ngài, nghe nói những cây gổ thuộc quốc khô là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng phòng lúc hữu sự đã được trảm cho đến ngài, có đúng không vậy?

- Tâu đại vương, đúng vậy.

- Thưa ngài, chúng tôi là những vị vua có nhiều phận sự, có nhiều việc phải làm, sau khi đã cho không thể nhớ được. Thưa ngài, giờ xin hãy nhắc lại.

- Tâu đại vương, ngài có nhớ khi được phong vương lần thứ nhất ngài tuyên bố lời như vậy: *“Cỏ, gổ, và nước đã được dâng đến các sa-môn và Bà-la-môn, hãy để cho các vị sử dụng.”*

- Thưa ngài, trẫm đã nhớ rồi. Thưa ngài, có những sa-môn và Bà-la-môn khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy có sự hồi hận cho dù chỉ là các sự việc nhỏ nhặt, và vật đã được trảm nói có liên quan đến các vị ấy là vật vô chủ ở trong rừng. Thưa ngài, chính ngài đã suy nghĩ dùng mưu mẹo ấy để lấy vật chưa được cho là các cây gổ. Làm sao trẫm đây có thể hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất vị sa-môn hay vị Bà-la-môn

được? Thưa ngài, hãy đi đi. Ngài được tự do nhờ hình tướng và chớ có tái phạm việc như vậy nữa!

---o0o---

[83] Sự quy định lần thứ nhất

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này giả vờ là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn, Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này còn đánh lừa ngay cả các đức vua, thì đâu còn gì nữa đối với những người khác?

Các tỳ-kheo đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm rằng:

- Này Dhaniya, nghe nói người lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, vì sao người lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,

hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, này kẻ rò dại, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần nợ trước kia là vị xử án đã xuất gia nơi các vị tỷ-kheo đang ngồi cách đức Thế Tôn không xa. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị tỷ-kheo ấy điều này:

- Này tỷ-kheo, với mức bao nhiêu thì đức vua Seniya Bimbisāra xử Magadha (sẽ) hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất kẻ trộm cắp sau khi bắt được?

- Bạch Thế Tôn, với một pāda, hoặc tương đương một pāda, hoặc hơn một pāda.

Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, năm māsaka thì bằng một pāda 39. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách đại đức Dhaniya con trai người thợ gốm bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(như trên)... Sau khi ngợi khen về sự ra sức nỗ lực, ngài đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỷ-kheo rồi đã bảo các tỷ-kheo rằng:

- ...(như trên)... Và này các tỷ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo nào lấy vật không được cho theo lối trộm cắp; tương tự như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có thể hành hạ, hoặc có thể giam giữ, hoặc có thể trục xuất (phán rằng): ‘Người là kẻ trộm, người là kẻ ngu, người là kẻ khờ, người là kẻ cướp;’ cũng tương tự như thế, vị tỷ-kheo khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội pārājika, không được cộng trú.*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỷ-kheo như thế.

---o0o---

[84] Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm mang về tu viện chia nhau. Các tỷ-kheo đã nói như vậy:

- Này các đại đức, các vị thật là đại phước! Các vị đã phát sanh được nhiều y.

- Này các đại đức, do đâu mà chúng tôi có phước? Hôm nay, chúng tôi đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm.

- Này các đại đức, không phải điều học đã được đức Thế Tôn quy định hay sao? Này các đại đức, tại sao các người lại lấy trộm gói đồ nhuộm?

- Này các đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là ở trong làng, không phải ở trong rừng.

- Này các đại đức, điều ấy không phải là như thế hay sao? Này các đại đức, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các đại đức, vì sao các đại đức lại lấy trộm gói đồ nhuộm? Này các đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, này các đại đức, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Rồi sau khi khiển trách các tỳ-kheo nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo nhóm Lục Sư rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các người đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này những kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rò dại, vì sao các người lại đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm? Này những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ-kheo nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(như trên)... Sau khi ngợi khen về sự ra sức nỗ lực, ngài đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ-kheo rồi đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào lấy vật không được cho từ làng hoặc từ rừng theo lối trộm cắp; tương tự như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có thể hành hạ, hoặc có thể giam giữ, hoặc có thể trục xuất (phán rằng): ‘Người là kẻ trộm, người là kẻ ngu, người là kẻ khờ, người là kẻ cướp;’ cũng tương tự như thế, vị tỳ-kheo khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú.*”

---o0o---

[85] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ nhì

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)... Vị ấy được gọi là “*vị nào.*”

Tỳ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỳ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Làng nghĩa là một túp lều cũng là làng. Hai túp lều cũng là làng. Ba túp lều cũng là làng. Bốn túp lều cũng là làng. Làng có người. Làng không có người. Làng được rào lại. Làng không được rào lại. Làng được thiết lập theo từng cụm nhà. Thậm chí chiếc xe tải của thương buôn dừng lại trên bốn tháng cũng được gọi là làng.

Vùng ven làng nghĩa là tính đến chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam (có sức mạnh) hạng trung đứng ở bực cổng của ngôi làng được rào lại, (hoặc) tính đến chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam (có sức mạnh) hạng trung đứng ở vùng biên của các ngôi nhà thuộc làng không được rào lại.

Rừng nghĩa là trừ đi làng và vùng ven làng, phần còn lại gọi là rừng.

Vật không được cho nghĩa là vật nào chưa được cho, chưa được trao, chưa được dứt bỏ, được bảo vệ, được canh giữ, có sở hữu chủ, được quản lý bởi người khác; vật ấy là vật không được cho.

Theo lối trộm cắp: có tâm trộm cắp, có tâm lấy trộm.

[86] **Lấy đi:** vị lấy đi, vị mang đi, vị lấy trộm, vị làm thay đổi tư thế, vị làm di chuyển khỏi vị trí, vị chờ đến giờ hẹn.

[87] **Có hình thức như thế** nghĩa là một pāda, hoặc tương đương một pāda, hoặc hơn một pāda.

Các vị vua nghĩa là các vị vua (cai trị) toàn trái đất, các vị vua của một xứ, các vị vua của một vùng, các vị trưởng bộ tộc, các quan xử án, các quan đại thần, hoặc các vị nào điều khiển việc gia hình thì gọi là các vị vua.

Kẻ trộm nghĩa là kẻ nào lấy đi theo lối trộm cắp vật không được cho trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka; kẻ ấy gọi là kẻ trộm.

(Hoặc) có thể hành hạ: Họ có thể hành hạ bằng tay, bằng chân, bằng roi, bằng gậy, bằng đui cui, hoặc bằng cách làm cho tàn phế.

Hoặc có thể giam giữ: Họ có thể giam giữ theo cách trói bằng dây thừng, theo cách trói bằng xiềng xích, theo cách trói bằng cùm, bằng cách giam trong nhà ngục, bằng cách giữ trong thành phố, bằng cách giữ trong làng, bằng cách giữ trong thị trấn, hoặc họ có thể thực hiện việc cho người canh gác.

Hoặc có thể trục xuất: Họ có thể trục xuất ra khỏi làng, ra khỏi thị trấn, ra khỏi thành phố, ra khỏi khu vực, ra khỏi xứ sở.

Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướp: Điều này là sự quở trách.

[88] **Có hình thức như thế** nghĩa là một pāda, hoặc tương đương một pāda, hoặc hơn một pāda.

Khi lấy: trong khi lấy đi, trong khi mang đi, trong khi lấy trộm, trong khi làm thay đổi tư thế, trong khi làm cho rời khỏi vị trí, trong khi đang chờ đến giờ hẹn.

[89] **Vị này cũng:** là liên quan đến vị trước đây đã được đề cập.

Là vị phạm tội pārājika: cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể xanh trở lại; tương tự như thế, vị tỳ-kheo lấy đi theo lối trộm cắp vật không được cho có giá trị một pāda hoặc hơn một pāda thì không phải là sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là “*vị phạm tội pārājika.*”

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “*không được cộng trú.*”

---o0o---

[90] Các tiêu đề của sự phân tích

Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất, vật ở trong nước, vật ở trên chiếc thuyền, vật ở trong xe, vật là gói hàng, vật ở trong vườn, vật ở trong trú xá, vật ở trong ruộng, vật ở trong khu đất, vật ở trong làng, vật ở trong rừng, nước, tấm xia răng, cây rừng, vật được mang đi, vật được ký gởi, trạm thuế, sinh mạng, loài không chân, loài hai chân, loài bốn chân, loài nhiều chân, người theo dõi, người bảo vệ vật ký gởi, lầy trộm theo kế hoạch, hành động theo giờ hẹn, hành động theo dấu hiệu.

---o0o---

[91] Các trường hợp phạm tội

Vật ở trong đất nghĩa là vật được chôn ở trong lòng đất, đã được phủ kín. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong đất,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai, hoặc tìm kiếm cái thuổng hay cái giỏ, hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) chặt cây hoặc dây leo mọc ở nơi ấy thì phạm tội tác ác (dukkata) 40; (nếu) đào đất, hoặc xắn ra, hoặc lấy lên thì phạm tội tác ác (dukkata); 41 (nếu) sờ vào cái hũ thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, sau khi đưa vật đựng của mình vào trong (hũ) 42, (nếu) sờ vào vật có giá trị năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) bỏ vào trong vật đựng của mình hoặc bốc lên một nắm tay thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào vật làm theo dạng sợi: hoặc là dây thắt lưng, hoặc là dây chuyền cổ, hoặc là dây chuyền ở hông, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) nắm vào chóp (của một vật

nào) rồi nâng lên thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) chà xát rồi bỏ xuống thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) đưa ra khỏi miệng hũ cho dù chỉ một khoảng cách mảnh như sợi tóc thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, trong một lần (nếu) uống bơ lỏng (sappi), hay dầu ăn, hay mật ong, hay nước mía trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội pārājika. Ngay tại chỗ đó, (nếu) đập bể, hoặc đổ bỏ, hoặc đốt đi, hoặc làm cho không còn sử dụng được nữa thì phạm tội tác ác (dukkata).

[92] **Vật ở trên đất** nghĩa là vật được đặt ở trên mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trên mặt đất,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[93] **Vật ở trên không** nghĩa là vật di chuyển ở trên không, hoặc là chim công, hoặc là chim đa đa, hoặc là gà gô, hoặc là chim cun cút, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, hoặc là nữ trang, hoặc là vàng bị bể ra và rơi xuống. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trên không,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm gián đoạn sự di chuyển thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[94] **Vật ở cách mặt đất** 43 nghĩa là vật được đặt ở trên không (cách khoảng với mặt đất) hoặc là ở trên giường, hoặc là ở trên ghế, hoặc là ở sào máng y, hoặc là ở dây treo y, hoặc là ở chột đỉnh đóng ở tường, hoặc là ở cái móc ngà voi, hoặc là được treo trên cây, thậm chí chỉ ở trên vật kê bình bát. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở cách mặt đất,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[95] **Vật ở trong nước** nghĩa là vật được đặt ở trong nước. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong nước,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) lặn xuống hoặc nổi lên thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào hoặc là đóa sen xanh, hoặc là đóa sen hồng, hoặc là đóa sen trắng, hoặc là ngó sen mọc ở nơi ấy, hoặc là cá, hoặc là rùa trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[96] **Thuyền** nghĩa là (người ta) vượt qua (hồ, sông, biển, v.v...) bằng vật ấy. Vật ở trên chiếc thuyền nghĩa là vật được đặt ở trên thuyền. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trên chiếc thuyền,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm chiếc thuyền,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) tháo dây buộc thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); sau khi tháo dây buộc, (nếu) vị ấy sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển tới, hoặc lui, hoặc ngang, cho dù chỉ một khoảng cách mảnh như sợi tóc thì phạm tội pārājika.

[97] **Xe** nghĩa là xe có mui, xe kéo hai bánh, xe tải hàng, xe ngựa kéo. Vật ở trong xe nghĩa là vật được đặt ở trong xe. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong xe,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm chiếc xe,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[98] **Gói hàng** nghĩa là gói hàng ở trên đầu, gói hàng ở vai, gói hàng ở hông, vật được đeo. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào gói hàng ở trên đầu thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) đưa xuống vai thì phạm tội pārājika. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào gói hàng ở trên vai thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) đưa xuống hông thì phạm tội

pārājika. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào gói hàng ở hông thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) cầm bằng tay thì phạm tội pārājika. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) đặt gói hàng ở tay xuống mặt đất thì phạm tội pārājika. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) nhấc lên khỏi mặt đất thì phạm tội pārājika.

[99] **Vườn** nghĩa là vườn hoa, vườn trái cây. Vật ở trong vườn nghĩa là vật được để ở bốn nơi trong vườn: vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong vườn,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào hoặc là rễ cây mọc ở nơi ấy, hoặc là vỏ cây, hoặc là lá cây, hoặc là bông hoa, hoặc là trái cây trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị kiện cáo về quyền sở hữu (abhiyujati) khu vườn thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc (về quyền sở hữu) thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) người chủ buông bỏ trách nhiệm: “*(Khu vườn) sẽ không còn là của tôi nữa!*” thì phạm tội pārājika.

[100] **Vật ở trong trú xá** nghĩa là vật được để ở bốn nơi trong trú xá: vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong trú xá,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị kiện cáo về quyền sở hữu trú xá thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc (về quyền sở hữu) thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) người chủ buông bỏ trách nhiệm: “*(Trú xá) sẽ không còn là của tôi nữa!*” thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý (dhammaṃ caranto), nếu vị ấy thắng người chủ thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, (nếu) thua thì phạm trọng tội (thullaccaya).

[101] **Ruộng** nghĩa là nơi sản xuất thóc lúa và rau xanh. Vật ở trong ruộng nghĩa là vật được để ở bốn nơi trong ruộng: vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong ruộng,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào thóc lúa hoặc là rau xanh trồng ở nơi ấy trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị kiện cáo về quyền sở hữu mảnh ruộng thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc (về quyền sở hữu) thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) người chủ buông bỏ trách nhiệm: “*(Mảnh ruộng) sẽ không còn là của tôi nữa!*” thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, nếu vị ấy thắng người chủ thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, (nếu) thua thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Vị di chuyển cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc ranh giới thì phạm tội tác ác (dukkata); khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm trọng tội (thullaccaya); khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội pārājika.

[102] **Khu đất** nghĩa là khu đất vườn, khu đất trú xá. Vật ở trong khu đất nghĩa là vật được để ở bốn nơi trong khu đất: vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong khu đất,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị kiện cáo về quyền sở hữu mảnh ruộng thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc (về quyền sở hữu) thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) người chủ buông bỏ trách nhiệm: “*(Khu đất) sẽ không còn là của tôi nữa!*” thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, nếu vị ấy thắng người chủ thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, (nếu) thua thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Vị di chuyển cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc tường thành thì phạm tội tác ác (dukkata); khi phân việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm trọng tội (thullaccaya); khi phân việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội pārājika.

[103] **Vật ở trong làng** nghĩa là vật được để ở bốn nơi trong làng: vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong làng,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[104] **Rừng** nghĩa là nơi nào có được sự quản lý của con người, nơi ấy tức là rừng. Vật ở trong rừng nghĩa là vật được để ở bốn nơi trong rừng: vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở cách mặt đất. Vị có ý định trộm cắp: “*Ta sẽ lấy trộm vật ở trong rừng,*” (nếu) kiếm thêm người thứ hai hoặc đi (một mình) thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào hoặc là cây gỗ, hoặc là dây leo, hoặc là cỏ mọc ở nơi ấy trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[105] **Nước** nghĩa là nước đã được đưa vào trong chậu, hoặc ở trong là hồ chứa, hoặc ở trong đập ngăn. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

Sau khi đưa chậu của mình vào, vị có ý định trộm cắp (nếu) sờ vào số nước trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho (nước) vào hẳn trong chậu của mình thì phạm tội pārājika.

Vị phá vỡ tường thành thì phạm tội tác ác (dukkata); sau khi phá vỡ tường thành, (nếu) cho thoát ra lượng nước trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội pārājika; (nếu) cho thoát ra lượng nước trị giá hơn một māsaka hoặc kém năm māsaka thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu)

cho thoát ra lượng nước trị giá một māsaka hoặc kém một māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[106] **Tầm xỉa răng** nghĩa là đã được cắt hoặc chưa được cắt. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào vật trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho rời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[107] **Cây rùng** nghĩa là cây gỗ có sự hữu dụng được con người quản lý. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) (dùng dao) chặt, thì phạm tội tác ác (dukkaṭa) theo mỗi nhát dao; khi nhát dao cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm trọng tội (thullaccaya); khi nhát dao cuối cùng đã hoàn tất thì phạm tội pārājika.

[108] **Vật được mang đi** nghĩa là vật thuộc về người khác đang được mang đi. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho rời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ dẫn đi người khuân vác cùng với vật,*” (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội pārājika.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ nhặt lấy vật bị rơi,*” (nếu) làm cho (vật) rơi xuống thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào vật bị rơi xuống trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho rời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[109] **Vật ký gởi** nghĩa là vật được ủy thác. Khi được nói rằng: “*Cho tôi vật (đã ký gởi),*” (nếu) trả lời: “*Tôi không có giữ*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc (về việc ký gởi) thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) người chủ buông bỏ vấn đề: “*Người này sẽ không trao cho ta!*” thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, nếu vị ấy thắng người chủ thì phạm tội pārājika. Trong khi thực thi công lý, (nếu) thua thì phạm trọng tội (thullaccaya).

[110] **Trạm thuế** nghĩa là ở khe núi, hoặc ở bến đò, hoặc ở cổng làng đức vua đã quy định rằng: “*Nơi đây người đi vào phải đóng thuế.*” Sau khi đi vào nơi đó, vị có ý định trộm cắp (nếu) sờ vào vật có thuế phải đóng trị

giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) vượt qua khỏi trạm thuế bước thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội pārājika. Vị đứng ở giữa trạm thuế và ném ra khỏi trạm thuế thì phạm tội pārājika. Vị mang theo vật chịu thuế thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[111] **Sinh mạng** nghĩa là sinh mạng con người được đề cập đến. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ dẫn đi từng bước,*” (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội pārājika.

[112] **Loài không chân** nghĩa là loài rắn, loài cá. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào (loài không chân) trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[113] **Loài hai chân** nghĩa là loài người, loài có cánh 44. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào (loài hai chân) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ dẫn đi từng bước,*” (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội pārājika.

[114] **Loài bốn chân** nghĩa là loài voi, loài ngựa, loài lạc đà, loài bò, loài lừa, loài gia súc. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào (loài bốn chân) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ dẫn đi từng bước,*” (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân thứ ba thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân thứ tư thì phạm tội pārājika.

[115] **Loài nhiều chân** nghĩa là loài bò cạp, loài rết (trăm chân), loài sâu róm. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào (loài nhiều chân) trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dờn khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

(Nghĩ rằng): “*Ta sẽ dẫn đi từng bước,*” (nếu) làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển cứ mỗi bước chân thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm di chuyển bước chân cuối cùng thì phạm tội pārājika.

[116] **Người theo dõi** nghĩa là sau khi theo dõi vật dụng vị ấy nói rằng: “*Hãy lấy trộm vật dụng tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). (Nếu) vị kia lấy trộm vật dụng ấy thì cả hai phạm tội pārājika.

[117] **Người bảo vệ vật ký gởi** nghĩa là gìn giữ vật đã được mang đến. Vị có ý định trộm cắp, (nếu) sờ vào (vật ký gởi) trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dờn khỏi vị trí thì phạm tội pārājika.

[118] **Lấy trộm theo kế hoạch** nghĩa là sau khi nhiều vị bàn thảo rồi một vị lấy trộm đồ vật thì tất cả đều phạm tội pārājika.

[119] **Hành động theo giờ hẹn** nghĩa là quy định giờ hẹn hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày. (nếu) (bảo rằng): “*Hãy lấy trộm vật ấy vào giờ hẹn ấy*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) vị kia lấy trộm đồ vật ấy vào giờ hẹn ấy thì cả hai phạm tội pārājika; (nếu) vị kia lấy trộm đồ vật ấy trước hay sau giờ hẹn ấy thì vị khởi xướng vô tội còn vị lấy trộm phạm tội pārājika.

[120] **Hành động theo dấu hiệu** nghĩa là vị ấy làm dấu hiệu (bảo rằng): “*Tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhúng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, người hãy lấy trộm vật ấy theo dấu hiệu ấy*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) vị kia lấy trộm đồ vật ấy theo dấu hiệu ấy thì cả hai phạm tội pārājika; (nếu) vị kia lấy trộm vật dụng ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội còn vị lấy trộm thì phạm tội pārājika.

[121] Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkaṭa). Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội pārājika. Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy*

trộm vật tên như vậy” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật khác thì vị khởi xướng vô tội còn vị lấy trộm phạm tội pārājika. Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội pārājika. Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật khác thì vị khởi xướng vô tội còn vị lấy trộm phạm tội pārājika.

Vị tỷ-kheo (A) 45 chỉ thị vị tỷ-kheo (B) rằng: “*Hãy bảo vị tên (C) rằng: Vị tên (C) hãy nói với vị tên (D) rằng: ‘Vị tên (D) hãy lấy trộm vật tên như vậy’*” thì vị ấy (A) phạm tội tác ác (dukkata). Vị (nào) nói cho vị khác thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị lấy trộm (D) đồng ý thì vị khởi xướng (A) phạm trọng tội (thullaccaya); vị ấy (D) lấy trộm vật ấy thì tất cả đều phạm tội pārājika. Vị tỷ-kheo (A) chỉ thị vị tỷ-kheo (B) rằng: “*Hãy bảo vị tên (C) rằng: Vị tên (C) hãy nói với vị tên (D) rằng: ‘Vị tên (D) hãy lấy trộm vật tên như vậy’*” thì vị ấy (A) phạm tội tác ác (dukkata). Vị ấy (B) chỉ thị vị khác (D) thì vị ấy (B) phạm tội tác ác (dukkata). Vị lấy trộm (D) đồng ý thì vị ấy (D) phạm tội tác ác (dukkata); vị ấy (D) lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng (A) vô tội, vị truyền chỉ thị (B) và vị lấy trộm (D) phạm tội pārājika.

Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia đi rồi quay trở lại (nói rằng): “*Tôi không thể lấy trộm vật ấy.*” Vị ấy lại chỉ thị thêm: “*Khi nào người có thể thì khi ấy người hãy lấy trộm vật ấy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội pārājika.

Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: “*Chớ có lấy trộm.*” Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội pārājika. Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “*Chớ có lấy trộm.*” Vị kia (đáp lại rằng): “*Tôi đã được ngài chỉ thị*” rồi lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội pārājika. Vị tỷ-kheo chỉ thị vị tỷ-kheo rằng: “*Hãy lấy trộm vật tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “*Chớ có lấy trộm.*” Vị kia (đáp lại rằng): “*Tốt thôi*” rồi ngưng lại thì cả hai vô tội.

[122] Các yếu tố phạm tội

Vị lấy vật không được cho phạm tội pārajika với năm yếu tố: là vật thuộc về người khác, biết vật thuộc về người khác, là vật dụng quan trọng trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārajika.

Vị lấy vật không được cho phạm trọng tội (thullaccaya) với năm yếu tố: là vật thuộc về người khác, biết vật thuộc về người khác, là vật dụng tầm thường trị giá hơn một māsaka hoặc kém năm māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Vị lấy vật không được cho phạm tội tác ác (dukkaṭa) với năm yếu tố: là vật thuộc về người khác, biết vật thuộc về người khác, là vật dụng tầm thường trị giá một māsaka hoặc kém một māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[123] Vị lấy vật không được cho phạm tội pārajika với sáu yếu tố: biết vật không thuộc về mình, lấy không phải do sự thân thiết, không phải (mượn) trong thời hạn, là vật dụng quan trọng trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm trọng tội (thullaccaya); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm tội pārajika.

Vị lấy vật không được cho phạm trọng tội (thullaccaya) với sáu yếu tố: biết vật không thuộc về mình, lấy không phải do sự thân thiết, không phải (mượn) trong thời hạn, là vật dụng tầm thường trị giá hơn một māsaka hoặc kém năm māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm lay động thì phạm tội tác ác (dukkaṭa); (nếu) làm cho dời khỏi vị trí thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Vị lấy vật không được cho phạm trọng tội (thullaccaya) với sáu yếu tố: biết vật không thuộc về mình, lấy không phải do sự thân thiết, không phải (mượn) trong thời hạn, là vật dụng tầm thường trị giá một māsaka hoặc kém một māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác

(dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội tác ác (dukkata).

[124] Vị lấy vật không được cho phạm tội tác ác (dukkata) với năm yếu tố: là vật không thuộc về người khác, nghĩ là vật thuộc về người khác, là vật dụng quan trọng trị giá năm māsaka hoặc hơn năm māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị lấy vật không được cho phạm tội tác ác (dukkata) với năm yếu tố: là vật không thuộc về người khác, nghĩ là vật thuộc về người khác, là vật dụng tầm thường trị giá hơn một māsaka hoặc kém năm māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị lấy vật không được cho phạm tội tác ác (dukkata) với năm yếu tố: là vật không thuộc về người khác, nghĩ là vật thuộc về người khác, là vật dụng tầm thường trị giá một māsaka hoặc kém một māsaka, ý định trộm cắp có hiện diện. (nếu) sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm lay động thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) làm cho dòi khỏi vị trí thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[125] Các trường hợp không phạm tội

Tướng là của mình, trong khi lấy do sự thân thiết, (mượn) trong thời hạn, thuộc về người chết (peta), thuộc về loài thú, nghĩ là vật bị quăng bỏ (paṃsukūla), vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt Tụng phẩm thứ nhất thuộc phần “Trộm cắp.”

---o0o---

02. Tụng phẩm thứ nhì

[126] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

Về những người thợ nhuộm
năm chuyện được đề cập,
bốn chuyện tám vải choàng,
năm chuyện về ban đêm,
năm chuyện vị mang vác,
đáp thuận theo câu nói
năm chuyện được kể lại,
hai chuyện khác về gió,
ở thi thể chưa hoại,
rút thăm cỏ kusa,
chuyện nhà tắm thứ mười,
vật thú ăn thừa lại
năm chuyện được nói đến,
vị không có hiện diện
cũng đề cập năm chuyện,
lúc khó khăn vật thực
com, thịt, và bánh nướng,
bánh ngọt, và thịt ngọt,
vật dụng, cùng túi xách,
tắm nệm, sào máng y,
vị đã không đi ra,
được ăn do thân thiết,
tường của mình hai chuyện,
“Chúng tôi không lấy trộm”
như thế có bảy chuyện,
và lấy trộm bảy chuyện,
của hội chúng bảy chuyện,
hai chuyện khác về hoa,
nhân danh người khác nói
có ba chuyện cả thấy,
đem qua ba viên ngọc,
heo rừng, nai, và cá,
di chuyển cả chiếc xe,
chim tha đi hai chuyện,
các khúc gỗ hai chuyện,
vải paṃsukūla,

*nước cuốn trôi hai chuyện,
từng chút, sự phân công,
chuyện khác chưa đủ số,
ở thành Sāvatti
đây nắm tay bốn chuyện,
phần còn thừa hai chuyện,
có hai chuyện về cỏ,
trái cây thuộc hội chúng
chia phần có bảy chuyện,
không phép chủ bảy chuyện,
gỗ, nước, và đất sét,
và hai chuyện về cỏ,
vị lấy trộm chiếc giường, v.v...
của hội chúng bảy chuyện,
và vật có chủ nhân
cũng không nên di chuyển,
chỉ tạm thời mang đi
vật có chủ thì được,
Campā, và Vương Xá,
và ngài Ajjuka
ở thành Vesālī,
chuyện Bārāṇasī,
và ở Kosambī,
và vị Daḥhika
ở thành Sāgalā.*

---o0o---

[127] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bảy giờ, các vị tỷ-kheo nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng chúng ta đã phạm tội pārajika?*” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, các người đã phạm tội pārajika.

[128] Vào lúc bảy giờ, có vị tỷ-kheo nọ đi đến chỗ nhuộm y nhìn thấy tấm vải quý giá nên đã khởi tâm trộm cắp. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội pārajika?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, vô tội trong (trường hợp) sanh khởi tâm.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi đến chỗ nhuộm y nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp và sờ vào. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi đến chỗ nhuộm y nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp và làm lay động. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi đến chỗ nhuộm y nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp và làm dòi khởi vị trí. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[129] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi khát thực nhìn thấy tấm vải choàng quý giá nên đã khởi tâm trộm cắp. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vô tội trong (trường hợp) sanh khởi tâm.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi khát thực nhìn thấy tấm vải choàng quý giá nên đã khởi tâm trộm cắp và sờ vào. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

... (như trên)... nên đã khởi tâm trộm cắp và làm lay động. ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

... (như trên)... nên đã khởi tâm trộm cắp và làm dòi khỏi vị trí. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[130] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày rồi đã làm dấu hiệu (nghĩ rằng): “*Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.*” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi lấy trộm vật ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

... (như trên)... Vị ấy nhận ra vật ấy rồi lấy trộm vật khác. ... (như trên)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi lấy trộm vật ấy. ... (như trên)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi lấy trộm vật khác. ... (như trên)... Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày rồi đã làm dấu hiệu (nghĩ rằng): “*Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.*” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi lấy trộm đồ vật của chính mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

[131] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đang mang đồ vật của người khác đã khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào gói đồ ở trên đầu. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi làm lay động. ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

... (như trên)... nên đã khởi tâm trộm cắp và đã đưa xuống vai. ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào gói đồ ở trên vai. ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi làm lay động. ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp và đã đưa xuống hông. ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào gói đồ ở hông. ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi làm lay động. ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi cầm lấy ở tay. ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi đặt gói đồ ở tay xuống đất ... (như trên)... đã khởi tâm trộm cắp rồi nhấc lên khỏi mặt đất. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[132] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã căng y ở ngoài trời rồi đi vào trong trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ (nghĩ rằng): “*Chớ để y này bị hư hỏng,*” nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Nay đại đức, y của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ấy nói như vậy:

- Đã bị tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại (nói rằng):

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con (chỉ đáp lại) thuận theo câu nói (niruttipatho).

- Nay tỳ-kheo, vô tội trong việc (đáp lại) thuận theo câu nói.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã để y ở trên ghế. ... (như trên)... đã để tọa cụ ở trên ghế ... (như trên)... đã để bình bát ở dưới ghế rồi đi vào trong trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ (nghĩ rằng): “*Chớ để bình bát này bị hư hỏng,*” nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Nay đại đức, bình bát của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ấy nói như vậy:

- Đã bị tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại (nói rằng):

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vô tội trong việc (đáp lại) thuận theo câu nói.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ đã căng y ở hàng rào rồi đi vào trong trú xá. Có vị tỳ-kheo ni nọ (nghĩ rằng): “*Chớ để y này bị hư hỏng,*” nên đã đem cất đi. Vị ni kia đi ra rồi đã hỏi vị tỳ-kheo ni ấy rằng:

- Nay ni sư, y của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ni ấy nói như vậy:

- Đã bị tôi lấy trộm.

Vị ni kia đã giữ vị ni ấy lại (nói rằng):

- Cô không còn là nữ sa-môn nữa.

Vị ni ấy đã có nổi nghi hoặc. Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vô tội trong việc (đáp lại) thuận theo câu nói.

[133] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ nhìn thấy một tấm vải choàng bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy nên đã nhặt lấy (nghĩ rằng): “*Ta sẽ cho lại những người chủ.*” Những người chủ đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không có ý định trộm cắp.

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định trộm cắp thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã nhặt lấy khăn xếp đội đầu bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “(Phải nhặt lấy) trước khi những người chủ nhìn thấy.” Những người chủ đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Ngươi không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý định trộm cắp.

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

[134] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi vào nơi nghỉ địa đã nhặt lấy vải paṃsukūla ở thi thể chưa hoại. Và có nạ quý (peta) trú trong thi thể ấy 46. Khi ấy, nạ quý ấy đã nói với vị tỳ-kheo điều này:

- Thưa ngài, xin chớ lấy đi tấm vải choàng của tôi.

Vị tỳ-kheo ấy không chú ý đến nên đã nhặt lấy. Khi ấy, thi thể ấy đã đứng dậy và đi sát phía sau vị tỳ-kheo ấy. Sau đó, vị tỳ-kheo ấy đã đi vào trú xá và đóng cửa lại. Khi ấy, thi thể ấy đã té xuống ngay tại chỗ ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika. Và này các tỳ-kheo, không nên lấy vải paṃsukūla ở thi thể chưa hoại; vị nào lấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

[135] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc phân chia các y cho hội chúng đã tráo thăm (kusa) với ý định trộm cắp và lấy được y.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

[136] Vào lúc bấy giờ, ở trong nhà tắm hơi đại đức Ānanda nghĩ là của mình nên đã mặc vào y nội của vị tỳ-kheo nọ. Khi ấy, vị tỳ-kheo ấy đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Nay đại đức Ānanda, sao đại đức lại mặc y nội của tôi?

- Nay đại đức, tôi tưởng là của tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vị (lâm) tưởng là của mình thì vô tội.

[137] Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo trong lúc đi xuống từ núi Gijjhakūṭā đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của sư tử (sīhaviḥāsaṃ) nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, (trong trường hợp) phần thịt ăn còn thừa của sư tử thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo trong lúc đi xuống từ núi Gijjhakūṭā đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài cọp ... (như trên)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài beo ... (như trên)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài linh cẩu ... (như trên)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của chó sói nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, (trong trường hợp) vật thuộc về loài thú thì vô tội.

[138] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong khi cơm của hội chúng được phân chia (đã nói rằng): “*Hãy trao cho tôi phần của vị khác*” rồi lấy phần của vị không có hiện diện (amūlakaṃ). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārājika mà phạm tội ung đối trị (pācittiya) trong việc cố tình nói dối.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia ... (như trên)... trong khi bánh nướng (pūva) của hội chúng được phân chia ... (như trên)... trong khi mía cây của hội chúng được phân chia ... (như trên)... trong khi dưa (timbarūsake) của hội chúng được

phân chia ... (như trên)... (nói rằng): “*Hãy trao cho tôi phần của vị khác*” rồi lấy phần của vị không có hiện diện. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội ung đỏi trị (pācittiya) trong việc cố tình nói dối.

[139] Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã đi vào cửa hàng bán cơm lấy trộm đầy bát cơm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã đi vào cửa hàng bán thịt lấy trộm đầy bát thịt. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã đi vào cửa hàng bán bánh nướng lấy trộm đầy bát bánh nướng. ... (như trên)... có ý định trộm cắp đã lấy trộm đầy bát bánh ngọt (sakkhali) ... (như trên)... có ý định trộm cắp đã lấy trộm đầy bát thịt ngọt (modaka). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[140] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày rồi đã làm dấu hiệu (nghĩ rằng): “*Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.*” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi lấy trộm vật ấy. ... (như trên)... Vị ấy nhận ra vật ấy rồi lấy trộm vật khác. ... (như trên)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi lấy trộm vật ấy. ... (như trên)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi lấy trộm vật khác. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày rồi đã làm dấu hiệu (nghĩ rằng): “*Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm.*” Vị ấy nhận ra vật ấy rồi lấy trộm vật dụng của chính mình. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

[141] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi nhìn thấy túi xách ở trên ghế (nghĩ rằng): “*Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội pārajika*” nên đã di chuyển luôn cả cái ghế rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[142] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có định trộm cắp đã lấy trộm nệm của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[143] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có định trộm cắp đã lấy trộm y ở sào máng y. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[144] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi đã lấy trộm y ở trong trú xá (nghĩ rằng): “*Khi đi ra khỏi đây thì ta sẽ phạm tội pārajika,*” rồi đã không đi ra khỏi trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, kể rõ đại ấy có đi ra hay không đi ra cũng đã phạm tội pārajika.

[145] Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỳ-kheo là bạn bè, một vị đã đi vào làng để khát thực. Còn vị thứ nhì, trong khi vật thực cúng của hội chúng được phân phát, đã nhận phần của người bạn và đã thọ dụng do sự thân thiết với vị ấy. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con lấy do sự thân thiết.

- Nay tỳ-kheo, trường hợp lấy do sự thân thiết thì vô tội.⁴⁷

[146] Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia, các phần chia của tất cả các vị đã được mang đến và để ở bên cạnh. Có vị tỳ-kheo nọ (lâm) tưởng phần chia của vị tỳ-kheo khác là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Này tỳ-kheo, vị (lâm) tưởng là của mình thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia, phần chia của vị tỳ-kheo nọ được mang lại bằng bình bát của vị tỳ-kheo khác và được để xuống gần đó. Vị tỳ-kheo chủ nhân của bình bát tưởng (lâm) là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Này tỳ-kheo, vị tưởng (lâm) là của mình thì vô tội.

[147] Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài rồi mang theo gói (xoài) bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói (xoài) rồi tẩu thoát. Các vị tỳ-kheo tưởng rằng gói (xoài) ấy là vật quăng bỏ (paṃsukūla) nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, (khi ấy) các người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, chúng con (lâm) tưởng là vật quăng bỏ.

- Này các tỳ-kheo, vị (lâm) tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hồng (jambū) ...(như trên)... các kẻ trộm trái bánh mì (labuja) ...(như trên)... các kẻ trộm trái mít (panasa) ...(như trên)... các kẻ trộm trái chà là (tālapakka) ...(như trên)... các kẻ trộm mía (ucchu) ...(như trên)... các kẻ trộm dưa (timbarūsaka) sau khi gom các quả dưa lại rồi mang theo gói (dưa) bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói (dưa) rồi tẩu thoát. Các vị tỳ-kheo tưởng rằng gói (dưa) ấy là vật quăng bỏ (paṃsukūla) nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị (lâm) tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội.

[148] Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài rồi mang theo gói (xoài) bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói (xoài) rồi tẩu thoát. Các vị tỳ-kheo có ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “(Phải ăn) trước khi những người chủ nhìn thấy,” rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hồng ...(như trên)... các kẻ trộm trái bánh mì ...(như trên)... các kẻ trộm trái mít ...(như trên)... các kẻ trộm trái chà là ...(như trên)... các kẻ trộm mía ...(như trên)... các kẻ trộm dưa sau khi gom các quả dưa lại rồi mang theo gói (dưa) bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói (dưa) rồi tẩu thoát. Các vị tỳ-kheo có ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “(Phải ăn) trước khi những người chủ nhìn thấy,” rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người đã phạm tội pārajika.

[149] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ với ý định trộm cắp đã lấy trộm xoài của hội chúng. ...(như trên)... trái táo hồng của hội chúng. ...(như trên)... trái bánh mì của hội chúng. ...(như trên)... trái mít của hội chúng. ...(như trên)... trái chà là của hội chúng. ...(như trên)... mía của hội chúng. ...(như trên)... dưa của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[150] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi đến vườn hoa với ý định trộm cắp đã lấy trộm bông hoa đã được hái trị giá năm māsaka. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi đến vườn hoa. Sau khi hái bông hoa trị giá năm māsaka, vị ấy có ý định trộm cắp nên đã lấy trộm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[151] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ đã nói với vị tỳ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, được đại đức cho phép nên tôi sẽ nhân danh đại đức nói với gia đình hộ độ của đại đức.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một tấm vải choàng và đã sử dụng cho bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã không phạm tội pārajika. Và nay các tỳ-kheo, không nên nói rằng: “*Được đại đức cho phép nên tôi sẽ nói nhân danh đại đức (vutto vajjemi).*” Vị nào nói thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi đến ngôi làng nhỏ. Có vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo ấy điều này:

- Nay đại đức, được tôi cho phép nên đại đức hãy nhân danh tôi nói với gia đình hộ độ của tôi.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại hai tấm vải choàng và đã sử dụng cho bản thân một tấm, còn đưa cho vị tỷ-kheo kia một tấm. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỷ-kheo, người đã không phạm tội pārajika. Và này các tỷ-kheo, không nên nói rằng: “*Được tôi cho phép nên đại đức hãy nói nhân danh tôi (vutto vajjehi).*” Vị nào nói thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo nọ trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ đã nói với vị tỷ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, được đại đức cho phép nên tôi sẽ nhân danh đại đức nói với gia đình hộ độ của đại đức.

Vị kia cũng đã nói như vậy:

- Được tôi cho phép nên đại đức hãy nhân danh tôi nói với gia đình hộ độ của tôi.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một āḷhakaṃ bơ lỏng, một tulaṃ mật đường, và một doṇaṃ⁴⁸ gạo rồi đã thọ dụng cho bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỷ-kheo, người đã không phạm tội pārajika. Và này các tỷ-kheo, không nên nói rằng: “*Được đại đức cho phép nên tôi sẽ nói nhân danh đại đức (vutto vajjemi),*” và không nên nói rằng: “*Được tôi cho phép nên đại đức hãy nói nhân danh tôi (vutto vajjehi).*” Vị nào nói thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[152] Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang theo viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị tử-kheo nọ. Rồi khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy đã lén bỏ viên ngọc ma-ni vào trong túi xách của vị tử-kheo ấy và sau khi qua khỏi trạm thuế đã lấy lại. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Này tử-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không biết.
- Này tử-kheo, vị không biết thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang theo viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị tử-kheo nọ. Rồi khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy giả vờ bị bệnh rồi đã trao gói đồ của mình cho vị tử-kheo ấy. Sau khi qua khỏi trạm thuế, người đàn ông ấy đã nói với vị tử-kheo ấy điều này:

- Thưa ngài, xin hãy trao gói đồ cho tôi. Tôi không có bệnh.
- Này đạo hữu, tại sao ngươi làm như thế?

Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho vị tử-kheo ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Này tử-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không biết.
- Này tử-kheo, vị không biết thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ đi đường xa cùng với chiếc xe ngựa. Một người đàn ông nọ đã dùng tài vật mua chuộc vị tử-kheo ấy, đến khi nhìn thấy trạm thuế đã trao cho vị tử-kheo ấy một viên ngọc ma-ni quý giá (nói rằng):

- Thưa ngài, hãy đem viên ngọc ma-ni này qua khỏi trạm thuế.

Rồi vị tử-kheo ấy đã đem viên ngọc ma-ni ấy qua khỏi trạm thuế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Này tử-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

[153] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thả ra một con heo rừng bị mắc bẫy vì lòng trác ần. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con vì lòng trác ần thôi thúc.
- Nay tỳ-kheo, vì vì lòng trác ần thôi thúc thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thả ra một con heo rừng bị mắc bẫy với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy.*” Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thả ra một con nai bị mắc bẫy vì lòng trác ần. ... (như trên)... đã thả ra một con nai bị mắc bẫy với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy.*” ... (như trên)... đã thả ra những con cá bị vướng vào rọ vì lòng trác ần. ... (như trên)... đã thả ra những con cá bị vướng vào rọ với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy.*” Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

[154] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi nhìn thấy gói đồ ở trong chiếc xe (nghĩ rằng): “*Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội pārajika*” nên đã bước lên đánh xe đi rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

[155] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã nhặt lấy miếng thịt bị chim ung tha đi (nghĩ rằng): “*Ta sẽ cho lại những người chủ.*” Những người chủ đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Ngươi không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vì không có ý định trộm cắp thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo nọ đã nhặt lấy miếng thịt bị chim ung tha đi với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy.*” Những người chủ đã quở trách vị tỷ-kheo ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỷ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[156] Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc (các khúc gỗ) lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi các dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị tỷ-kheo tưởng là vật quăng bỏ nên đã vớt lên. Những người chủ đã quở trách các vị tỷ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, vị (lâm) tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc (các khúc gỗ) lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi các dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị tỷ-kheo đã vớt lên với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy.*” Những người chủ đã quở trách các vị tỷ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, các người đã phạm tội pārajika.

[157] Vào lúc bấy giờ, có người chăn bò nọ đã treo tấm vải choàng trên cây rồi đi đại tiện. Có vị tỷ-kheo tưởng là vật quăng bỏ nên đã nhặt lấy. Khi ấy, người chăn bò ấy đã quở trách vị tỷ-kheo ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, vị (lâm) tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội.

[158] Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị tỳ-kheo nọ đang lội qua sông, có một tấm vải choàng bị trượt khỏi tay của những người thợ nhuộm (trôi đến) vướng vào chân (của vị ấy). Vị tỳ-kheo ấy đã nhặt lên (nghĩ rằng): “*Ta sẽ cho lại những người chủ.*” Những người chủ đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định trộm cắp thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị tỳ-kheo nọ đang lội qua sông, có một tấm vải choàng bị trượt khỏi tay của những người thợ nhuộm (trôi đến) vướng vào chân (của vị ấy). Vị tỳ-kheo ấy nên đã nhặt lấy với ý định trộm cắp (nghĩ rằng): “*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy.*” Những người chủ đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[159] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ nhìn thấy hũ bơ lỏng nên đã thọ dụng mỗi lần một chút ít (thokaṃ thokaṃ). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).⁴⁹

[160] Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo đã cùng nhau phân công rồi ra đi (nghĩ rằng): “*Chúng ta sẽ lấy trộm đồ vật.*” Một vị đã lấy trộm đồ vật. Các vị ấy đã nói như vậy:

- Chúng ta không phạm tội pārajika. Vị nào lấy trộm thì phạm tội pārajika.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo sau khi đã cùng nhau phân công rồi đã lấy trộm đồ vật và chia phần. Phần chia được các vị ấy chia ra cho mỗi một vị không đủ năm māsaka. Các vị ấy đã nói như vậy:

- Chúng ta không phạm tội pārājika.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các người đã phạm tội pārājika.

[161] Vào lúc bấy giờ, trong lúc ở thành Sāvatti có khó khăn về vật thực, có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã lấy trộm một nắm (tay) gạo của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārājika.

Vào lúc bấy giờ, trong lúc ở thành Sāvatti có khó khăn về vật thực, có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã lấy trộm một nắm (tay) đậu ...(như trên)... một nắm (tay) đậu tây ...(như trên)... một nắm (tay) hạt mè của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārājika.

[162] Vào lúc bấy giờ, trong khu rừng Andha ở thành Sāvatti, các kẻ trộm sau khi giết con bò cái, đã ăn thịt, sau khi thu dọn phần còn thừa (để ở một nơi), rồi đi. Các vị tỳ-kheo tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy và thọ dụng. Các kẻ trộm đã gỡ trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị (lầm) tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, trong khu rừng Andha ở thành Sāvatti, các kẻ trộm sau khi giết con heo rừng, đã ăn thịt, sau khi thu dọn phần còn thừa (để ở một nơi), rồi đi. Các vị tỳ-kheo tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy và thọ dụng. Các kẻ trộm đã gỡ trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị (lầm) tưởng là vật quặng bỏ thì vô tội.

[163] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ, có ý định trộm cắp rồi đã lấy trộm cỏ được cắt sẵn trị giá năm māsaka. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārājika.

[164] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi đi đến cánh đồng cỏ và cắt (số lượng) cỏ trị giá năm māsaka, có ý định trộm cắp rồi đã lấy trộm. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārājika.

[165] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo vắng lai sau khi bảo chia phần xoài của hội chúng rồi đã thọ dụng. Các tỳ-kheo thường trú đã quở trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, (khi ấy) các người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, chúng con có nhu cầu về thọ thực (paribhogatthāya).

- Nay các tỳ-kheo, (trường hợp) có nhu cầu về thọ thực thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo vắng lai sau khi bảo chia phần trái táo hồng của hội chúng ...(như trên)... trái bánh mì của hội chúng ...(như trên)... trái mít của hội chúng ...(như trên)... trái chà là của hội chúng ...(như trên)... mía của hội chúng ...(như trên)... dưa của hội chúng rồi đã thọ dụng. Các tỳ-kheo thường trú đã quở trách các vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Các người không phải là sa-môn.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, (khi ấy) các người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, chúng con có nhu cầu về thọ thực.

- Nay các tỳ-kheo, (trường hợp) có nhu cầu về thọ thực thì vô tội.

[166] Vào lúc bảy giờ, những người canh giữ xoài dâng trái xoài đến các vị tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo (nghĩ rằng): “*Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật này,*” nên đã ngần ngại không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vô tội trong việc bố thí của những người giữ vườn.

Vào lúc bảy giờ, những người canh giữ táo hồng ...(như trên)... những người canh giữ trái bánh mì ...(như trên)... những người canh giữ mít ...(như trên)... những người canh giữ trái chà là ...(như trên)... những người canh giữ mía ...(như trên)... những người canh giữ dưa dâng những quả dưa đến các vị tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo (nghĩ rằng): “*Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật này,*” nên đã ngần ngại không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vô tội trong việc bố thí của những người giữ vườn.

[167] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ lấy có tính cách tạm thời cây gỗ của hội chúng để chống đỡ bức tường của trú xá của bản thân. Các tỳ-kheo đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Người không phải là sa-môn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con (lấy) có tính cách tạm thời.

- Nay tỳ-kheo, (trường hợp) có tính cách tạm thời thì vô tội.

[168] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã lấy trộm nước của hội chúng ...(như trên)... có ý định trộm cắp đã lấy trộm đất sét của hội chúng ...(như trên)... có ý định trộm cắp đã lấy trộm cỏ muñja của hội chúng ...(như trên)... Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã đốt cháy cỏ muñja của hội chúng ...(như trên)... Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

[169] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã lấy trộm giường của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý định trộm cắp đã lấy trộm ghế của hội chúng ...(như trên)... nệm của hội chúng ...(như trên)... gối của hội chúng ...(như trên)... cánh cửa lớn của hội chúng ...(như trên)... cửa sổ của hội chúng ...(như trên)... đà gỗ của hội chúng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ... (như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[170] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sử dụng chỗ nằm ngồi là vật dụng trong trú xá của người nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, người nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các ngài đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngần ngại di chuyển (thảm lót) đến nhà hành lễ Uposatha và phòng hội họp nên đã ngồi xuống ở nền nhà. Các thân mình và y phục đều bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép di chuyển có tính cách tạm thời.

[171] Vào lúc bấy giờ ở xứ Campā, vị tỳ-kheo ni học trò của tỳ-kheo ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ tỳ-kheo ni Thullanandā (nói rằng): “*Ni sư muốn uống cháo gồm ba thứ;*” sau khi bảo nấu, đã mang đi, rồi đã thọ

dụng cho chính bản thân. Tỷ-kheo ni Thullanandā biết được đã quở trách rằng:

- Người không phải là nữ sa-môn.

Vị ni ấy đã có nổi nghi hoặc. Sau đó, vị tỷ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỷ-kheo ni. Các tỷ-kheo ni đã kể lại sự việc ấy đến các tỷ-kheo. Các tỷ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, vị ni ấy không phạm tội pārajika mà phạm tội ung đối trị (pācittiya) trong việc cố tình nói dối.

Vào lúc bấy giờ ở thành Rājagaha, vị tỷ-kheo ni học trò của tỷ-kheo ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ tỷ-kheo ni Thullanandā (nói rằng): “*Ni sư muốn ăn mật viên;*” sau khi bảo nấu, đã mang đi, rồi đã thọ dụng cho chính bản thân. Tỷ-kheo ni Thullanandā biết được đã quở trách rằng:

- Người không phải là nữ sa-môn.

Vị ni ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, vị ni ấy không phạm tội pārajika mà phạm tội ung đối trị (pācittiya) trong việc cố tình nói dối.

[172] Vào lúc bấy giờ ở thành Vesālī, người gia chủ hộ độ đại đức Ajjuka có hai đứa trẻ trai: (một) là con trai và (đứa kia) là cháu trai. Khi ấy, người gia chủ ấy đã nói với đại đức Ajjuka điều này:

- Thưa ngài, trong hai đứa trẻ trai này, đứa nào có đức tin và mộ đạo thì ngài nên trao cơ hội (okāsaṃ) này cho đứa ấy.

Người ấy đã qua đời. Vào lúc bấy giờ, đứa cháu trai của người gia chủ ấy thì có đức tin và mộ đạo. Khi ấy, đại đức Ajjuka đã trao cơ hội (okāsaṃ) ấy cho đứa trẻ trai ấy. Với của cải ấy, người ấy đã bảo quản được tài sản và còn tạo việc bố thí nữa. Rồi người con trai của vị gia chủ ấy đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Thưa ngài Ānanda, ai thật sự là người thừa tự của người cha: là con trai hay là cháu trai?

- Nay đạo hữu, người con trai chính là người thừa tự của người cha.

- Thưa ngài, đại đức Ajjuka này đã bảo rằng của cải của chúng tôi là thuộc về người anh (em) họ của chúng tôi

- Nay đạo hữu, đại đức Ajjuka không phải là sa-môn.

Sau đó, đại đức Ajjuka đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Nay đại đức Ānanda, hãy cho tôi một cuộc phân xử.

Vào lúc bấy giờ, đại đức Upāli là thuộc về phe của đại đức Ajjuka. Khi ấy, đại đức Upāli đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Nay đại đức Ānanda, vị (tỷ-kheo) được sở hữu chủ nói rằng: “*Hãy trao cơ hội này cho người tên như vậy*” rồi đã trao cho người ấy (theo lời dặn dò) thì phạm tội gì?

- Thưa ngài, vị ấy không phạm tội gì cho dù là tội tác ác (dukkata) đi nữa.

- Nay đại đức, đại đức Ajjuka được sở hữu chủ nói rằng: “*Hãy trao cơ hội này cho người tên như vậy*” rồi đã trao cho người ấy (theo lời dặn dò). Nay đại đức, đại đức Ajjuka là vô tội.

[173] Vào lúc bấy giờ, ở thành Bārāṇasī, gia đình hộ độ đại đức Pilindavaccha bị bọn đạo tặc cướp bóc và hai đứa trẻ trai đã bị bắt đi. Sau đó, đại đức Pilindavaccha đã dùng thần thông đưa hai đứa trẻ ấy về lại và để ở sân nhà. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai đứa trẻ (đã nói rằng): “*Đây là năng lực thần thông của ngài Pilindavaccha!*” rồi đã đặt trọn niềm tin nơi đại đức Pilindavaccha. Các vị tỷ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao đại đức Pilindavaccha lại đưa về những đứa trẻ đã bị bọn đạo tặc bắt đi?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, trong lãnh vực về thần thông, vị có thần thông thì vô tội .

[174] Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỷ-kheo là bạn bè, Paṇḍaka và Kapila. Một vị cư trú ở ngôi làng nhỏ, vị kia cư trú ở thành Kosambī. Rồi vị tỷ-kheo ấy trong lúc đi từ ngôi làng nhỏ đến thành Kosambī, ở giữa đường trong lúc

lội qua con sông, có xâu thịt mỡ bị trượt khỏi tay đám thợ săn heo rừng (trôi đến) vướng vào chân (của vị ấy). Vị tỳ-kheo ấy (nghĩ rằng): “*Ta sẽ trao lại cho các người chủ,*” rồi đã nhặt lấy. Các người chủ đã quở trách vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Ngươi không phải là sa-môn.

Một cô chăn bò nọ khi nhìn thấy vị ấy đi ngang qua đã nói điều này:

- Thưa ngài, hãy đến. Hãy thực hiện việc đôi lúa.

Vị ấy (nghĩ rằng): “*Tự trong bản chất, ta không phải là sa-môn nữa rồi!*” nên đã thực hiện việc đôi lúa với cô ấy, sau đó đã đi đến thành Kosambī và kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vị ấy không phạm tội pārajika trong việc trộm cắp, vị ấy phạm tội pārajika có liên quan đến việc đôi lúa.

[175] Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāgalā, vị tỳ-kheo đệ tử của đại đức Dalhika bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã lấy trộm khăn xếp đội đầu của người chủ tiệm rồi nói với đại đức Dalhika điều này:

- Bạch ngài, tôi không phải là sa-môn, tôi sẽ hoàn tục.

- Nay đại đức, ngươi đã làm điều gì?

- Bạch ngài, tôi đã lấy khăn xếp đội đầu của người chủ tiệm.

Vị ấy đã cho người đem lại và cho người định giá (vật ấy). Trong khi được định giá, vật ấy có giá trị không đến năm māsaka.

- Nay đại đức, ngươi không phạm tội pārajika.

Rồi vị ấy đã thuyết Pháp thoại và vị tỳ-kheo ấy đã trở nên hoan hỷ.

Dứt điều pārajika thứ nhì.

---o0o---

III. Chương Pārājika thứ ba (Tatīyapārājikakaṇḍamaṃ): Tội giết người

01. Tung phẩm thứ nhất

[176] Câu chuyện về nhiều vị tỳ-kheo

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự ở thành Vesālī, Mahāvana (Đại Lâm), giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự tu tập về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự chứng đạt về (đề mục) bất tịnh một cách cặn kẽ bằng nhiều phương thức đến các tỳ-kheo. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta muốn thiên tịnh trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

- Bạch ngài, xin vâng. Các tỳ-kheo ấy đã trả lời đức Thế Tôn.

Và quả thật không có vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Các vị tỳ-kheo (nghĩ rằng): “*Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự tu tập về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự chứng đạt về (đề mục) bất tịnh một cách cặn kẽ bằng nhiều phương thức;*” rồi các vị ấy sống chuyên chú gắn bó vào việc hành thiền đề mục bất tịnh do nhiều động cơ khác nhau. Các vị ấy bị khổ sở, bị xấu hổ, và nhòem góm với cơ thể của chính mình cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bị khổ sở, bị xấu hổ, và nhòem góm với xác rắn, hoặc xác chó, hoặc thây người chết máng vào cỏ; tương tự như thế, các vị tỳ-kheo ấy trong khi bị khổ sở, bị xấu hổ, và nhòem góm với cơ thể của chính mình (một số) tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, (một số) đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, (một số) đi đến gặp sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vậy:

- Nay đạo hữu, tốt thay người hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về người.

Sau đó, được trả công bằng các y và bình bát sa-môn giả mạo Migalaṇḍika đã đoạt lấy mạng sống nhiều vị tỳ-kheo rồi cầm cây gươm đâm máu đi đến giòng sông Vaggumudā. Khi ấy, sa-môn giả mạo Migalaṇḍika trong khi chùi rửa cây gươm đâm máu ấy đã khởi lên sự ăn năn, đã khởi lên nỗi ân hận: “*Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã*

không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Quả thật ta đã gây ra nhiều điều bất thiện là việc ta đã đoạt lấy mạng sống của các vị tỷ-kheo giới hạnh có thiện pháp!” Khi ấy, có vị thiên nhân nọ là tùy tùng của Ma vương đã đi đến trên mặt nước vẫn không bị làm chao động và nói với sa-môn giả mạo Migalaṇḍika điều này:

- Lành thay, lành thay, kẻ thiện nhân! Nay kẻ thiện nhân, điều lợi ích đã có cho ngươi! Nay kẻ thiện nhân, ngươi đã đạt được điều tốt! Nay kẻ thiện nhân, ngươi đã tạo nên nhiều điều thiện là việc ngươi đã giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát!⁵⁰

Khi ấy, sa-môn giả mạo Migalaṇḍika (nghĩ rằng): “*Nghe nói điều lợi ích đã có cho ta! Nghe nói ta đã đạt được điều tốt! Nghe nói ta đã tạo nên nhiều điều thiện là việc ta đã giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát!*” rồi đã cầm cây gươm bén đi đến từ trú xá này đến trú xá khác, từ phòng này đến phòng khác nói như vậy:

- Vị nào chưa giải thoát? Ta giải thoát cho vị nào đây?

Tại nơi ấy, những vị tỷ-kheo nào chưa dứt bỏ tham ái thì các vị ấy, vào thời điểm ấy, trở nên sợ hãi, thân run rẩy, lông dựng đứng. Còn những vị tỷ-kheo nào đã dứt bỏ tham ái thì các vị ấy, vào thời điểm ấy, không trở nên sợ hãi, thân không run rẩy, lông không dựng đứng. Rồi sa-môn giả mạo Migalaṇḍika trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống một vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống hai vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống ba vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống bốn vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống năm vị tỷ-kheo, ...(như trên)... trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống mười vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống hai mươi vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống ba mươi vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống bốn mươi vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống năm mươi vị tỷ-kheo, trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống sáu mươi vị tỷ-kheo.

[177] Khi đã trải qua nửa tháng ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh và bảo đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, có phải hội chúng tỷ-kheo dường như bị ít đi?

- Bạch ngài, sở dĩ như thế là vì đức Thế Tôn thuyết giảng về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự tu tập về (đề mục) bất

tịnh, ngợi khen sự chứng đạt về (đề mục) bất tịnh một cách cặn kẽ bằng nhiều phương thức đến các tỷ-kheo. Và bạch ngài, các tỷ-kheo ấy (nghĩ rằng): “*Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự tu tập về (đề mục) bất tịnh, ngợi khen sự chứng đạt về (đề mục) bất tịnh một cách cặn kẽ bằng nhiều phương thức,*” rồi các vị ấy sống chuyên chú gắn bó vào việc hành thiền đề mục bất tịnh do nhiều động cơ khác nhau. Các vị ấy bị khổ sở, bị xấu hổ, và nhòem góm với cơ thể của chính mình cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bị khổ sở, bị xấu hổ, và nhòem góm với xác rắn, hoặc xác chó, hoặc thây người chết máng vào cỏ; tương tự như thế, các vị tỷ-kheo ấy trong khi bị khổ sở, bị xấu hổ, và nhòem góm với cơ thể của chính mình (một số) tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, (một số) đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, (một số) đi đến gặp sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vậy: “*Này đạo hữu, tốt thay ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi.*” Bạch ngài, khi ấy, sa-môn giả mạo Migalaṇḍika được trả công bằng các y và bình bát trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống một vị tỷ-kheo, ...(như trên)... trong một ngày đã đoạt lấy mạng sống sáu mươi vị tỷ-kheo. Bạch ngài, lành thay xin đức Thế Tôn hãy chỉ dạy đề mục khác theo đó hội chúng tỷ-kheo này có thể đạt được trí giải thoát.

- Này Ānanda, như thế thì có bao nhiêu tỷ-kheo sống nương tựa vào thành Vesālī, người triệu tập lại tất cả các vị ấy ở tại phòng hội họp.

- Bạch ngài, xin vâng. Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn.

Rồi có bao nhiêu tỷ-kheo sống nương tựa vào thành Vesālī, đại đức Ānanda sau khi triệu tập lại tất cả các vị ấy ở tại phòng hội họp rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, hội chúng tỷ-kheo đã được triệu tập. Bạch ngài, bây giờ là thời điểm của việc gì xin đức Thế Tôn hãy suy tính (về việc ấy).

---o0o---

[178] Định hơi thở ra hơi thở vào

Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến phòng hội họp, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tử-kheo, định của niệm hơi thở ra hơi thở vào này được làm cho phát triển, được làm cho tăng trưởng, được trở nên thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức các ác bất thiện pháp đã sanh hoặc chưa sanh khởi và làm cho tịch lặng. Nay các tử-kheo, cũng giống như vào tháng cuối của mùa nóng, cơn mưa lớn sái mùa làm biến mất ngay lập tức và làm yên lặng các bụi bặm đã bốc lên; nay các tử-kheo, tương tự như thế, định của niệm hơi thở ra hơi thở vào này được làm cho phát triển, được làm cho tăng trưởng, được trở nên thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức các ác bất thiện pháp đã sanh hoặc chưa sanh khởi và làm cho tịch lặng. Và nay các tử-kheo, thế nào là định của niệm hơi thở ra hơi thở vào này được làm cho phát triển? Thế nào là được làm cho tăng trưởng, được trở nên thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức các ác bất thiện pháp đã sanh hoặc chưa sanh khởi và làm cho tịch lặng? Nay các tử-kheo, ở đây vị tử-kheo đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng, ngồi xuống, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng và thiết lập niệm luôn hiện diện. Có niệm, vị ấy thở ra; có niệm, vị ấy thở vào 51. Hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy biết: *“Tôi thở ra dài;”* hoặc trong khi thở vào dài, vị ấy biết: *“Tôi thở vào dài.”* Hoặc trong khi thở ra ngắn, vị ấy biết: *“Tôi thở ra ngắn;”* hoặc trong khi thở vào ngắn, vị ấy biết: *“Tôi thở vào ngắn.”* *“Nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Tâm được hân hoan, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Tâm được hân hoan, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Tâm được định tĩnh, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Tâm được định tĩnh, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Tâm được giải thoát, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Tâm được giải thoát, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Với sự quán xét về vô thường, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Với sự quán xét về vô thường, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Với sự quán xét về ly tham, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Với sự quán xét về ly tham, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập. *“Với sự quán xét về đoạn diệt, tôi sẽ thở ra”* vị ấy thực tập, *“Với sự quán xét về đoạn diệt, tôi sẽ thở vào”* vị ấy thực tập.

sự quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở ra” vị ấy thực tập, “Với sự quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở vào” vị ấy thực tập. Nay các tỳ-kheo, định của niệm hơi thở ra hơi thở vào này được làm cho phát triển như thế, được làm cho tăng trưởng như thế, được trở nên thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức các ác bất thiện pháp đã sanh hoặc chưa sanh khởi và làm cho tịch lặng.

---o0o---

[179] Sự quy định lần thứ nhất

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các vị tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo (một số) tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, (một số) đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, (một số) đi đến gặp sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vậy: “*Này đạo hữu, tốt thay người hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về người,*” có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, thật không đúng đắn cho những tỳ-kheo ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Nay các tỳ-kheo, vì sao các tỳ-kheo ấy lại tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, lại đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, lại đi đến gặp sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vậy: “*Này đạo hữu, tốt thay người hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về người*” vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào cố ý đoạt lấy mạng sống con người hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy; vị này cũng là vị phạm tội pārājika, không được cộng trú.*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo như thế.

---o0o---

[180] Câu chuyện về các tỳ-kheo nhóm Lục Sư. Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, có người nam cư sĩ nọ bị bệnh. Vợ của người ấy thì đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn. Các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đem lòng say đắm người đàn bà ấy. Khi ấy, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã bàn bạc rằng: “*Này các đại đức, nếu người nam cư sĩ ấy còn sống thì chúng ta sẽ không đạt được người đàn bà ấy. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ ấy.*” Sau đó, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã đi đến gặp người nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với người nam cư sĩ ấy điều này:

- Này cư sĩ, quả thật ngươi có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc phục (katabhīruttāṇo), có điều ác không làm, điều tàn bạo không làm, điều tội lỗi không làm, ngươi đã làm điều tốt đẹp, ngươi đã không làm điều ác, vậy thì còn gì với mạng sống tội lỗi xấu xa này của ngươi, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống vậy. Từ chỗ này, khi tuổi thọ đã đến, khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi sẽ được tái sinh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ngươi sẽ mãn nguyện.

Khi ấy, người nam cư sĩ ấy (nghĩ rằng): “*Các ngài đã nói sự thật bởi vì ta là người có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc phục, có điều ác không làm, điều tàn bạo không làm, điều tội lỗi không làm, ta đã làm điều tốt đẹp, ta đã không làm điều ác, vậy thì còn gì với mạng sống tội lỗi xấu xa này của ta, sự chết đối với ta còn tốt hơn sự sống vậy. Từ chỗ này, khi tuổi thọ đã đến, khi tan rã thân xác và chết đi, ta sẽ được tái sinh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ta sẽ mãn nguyện.*” Và người ấy đã ăn những vật thực mềm không thích hợp, đã nhai những vật thực cứng không thích hợp, đã nếm những thức nếm không thích hợp, và đã uống những thức uống không thích hợp. Khi người ấy đã ăn những vật thực mềm không thích hợp, đã nhai những vật thực cứng không thích hợp, đã nếm những thức nếm không thích hợp, và đã uống những thức uống không thích hợp, một cơn bệnh ngặt nghèo đã phát khởi. Chính vì cơn bệnh ấy, người ấy đã từ trần. Vợ của người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này giả vờ là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm

hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến chồng của tôi. Chồng của tôi đã bị các vị này giết chết.

Những người khác cũng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này không có khiêm tốn, ác giới, nói láo. Bởi vì các vị này làm ra vẻ là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp (nhưng) các vị này không có sa-môn hạnh! Các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ. Người nam cư sĩ đã bị các vị này giết chết.

Các tỳ-kheo đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các người đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay những kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Nay những kẻ rò dại, vì sao các người lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ vậy? Nay những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào cố ý đoạt lấy mạng sống con*

người, hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy, hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đến sự chết: “Này người ơi, còn gì với mạng sống tội lỗi xấu xa này của ngươi, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống!” Vị có tâm ý và có tâm tư như thế rồi bằng nhiều phương thức ca ngợi lợi ích của sự chết hoặc xúi giục đưa đến sự chết, vị này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú.”

---o0o---

[181] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ ba

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỷ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Cố ý: sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Con người nghĩa là vật gì ở khoảng giữa thời gian từ lúc tâm đầu tiên được sanh lên (tức là) thức đầu tiên hiện hữu trong bụng mẹ cho đến lúc chết; vật ấy gọi là con người

Đoạt lấy mạng sống: Cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp nối.

Hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy: hoặc là thanh gươm, hoặc là cây giáo, hoặc là mũi tên, hoặc là cọc nhọn, hoặc là đui cui, hoặc là tảng đá, hoặc là cây kiếm, hoặc là thuốc độc, hoặc là dây thừng.

[182] **Hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết:** làm cho thấy được sự nguy hiểm trong sự sống và nói khen ngợi về sự chết.

[183] **Hoặc xúi giục đưa đến sự chết:** (Nói rằng): “*Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi.*”

[184] **Này người ơi:** Đây là lối nói xưng hô “*Này người ơi!*”

Còn gì với mạng sống tội lỗi xấu xa này của ngươi, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống: Cuộc sống nghĩa là tội lỗi. So với cuộc sống

của những người giàu, cuộc sống của những người nghèo là tội lỗi. So với cuộc sống của những người có tài sản, cuộc sống của những người không có tài sản là tội lỗi. So với cuộc sống của chư thiên, cuộc sống của loài người là tội lỗi.

Mạng sống xấu xa: nghĩa là (mạng sống) của người bị cụt tay, của người bị cụt chân, của người bị cụt tay và chân, của người bị đứt tai, của người người bị đứt mũi, của người bị đứt tai và mũi. (Nói rằng): “*Còn gì với sự tội lỗi này, với mạng sống xấu xa này, sự chết đối với người còn tốt hơn sự sống!*”

Có tâm ý như thế: Ý nào tâm nấy, tâm nào ý nấy.

Có tâm tư: có ý tưởng về sự chết, có ý định về sự chết, có suy nghĩ về sự chết

Bằng nhiều phương thức: bằng nhiều cách khác nhau.

Ca ngợi lợi ích của sự chết: làm cho thấy được sự nguy hiểm trong sự sống và nói khen ngợi về sự chết: “*Từ chỗ này, khi tuổi thọ đã đến, khi tan rã thân xác và chết đi, người sẽ được tái sinh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, người sẽ mãn nguyện.*”

[185] **Hoặc xúi giục đưa đến sự chết:** (Nói rằng): “*Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi, hoặc nhảy vào khe nứt, vào hố sâu, xuống vực thẳm.*”

[186] **Vị này cũng:** là liên quan đến các vị trước đây đã được đề cập.

Là vị phạm tội pārājika: cũng giống như tảng đá lớn bị bẻ làm hai không thể gắn liền lại được; tương tự như thế, vị tỷ-kheo cố ý đoạt lấy mạng sống con người thì không phải là sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế được gọi là “*vị phạm tội pārājika.*”

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bản Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “*không được cộng trú.*”

[187] Các tiêu đề của sự phân tích

Tự mình, bằng cách khẳng định, bằng người đưa tin, bằng người đưa tin theo lối dây chuyền, bằng người đưa tin không theo lối dây chuyền, bằng người đưa tin đã đi rồi quay trở lại, không hiện diện tương là hiện diện, hiện diện tương là không hiện diện, không hiện diện tương là không hiện diện, hiện diện tương là hiện diện, vị ca ngợi bằng thân, vị ca ngợi bằng lời nói, vị ca ngợi bằng thân và bằng lời nói, vị ca ngợi bằng người đưa tin, vị ca ngợi bằng chữ khắc, cái hố đào, sự trợ giúp, việc để bên cạnh, được phẩm, sự đem lại cảnh sắc, sự đem lại cảnh thanh, sự đem lại cảnh khí, sự đem lại cảnh vị, sự đem lại cảnh xúc, sự đem lại cảnh pháp, sự chỉ bảo, sự dạy dỗ, hành động theo giờ hẹn, hành động theo dấu hiệu.

[188] **Tự mình:** vị đích thân giết bằng (cách sử dụng) thân thể (tay, chân, nắm đấm, đầu gối, v.v...), hoặc bằng vật dính liền với thân thể (guom, dao, v.v...), hoặc bằng vật được phóng ra (ví dụ mũi tên).

Bằng cách khẳng định: sau khi khẳng định rồi ra lệnh rằng: “*Người hãy đâm như vậy, hãy đánh như vậy, hãy giết như vậy.*”

---o0o---

[189] Các trường hợp phạm tội

Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết người ấy rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội pārājika.

Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết người ấy rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội còn vị giết người phạm tội pārājika.

Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết người khác rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội pārājika.

Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia nhận biết người khác rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội còn vị giết người phạm tội pārājika.

[190] Vị tử-kheo (A) chỉ thị vị tử-kheo (B) rằng: “*Hãy bảo vị tên (C) rằng: Vị tên (C) hãy nói với vị tên (D) rằng: ‘Vị tên (D) hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy’*” thì vị ấy (A) phạm tội tác ác (dukkata). Vị (nào) nói cho vị khác thì vị (nói) ấy phạm tội tác ác (dukkata). Vị giết người (D) đồng ý thì vị khởi xướng (A) phạm trọng tội (thullaccaya); vị ấy (D) đoạt lấy mạng sống của người ấy thì tất cả đều phạm tội pārājika.

Vị tử-kheo (A) chỉ thị vị tử-kheo (B) rằng: “*Hãy bảo vị tên (C) rằng: Vị tên (C) hãy nói với vị tên (D) rằng: ‘Vị tên (D) hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy’*” thì vị ấy (A) phạm tội tác ác (dukkata). Vị ấy (B) chỉ thị vị khác (D) thì vị ấy (B) phạm tội tác ác (dukkata). Vị giết người (D) đồng ý thì vị ấy (D) phạm tội tác ác (dukkata); vị ấy (D) đoạt lấy mạng sống của người ấy thì vị khởi xướng (A) vô tội, vị truyền chỉ thị (B) và vị giết người (D) phạm tội pārājika.

[191] Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia đi rồi quay trở lại (nói rằng): “*Tôi không thể đoạt lấy mạng sống người ấy.*” Vị ấy lại chỉ thị thêm: “*Khi nào ngươi có thể thì khi ấy ngươi hãy đoạt lấy mạng sống người ấy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội pārājika.

[192] Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: “*Chớ có giết.*” Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội pārājika. Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “*Chớ có giết.*” Vị kia (đáp lại rằng): “*Tôi đã được ngài chỉ thị*” rồi đoạt lấy mạng sống người ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội pārājika. Vị tử-kheo chỉ thị vị tử-kheo rằng: “*Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vậy*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: “*Chớ có giết.*” Vị kia (đáp lại rằng): “*Tốt thôi*” rồi ngưng lại thì cả hai vô tội.

[193] Không hiện diện vị ấy tưởng là hiện diện rồi xác định rằng: “*Người tên như vậy nên bị giết*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Hiện diện vị ấy tưởng là không hiện diện rồi xác định rằng: “*Người tên như vậy nên bị giết*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Không hiện diện vị ấy tưởng là không hiện diện rồi xác định rằng: “*Người tên như vậy nên bị giết*” thì phạm tội tác

ác (dukkata). Hiện diện vị ấy tưởng là hiện diện rồi xác định rằng: “*Người tên như vậy nên bị giết*” thì phạm tội tác ác (dukkata).

[194] **Vị ca ngợi bằng thân** nghĩa là vị ấy làm cử chỉ bằng thân: “*Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Vị ca ngợi bằng lời nói nghĩa là vị ấy phát ngôn bằng lời nói: “*Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Vị ca ngợi bằng thân và bằng lời nói nghĩa là vị ấy làm cử chỉ bằng thân và phát ngôn bằng lời nói: “*Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[195] **Vị ca ngợi bằng người đưa tin** nghĩa là vị ấy nói ra lời chỉ dẫn cho người đưa tin: “*Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nghe lời chỉ dẫn của người đưa tin, (Đối tượng nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Vị ca ngợi bằng chữ khắc nghĩa là vị ấy khắc chữ: “*Người nào chết như vậy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata) với mỗi mẫu tự. (Đối tượng) sau khi nhìn thấy chữ khắc (nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[196] **Cái hố đào** nghĩa là vị ấy đào cái hố dành cho người (nghĩ rằng): “*Người rơi xuống sẽ chết*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Trong khi rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi (cho đối tượng) thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Vị ấy đào cái hố không dành riêng cho ai (nghĩ rằng): “*Bất cứ ai rơi xuống sẽ chết*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Nếu) con người rơi vào cái hố ấy thì vị ấy phạm tội tác ác (dukkata). Trong khi rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi (cho đối tượng) thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Nếu) dạ-xoa, hoặc ngựa quý, hoặc thú có dạng người rơi vào cái hố ấy thì vị ấy phạm tội tác ác (dukkata). Trong khi rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi (cho đối tượng) thì vị ấy phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Nếu) thú vật rơi vào cái hố ấy thì vị ấy phạm tội tác ác (dukkata). Trong khi rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi (cho đối tượng) thì vị ấy phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[197] **Sự trợ giúp** nghĩa là trong sự trợ giúp vị ấy đặt vũ khí, hoặc thoa thuốc độc, hoặc làm cho yếu đi, hoặc đem đê ở chỗ khe nứt hoặc ở hố sâu hoặc nơi vực thẳm (nghĩ rằng): “*Với việc này, người rơi xuống sẽ chết*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Do vũ khí, hoặc do thuốc độc, hoặc do bị rơi xuống khiến cảm thọ khổ sanh khởi (cho đối tượng) thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[198] **Việc để bên cạnh** nghĩa là đem lại bên cạnh hoặc là thanh gươm, hoặc là cây giáo, hoặc là mũi tên, hoặc là cọc nhọn, hoặc là đui cui, hoặc là tảng đá, hoặc là cây kiếm, hoặc là thuốc độc, hoặc là dây thừng (nghĩ rằng): “*(Người ấy) sẽ chết bằng vật này*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng) (nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết bằng vật ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[199] **Được phẩm** nghĩa là (vị ấy) trao cho bơ lỏng (sappi), bơ đặc (navanītaṃ), dầu ăn (telam), mật (madhu), đường mía (phānitaṃ) (nghĩ rằng): “*Sau khi ném vật này (người ấy) sẽ chết*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Trong khi ném vật ấy, cảm thọ khổ sanh khởi (cho đối tượng) thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[200] **Sự đem lại cảnh sắc** nghĩa là (vị ấy) đem lại cảnh sắc trái ý, dễ sợ, và khủng khiếp (nghĩ rằng): “*Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này (người ấy) sẽ bị hoảng hốt và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nhìn thấy cảnh sắc ấy, (đối tượng) bị hoảng hốt thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Vị ấy) đem lại cảnh sắc hợp ý, dễ thương, và đáng yêu (nghĩ rằng): “*Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này (người ấy) sẽ bị thất vọng vì không đạt được và chết đi*” thì phạm tội tác ác

(dukkata). Sau khi nhìn thấy cảnh sắc cây, (đối tượng) bị thất vọng vì không đạt được thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Sự đem lại cảnh cảnh thính nghĩa là (vị ấy) đem lại cảnh thính trái ý, dễ sợ, và khủng khiếp (nghĩ rằng): “*Sau khi nghe được tiếng này (người ấy) sẽ bị hoảng hốt và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nghe được tiếng ấy, (đối tượng) bị hoảng hốt thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Vị ấy) đem lại cảnh thính hợp ý, dễ thương, và đáng yêu (nghĩ rằng): “*Sau khi nghe được tiếng này (người ấy) sẽ bị thất vọng vì không đạt được và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nghe được tiếng ấy, (đối tượng) bị thất vọng vì không đạt được thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Sự đem lại cảnh khí nghĩa là (vị ấy) đem lại cảnh khí trái ý, ghê tởm, và khó chịu (nghĩ rằng): “*Sau khi ngửi mùi này (người ấy) sẽ có sự ghê tởm và khó chịu rồi chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi ngửi mùi ấy, (đối tượng) có sự ghê tởm và khó chịu, cảm thọ khổ sanh khởi thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Vị ấy) đem lại cảnh khí hợp ý (nghĩ rằng): “*Sau khi ngửi mùi này (người ấy) sẽ bị thất vọng vì không đạt được và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi ngửi mùi ấy, (đối tượng) bị thất vọng vì không đạt được thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Sự đem lại cảnh vị nghĩa là (vị ấy) đem lại cảnh vị trái ý, ghê tởm, và khó chịu (nghĩ rằng): “*Sau khi nếm vị này (người ấy) sẽ có sự ghê tởm và khó chịu rồi chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi nếm thử vị ấy, (đối tượng) có sự ghê tởm và khó chịu, cảm thọ khổ sanh khởi thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Vị ấy) đem lại cảnh vị hợp ý (nghĩ rằng): “*Sau khi nếm vị này (người ấy) sẽ bị thất vọng vì không đạt được và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nếm vị ấy, (đối tượng) bị thất vọng vì không đạt được thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Sự đem lại cảnh xúc nghĩa là (vị ấy) đem lại cảnh xúc trái ý, gây đau đớn, thô cứng (nghĩ rằng): “*Đụng chạm vào vật này (người ấy) sẽ chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi (đối tượng) đụng chạm vật ấy, cảm thọ khổ sanh khởi, thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Vị ấy) đem lại cảnh xúc hợp ý, gây khoái lạc, mềm

mại (nghĩ rằng): “*Đụng chạm vào vật này (người ấy) sẽ bị thất vọng vì không đạt được và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Khi đụng chạm vật ấy, (đối tượng) bị thất vọng vì không đạt được thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Sự đem lại cảnh pháp nghĩa là (vị ấy) thuyết bài giảng về địa ngục của người đi địa ngục (nghĩ rằng): “*Sau khi nghe điều này (người ấy) sẽ bị hoảng hốt và chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nghe được điều ấy (đối tượng) bị hoảng hốt thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika. (Vị ấy) thuyết bài giảng về cõi trời của nghiệp lành (nghĩ rằng): “*Sau khi nghe điều này (người ấy) sẽ bị tác động rồi chết đi*” thì phạm tội tác ác (dukkata). Sau khi nghe được điều ấy (đối tượng) bị tác động (nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[201] **Sự chỉ bảo** nghĩa là khi được hỏi (vị ấy) nói rằng: “*Nên chết như vậy, người nào chết như vậy người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết theo cách chỉ bảo ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

Sự dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi (vị ấy) nói rằng: “*Nên chết như vậy, người nào chết như vậy người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời*” thì phạm tội tác ác (dukkata). (Đối tượng nghĩ rằng): “*Ta sẽ chết theo cách dạy dỗ ấy*” rồi gây nên cảm thọ khổ thì vị ấy phạm trọng tội (thullaccaya). (Đối tượng) chết đi thì vị ấy phạm tội pārājika.

[202] **Hành động theo giờ hẹn** nghĩa là quy định giờ hẹn hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày. (Bảo rằng): “*Hãy đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy*” thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy thì cả hai phạm tội pārājika; (nếu) vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau giờ hẹn ấy thì vị khởi xướng vô tội còn vị giết người phạm tội pārājika.

Hành động theo dấu hiệu nghĩa là (vị ấy) làm dấu hiệu (bảo rằng): “*Tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhướng mày, hoặc là tôi sẽ ngáng đầu lên, người hãy đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy*” thì phạm tội tác ác (dukkata); (nếu) vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy thì

cả hai phạm tội pārajika; (nếu) vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội còn vị giết người phạm tội pārajika.

---o0o---

[203] Các trường hợp không phạm tội

Vị không cố ý, vị không biết, vị không có ý muốn gây tử vong, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt Tụng phẩm thứ nhất trong phần “Tội pārajika vì giết người.”

---o0o---

02. Tụng phẩm thứ nhì

[204] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Việc ca ngợi, ngồi xuống,
chuyện chày và cối giã,
các vị già xuất gia,
mắc nghẹn thịt, thuốc độc,
ba chuyện làm nền đất,
ba chuyện khác về gạch,
lưỡi rìu, và khung gỗ,
giàn giáo, leo xuống, té,
hơ nóng, mũi, xoa bóp,
việc tắm, và thoa dầu,
nâng dậy, và xô ngã,
chết bởi vì cơm, nước,
có thai với nhân tình,
và người có hai vợ,
giết chết hai mẹ con,
cả hai không bị chết,
chà xát, và đốt nóng,
không sanh, còn sanh sản,
thọt lét, sự trả thù,
dạ-xoa, quý dữ tợn
và vị phái người đi,
tưởng vị ấy rồi giết,*

*giảng cõi trời, địa ngục,
ba chuyện về cây cối
ở thành Ālavī,
ba chuyện khác về lửa,
chớ làm cho khổ sở,
không làm theo cách ngài,
(cho uống) sữa còn bơ,
và cháo chua có muối.*

---o0o---

[205] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo vì lòng trắc ẩn đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng chúng ta đã phạm tội pārajika?*” Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các người đã phạm tội pārajika.

[206] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo đi khát thực nọ trong khi ngồi xuống đã ngồi đè lên đứa bé trai được phủ bởi tấm màn ở trên chiếc ghế và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội pārajika?*” Sau đó, vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika. Và này các tỳ-kheo, khi chưa xem xét không nên ngồi xuống ở chỗ ngồi; vị nào ngồi xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[207] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà đã cầm lấy một cái chày khi đưa cái chày lên. Cái chày thứ hai đã rơi xuống và chạm mạnh vào đỉnh đầu của đứa bé trai nọ. Đứa bé đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không cố ý.

- Nay tỳ-kheo, không cố ý thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong khi sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà đã bước lên các vật dụng như cối giã khiến (chúng) quay tròn rồi chạm mạnh vào đứa bé trai nọ và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, không cố ý thì vô tội.

[208] Vào lúc bảy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các tỳ-kheo. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này:

- Thưa cha, hãy đi. Hội chúng đang chờ cha đó.

Rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong.

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có hai cha con cùng xuất gia nơi các vị tỳ-kheo. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này:

- Thưa cha, hãy đi. Hội chúng đang chờ cha đó.

Rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bảy giờ, có hai cha con cùng xuất gia nơi các vị tỳ-kheo. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này:

- Thưa cha, hãy đi. Hội chúng đang chờ cha đó.

Rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[209] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Một vị tỳ-kheo khác đã vỗ vào cổ của vị tỳ-kheo ấy. Cục thịt rơi ra có dính máu. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, vị tỳ-kheo nọ trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Một vị tỳ-kheo khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị tỳ-kheo ấy. Cục thịt rơi ra có dính máu. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, vị tỳ-kheo nọ trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Một vị tỳ-kheo khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị tỳ-kheo ấy. Cục thịt rơi ra có dính máu. Vị tỳ-kheo đó đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[210] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo đi khát thực nọ sau khi nhận được vật thực có thuốc độc đã mang trở về và dâng các tỳ-kheo ném thử trước. Các tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

- Nay tỳ-kheo, vị không biết thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn thử nghiệm đã trao thuốc độc cho vị tỳ-kheo khác. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý muốn thử nghiệm.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[211] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī thực hiện nền đất của trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa đá lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên nắm lấy vụng về khiến viên đá chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, không cố ý thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī thực hiện nền đất của trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa đá lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên cố ý muốn gây tử vong nên đã thả viên đá ở đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī thực hiện nền đất của trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa đá lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên cố ý muốn gây tử vong nên đã thả viên đá ở đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī xây dựng bức tường của trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa gạch lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên nắm lấy vụng về khiến viên gạch chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, không cố ý thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī xây dựng bức tường của trú xá. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa gạch lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên cố ý muốn gây tử vong nên đã thả viên gạch ở đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đó đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Āḷavī xây dựng công trình mới. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa lưới riu lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên nắm lấy vụng về khiến lưới riu chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, không cố ý thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Āḷavī xây dựng công trình mới. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa lưới riu lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả lưới riu ở đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đó đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārājika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Āḷavī xây dựng công trình mới. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa khung gỗ lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên nắm lấy vụng về khiến khung gỗ chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, không cố ý thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Āḷavī xây dựng công trình mới. Có vị tỳ-kheo nọ ở bên dưới đưa khung gỗ lên. Vị tỳ-kheo ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả khung gỗ ở đỉnh đầu của vị tỳ-kheo ở bên dưới. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đó đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārājika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Āḷavī trong khi xây dựng công trình mới buộc lại cái giàn giáo. Có vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại.

Vị kia đã đứng ở chỗ ấy và trong khi buộc lại đã bị rơi xuống và chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong.
- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī trong khi xây dựng công trình mới buộc lại cái giàn giáo. Có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị tỳ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại.

Vị kia đã đứng ở chỗ ấy và trong khi buộc lại đã bị rơi xuống và chết đi. ...(như trên)... đã bị rơi xuống và không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[212] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo ấy điều này:

- Nay đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này.

Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị tỳ-kheo ấy điều này:

- Nay đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này.

Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. ...(như trên)... đã bị té xuống và không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[213] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bức bối bởi sự không thỏa thích nên đã leo lên đỉnh núi Gijjhakūṭa và trong khi lao xuống vách núi đã chạm người đàn giở và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika. Và này các tỳ-kheo, không nên lao mình xuống; vị nào lao xuống thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sau khi leo lên núi Gijjhakūṭa đã ném đá để đùa giỡn. Viên đá đã chạm vào người chăn bò nọ và gây ra tử vong. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các ngươi không phạm tội pārajika. Và này các tỳ-kheo, không nên ném đá để đùa giỡn; vị nào ném thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

[214] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã hơ nóng vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã hơ nóng vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các ngươi không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh nóng đầu. Các tỳ-kheo đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh nóng đầu. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã xoa bóp vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã xoa bóp vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã tắm cho vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã tắm cho vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã thoa dầu cho vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã thoa dầu cho vị ấy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã dìu vị ấy đứng dậy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã dìu vị ấy đứng dậy. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã làm vị ấy ngã xuống. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã làm vị ấy ngã xuống. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã cho vị ấy thức ăn. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thức ăn. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã cho vị ấy thức uống. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thức uống. Vị tỳ-kheo ấy đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo ấy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, các người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[215] Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có chồng đi vắng đã mang thai với tình nhân. Cô ấy đã nói với vị tỳ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

- Này chị gái, tốt thôi!

Rồi đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai người vợ, một cô không sanh sản cô kia còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị tỳ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, nếu cô ấy sẽ sanh con thì cô ta sẽ là chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

- Này chị gái, tốt thôi!

Rồi đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Người mẹ đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ có hai người vợ, một cô không sanh sản cô kia còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị tỷ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, nếu cô ấy sẽ sanh con thì cô ta sẽ là chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

- Này chị gái, tốt thôi!

Rồi đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Người mẹ đã chết đi. Đứa bé trai đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỷ-kheo, người không phạm tội pārājika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ có hai người vợ, một cô không sanh sản cô kia còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị tỷ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, nếu cô ấy sẽ sanh con thì cô ta sẽ là chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

- Này chị gái, tốt thôi!

Rồi đã cho cô ấy thuốc làm sảy thai. Cả hai đã chết đi. ...(như trên)...
Cả hai đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỷ-kheo, người không phạm tội pārājika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà có thai nợ đã nói với vị tỷ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

- Này chị gái, như thế thì hãy chà xát.

Cô ấy đã chà xát và đã làm sảy thai. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỷ-kheo, người đã phạm tội pārājika.

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà có thai nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sảy thai đi.

- Này chị gái, như thế thì hãy đốt nóng.

Cô ấy đã đốt nóng và đã làm sảy thai. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà không sanh sản nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc men làm cho tôi có thể sanh sản đi.

- Này chị gái, tốt thôi!

Rồi đã cho cô ấy thuốc men. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).⁵³

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà còn sanh sản nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường lui tới với gia đình điều này:

- Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc men làm cho tôi không còn sanh sản đi.

- Này chị gái, tốt thôi!

Rồi đã cho cô ấy thuốc men. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

[216] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã làm cho vị tỳ-kheo nhóm Mười Bảy Sư cười bằng cách dùng ngón tay thọt lét. Vị tỳ-kheo ấy

trong khi rối loạn không thở ra được nên đã chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, (các người) không phạm tội pārajika mà phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[217] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Mười Bảy Sư (nghĩ rằng): “*Chúng ta sẽ gây chuyện,*” rồi chạm mạnh vào vị tỳ-kheo nhóm Lục Sư khiến vị ấy chết đi. Các Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, (các người) không phạm tội pārajika mà phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[218] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ là vị đuôi tà ma đã đoạt lấy mạng sống của loài dạ-xoa. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[219] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã phá vị tỳ-kheo nọ đến trú xá có dạ-xoa dữ tợn. Các con dạ-xoa đã đoạt lấy mạng sống vị đó. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong đã phá vị tỳ-kheo nọ đến trú xá có dạ-xoa dữ tợn. Các con dạ-xoa đã đoạt lấy mạng sống vị đó. ...(như trên).... Các con dạ-xoa đã không đoạt lấy mạng sống vị đó. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã phá vị tỳ-kheo nọ đến khu rừng hoang có thú dữ. Các con thú dữ đã đoạt lấy mạng sống vị đó. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong đã phá vị tỳ-kheo nọ đến khu rừng hoang có thú dữ. Các con thú dữ đã đoạt lấy mạng

sống vị đó. ...(như trên)... Các con thú dữ đã không đoạt lấy mạng sống vị đó. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã phái vị tỳ-kheo nọ đến khu rừng hoang có trộm cướp. Những kẻ trộm cướp đã đoạt lấy mạng sống vị đó. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị tỳ-kheo nọ đến khu rừng hoang có trộm cướp. Những kẻ trộm cướp đã đoạt lấy mạng sống vị đó. ...(như trên)... Những kẻ trộm cướp đã không đoạt lấy mạng sống vị đó. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[220] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ nhận ra người ấy rồi đã đoạt lấy mạng sống người ấy, nhận ra người ấy rồi đã đoạt lấy mạng sống người khác, nhận ra người khác rồi đã đoạt lấy mạng sống người ấy, nhận ra người khác rồi đã đoạt lấy mạng sống người khác. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[221] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị tỳ-kheo khác đã đánh vào vị tỳ-kheo đó. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị tỳ-kheo khác có ý muốn gây tử vong đã đánh vào vị tỳ-kheo đó. Vị tỳ-kheo đó đã chết đi. ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đó đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[222] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ thuyết bài giảng về cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong thuyết bài giảng về cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. ...(như trên)... Người ấy bị tác động đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ thuyết bài giảng về địa ngục của người đi địa ngục. Người ấy bị hoảng hốt nên đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong thuyết bài giảng về địa ngục của người đi địa ngục. Người ấy bị hoảng hốt nên đã chết đi. ...(như trên)... Người ấy bị hốt hoảng đã không bị chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[223] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Ālavī chặt cây trong khi xây dựng công trình mới. Có vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt.

Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cái cây đã ngã đè lên và giết chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ-kheo ở Āḷavī trong khi xây dựng công trình mới chặt cây. Có vị tỳ-kheo nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị tỳ-kheo khác điều này:

- Này đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt.

Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cái cây đã ngã đè lên và giết chết. ...(như trên)... Cái cây đã ngã đè lên và không giết chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[224] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. Các Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư có ý muốn gây tử vong đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. ...(như trên)... Dân chúng bị đốt cháy đã không bị chết. Các Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, (các người) không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[225] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này:

- Này đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát.

- Thưa ngài, tốt thôi!

Rồi đã đoạt lấy mạng sống bằng một nhát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sau khi đi đến nơi tử hình đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này:

- Nay đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát.

- Tôi sẽ không làm theo lời nói của ngài.

Rồi đã đoạt lấy mạng sống kẻ ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

[226] Vào lúc bảy giờ, có người đàn ông nọ có tay và chân bị chặt đứt ở trong nhà của gia tộc và có các thân quyến vây quanh. Có vị tỳ-kheo nọ đã nói với những người ấy điều này:

- Nay các đạo hữu, các người có mong muốn cái chết của người này không?

- Thưa ngài, đúng vậy. Chúng tôi muốn.

- Như thế thì hãy cho uống sữa còn bơ.

Họ đã cho người ấy uống sữa còn bơ. Người ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bảy giờ, có người đàn ông nọ có tay và chân bị chặt đứt ở trong nhà của gia tộc và được các thân quyến vây quanh. Có vị tỳ-kheo ni nọ đã nói với những người ấy điều này:

- Nay các đạo hữu, các người có mong muốn cái chết của người này không?

- Thưa ni sư, đúng vậy. Chúng tôi muốn.

- Như thế thì hãy cho uống cháo chua có muối.

Họ đã cho người ấy uống cháo chua có muối. Người ấy đã chết đi. Vị ni ấy đã có nổi nghi hoặc. Rồi vị tỳ-kheo ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni ấy đã phạm tội pārājika.

Dứt điều pārājika thứ ba.

---o0o---

IV. Chương Pārājika thứ tư (Catutthapārājikakaṇḍam): Tội khoe pháp thượng nhân không thực chứng

[227] Câu chuyện về các vị tỳ-khuru ở bờ sông Vaggumudā

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo đồng quan điểm, thân thiết, đã vào mùa (an cư) mưa ở bờ sông Vaggumudā. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Khi ấy, các vị tỳ-kheo ấy đã khởi ý rằng: *“Hiện nay, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?”*

Một số vị đã nói như vậy:

- Nay các đại đức, chúng ta hãy làm công việc cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.

Một số vị đã nói như vậy:

- Nay các đại đức, thôi đi! Việc gì lại làm công việc cho các người tại gia? Nay các đại đức, chúng ta hãy đưa tin tức cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.

Một số vị đã nói như vậy:

- Nay các đại đức, thôi đi! Việc gì lại làm công việc cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Nay các đại đức, chúng ta hãy ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia đi (nói rằng): “*Vị tỳ-kheo như vậy đạt sơ thiên, vị tỳ-kheo như vậy đạt nhị thiên, vị tỳ-kheo như vậy đạt tam thiên, vị tỳ-kheo như vậy đạt tứ thiên, vị tỳ-kheo như vậy là vị Nhập Lưu, vị tỳ-kheo như vậy là vị Nhất Lai, vị tỳ-kheo như vậy là vị Bất Lai, vị tỳ-kheo như vậy là vị A-la-hán, vị tỳ-kheo như vậy có Tam Minh, vị tỳ-kheo như vậy có Lục Thông;*” như thế họ sẽ nghĩ đến mà bỏ thí cho chúng ta. Như thế chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.

- Nay các đại đức, chính điều này là tốt nhất tức là việc chúng ta có sự ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia.

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia:

- Vị tỳ-kheo như vậy đạt sơ thiên, ...(như trên)... vị tỳ-kheo như vậy đạt tứ thiên, vị tỳ-kheo như vậy là vị Nhập Lưu, vị tỳ-kheo như vậy là vị Nhất Lai, ...(như trên)... vị tỳ-kheo như vậy có Lục Thông

Khi ấy, những người dân ấy (nghĩ rằng): “*Quả thật điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật chúng ta đã đạt được điều tốt! Chúng ta có được các tỳ-kheo như vậy trong số các tỳ-kheo có giới có thiện pháp vào mùa (an cư) mưa! Quả thật từ trước đến nay không có các tỳ-kheo như vậy vào mùa (an cư) mưa như là các vị tỳ-kheo có giới có thiện pháp này vậy!*” Họ đã cúng dường đến các vị tỳ-kheo những vật thực loại mềm mà họ không ăn cho chính bản thân, cũng không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và người đồng sự, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ đã cúng dường đến các vị tỳ-kheo những vật thực loại cứng mà họ đã không nhai cho chính bản thân, cũng không dâng đến cha mẹ, ...(như trên)... không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ đã cúng dường đến các vị tỳ-kheo những thức nếm mà họ đã không nếm thử cho chính bản thân, cũng không dâng đến cha mẹ, ...(như trên)... không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ đã cúng dường đến các vị tỳ-kheo những thức uống mà họ đã không uống cho chính bản thân, cũng không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và người đồng sự, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống.

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh.

Điều này đã trở thành thông lệ cho các tỳ-kheo đã trải qua mùa (an cư) mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị tỳ-kheo ấy sau khi trải qua ba tháng mùa (an cư) mưa đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về thành Vesālī. Tuần tự du hành, các vị đã đi đến thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

[228] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ-kheo đã sống qua mùa (an cư) mưa ở các phương thì ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái lại các vị tỳ-kheo ở bờ sông Vaggumudā có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh.

Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỳ-kheo đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ-kheo ở bờ sông Vaggumudā điều này:

- Nay các tỳ-kheo, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa (an cư) mưa có được thoải mái không? Và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?

- Bạch Thế Tôn, sức khỏe được khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch ngài, chúng con có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa (an cư) mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.

Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không (hỏi việc) không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị tỳ-kheo bởi hai lý do: “*Chúng ta sẽ thuyết Pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử.*” Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ-kheo ở bờ sông Vaggumudā điều này:

- Nay các tỳ-kheo, các người có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa (an cư) mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực như thế nào?

Khi ấy, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, các người có thực chứng không?

- Bạch Thế Tôn, không có thực chứng.

[229] Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này những kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rò dại, tại sao các người vì lý do của bao tử lại ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia? Này những kẻ rò dại, thà các người bị mổ banh bụng ra bởi con dao bén của kẻ giết trâu bò còn là điều cao thượng, chớ vì lý do của bao tử lại ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia là không (cao thượng). Điều ấy có lý do như thế nào? Này những kẻ rò dại, bởi vì do nguyên nhân kia 54 người có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, người lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này những kẻ rò dại, quả thật do nguyên nhân này 55, khi tan rã thân xác và chết đi, người có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

---o0o---

[230] Năm kẻ cướp lớn

Này các tỳ-kheo, đây là năm kẻ cướp lớn được biết đến ở thế gian? Thế nào là năm? Này các tỳ-kheo, ở đây, có kẻ cướp lớn khởi ý như vậy: “Đến khi nào được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ vừa đi quanh làng mạc phố thị kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ.” Một thời gian sau, được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, kẻ ấy vừa đi quanh làng mạc phố thị kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ. Này các tỳ-kheo, tương tự như thế, ở đây, có hạng ác tỳ-kheo khởi ý như vậy: “Đến khi nào được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ đi quanh làng mạc phố thị kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, và có được lợi lộc về y phục,

vật thực, sàng tọa, và thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia.” Một thời gian sau, được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn người, vị ấy đi quanh làng mạc phố thị kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, và có được lợi lộc về y phục, vật thực, sàng tọa, và thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia. Đây các tỳ-kheo, đây là kẻ cướp lớn thứ nhất được biết đến ở thế gian.

Này các tỳ-kheo, hơn nữa, ở đây có hạng ác tỳ-kheo sau khi đã học tập Pháp và Luật được công bố bởi Như Lai lại xem là của chính bản thân. Đây các tỳ-kheo, đây là kẻ cướp lớn thứ nhì được biết đến ở thế gian.

Này các tỳ-kheo, hơn nữa, ở đây có hạng ác tỳ-kheo bôi nhọ vị trong sạch, có Phạm hạnh, đang thực hành Phạm hạnh thanh tịnh bởi sự phi Phạm hạnh không có nguyên cớ. Đây các tỳ-kheo, đây là kẻ cướp lớn thứ ba được biết đến ở thế gian.

Này các tỳ-kheo, hơn nữa, ở đây có hạng ác tỳ-kheo chiêu dụ mua chuộc các người tại gia bằng các trọng vật là các vật dụng chủ yếu của hội chúng như là tu viện, đất của tu viện, trú xá, đất của trú xá, giường, ghế, nệm, gối, chum đồng, chậu đồng, hũ đồng, vại đồng, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưới đục, dây leo, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ tiṇa, đất sét, đồ gỗ, đồ gốm. Đây các tỳ-kheo, đây là kẻ cướp lớn thứ tư được biết đến ở thế gian.

Này các tỳ-kheo, trong thế gian bao gồm cõi chư thiên, cõi ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, và loài người, kẻ cướp lớn đứng hàng đầu là kẻ khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng. Điều ấy có lý do thế nào? Đây các tỳ-kheo, các người đã ăn thức ăn của xứ sở theo lối trộm cướp.

*Vị tuyên bố thế này,
bản thân như thế khác,
ăn cơm kiêu dối lường
như cờ gian bạc lận.
Nhiều kẻ cố quán y,
ác pháp không thu thúc,
kẻ ác, vì nghiệp ác
phải sanh vào địa ngục.
Kẻ ác giới buông lung
thà ăn vào sắt cục*

*cháy đỏ có lửa ngọn
hơn đồ ăn xír sờ.*

---o0o---

[231] Sự quy định lần thứ nhất

Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách các vị tỳ-kheo ở bờ sông Vaggumudā bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào tuyên bố về pháp thượng nhân chưa được chứng tri, là pháp thể nhập của bản thân, là pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc thánh rằng: ‘Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Sau đó vào lúc khác, dầu được hỏi hay không được hỏi, (vị ấy) có ước muốn được trong sạch tội đã vi phạm lại nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã không biết như vậy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá;’ vị ấy cũng là vị phạm tội pārājika, không được cộng trú.*” Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo như thế.

---o0o---

[232] Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo trong khi không thấy tướng là đã thấy, trong khi không đạt tướng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tướng là đã đắc chứng, trong khi không thực chứng tướng là đã thực chứng, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát. Một thời gian sau, các vị lại có tâm thiên về tham ái, lại có tâm lại thiên về sân hận, lại có tâm lại thiên về si mê. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc rằng: “*Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; chúng ta trong khi không thấy tướng là đã thấy, trong khi không đạt tướng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tướng là đã đắc chứng, trong khi không thực chứng tướng là đã thực chứng, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát, phải chăng chúng ta đã phạm tội pārājika?*” Các vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này Ānanda, có các vị tỳ-kheo trong khi không thấy tướng là đã thấy, trong khi không đạt tướng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tướng là đã đắc chứng, trong khi không thực chứng tướng là đã thực chứng, đã nói với sự tự tin thái quá về trí giải thoát; điều ấy vốn không thuộc về trường hợp này.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các vị tỳ-kheo rằng:

-...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào tuyên bố về pháp thượng nhân khi chưa thực chứng, là pháp thể nhập của bản thân, là pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc thánh rằng: ‘Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Sau đó vào lúc khác, dầu được hỏi hay không được hỏi, (vị ấy) có ước muốn được trong sạch tội đã vi phạm lại nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã không biết như vậy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá,’ ngoại trừ vì sự tự tin thái quá; vị này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú.*”

---o0o---

[233] Giải nghĩa từ ngữ của điều học pārajika thứ tư

Vị nào: là bất cứ vị nào...(như trên)...

Tỳ-kheo:...(như trên)... Vị này là “*vị tỳ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Không biết rõ: là không có, không thực chứng, không được biết, trong khi không hiểu, trong khi không thấy thiện pháp ở nơi mình (lại nói): “*Tôi có các thiện pháp.*”

Pháp thượng nhân nghĩa là thiên, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự thực chứng về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng.

Là pháp thể nhập của bản thân: vị thể nhập các thiện pháp ấy vào bản thân, vị thể nhập bản thân vào các thiện pháp ấy.

Trí tuệ: là tam Minh.

Thấy biết: điều gì là trí tuệ điều ấy là sự thấy biết. Điều gì là sự thấy biết điều ấy là trí tuệ.

Tuyên bố: vị nói ra đến người nữ, hoặc đến người nam, hoặc đến người tại gia, hoặc đến bậc xuất gia.

Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy: Tôi biết các pháp này, tôi thấy các pháp này, và tôi có các pháp này, và tôi sẽ thuần thực trong các pháp này.

[234] **Sau đó vào lúc khác:** được thực hiện trong giây phút nào thì trải qua vào giây phút ấy, vào khoảng thời gian ấy, vào thời điểm ấy.

Dầu được hỏi: Sự việc gì đã cho biết thì được hỏi về việc ấy: “*Điều gì đã được đại đức đắc chứng? Được đại đức đắc chứng như thế nào? Được đại đức đắc chứng vào lúc nào? Được đại đức đắc chứng ở đâu? Các phiên nào nào đã được đại đức dứt bỏ? Đại đức đã đạt được các pháp nào?*”

Hay không được hỏi: hoặc không được bắt cứ ai đề cập đến.

Tội đã vi phạm: vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng thì phạm tội pārajika.

Có ước muốn được trong sạch: có ước muốn trở thành người gia chủ, có ước muốn trở thành nam cư sĩ, có ước muốn trở thành người phụ việc cho tu viện, có ước muốn trở thành vị sa-di.

Này các đại đức, tôi đã không biết như vậy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy: Tôi không biết các pháp này, tôi không thấy các pháp này, và tôi không có các pháp này, và tôi sẽ không thuần thực trong các pháp này.

Tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá: Điều phù phiếm đã được tôi nói ra, điều dối trá đã được tôi nói ra, điều không thực đã được tôi nói ra, điều không có đã được tôi nói ra, trong lúc tôi không biết tôi lại nói ra.

Ngoại trừ vì sự tự tin thái quá: trừ ra sự tự tin thái quá.

[235] **Vị này cũng:** là liên quan đến các vị trước đây đã được đề cập.

Là vị phạm tội pārajika: cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn không thể tăng trưởng được nữa; tương tự như thế, vị tỷ-kheo có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, khi đã khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng, thì không phải là sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là “*vị phạm tội pārajika.*”

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn Pātimokkha), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là “*không được cộng trú.*”

---o0o---

[236] Giải nghĩa về pháp thượng nhân

Pháp thượng nhân nghĩa là thiên, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự thực chứng về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng.

Thiên: là sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên.

Sự giải thoát: là vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.⁵⁶

Định: là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định.

Sự chứng đạt: là sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện.

Trí tuệ: là ba Minh.

Sự tu tập về Đạo: là tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cần, tứ Như Ý Túc, ngũ Quyền, ngũ Lực, thất Giác Chi, bát Thánh Đạo.

Sự thực chứng về Quả: là sự thực chứng quả vị Nhập Lưu, sự thực chứng quả vị Nhất Lai, sự thực chứng quả vị Bất Lai, sự thực chứng quả vị A-la-hán.

Sự dứt bỏ phiền não: là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si.

Sự không còn bị che lấp của tâm: nghĩa là tâm không còn bị che lấp bởi tham ái, tâm không còn bị che lấp bởi sân, tâm không còn bị che lấp bởi si.

Sự thỏa thích ở nơi thanh vắng: là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiên, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhị thiên, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiên, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiên.

[237] Các trường hợp phạm tội

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” (paṭhamam jhānam samāpajjīṃ) bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[238] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi chứng sơ thiên*” (paṭhamam jhānam samāpajjāmi) bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*”

trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[239] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng được sơ thiên*” (paṭhamam jhānam samāpanno) bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng được sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng được sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng được sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều*

dối trá,” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng được sơ thiên*” bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[240] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đạt sơ thiên*” (paṭhamassa jhānassa lābhimhi) bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đạt sơ thiên*” bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đạt sơ thiên*” bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đạt sơ thiên*” bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đạt sơ thiên*” bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[241] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi trú sơ thiên*” (paṭhamassa jhānassa vāsimhi) bị phạm tội pāraṅjika: Trước tiên, vị ấy khởi ý

rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi trú sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi trú sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi trú sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi trú sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[242] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thực chứng sơ thiên*” (paṭhamam jhānam sacchikataṃ mayā) bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thực chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thực chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi

đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thực chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārajika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã thực chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārajika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[243] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên, ... tam thiên, ... tứ thiên, ... tôi đạt ... tôi trú tứ thiên, ... tôi đã thực chứng tứ thiên*” bị phạm tội pārajika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[244] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, ... tôi đạt ... tôi trú vô nguyện giải thoát, ... tôi đã thực chứng vô nguyện giải thoát*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[245] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, ... tôi đạt ... tôi trú vô nguyện định, ... tôi đã thực chứng vô nguyện định*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[246] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ... tôi đạt ... tôi trú sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ... tôi đã thực chứng sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[247] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được ba Minh, ... tôi đạt ... tôi trú ba Minh, ... tôi đã thực chứng ba Minh*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[248] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cần, tứ Như Ý Túc, ... tôi đạt ... tôi trú tứ Như Ý Túc, ... tôi đã thực chứng tứ Như Ý Túc*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[249] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được ngũ Quyền, ngũ Lực, ... tôi đạt ... tôi trú ngũ Lực, ... tôi đã thực chứng ngũ Lực*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[250] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được thất Giác Chi, ... tôi đạt ... tôi trú thất Giác Chi, ... tôi đã thực chứng thất Giác Chi*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[251] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bát Thánh Đạo, ... tôi đạt ... tôi trú bát Thánh Đạo, ... tôi đã thực chứng bát Thánh Đạo*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[252] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán, ... tôi đạt ... tôi trú quả vị A-la-hán, ... tôi đã thực chứng quả vị A-la-hán*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[253] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã quăng bỏ tham ái, tôi đã thoát khỏi tham ái, tôi đã dứt bỏ tham ái, tôi đã xa rời tham ái, tôi đã khai trừ tham ái, tôi đã đoạn trừ tham ái*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã từ bỏ sân, ... (như trên)...*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã từ bỏ si, tôi đã quăng bỏ si, tôi đã thoát khỏi si, tôi đã dứt bỏ si, tôi đã xa rời si, tôi đã khai trừ si, tôi đã đoạn trừ si*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

[254] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, tâm của tôi không*

bị che lấp bởi si” bị phạm tội pārājika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

Dứt Phần “Liên quan đến sự trong sạch.”

---o0o---

[255] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và nhị thiên, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiên và nhị thiên, ... tôi đã thực chứng sơ thiên và nhị thiên*” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và tam thiên, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiên và tam thiên, ... tôi đã thực chứng sơ thiên và tam thiên*” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và tứ thiên, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiên và tứ thiên, ... tôi đã thực chứng sơ thiên và tứ thiên*” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[256] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và vô phiền não giải thoát, sơ thiên và vô tướng giải thoát, sơ thiên và vô nguyện giải thoát, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiên và vô nguyện giải thoát, ... tôi đã thực chứng sơ thiên và vô nguyện giải thoát*” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[257] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và vô phiền não định, sơ thiên và vô tướng định, sơ thiên và vô nguyện định, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiên và vô nguyện định, ... tôi đã thực chứng sơ thiên và vô nguyện định*” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[258] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sơ thiên và sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sơ thiên và sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiên và sự chứng đạt về*

trạng thái vô nguyện, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[259] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và ba Minh, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiền và ba Minh, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và ba Minh”* bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[260] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tứ Niệm Xứ, sơ thiền và tứ Chánh Cần, sơ thiền và tứ Như Ý Túc, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiền và tứ Như Ý Túc, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và tứ Như Ý Túc”* bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[261] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và ngũ Quyền, sơ thiền và ngũ Lực, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiền và ngũ Lực, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và ngũ Lực”* bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[262] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và thất Giác Chi, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiền và thất Giác Chi, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và thất Giác Chi”* bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[263] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bát Thánh Đạo, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiền và bát Thánh Đạo, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và bát Thánh Đạo”* bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[264] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và quả vị Nhập Lưu, sơ thiền và quả vị Nhất Lai, sơ thiền và quả vị Bất Lai, sơ thiền và quả vị A-la-hán, ... tôi đạt ... tôi trú sơ thiền và quả vị A-la-hán, ... tôi đã thực chứng sơ thiền và quả vị A-la-hán”* bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[265] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dôi trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tôi đã từ bỏ tham ái, ...(như trên)...* Tôi đã chứng sơ thiền ...(như trên)... và tôi đã từ bỏ sân ...(như trên)... Tôi đã chứng sơ thiền ...(như trên)... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si” bị phạm tội pārājika ...(như trên)...

[266] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội pārajika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

Dứt phần “Phân tích theo sự xoay vòng.”

---o0o---

[267] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên và tam thiên, ... tôi đạt ... tôi trú nhị thiên và tam thiên, ... tôi đã thực chứng nhị thiên và tam thiên” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên và tứ thiên, ... tôi đạt ... tôi trú nhị thiên và tứ thiên, ... tôi đã thực chứng nhị thiên và tứ thiên” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng nhị thiên và vô phiền não giải thoát, nhị thiên và vô tướng giải thoát, nhị thiên và vô nguyên giải thoát, nhị thiên và vô phiền não định, nhị thiên và vô tướng định, nhị thiên và vô nguyên định, nhị thiên và sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, nhị thiên và sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, nhị thiên và sự chứng đạt về trạng thái vô nguyên, nhị thiên và ba Minh, nhị thiên và tứ Niệm Xứ, nhị thiên và tứ Chánh Cần, nhị thiên và tứ Như Ý Túc, nhị thiên và ngũ Quyền, nhị thiên và ngũ Lực, nhị thiên và thất Giác Chi, nhị thiên và bát Thánh Đạo, nhị thiên và quả vị Nhập Lưu, nhị thiên và quả vị Nhất Lai, nhị thiên và quả vị Bất Lai, nhị thiên và quả vị A-la-hán, ...(như trên)... Tôi đã chứng được nhị thiên và tôi đã từ bỏ tham ái, ...(như trên)... và tôi đã từ bỏ sân ...(như trên)... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si ...(như trên)... Tôi đã chứng nhị thiên và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tôi đã chứng nhị thiên và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, tôi đã chứng nhị thiên và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên

và sơ thiên, ... tôi đạt ... tôi trú nhị thiên và sơ thiên, ... tôi đã thực chứng nhị thiên và sơ thiên” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Dứt phần “Tổng hợp theo sự xoay vòng.”

---o0o---

Sau khi thực hiện theo mỗi một nhân tố như thế,

phần tổng hợp theo sự xoay vòng nên được tiến hành một cách tròn đủ.

Phần này được tóm tắt.

[268] Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên. ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đạt ... tôi trú sơ thiên, tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã thực chứng sơ thiên*” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cô tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ba Minh, tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cần, tứ Như Ý Túc, ngũ Quyền, ngũ Lực, thất Giác Chi, bát Thánh Đạo, quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán, ... (như trên)...* Tôi đã từ bỏ tham ái, ...(như trên)... Tôi đã từ bỏ sân ...(như trên)... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si ... (như trên)... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội pārajika ...(như trên)...

Dứt phần tóm tắt liên quan đến một nhân tố.

---o0o---

[269] Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố, phần liên quan đến mười nhân

tổ nên được phân tích giống y như cách đã được phân tích ở phần liên quan đến một nhân tố.

Đây là phần liên quan đến tất cả các nhân tố.

[270] Với ba yếu tố, ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiến não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiến não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về trạng thái vô phiến não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ba Minh, tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cần, tứ Như Ý Túc, ngũ Quyền, ngũ Lực, thất Giác Chi, bát Thánh Đạo, quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán, ... (như trên) ... Tôi đã từ bỏ tham ái, ... (như trên) ... Tôi đã từ bỏ sân ... (như trên) ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si ... (như trên) ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội pārajika: Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.*

Dứt phần liên quan đến tất cả các nhân tố.

Dứt phần giảng giải về trường hợp liên quan đến sự trong sạch.

[271] Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng nhị thiên*” và (người nghe) hiểu được thì
p---o0o---

hạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ... (như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng tam thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ... (như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng tứ thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm

tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya).
...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ba Minh, tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cần, tứ Như Ý Túc, ngũ Quyên, ngũ Lục, thất Giác Chi, bát Thánh Đạo, quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã từ bỏ tham ái, ...(như trên)... Tôi đã từ bỏ sân ... (như trên)... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

Dứt phần phân tích theo sự xoay vòng theo từ được chọn lọc thuộc về các sự việc căn bản.

---o0o---

[272] Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng nhị thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng tam thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng nhị thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng nhị thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Phần tóm tắt theo sự xoay vòng có liên quan đến một nhân tố thuộc về các sự việc căn bản.

Phần nhân tố được tóm tắt.

[273] Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Dứt phần tóm tắt có liên quan đến một nhân tố thuộc về các sự việc căn bản.

[274] Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên và nhị thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng tam thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiên và nhị thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Phần phân tích theo sự xoay vòng có liên quan đến hai nhân tố thuộc về các sự việc căn bản.

[275] Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng nhị thiên và tam thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng tứ thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng nhị thiên và tam thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi sĩ*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng nhị thiên và tam thiên*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng có liên quan đến hai nhân tố thuộc về các sự việc căn bản.

[276] Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân và tâm của tôi không bị che lấp bởi sĩ*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tôi đã chứng sơ thiên*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân và tâm của tôi không bị che lấp bởi sĩ*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)...

Dứt phần tóm tắt có liên quan đến hai nhân tố thuộc về các sự việc căn bản.

---o0o---

[277] Phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố, phần liên quan đến mười nhân tố nên được thực hiện theo như đã được giảng giải ở phần có liên quan đến mỗi một nhân tố thuộc về phần

có từ được chọn lọc. Phần có liên quan đến một nhân tố được phân tích như thế nào thì nên được phân tích giống y như thế.

Đây là phần có liên quan đến tất cả các nhân tố.

[278] Với ba yếu tố, ...(như trên)... Với bảy yếu tố, vị có ý định nói rằng: “*Tôi đã chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ba Minh, tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cần, tứ Như Ý Túc, ngũ Quyền, ngũ Lực, thất Giác Chi, bát Thánh Đạo, quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán và tôi đã từ bỏ tham ái, ...(như trên)... Tôi đã từ bỏ sân ...(như trên)... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân*” lại cố tình nói điều dối trá: “*Tâm của tôi không bị che lấp bởi si*” và (người nghe) hiểu được thì phạm tội pārajika; (người nghe) không hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói,*” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

Dứt phần trùng lặp theo sự xoay vòng thuộc về các sự việc căn bản.

Dứt phần giảng giải về trường hợp “Có ý định nói.”

---o0o---

[279] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Vị (tỷ-kheo) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỷ-kheo ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được sơ thiền, vị tỷ-kheo ấy có sự đạt được ... có sự an trú của sơ thiền, sơ thiền đã được thực chứng bởi vị tỷ-kheo ấy*” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “*Ta sẽ nói điều dối trá,*” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “*Ta đang nói điều dối trá,*” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “*Điều dối trá đã được ta nói.*”

Với bốn yếu tố, với năm yếu tố, với sáu yếu tố, với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Vị (tỷ-kheo) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỷ-kheo ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được sơ thiền, vị tỷ-kheo ấy có sự*

đạt được ... có sự an trú của sơ thiên, sơ thiên đã được thực chứng bởi vị tỷ-kheo ấy” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã diễn đạt quan điếm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị (tỷ-kheo) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỷ-kheo ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về trạng thái vô phiền não, sự chứng đạt về trạng thái vô tướng, sự chứng đạt về trạng thái vô nguyện, ba Minh, tứ Niệm Xứ, tứ Chánh Cân, tứ Như Ý Túc, ngũ Quyên, ngũ Lực, thất Giác Chi, bát Thánh Đạo, quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai và quả vị A-la-hán. Vị tỷ-kheo ấy có sự đạt được ... có sự an trú vào quả vị A-la-hán, quả vị A-la-hán đã được thực chứng bởi vị tỷ-kheo ấy” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata) ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị (tỷ-kheo) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỷ-kheo ấy đã từ bỏ tham ái, ...(như trên)... đã từ bỏ sân ...(như trên)... đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata) ...(như trên)...

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị (tỷ-kheo) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỷ-kheo ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái, có tâm không bị che lấp bởi sân, và có tâm không bị che lấp bởi si” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã diễn đạt quan điếm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Vị (tỷ-kheo) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỷ-kheo ấy đã chứng ... chứng... đã chứng được

sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền ở nơi thanh vắng; vị tỷ-kheo ấy có sự đạt được ... có sự an trú của tứ thiền ở nơi thanh vắng, tứ thiền đã được thực chứng bởi vị tỷ-kheo ấy ở nơi thanh vắng” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.

[280] Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “*Vị nào thọ dụng y của đạo hữu, thọ dụng vật thực của đạo hữu, thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu, thọ dụng thuốc men trị bệnh của đạo hữu, trú xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vị nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng y, đã dâng vật thực, đã dâng chỗ trú ngụ, đã dâng thuốc men trị bệnh, vị tỷ-kheo ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền ở nơi thanh vắng; vị tỷ-kheo ấy có sự đạt được ... có sự an trú của tứ thiền ở nơi thanh vắng, tứ thiền đã được thực chứng bởi vị tỷ-kheo ấy ở nơi thanh vắng” và (người nghe) hiểu được thì phạm trọng tội (thullaccaya); (người nghe) không hiểu được thì phạm tội tác ác (dukkata): Trước tiên, vị ấy khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá,” trong khi nói (vị ấy biết rằng): “Ta đang nói điều dối trá,” sau khi đã nói (vị ấy biết rằng): “Điều dối trá đã được ta nói,” đã diễn đạt quan điểm, đã diễn đạt điều mong mỏi, đã diễn đạt điều khao khát, đã diễn đạt ý định.*

Dứt mười lăm phần trùng lặp.

Dứt phần giảng giải về các trường hợp liên quan đến vật dụng.

---o0o---

[281] Các trường hợp không phạm tội

Vị có sự tự tin thái quá, vị không có ý định khoác lác, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

---o0o---

[282] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Khi tự tin thái quá,
trong rừng, đi khát thực,
thầy tế độ, oai nghi,
các trời buộc, hoang vắng,
trú xá, được hộ độ,
không phải là việc khó,
tinh tấn, rồi tử thân,
sợ hãi, này đại đức
ân hận, hành chơn chánh,
với kiên trì gấn bó
đưa đến sự thành tựu,
rồi có hai câu chuyện
chịu đựng về cảm thọ,
Bà-la-môn năm chuyện,
ba chuyện vị đề cập
trí giải thoát, ngụ nhà,
các dục đã ngăn chặn,
thỏa thích, và ra đi,
bộ xương và miếng thịt
hai chuyện kẻ giết bò,
cục thịt kẻ bẫy chim,
không da người hàng thịt,
cây gươm kẻ mổ heo,
cây lao thợ săn nai,
mũi tên người xỉ án,
cây kim kẻ dạy thú,
kẻ vu không bị may,
mang tình hoàn quan tòa,
chìm hố kẻ ngoại tình,
Bà-la-môn quý quyết
là kẻ bị ăn phân,
không da gái lãng loạn,
góm ghiếc bà bói toán,
thị héo hơn tàn tạ
đổ than hồng tình địch,
đầu cắt kẻ trăm tù,
tỷ-kheo, tỷ-kheo ni,
ni tập sự, sa-di,*

rời vị sa-di ni,
đã xuất gia trong Luật
của Phật Kassapa
chúng đã làm ác nghiệp,
dòng sông Tapodā,
thành Rājagaha,
chiến trận (Licchavi),
và chuyện rỗng lặn hụp,
tỷ-kheo Sobhita
là vị A-la-hán
nhớ được năm trăm kiếp.

---o0o---

[283] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo nọ do sự tự tin thái quá đã nói về trí giải thoát (aññā). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội pārajika?” Sau đó, vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỷ-kheo, do sự tự tin thái quá thì vô tội.

[284] Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo nọ cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỏi rằng: “Nhu vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỷ-kheo, người không phạm tội pārajika. Và này các tỷ-kheo, không nên cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỏi; vị nào cư ngụ thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo nọ đi khát thực sau khi đã mong mỏi rằng: “Nhu vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỷ-kheo, người không phạm tội pārajika. Và này các tỷ-kheo, không nên đi khát thực sau khi đã mong mỏi; vị nào đi thì phạm tội tác ác (dukkata).

[285] Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo nọ đã nói với vị tỷ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, tất cả các vị đệ tử của thầy tế độ của chúng ta là các vị A-la-hán.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).⁵⁷

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo khác điều này:

- Nay đại đức, tất cả các vị học trò của thầy tế độ của chúng ta đều có đại thần lực, có đại oai lực.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[286] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đi kinh hành sau khi đã mong mỏi rằng: “*Như vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!*” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội pārajika. Và này các tỳ-kheo, không nên đi kinh hành sau khi đã mong mỏi; vị nào đi kinh hành thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đứng yên sau khi đã mong mỏi ...(như trên)... ngồi xuống sau khi đã mong mỏi ...(như trên)... nằm xuống sau khi đã mong mỏi rằng: “*Như vậy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!*” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika. Và nay các tỳ-kheo, không nên nằm xuống sau khi đã mong mỏi; vị nào nằm xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[287] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã khoác lác về pháp thượng nhân đến vị tỳ-kheo khác. Vị ấy đã nói như vậy:

- Nay đại đức, những sự trói buộc (saṃyojanā) của tôi cũng đã được đoạn tận.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[288] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ ở nơi vắng vẻ đã khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị tỳ-kheo biết được tâm người khác đã phản bác vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Nay đại đức, chớ có nói như thế. Điều ấy đại đức không có.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ ở nơi vắng vẻ đã khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị thiên nhân đã phản bác vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Thưa ngài, chớ có nói như thế. Điều ấy ngài không có.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm tội tác ác (dukkata)..

[289] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã nói với người nam cư sĩ nọ điều này:

- Nay đạo hữu, vị tỳ-kheo sống trong trú xá của đạo hữu là vị A-la-hán.

Và vị tỳ-kheo ấy sống trong trú xá của người ấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã nói với người nam cư sĩ nọ điều này:

- Này đạo hữu, vị tỳ-kheo mà người hộ độ bằng y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men trị bệnh là vị A-la-hán.

Và người ấy đang hộ độ vị tỳ-kheo ấy bằng y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men trị bệnh. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[290] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Đại đức có pháp thượng nhân không?

- Này các đại đức, không phải là việc khó để nói lên trí giải thoát.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Chỉ có những vị thánh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như thế. Và ta không phải là thánh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội pārajika?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Đại đức có pháp thượng nhân không?

- Nay các đại đức, vị có sự tinh tấn đầy đủ thì pháp được thành tựu.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Nay đại đức, chớ có sợ hãi!

- Nay các đại đức, tôi không có sợ tử thân.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Nay đại đức, chớ có sợ hãi!

- Nay các đại đức, có lẽ vị nào có sự ân hận thì vị ấy mới sợ hãi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Đại đức có pháp thượng nhân không?

- Nay các đại đức, vị có sự hành trì chơn chánh thì pháp được thành tựu.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Đại đức có pháp thượng nhân không?

- Nay các đại đức, vị có sự tinh tấn đầy đủ thì pháp được thành tựu.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.58

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Đại đức có pháp thượng nhân không?

- Nay các đại đức, vị có sự kiên trì gắn bó thì pháp được thành tựu.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Nay đại đức, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?

- Nay các đại đức, người nào khác thì không thể chịu đựng nổi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tử-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tử-kheo nọ bị bệnh. Các tử-kheo đã nói với vị ấy điều này:

- Nay đại đức, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?

- Nay các đại đức, phạm nhân thì không thể chịu đựng nổi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)... Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội pārajika mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[291] Vào lúc bảy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các vị tỳ-kheo và đã nói điều này:

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngự đến.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này gọi chúng ta bằng từ A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào đây?*” Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vô tội trong việc xung hô theo đức tin.

Vào lúc bảy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các vị tỳ-kheo và đã nói điều này:

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngồi xuống.

...(như trên)...

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy thọ thực.

...(như trên)...

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy được hài lòng.

...(như trên)...

- Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ra đi.

Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này lại đối xử với chúng ta bằng danh xưng A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào đây?*” Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vô tội trong việc xưng hô theo đức tin.

[292] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ khoác lác với vị tỳ-kheo khác về pháp thượng nhân. Vị ấy đã nói như vậy:

- Nay đại đức, tôi cũng đã đoạn tận các lậu hoặc.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ khoác lác với vị tỳ-kheo khác về pháp thượng nhân. Vị ấy đã nói như vậy:

- Nay đại đức, các pháp này cũng được tìm thấy ở tôi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ khoác lác với vị tỳ-kheo khác về pháp thượng nhân. Vị ấy đã nói như vậy:

- Nay đại đức, các pháp này cũng hiện hữu ở tôi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội pārajika

[293] Vào lúc bấy giờ, các thân quyến đã nói với vị tỳ-kheo nọ điều này:

- Thưa ngài, hãy đến và ngụ ở trong nhà.

- Nay các đạo hữu, người như tôi không thể ngụ ở trong nhà.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.
- Này tỳ-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các thân quyến đã nói với vị tỳ-kheo nọ điều này:

- Thưa ngài, hãy đến và thọ dụng các dục.
- Này các đạo hữu, các dục của tôi đã được ngăn chặn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.
- Này tỳ-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các thân quyến đã nói với vị tỳ-kheo nọ điều này:

- Thưa ngài, xin hãy thỏa thích.
- Này các đạo hữu, tôi được thỏa thích với sự thỏa thích tối thượng.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: *“Chỉ có những vị tinh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như thế. Và ta không phải là tinh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội pārajika?”* Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.
- Này tỳ-kheo, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.

[294] Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ-kheo đã vào mùa (an cư) mưa ở một trú xứ nọ sau khi đã thỏa thuận rằng: *“Vị nào rời trú xứ này trước tiên, chúng ta sẽ biết vị ấy là: ‘Vị A-la-hán’.”*

Có vị tỳ-kheo nọ (nghĩ rằng): “*Hãy để cho các vị biết ta là: ‘Vị A-la-hán’*,” rồi đã rời trú xứ ấy trước tiên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội pārajika?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội pārajika.

[295] Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đại đức Lakkhaṇa và đại đức Mahāmoggallāna cư ngụ tại núi Gijjhakūṭa. Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Mahāmoggallāna đã mặc y cầm y bát đi đến gặp đại đức Lakkhaṇa, sau khi đến đã nói với đại đức Lakkhaṇa điều này:

- Nay đại đức Lakkhaṇa, chúng ta hãy đi vào thành Rājagaha để khát thực.

- Nay đại đức, xin vâng. Đại đức Lakkhaṇa đã trả lời đại đức Mahāmoggallāna.

Sau đó, trong khi đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ngang qua một khu vực nọ, đại đức Mahāmoggallāna đã mỉm cười. Khi ấy, đại đức Lakkhaṇa đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này:

- Nay đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy?

- Nay đại đức Lakkhaṇa, không phải lúc để giải thích câu hỏi này, hãy hỏi ta câu hỏi này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn.

Rồi đại đức Lakkhaṇa và đại đức Mahāmoggallāna đã đi khát thực ở trong thành Rājagaha, sau bữa ăn khi đi khát thực trở về đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Lakkhaṇa đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này:

- Ở đây, đại đức Mahāmoggallāna trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ngang qua một khu vực nọ đã mỉm cười. Nay đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy?

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy bộ xương đang đi trong hư không và có những con chim kên kên,

chim quạ, chim ưng 59 lần xả lao vào bộ xương ấy, day nghiền, bóc ra, rút ra các phần ở khoảng giữa các xương sườn và bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. Nay đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: “*Quả thật là kỳ diệu! Quả thật là phi thường! Có chúng sanh lại trở thành như thế này! Có dạ-xoa lại trở thành như thế này! Có ngựa quý lại trở thành như thế này! Có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!*”

Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, quả thật các thính văn sống với mắt thấy như thật! Nay các tỳ-kheo, quả thật các thính văn sống với trí biết như thật! Bởi vì là thính văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Nay các tỳ-kheo, trước đây ta đã thấy chúng sanh ấy, tuy nhiên ta đã không nói ra. Và nếu ta nói ra điều ấy thì những kẻ khác có thể không tin ta, những ai không tin ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh khổ đau lâu dài. Nay các tỳ-kheo, chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. Kẻ ấy, do quả của nghiệp ấy, đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã đạt đến sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy miếng thịt đang đi trong hư không và có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lần xả lao vào miếng thịt ấy, day nghiền, bóc ra, rút ra, và bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy cục thịt đang đi trong hư không và có những con chim kên kên,

chim quạ, chim ung lặn xả lao vào miếng thịt ấy, day nghiêng, bóc ra, rút ra, và bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là kẻ bẫy chim ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người đàn ông không có lớp da (bao bọc) 60 đang đi trong hư không và có những con chim kên kên, chim quạ, chim ung lặn xả lao vào người ấy, day nghiêng, bóc ra, rút ra, và bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là người hàng thịt ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người có lông là các cây gươm đang đi trong hư không và những cây gươm ấy lặn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là người mổ heo ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người có lông là các cây lao đang đi trong hư không và những cây lao ấy lặn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là người thợ săn nai ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người có lông là các mũi tên đang đi trong hư không và những mũi

tên ấy lẫn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là người tra khảo ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không và những cây kim ấy lẫn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là người đánh xe ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không và những cây kim ấy đã đi vào đầu của người ấy rồi đi ra từ miệng, đã đi vào miệng rồi đi ra từ ngực, đã đi vào ngực rồi đi ra từ bụng, đã đi vào bụng rồi đi ra từ hai đùi, đã đi vào hai đùi rồi đi ra từ hai cẳng chân, đã đi vào hai cẳng chân rồi đi ra từ hai bàn chân; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là kẻ nói lời đâm thọc ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người hình thù quỷ sứ đang đi trong hư không. Trong lúc đi, người ấy đặt hai tinh hoàn ở trên vai rồi đi. Trong khi ngồi xuống, người ấy ngồi xuống trên chính hai tinh hoàn ấy. Và có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lẫn xả lao vào người ấy, day nghiền, bóc ra, rút ra; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, chúng sanh ấy đã là quan xử án ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người bị chìm đến tận đầu ở trong hố phân ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, chúng sanh ấy đã là kẻ phạm tội ngoại tình ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người bị chìm đến tận đầu ở trong hố phân, ăn phân bằng hai bàn tay ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, chúng sanh ấy đã là kẻ Bà-la-môn quý quyết ở ngay trong thành Rājagaha này. Trong thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, kẻ ấy đã thỉnh mời hội chúng tỳ-kheo bữa ăn. Sau khi cho người đồ đầy máng phân và thông báo thời giờ, kẻ ấy đã nói điều này: “*Này các ngài, hãy ăn ở đây theo ý thích rồi hãy mang đi.*” Kẻ ấy, do quả của nghiệp ấy, đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã đạt đến sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người đàn bà không có lớp da (bao bọc) đang đi trong hư không và có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lặn xả lao vào cô ấy, day nghiêng, bóc ra, rút ra; và cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, người đàn bà ấy đã là gái lẳng loạn ở ngay trong thành Rājagaha này. ...(như trên).... Nay các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người đàn bà hôi thối gớm ghiếc đang đi trong hư không và có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lặn xả lao vào cô ấy, day nghiêng, bóc ra, rút ra; và cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, người đàn bà ấy đã là bà bói toán ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy người đàn bà bị thiêu đốt, héo hon, tàn tạ; và cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, người đàn bà ấy đã là đệ nhất hoàng hậu của đức vua Kāliṅga. Bà ta lộ vẻ ghen tương đã dùng chậu than cháy đỏ trút lên người tình địch.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy thi thể không đầu đang đi trong hư không, còn các con mắt và miệng thì ở trên ngực của người ấy, và có những con chim kên kên, chim quạ, chim ung lặn xả lao vào người ấy, day nghiền, bóc ra, rút ra; và người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, chúng sanh ấy đã là người xử tử bọn trộm cướp tên Dāmarika ở ngay trong thành Rājagaha này.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy vị tỳ-kheo đang đi trong hư không, y hai lớp (saṅghāti) của vị ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, và vị ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy đã là vị ác tỳ-kheo ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa.

...(như trên)...

- Nay đại đức, ở đây trong khi đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa ta đã nhìn thấy vị tỳ-kheo ni ...(như trên)... đã nhìn thấy vị ni tu tập sự, đã nhìn thấy vị sa-di, đã nhìn thấy vị sa-di ni đang đi trong hư không, y hai lớp (saṅghāti) 62 của vị ni ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, và vị ni ấy đã

rên rỉ khổ sở. Nay đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: “*Quả thật là kỳ diệu! Quả thật là phi thường! Có chúng sanh lại trở thành như thế này! Có dạ-xoa lại trở thành như thế này! Có ngạ quỷ lại trở thành như thế này! Có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!*”

Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, quả thật các thính văn sống với mắt thấy như thật! Nay các tỳ-kheo, quả thật các thính văn sống với trí biết như thật! Bởi vì là thính văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Nay các tỳ-kheo, trước đây ta đã thấy vị sa-di ni ấy tuy nhiên ta đã không nói ra. Và nếu ta nói ra thì những kẻ khác có thể không tin ta, những ai không tin ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh khổ đau lâu dài. Nay các tỳ-kheo, vị sa-di ni ấy đã là ác sa-di ni ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. Vị ni ấy, do quả của nghiệp ấy, đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã đạt đến sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

[296] Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các tỳ-kheo rằng:

- Nay các đại đức, giòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đoá hoa sen tròn nở rộ, và giờ đây giòng sông Tapodā này đã trở nên nóng bỏng và trôi chảy.

Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Mahāmoggallāna lại nói như vậy: “*Này các đại đức, giòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đoá hoa sen tròn nở rộ, và giờ đây giòng sông Tapodā này đã trở nên nóng bỏng và trôi chảy.*” Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, giòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đoá hoa sen tròn nở rộ, và giờ đây giòng sông Tapodā này đã trở nên nóng bỏng và trôi chảy. Nay các tỳ-kheo, hơn nữa, giòng sông Tapodā này đi qua giữa hai đại địa ngục; vì thế, giòng sông Tapodā này đã trở nên nóng bỏng và trôi chảy. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

[297] Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha trong lúc giao chiến với các vị Licchavi đã bị đánh tan tác. Rồi sau khi gom góp lại đội binh hậu bị, đức vua đã đánh bại các vị Licchavi. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: “*Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác.*” Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các vị tỳ-kheo rằng:

- Nay các đại đức, đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: “*Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác.*”

Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Mahāmoggallāna lại nói như vậy: “*Nay các đại đức, đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác.*” Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, trước tiên đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Rồi sau khi gom góp lại đội binh hậu bị, đức vua đã đánh bại các vị Licchavi. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Nay các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

[298] Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các vị tỳ-kheo rằng:

- Nay các đại đức, ở đây tôi đã chứng đạt định bất thối (āneñjaṃ samādhiṃ) nơi bờ sông Sappinikā. Tôi đã nghe tiếng động của các con rồng đang hụp xuống rồi trôi lên và gầm lên tiếng rống.

Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Mahāmogallāna lại nói như vậy: “*Này các đại đức, ở đây tôi đã chứng đạt định bền vững nơi bờ sông Sappinikā. Tôi đã nghe tiếng động của các con rồng đang hụp xuống rồi trồi lên và gầm lên tiếng rống.*” Đại đức Mahāmogallāna khoác lác về pháp thượng nhân.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, Moggallāna có loại định này và vị ấy chưa được thuần thục lắm 63. Này các tỳ-kheo, Moggallāna đã nói sự thật. Này các tỳ-kheo, Moggallāna là vô tội.

[299] Rồi đại đức Sobhita đã nói với các tỳ-kheo rằng:

- Này các đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp.

Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Sobhita lại nói như vậy: “*Này các đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp.*” Đại đức Sobhita khoác lác về pháp thượng nhân.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, Sobhita đã sống kiếp sống ấy, và kiếp sống ấy chỉ là một kiếp sống của Sobhita. Này các tỳ-kheo, Sobhita đã nói sự thật. Này các tỳ-kheo, Sobhita là vô tội.

Dứt điều pārajika thứ tư.

[300] Tổng kết phần pārajika. Bài kệ tóm lược

Bạch chư đại đức, bốn điều pārajika đã được đọc tụng xong. Vị tỳ-kheo vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì không đạt được sự cộng trú cùng với các vị tỳ-kheo⁶⁴, trước đây như thế nào⁶⁵ thì sau này là như vậy; (vị ấy) là vị phạm tội pārajika không được cộng trú.

Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương pārajika.

Tóm Lược Chương này:

*(Thực hiện) việc đôi lứa,
lấy vật không được cho,
thân mạng của con người,
(tuyên bố) pháp thượng nhân,
(Như vậy) có bốn điều
(gọi) pārajika,
sự việc nên chia chẻ,
nổi nghi hoặc chẳng còn.*

---o0o---

V. Chương Mười ba pháp (Terasakaṇḍam)66

Bách chư đại đức, mười ba điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) này được đưa ra đọc tụng.

01. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ nhất: Cố ý làm xuất tinh

[301] Câu chuyện về tỳ-khuru Seyyasaka. Sự quy định lần thứ nhất

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti (Xá Vệ), Jetavana (Kỳ Viên), tu viện của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Vào lúc bấy giờ, đại đức Seyyasaka không được thỏa thích 67 thực hành Phạm hạnh. Vì thế, vị ấy trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Đại đức Udāyi 68 đã nhìn thấy đại đức Seyyasaka ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Seyyasaka điều này:

- Nay đại đức Seyyasaka, tại sao người lại ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân? Nay đại đức Seyyasaka, chẳng lẽ người không được thỏa thích thực hành Phạm hạnh?

- Nay đại đức, đúng vậy.

- Nay đại đức Seyyasaka, như thế thì người hãy ăn theo như ý thích, hãy ngủ theo như ý thích, hãy tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi ở người, tham ái quấy rối tâm, khi ấy người hãy dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch.

- Nay đại đức, có được phép làm như thế không?

- Nay đại đức, được chớ. Ta cũng làm như thế.

Sau đó, đại đức Seyyasaka đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy vị ấy đã dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch. Rồi một thời gian sau, đại đức Seyyasaka đã trở nên có tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc mặt rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Khi ấy, các vị tỷ-kheo thân hữu của đại đức Seyyasaka đã nói với đại đức Seyyasaka điều này:

- Nay đại đức Seyyasaka, trước đây đại đức thì ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Bây giờ, trong lúc này, đại đức đây đã trở nên có tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc mặt rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Nay đại đức Seyyasaka, đại đức có sử dụng thuốc men gì không?

- Nay các đại đức, tôi không có sử dụng thuốc men. Tôi chỉ ăn theo như ý thích, ngủ theo như ý thích, tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi ở tôi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy tôi dùng bàn tay gắng sức làm tinh dịch xuất ra.

- Nay đại đức Seyyasaka, có phải đại đức gắng sức làm tinh dịch xuất ra bằng chính bàn tay đã thọ dụng vật tín thí không?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Seyyasaka lại dùng bàn tay gắng sức làm tinh dịch xuất ra vậy?

Rồi sau khi đã khiển trách đại đức Seyyasaka bằng nhiều phương thức, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỷ-kheo lại rồi hỏi đại đức Seyyasaka rằng:

- Này Seyyasaka, nghe nói người dùng bàn tay gắng sức làm tinh dịch xuất ra, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, vì sao người lại dùng bàn tay gắng sức làm tinh dịch xuất ra? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến chấp thủ hay sao? Này kẻ rò dại, thế mà ở đây trong khi ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì người lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì người lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì người lại nghĩ đến sự chấp thủ. Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đắm mê trong các nỗi đắm mê, để kèm chế sự khao khát, để trừ diệt sự vương mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết Bàn hay sao? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tướng, đã đề cập đến sự kèm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tâm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, này kẻ rò dại, chính

sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách đại đức Seyyasaka bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Việc xuất ra tinh do sự cố ý thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*”⁶⁹ Và như thế, điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo.

---o0o---

[302] Sự quy định thêm

Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ-kheo sau khi thọ thực các loại vật thực hảo hạng có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, rồi rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị ấy có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, rồi rơi vào giấc ngủ, tinh dịch đã bị xuất ra do chiêm bao. Các vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: “Việc xuất ra tinh do sự cố ý thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*” Và tinh dịch của chúng ta đã bị xuất ra do chiêm bao. Và có sự cố ý trong trường hợp này được tính đến; phải chăng chúng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, sự cố ý ấy là có nhưng nó không đáng kể.

Rồi đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Việc xuất ra tinh dịch có sự cố ý thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), ngoại trừ chiêm bao.*”

---o0o---

[303] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Sự cố ý: là sự vi phạm trong khi biết, trong khi nhận thức, khi đã suy nghĩ rồi tiến hành.

Tinh: có mười loại tinh: xanh, vàng, đỏ, trắng, màu sữa loãng, màu nước, màu dầu ăn, màu sữa tươi, màu sữa đông, màu bơ lỏng.

Sự xuất ra: sự làm di chuyển khỏi vị trí được gọi là “*Sự xuất ra.*”

Ngoại trừ chiêm bao: trừ ra trong giấc ngủ.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): Chỉ có hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* của tội đó, cho thực hành lại từ đầu, ban cho hành phạt *mānatta*, cho giải tội, không phải một số vị, không phải một cá nhân; vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*” Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[304] Các tiêu đề của sự phân tích

Làm xuất ra ở sắc pháp thuộc nội phần, làm xuất ra ở sắc pháp thuộc ngoại phần, làm xuất ra ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần, làm xuất ra trong khi lắc hông ở khoảng không, làm xuất ra khi có sự tác động của tham ái, làm xuất ra khi có sự tác động của phân, làm xuất ra khi có sự tác động của nước tiểu, làm xuất ra khi có sự tác động của gió, làm xuất ra khi có sự tác động của sâu bọ, làm xuất ra vì mục đích sức khoẻ, làm xuất ra vì mục đích khoái lạc, làm xuất ra vì mục đích dục phẩm, làm xuất ra vì mục đích bố thí, làm xuất ra vì mục đích phước thiện, làm xuất ra vì mục đích tế lễ, làm xuất ra vì mục đích cõi trời, làm xuất ra vì mục đích nòi giống, làm xuất ra vì mục đích nghiên cứu, làm xuất ra vì mục đích đùa giỡn, làm xuất ra (tinh) xanh, làm xuất ra (tinh) vàng, làm xuất ra (tinh) đỏ, làm xuất ra (tinh) trắng, làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng, làm xuất ra (tinh) màu nước, làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn, làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi, làm xuất ra (tinh) màu sữa đông, làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng.

[305] **Ở sắc pháp thuộc nội phần:** là ở sắc pháp có liên quan đến bản thân.

Ở sắc pháp thuộc ngoại phần: là ở sắc pháp có liên quan hoặc không có liên quan đến người khác.

Ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần: là ở cả hai nơi.

Trong khi lắc hông ở khoảng không: là dương vật của vị đang nỗ lực ở khoảng không trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của tham ái: là dương vật của vị bị tham ái quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của phân: là dương vật của vị bị phân quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của nước tiểu: là dương vật của vị bị nước tiểu quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của gió: là dương vật của vị bị gió quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của sâu bọ: là dương vật của vị bị sâu bọ quấy rối trở nên thích ứng.

Vì mục đích sức khỏe: là (nghĩ rằng): *“Ta sẽ không có bệnh.”*

Vì mục đích khoái lạc: là (nghĩ rằng): *“Ta sẽ tạo ra cảm giác khoái lạc.”*

Vì mục đích được phẩm: là (nghĩ rằng): *“Sẽ có được thuốc men.”*

Vì mục đích bố thí: là (nghĩ rằng): *“Ta sẽ cho vật thí.”*

Vì mục đích phước thiện: là (nghĩ rằng): *“Sẽ có được phước báu.”*

Vì mục đích tế lễ: là (nghĩ rằng): *“Ta sẽ dâng lên vật tế lễ.”*

Vì mục đích cõi trời: là (nghĩ rằng): *“Ta sẽ đi đến cõi trời.”*

Vì mục đích nòi giống: là (nghĩ rằng): *“Sẽ có được nòi giống.”*

Vì mục đích nghiên cứu: là (nghĩ rằng): *“Ta sẽ nghiên cứu. Sẽ có được (tinh) xanh, sẽ có được (tinh) vàng, sẽ có được (tinh) đỏ, sẽ có được (tinh) trắng, ...(như trên)..., sẽ có được (tinh) màu bơ lỏng.”*

Vì mục đích đùa giỡn: có ý định chơi giỡn.

[306] Các trường hợp phạm tội

Ở sắc pháp thuộc nội phần, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Ở sắc pháp thuộc ngoại phần, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Trong khi lắc hông ở khoảng không, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Khi có sự tác động của tham ái, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Khi có sự tác động của phân, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Khi có sự tác động của nước tiểu, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Khi có sự tác động của gió, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Khi có sự tác động của sâu bọ, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vì mục đích sức khỏe, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vì mục đích khoái lạc, ...(như trên)... vì mục đích được phẩm, vì mục đích bố thí, vì mục đích phước thiện, vì mục đích tế lễ, vì mục đích cõi trời, vì mục đích nòi giống, vì mục đích nghiên cứu, vì mục đích đùa giỡn, vị có ý định rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) xanh rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt phần “Liên quan đến sự trong sạch.”

---o0o---

[343] Các yếu tố xác định tội

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ và mục đích khoái lạc rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ và mục đích dược phẩm, mục đích sức khoẻ và mục đích bổ thí, mục đích sức khoẻ và mục đích phước thiện, mục đích sức khoẻ và mục đích tế lễ, mục đích sức khoẻ và mục đích cõi trời, mục đích sức khoẻ và mục đích nòi giống, mục đích sức khoẻ và mục đích nghiên cứu, mục đích sức khoẻ và mục đích đùa giỡn rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt phần “Phân tích theo sự xoay vòng có liên quan đến một nhân tố.”

---o0o---

[308] Vị tác ý đến mục đích khoái lạc và mục đích dược phẩm rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích khoái lạc và mục đích bổ thí, mục đích khoái lạc và mục đích phước thiện, mục đích khoái lạc và mục đích tế lễ, mục đích khoái lạc và mục đích cõi trời, mục đích khoái lạc và mục đích nòi giống, mục đích khoái lạc và mục đích nghiên cứu, mục đích khoái lạc và mục đích đùa giỡn rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích khoái lạc và mục đích sức khoẻ rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[309] Vị tác ý đến mục đích dược phẩm và mục đích bổ thí rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích dục phẩm và mục đích phước thiện, mục đích dục phẩm và mục đích tế lễ, mục đích dục phẩm và mục đích cõi trời, mục đích dục phẩm và mục đích nòi giống, mục đích dục phẩm và mục đích nghiên cứu, mục đích dục phẩm và mục đích đùa giỡn, mục đích dục phẩm và mục đích sức khoẻ, mục đích dục phẩm và mục đích khoái lạc rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[310] Vị tác ý đến mục đích bố thí và mục đích phước thiện rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích bố thí và mục đích tế lễ, mục đích bố thí và mục đích cõi trời, mục đích bố thí và mục đích nòi giống, mục đích bố thí và mục đích nghiên cứu, mục đích bố thí và mục đích đùa giỡn, mục đích bố thí và mục đích sức khoẻ, mục đích bố thí và mục đích khoái lạc, mục đích bố thí và mục đích dục phẩm rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[311] Vị tác ý đến mục đích phước thiện và mục đích tế lễ rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích phước thiện và mục đích cõi trời, mục đích phước thiện và mục đích nòi giống, mục đích phước thiện và mục đích nghiên cứu, mục đích phước thiện và mục đích đùa giỡn, mục đích phước thiện và mục đích sức khoẻ, mục đích phước thiện và mục đích khoái lạc, mục đích phước thiện và mục đích dục phẩm, mục đích phước thiện và mục đích bố thí rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[312] Vị tác ý đến mục đích tế lễ và mục đích cõi trời rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích tế lễ và mục đích nòi giống, mục đích tế lễ và mục đích nghiên cứu, mục đích tế lễ và mục đích đùa giỡn, mục đích tế lễ và mục đích sức khoẻ, mục đích tế lễ và mục đích khoái lạc, mục đích tế lễ và mục đích dục phẩm, mục đích tế lễ và mục đích bố thí, mục đích tế lễ và mục đích phước thiện rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[313] Vị tác ý đến mục đích cõi trời và mục đích nòi giống, mục đích cõi trời và mục đích nghiên cứu, mục đích cõi trời và mục đích đùa giỡn,

mục đích cõi trời và mục đích sức khỏe, mục đích cõi trời và mục đích khoái lạc, mục đích cõi trời và mục đích được phẩm, mục đích cõi trời và mục đích bố thí, mục đích cõi trời và mục đích phước thiện, mục đích cõi trời và mục đích tế lễ rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[314] Vị tác ý đến mục đích nòi giống và mục đích nghiên cứu, mục đích nòi giống và mục đích đùa giỡn, mục đích nòi giống và mục đích sức khỏe, mục đích nòi giống và mục đích khoái lạc, mục đích nòi giống và mục đích được phẩm, mục đích nòi giống và mục đích bố thí, mục đích nòi giống và mục đích phước thiện, mục đích nòi giống và mục đích tế lễ, mục đích nòi giống và mục đích cõi trời rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[315] Vị tác ý đến mục đích nghiên cứu và mục đích đùa giỡn, mục đích nghiên cứu và mục đích sức khỏe, mục đích nghiên cứu và mục đích khoái lạc, mục đích nghiên cứu và mục đích được phẩm, mục đích nghiên cứu và mục đích bố thí, mục đích nghiên cứu và mục đích phước thiện, mục đích nghiên cứu và mục đích tế lễ, mục đích nghiên cứu và mục đích cõi trời, mục đích nghiên cứu và mục đích nòi giống rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[316] Vị tác ý đến mục đích đùa giỡn và mục đích sức khỏe rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích đùa giỡn và mục đích khoái lạc, mục đích đùa giỡn và mục đích được phẩm, mục đích đùa giỡn và mục đích bố thí, mục đích đùa giỡn và mục đích phước thiện, mục đích đùa giỡn và mục đích tế lễ, mục đích đùa giỡn và mục đích cõi trời, mục đích đùa giỡn và mục đích nòi giống, mục đích đùa giỡn và mục đích nghiên cứu rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần tổng hợp theo sự xoay vòng có liên quan đến một nhân tố.”

Phần có liên quan đến hai nhân tố nên được hướng dẫn y như thế.

[317] Vị tác ý đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, và mục đích được phẩm rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, và mục đích đùa giỡn rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng có liên quan đến hai nhân tố.

[318] Vị tác ý đến mục đích khoái lạc, mục đích dục phẩm, và mục đích bố thí rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)... mục đích khoái lạc, mục đích dục phẩm, và mục đích đùa giỡn, ...(như trên)...

Vị tác ý đến mục đích khoái lạc, mục đích dục phẩm, và mục đích sức khoẻ rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, và mục đích sức khoẻ rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, và mục đích nòi giống rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần tổng hợp theo sự xoay vòng có liên quan đến hai nhân tố.”

[319] Phân liên quan đến ba nhân tố, phân liên quan đến bốn nhân tố, phân liên quan đến năm nhân tố, phân liên quan đến sáu nhân tố, phân liên quan đến bảy nhân tố, phân liên quan đến tám nhân tố, phân liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến tất cả các nhân tố.

[320] Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ và mục đích khoái lạc, mục đích dục phẩm và mục đích bố thí, mục đích phước thiện và mục đích tế lễ, mục đích cõi trời và mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu và mục đích đùa giỡn rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần có liên quan đến tất cả các nhân tố.”

[321] Vị tác ý đến (tinh) xanh và (tinh) vàng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) xanh và (tinh) đỏ, ...(như trên)..., (tinh) xanh và (tinh) trắng, (tinh) xanh và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) xanh và (tinh) màu nước, (tinh) xanh và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) xanh và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) xanh và (tinh) màu sữa đông, (tinh) xanh và (tinh) màu bơ lỏng rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần phân tích theo sự xoay vòng có liên quan đến một nhân tố.”

[322] Vị tác ý đến (tinh) vàng và (tinh) đỏ rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) vàng và (tinh) trắng, ...(như trên)..., (tinh) vàng và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) vàng và (tinh) màu nước, (tinh) vàng và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) vàng và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) vàng và (tinh) màu sữa đông, (tinh) vàng và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) vàng và (tinh) xanh rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) đỏ và (tinh) trắng rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) đỏ và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) đỏ và (tinh) màu nước, (tinh) đỏ và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) đỏ và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) đỏ và (tinh) màu sữa đông, (tinh) đỏ và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) đỏ và (tinh) xanh, (tinh) đỏ và (tinh) vàng rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) trắng và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) trắng và (tinh) màu nước, (tinh) trắng và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) trắng và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) trắng và (tinh) màu sữa đông, (tinh) trắng và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) trắng và (tinh) xanh, (tinh) trắng và (tinh) vàng, (tinh) trắng và (tinh) đỏ rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu sữa loãng và (tinh) màu nước, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) xanh, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) vàng, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) đỏ, (tinh) màu sữa loãng và (tinh) trắng rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu nước và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu nước và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu nước và (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu nước và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) màu nước và (tinh) xanh, (tinh) màu nước và (tinh) vàng, (tinh) màu nước và (tinh) đỏ, (tinh) màu nước và (tinh) trắng, (tinh) màu nước và (tinh) màu sữa loãng rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu dầu ăn và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) xanh, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) vàng, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) đỏ, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) trắng, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu dầu ăn và (tinh) màu nước rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu sữa tươi và (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) xanh, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) vàng, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) đỏ, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) trắng, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) màu nước, (tinh) màu sữa tươi và (tinh) màu dầu ăn rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu sữa đông và (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) màu sữa đông và (tinh) xanh, (tinh) màu sữa đông và (tinh) vàng, (tinh) màu sữa đông và (tinh) đỏ, (tinh) màu sữa đông và (tinh) trắng, (tinh) màu sữa đông và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu sữa đông và (tinh) màu nước, (tinh) màu sữa đông và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa đông và (tinh) màu sữa tươi rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) xanh rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) vàng, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) đỏ, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) trắng, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) màu nước, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu bơ lỏng và (tinh) màu sữa đông rồi găng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần tổng hợp theo sự xoay vòng có liên quan đến một nhân tố.”

Phần có liên quan đến hai nhân tố được hướng dẫn y như thế.

[323] Vị tác ý đến (tinh) xanh, (tinh) vàng, và (tinh) đỏ rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến (tinh) xanh, (tinh) vàng, và (tinh) trắng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến (tinh) xanh, (tinh) vàng, và (tinh) màu bơ lỏng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần phân tích theo sự xoay vòng có liên quan đến hai nhân tố.”

[324] Vị tác ý đến (tinh) vàng, (tinh) đỏ, và (tinh) trắng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến (tinh) vàng, (tinh) đỏ, và (tinh) xanh rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, và (tinh) xanh rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Vị tác ý đến (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, và (tinh) màu sữa tươi rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần tổng hợp theo sự xoay vòng có liên quan đến hai nhân tố.”

[325] Phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến tất cả các nhân tố.

[326] Vị tác ý đến (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, và (tinh) màu bơ lỏng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần có liên quan đến tất cả các nhân tố.”

[327] Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ và (tinh) xanh rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, (tinh) xanh, và (tinh) vàng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, (tinh) xanh, (tinh) vàng, và (tinh) đỏ rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bổ thí, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, và (tinh) trắng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bổ thí, mục đích phước thiện, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, và (tinh) màu sữa loãng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bổ thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, và (tinh) màu nước rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bổ thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, và (tinh) màu dầu ăn rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khoẻ, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bổ thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nôi giống, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, và (tinh) màu sữa tươi rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích được phẩm, mục đích bố thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, và (tinh) màu sữa đông rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích được phẩm, mục đích bố thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, và (tinh) màu bơ lỏng rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần tổng hợp cả hai phần theo sự xoay vòng có tính chất trộn lẫn.”

[328] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) vàng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) đỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) trắng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu nước thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa đông thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần phân tích theo sự xoay vòng.”

[329] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) vàng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) đỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) vàng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) trắng ...(như trên)... làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng ... làm xuất ra (tinh) màu nước ... làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn ... làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi ... làm xuất ra (tinh) màu sữa đông ... làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng ... làm xuất ra (tinh) xanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần tổng hợp theo sự xoay vòng.”

[330] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) đỏ,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) trắng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) đỏ,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng ...(như trên)... làm xuất ra (tinh) màu nước ... làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn ... làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi ... làm xuất ra (tinh) màu sữa đông ... làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng ... làm xuất ra (tinh) xanh ... làm xuất ra (tinh) vàng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) trắng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)... làm xuất ra (tinh) đỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). (Các sự xoay vòng nên được hiểu như thế).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) vàng ...(như trên)... làm xuất ra (tinh) đỏ ... làm xuất ra (tinh) trắng ... làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng ... làm xuất ra (tinh) màu

nước ... làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn ... làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi ... làm xuất ra (tinh) màu sữa đông thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Phần xoay vòng ở giữa.”

[331] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) vàng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) đỏ,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) trắng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu nước,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) dầu ăn,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa đông,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) bơ lỏng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) xanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ nhất của sự xoay vòng nghịch.”

[332] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) đỏ,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) vàng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) vàng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ nhì của sự xoay vòng nghịch.”

[333] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) trắng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) đỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) xanh ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) vàng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) đỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ ba của sự xoay vòng nghịch.”

[334] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) trắng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) xanh, (tinh) vàng ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) đỏ,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) trắng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ bốn của sự xoay vòng nghịch.”

[335] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu nước,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) trắng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ năm của sự xoay vòng nghịch.”

[336] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu nước thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) màu sữa tươi, (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) màu trắng ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa loãng,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu nước thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ sáu của sự xoay vòng nghịch.”

[337] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) màu sữa đông, (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) màu trắng, (tinh) màu sữa loãng ... Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu nước,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ bảy của sự xoay vòng nghịch.”

[338] Vị tác ý rằng: “*Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa đông,*” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) màu bơ lỏng, (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) màu trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước ... Vị tác ý rằng: “*Ta*

sẽ làm xuất ra (tinh) màu dầu ăn,” rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ tám của sự xoay vòng nghịch.”

[339] Vị tác ý rằng: *“Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng,”* rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa đông thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) xanh, (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) màu trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn ... Vị tác ý rằng: *“Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa tươi,”* rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu sữa đông thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ chín của sự xoay vòng nghịch.”

[340] Vị tác ý rằng: *“Ta sẽ làm xuất ra (tinh) xanh,”* rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (tinh) vàng, (tinh) đỏ, (tinh) màu trắng, (tinh) màu sữa loãng, (tinh) màu nước, (tinh) màu dầu ăn, (tinh) màu sữa tươi ... Vị tác ý rằng: *“Ta sẽ làm xuất ra (tinh) màu sữa đông,”* rồi gắng sức và làm xuất ra (tinh) màu bơ lỏng thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt “Bước thứ mười của sự xoay vòng nghịch.”

Dứt “Sự xoay vòng nghịch.”

---o0o---

[343] Các yếu tố xác định tội

70Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị có ý định, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Vị có ý định, không gắng sức, bị xuất ra thì vô tội.

Vị có ý định, không gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội.

Vị không có ý định, gắng sức, bị xuất ra thì vô tội.

Vị không có ý định, gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội.

Vị không có ý định, không gắng sức, bị xuất ra thì vô tội.

Vị không có ý định, không gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội.

---o0o---

[344] Các trường hợp không phạm tội

Do chiêm bao, vị không có ý định làm cho xuất ra, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

---o0o---

[345] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Giấc mơ, đại, tiểu tiện,
suy tâm, và nước nóng,
thuốc thoa, bị cơn ngứa,
đường đi, bao tinh hoàn,
nhà tắm hơi, bấp vế,
sa-di, và vị ngủ,
đùi, nắm tay bóp chặt,
ở khoảng trống, gồng mình,
vị suy tưởng, lỗ khoá,
vị vỗ bằng thanh gỗ,
giòng nước chảy, đầm nước,
rửa ráy, đóng bông hoa,
hương lạc, trong cát, bùn,
rưới nước, ở chỗ nằm,
và dùng ngón tay cái.*

---o0o---

[346] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bấy giờ, tinh dịch của vị tỳ-kheo nọ đã bị xuất ra do giấc mơ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Sau đó, vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, do giấc mơ thì vô tội.

---o0o---

[347] Vào lúc bấy giờ, tinh dịch của vị tỳ-kheo nọ đã bị xuất ra trong lúc đại tiện. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra.
- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

[348] Vào lúc bấy giờ, tinh dịch của vị tỳ-kheo nọ đã bị xuất ra trong lúc tiểu tiện. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

[349] Vào lúc bấy giờ, tinh dịch của vị tỳ-kheo nọ đã bị xuất ra trong lúc (vị ấy) suy tư tầm cầu về dục. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị trong lúc suy tư tầm cầu về dục thì vô tội.

[350] Vào lúc bấy giờ, tinh dịch của vị tỳ-kheo nọ đã bị xuất ra trong lúc (vị ấy) tắm nước nóng. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) ngươi có tâm gì?
- Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra.
- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc tắm nước nóng có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc tắm nước nóng có ý định làm xuất ra nhưng tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[351] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị vết thương ở dương vật. Trong lúc vị ấy thoa thuốc, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, (khi ấy) người có tâm gì?

- Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra.

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị vết thương ở dương vật. Vị ấy trong lúc thoa thuốc có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[352] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc (gãi) ngứa ở tinh hoàn, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc (gãi) ngứa ở tinh hoàn có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[353] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đi đường tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đi đường có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[354] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc tiểu tiện đã nắm lấy bao tinh hoàn và tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc tiểu tiện đã nắm lấy bao tinh hoàn có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[355] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc hơi nóng vùng bụng ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc hơi nóng vùng bụng ở trong nhà tắm hơi có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[356] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc kỳ cọ phần lưng của thầy tế độ ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc kỳ cọ phần lưng của thầy tế độ ở trong nhà tắm hơi có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra.

...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc.
...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[357] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc cho người xoa bóp bắp vế, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc cho người xoa bóp bắp vế có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[358] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ có ý định làm xuất ra đã nói với vị sa-di nọ điều này:

- Nay sa-di, hãy đến. Người hãy nắm lấy dương vật của ta.

Vị sa-di đã nắm lấy dương vật của vị ấy. Tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[359] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã nắm lấy dương vật của vị sa-di đang ngủ. Tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[360] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng hai bắp vế ép chặt lấy dương vật, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng hai bắp vế ép chặt lấy dương vật có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[361] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng năm tay bóp chặt lấy dương vật, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng năm tay bóp chặt lấy dương vật có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[362] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong khi lắc hông ở khoảng trống có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[363] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc gồng cứng cơ thể, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc gồng cứng cơ thể có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[364] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị dục khởi đã suy tưởng về âm vật của người nữ. Tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). Và này các tỳ-kheo, vị bị dục khởi không nên suy tưởng về âm vật của người nữ; vị nào suy tưởng thì phạm tội tác ác (dukkata).

[365] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đưa dương vật vào lỗ khoá có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[366] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng thanh gỗ vỗ vào dương vật có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[367] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc tắm ở giòng nước chảy (paṭisote), tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc tắm ở giòng nước chảy có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[368] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đùa nghịch ở đầm nước (udañjale), tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đùa nghịch ở đầm nước có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[369] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc chạy ở trong nước (udake), tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc chạy ở trong nước có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[370] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đùa nghịch ở nơi đồng bông hoa (pupphāvaḷiyamaṃ), tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đùa nghịch ở nơi đồng bông hoa có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[371] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc chạy trong rừng cây hương lạc (pokkharavane), tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc chạy ở trong rừng cây hương lạc có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[372] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đưa dương vật vào trong cát có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[373] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc đưa dương vật vào trong bùn có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[374] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng nước rưới lên dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng nước rưới lên dương vật có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[375] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc cọ xát dương vật ở chỗ nằm có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(như trên)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[376] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng ngón tay cái cọ xát vào dương vật có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong lúc dùng ngón tay cái cọ xát vào dương vật có ý định làm xuất ra, và tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ nhất.

---o0o---

02. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ nhì: Xúc chạm cơ thể với người nữ

[377] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi cư ngụ ở trong rừng⁷¹. Trú xá của đại đức ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có nội phòng ở giữa, khắp nơi xung quanh căn nhà có giường, ghế, nệm, gôì được khéo xếp đặt, nước uống, nước rửa được khéo bố trí, phòng ốc được quét dọn cẩn thận. Nhiều người có ý muốn nhìn ngắm trú xá của đại đức Udāyi đã đi đến. Có người Bà-la-môn nọ cùng người vợ cũng đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Chúng tôi muốn nhìn ngắm trú xá của ngài đại đức Udāyi.

- Nay Bà-la-môn, như thế thì chúng ta có thể nhìn ngắm.

Rồi đã cầm lấy chìa khoá, tháo chốt, mở cửa ra, và đi vào trong trú xá. Người Bà-la-môn ấy đã đi vào tiếp theo sau đại đức Udāyi. Rồi người nữ Bà-la-môn ấy đã đi vào tiếp theo sau người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, trong khi mở ra một số cửa sổ, trong khi đóng lại một số cửa sổ, đại đức Udāyi đã đi vòng quanh nội phòng rồi đi đến ở phía sau và vuốt ve các phần thân thể của người nữ Bà-la-môn ấy. Rồi người Bà-la-môn ấy đã trao đổi lời xã giao thân thiện với đại đức Udāyi và ra đi. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy được hoan hỷ đã thốt ra lời hoan hỷ rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này thật là cao quý khi sống trong khu rừng như vậy! Ngài đại đức Udāyi thật là cao quý khi sống trong khu rừng như thế này!

Được nói như thế, người nữ Bà-la-môn ấy đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này:

- Sự cao quý của vị ấy là do đâu? Ông đã vượt ve các phần thân thể của tôi ra sao thì sa-môn Udāyi cũng đã vượt ve các phần thân thể của tôi y như thế.

Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này giả vờ là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn, Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì sao sa-môn Udāyi lại vượt ve các phần thân thể của vợ ta? Không thể để cho các người đàn bà gia đình danh giá, các tiểu thư gia đình danh giá, các thiếu nữ gia đình danh giá, các cô dâu gia đình danh giá, các nữ tỳ gia đình danh giá đi đến tu viện hoặc trú xá bởi vì nếu các người đàn bà gia đình danh giá, các tiểu thư gia đình danh giá, các thiếu nữ gia đình danh giá, các cô dâu gia đình danh giá, các nữ tỳ gia đình danh giá đi đến tu viện hoặc trú xá, các sa-môn Thích tử có thể làm nhục họ!

Các tỷ-kheo đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỷ-kheo lại và hỏi đại đức Udāyi rằng:

- Nay Udāyi, nghe nói người thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò đại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò đại, vì sao ngươi lại thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vậy? Này kẻ rò đại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(như trên)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rò đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỷ-kheo, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ là sự nắm lấy tay, hoặc nắm lấy búi tóc, hoặc sự vuốt ve bất cứ bộ phận nào thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*”

---o0o---

[378] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỷ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị khởi dục: nghĩa là có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Bị thay đổi: tâm có dục vọng là (tâm) bị thay đổi, tâm giận hờn là (tâm) bị thay đổi, tâm mê muội là (tâm) bị thay đổi. Tâm có dục vọng là (tâm) “*bị thay đổi*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ: nghĩa là người nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: cùng chung.

Thực hiện việc xúc chạm thân thể: được gọi là sự vi phạm.

Tay: nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến các đầu móng tay.

Búi tóc: nghĩa là tóc thuần túy, hoặc là (tóc) có trộn lẫn chỉ sợi, hoặc là có trộn lẫn tràng hoa, hoặc là có trộn lẫn bạc, hoặc là có trộn lẫn vàng, hoặc có trộn lẫn ngọc trai, hoặc có trộn lẫn ngọc ma-ni.

Bộ phận: nghĩa là trừ ra tay và búi tóc, các phần còn lại gọi là bộ phận.

---o0o---

[379] Các tiêu đề của sự phân tích

Sự sờ vào, sự vuốt ve, sự vuốt xuống, sự vuốt lên, sự võ xuống, sự võ lên, sự kéo vào, sự đẩy ra, sự giữ lại, sự ôm chặt, sự nắm lấy, sự chạm vào.

[380] **Sự sờ vào** nghĩa là việc được cọ xát vào.

Sự vuốt ve nghĩa là sự di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác.

Sự vuốt xuống nghĩa là đưa xuống phía dưới.

Sự vuốt lên nghĩa là nâng lên phía trên.

Sự võ xuống nghĩa là nghiêng về phía dưới.

Sự võ lên nghĩa là hướng lên phía trên.

Sự kéo vào nghĩa là sự lôi tới.

Sự đẩy ra nghĩa là sự đưa về lại.

Sự giữ lại nghĩa là sự siết chặt lại sau khi nắm lấy bộ phận (của thân thể).

Sự ôm chặt nghĩa là sự siết chặt lại cùng với bất cứ ai.

Sự nắm lấy nghĩa là việc được nắm lấy.

Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào.

[381] **Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa):** Chỉ có hội chúng ban cho hành phạt của tội đó...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[382] Các trường hợp phạm tội

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, vỗ xuống, vỗ lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Là người nữ và có sự hoài nghi, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người nữ và (lầm) tưởng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người nữ và (lầm) tưởng là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người nữ và (lầm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và biết là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và có sự hoài nghi, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người vô căn và (lầm) tưởng là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người vô căn và (lầm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người vô căn và (lầm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và biết là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và có sự hoài nghi, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và (lâm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và (lâm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và (lâm) tưởng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và biết là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và có sự hoài nghi, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và (lâm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và (lâm) tưởng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và (lâm) tưởng là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[383] Hai người nữ và biết hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hai người nữ và có sự hoài nghi là hai người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người nữ và (lâm) tưởng hai người nữ là người vô căn, ...(như trên)... Hai người nữ và (lâm) tưởng hai người nữ là người nam, ...(như trên)... Hai người nữ và (lâm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người vô căn và biết hai người vô căn là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người vô căn và có sự hoài nghi là hai người vô căn, ...(như trên)... Hai người vô căn và (lâm) tưởng hai người vô căn là người nam, ...(như trên)... Hai người vô căn và (lâm) tưởng hai người vô căn là loài thú, ...(như trên)... Hai người vô căn và (lâm) tưởng hai người vô căn là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người vô căn ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Hai người nam và biết hai người nam là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Hai người nam và có sự hoài nghi là hai người nam, ...(như trên)... Hai người nam và (lâm) tưởng hai người nam là loài thú, ...(như trên)... Hai người nam và (lâm) tưởng hai người nam là người nữ, ...(như trên)... Hai người nam và (lâm) tưởng hai người nam là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nam ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Hai con thú và biết hai con thú là loài thú, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai con thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Hai con thú và có sự hoài nghi là hai con thú, ...(như trên)... Hai con thú và (lâm) tưởng hai con thú là người nữ, ...(như trên)... Hai con thú và (lâm) tưởng hai con thú là người vô căn, ...(như trên)... Hai con thú và (lâm) tưởng hai con thú là người nam, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai con thú ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

[384] Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người vô căn và có sự hoài nghi về cả hai, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là người vô căn, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là người nam, , vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là loài thú, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người nam và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người nam và có sự hoài nghi về cả hai, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và (lâm) tương cả hai là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và (lâm) tương cả hai là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và (lâm) tương cả hai là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và loài thú và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, ...(như trên)... (lâm) tương cả hai là người vô căn, ...(như trên)... (lâm) tương cả hai là người nam, ...(như trên)... (lâm) tương cả hai là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và người nam và (lâm) tương cả hai là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và người nam và có sự hoài nghi về cả hai, ...(như trên)... thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và người nam và (lâm) tướng cả hai là người nam, ...(như trên)... Người vô căn và người nam và (lâm) tướng cả hai là loài thú, ...(như trên)... Người vô căn và người nam và (lâm) tướng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người vô căn, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, ...(như trên)... Người vô căn và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người nam, ...(như trên)... Người vô căn và người nam và (lâm) tướng cả hai là loài thú, ...(như trên)... Người vô căn và người nam và (lâm) tướng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nam và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người nam, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nam và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, ...(như trên)... Người nam và loài thú và (lâm) tướng cả hai là loài thú, ...(như trên)... Người nam và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người nữ, ...(như trên)... Người nam và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người vô căn, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

[385] Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tướng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân

thể của hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của người nữ ấy bằng thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Người nữ và người vô căn và (lầm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người vô căn và (lầm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của hai người nữ ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của hai người ấy với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể (vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của người nữ ấy bằng vật ném ra (của vị ấy) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng vật ném ra (của vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của hai người ấy bằng vật ném ra (của vị ấy) thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Dứt phần trùng lặp về vị tỳ-kheo.

---o0o---

[386] Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, vỗ xuống, vỗ lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của vị tỳ-kheo với thân thể của

cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, vỗ xuống, vỗ lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của vị tỳ-kheo với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị tỳ-kheo với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị tỳ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị tỳ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị tỳ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị tỳ-kheo với thân thể của cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị tỳ-kheo với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có

ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị tỷ-kheo với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị tỷ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị tỷ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị tỷ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng thân thể của cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tương cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào

vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (làm) tương cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng vật được gắn liền với thân thể của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng vật ném ra của cô ấy; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng vật ném ra của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (làm) tương cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục và cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(như trên)... nắm lấy, chạm vào vật ném ra của vị tỷ-kheo bằng vật ném ra của họ; (nếu) vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

[387] Các yếu tố xác định tội

Vị có ý muốn đáp ứng, rời ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị có ý muốn đáp ứng, rời ra sức bằng thân, (nhưng) không biết được sự xúc chạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị có ý muốn đáp ứng, (nhưng) không ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội.

Vị có ý muốn đáp ứng, (nhưng) không ra sức bằng thân, và không biết được sự xúc chạm thì vô tội.

Vị có ý muốn thoát ra, rời ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội.

Vị có ý muốn thoát ra, rời ra sức bằng thân, (nhưng) không biết được sự xúc chạm thì vô tội.

Vị có ý muốn thoát ra, (nhưng) không ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội.

Vị có ý muốn thoát ra, (nhưng) không ra sức bằng thân, và không biết được sự xúc chạm thì vô tội.

---o0o---

[388] Các trường hợp không phạm tội

Vị không cố ý, khi tâm không ghi nhận (asatiyā)⁷², vị không biết, vị không thích thú, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

---o0o---

[389] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Người mẹ, người con gái,
chị gái, và người vợ,
nữ quý, người vô căn,
ngủ, đã chết, thú cái,*

*và con búp bê gỗ,
bị áp bức, xe hàng,
đường đi, và thân cây,
chiếc thuyền, dây, cây gậy,
vị dùng bình bát đầy,
khi được người đánh lễ,
ra sức nhưng không đụng.*

[390] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sờ vào người mẹ do lòng thương mến mẹ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ sờ vào người con gái ruột do lòng thương mến con gái. ...(như trên)... sờ vào người chị ruột do lòng thương mến chị ruột. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)... Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[391] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người vợ cũ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với nữ dạ-xoa. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người vô căn. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đang ngủ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đã chết. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ dạng thú (tiracchānagatitthiyā). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với con búp bê gỗ. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[392] Vào lúc bấy giờ, có nhiều người đàn bà đã áp bức vị tỳ-kheo nọ và tay nắm tay dẫn đi. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi có thích thú không?

- Bạch Thế Tôn, con không thích thú.

- Nay tỳ-kheo, vị không thích thú thì vô tội.

[393] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục và đã lay động chiếc xe hàng có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, ngươi không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[394] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ khi nhìn thấy người đàn bà đi ngược chiều đã bị khởi dục rồi dùng bả vai thúc vào (cô ấy). Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[395] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục và đã lay động thân cây có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[396] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục và đã lay động chiếc thuyền có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[397] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục và đã lôi sợi dây thùng đang được người đàn bà nắm lấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục và đã lôi cây gậy đang được người đàn bà nắm lấy. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

[398] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục và đã dùng bình bát đẩy người đàn bà. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ trong khi người đàn bà đang đánh lễ 73 đã đưa bàn chân lên. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ (nghĩ rằng): “*Ta sẽ nắm lấy người đàn bà*” rồi đã ra sức nhưng chưa chạm đến. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ nhì.

---o0o---

03. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ ba: Nói lời dâm dục với người nữ

[399] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi cư ngụ ở trong rừng. Trú xá của đại đức ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người đàn bà đã đi đến tu viện với ý muốn nhìn ngắm trú xá của đại đức Udāyi. Khi ấy, những người đàn bà ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, chúng tôi muốn nhìn ngắm trú xá của ngài đại đức.

Khi ấy, đại đức Udāyi sau khi cho những người đàn bà ấy nhìn ngắm trú xá rồi đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của những người đàn bà ấy và nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ, và khinh bỉ. Những người đàn bà nào thuộc hạng táo tợn, ranh mãnh, trơ trên những người ấy cùng với đại đức Udāyi cười cợt, lả lơi, cười ngặt nghẻo, trêu chọc. Trái lại, những người đàn bà nào có sự hổ thẹn những người ấy đã đi ra bên ngoài và phàn nàn với các vị tỳ-kheo rằng:

- Thưa các ngài, điều này là không đúng đắn, không thích hợp. Chúng tôi dầu được chông nói như thế còn không thích, huống hồ là ngài đại đức Udāyi!

Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại nói với người nữ bằng những lời dâm dật?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi đại đức Udāyi rằng:

- Này Udāyi, nghe nói người nói với người nữ bằng những lời dâm dật, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, vì sao người lại nói với người nữ bằng những lời dâm dật? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(như trên)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi nói với người nữ bằng những lời dâm dật như là việc người trai trẻ nói với cô gái những lời có tính chất đôi lừa thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*”

---o0o---

[400] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỳ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị khởi dục nghĩa là có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Bị thay đổi: tâm có dục vọng là (tâm) bị thay đổi, tâm giận hờn là (tâm) bị thay đổi, tâm mê muội là (tâm) bị thay đổi. Tâm có dục vọng là (tâm) “*bị thay đổi*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là người nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có hiểu biết, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là dâm dật và không dâm dật.

Lời nói dâm dật nghĩa là là lời nói liên quan đến đường tiêu, đường tiểu, và việc đôi lứa.

Nói: là sự vi phạm được đề cập đến.

Như là việc người trai trẻ nói với cô gái: là trai tơ với gái tơ, thanh niên với thanh nữ, người nam hưởng dục với người nữ hưởng dục.

Có tính chất đôi lứa: bằng những lời nói có liên quan đến việc hành dâm.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[401] Các tiêu đề của sự phân tích

Nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ, và khinh bỉ có liên hệ đến đến hai đường khiêu.

[402] **Nói lời ca ngợi** nghĩa là tán dương, khen ngợi, ca tụng về hai đường khiêu.

Nói lời chê bai nghĩa là xỉ vả, khinh khi, chê bai về hai đường khiêu.

Yêu cầu nghĩa là (nói rằng): “*Hãy ban cho tôi, hãy dâng hiến cho tôi, cô là thích hợp để dâng hiến cho tôi.*”

Nài nỉ nghĩa là (nói rằng): “*Khi nào mẹ cô sẽ hoan hỷ? Khi nào cha cô sẽ hoan hỷ? Khi nào các thiên nhân của cô sẽ hoan hỷ? Khi nào là thời khắc tốt, là thời giờ tốt, là thời điểm tốt của cô? Khi nào tôi sẽ đạt được được việc đôi lứa với cô?*”

Hỏi han nghĩa là (nói rằng): “*Cô dâng hiến cho chồng như thế nào? Cô dâng hiến cho tình nhân như thế nào?*”

Chất vấn nghĩa là (nói rằng): “*Nghe nói cô dâng hiến cho chồng như vậy, cô dâng hiến cho tình nhân như vậy.*”

Chỉ bảo nghĩa là khi được hỏi thì nói rằng: “*Hãy dâng hiến như vậy, người dâng hiến như vậy sẽ được chồng yêu quý và thương mến.*”

Dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi thì nói rằng: “*Hãy dâng hiến như vậy, người dâng hiến như vậy sẽ được chồng yêu quý và thương mến.*”

Khinh bỉ nghĩa là (nói rằng): “*Cô không có hiện tướng (người nữ), cô không có đủ hiện tướng (người nữ), cô không có kinh nguyệt, cô bị băng huyết, cô thường xuyên mang vãi lót, cô bị rong kinh, cô là người nữ có dị căn, cô là người nữ vô căn, cô là người bị lại đực, cô là người nữ tiêu tiêu chung một khiêu (sambhinnā), cô là người nữ lưỡng căn.*”

---o0o---

[403] Các trường hợp phạm tội

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ, và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người nữ ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Là người nữ và có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người nữ ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và biết là người vô căn, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người vô căn ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, (lầm) tưởng là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người vô căn ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và biết là người nam, có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là loài thú, (lầm) tưởng là người nữ, (lầm) tưởng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người nam ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và biết là loài thú, có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là người nữ, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của loài thú ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

[404] Hai người nữ và biết hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu hai người nữ ấy của thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hai người nữ và có sự hoài nghi là hai người nữ, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người nữ ấy thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người vô căn và biết hai người vô căn là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người vô căn ấy thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người vô căn và có sự hoài nghi là hai người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, (lầm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người vô căn ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Hai người nam và biết hai người nam là người nam, có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là loài thú, (lầm) tưởng là người nữ, (lầm) tưởng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu hai người nam ấy của thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Hai con thú và biết hai con thú là loài thú, có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là người nữ, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai con thú ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

[405] Người nữ và người vô căn và (lầm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và có sự hoài nghi về cả hai, ...(như trên)... thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... (lầm) tưởng là người vô căn, ...(như trên)... thì phạm hai trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)... (lầm) tưởng là người nam, ...(như trên)... (lầm) tưởng là loài thú, vị tỷ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và (lầm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và có sự hoài nghi về cả hai, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, vị tỷ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và loài thú và (lầm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, vị tỷ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và người nam và (lâm) tướng cả hai là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người vô căn và người nam và có sự hoài nghi về cả hai, (lâm) tướng là người nam, (lâm) tướng là loài thú, (lâm) tướng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Người vô căn và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkaṭa).

Người vô căn và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, (lâm) tướng là người nam, (lâm) tướng là loài thú, (lâm) tướng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Người nam và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người nam, có sự hoài nghi, (lâm) tướng là loài thú, (lâm) tướng là người nữ, (lâm) tướng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

[406] Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu của người nữ ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và (lâm) tướng là người nữ, ...(như trên)... Là người nam và (lâm) tướng là người nữ, ...(như trên)... Là loài thú và (lâm) tướng là người nữ, ...(như trên)... thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra

đường tiêu và đường tiểu của hai người nữ ấy thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tướng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu của hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

[407] Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở lên và từ đầu gối trở xuống của người nữ ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người vô căn và (lâm) tướng là người nữ, ...(như trên)... Là người nam và (lâm) tướng là người nữ, ...(như trên)... Là loài thú và (lâm) tướng là người nữ, ...(như trên)... thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở lên và từ đầu gối trở xuống của hai người nữ ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tướng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở lên và từ đầu gối trở xuống của hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến vật gắn liền với thân của người nữ ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người vô căn ...(như trên)... Là người nam ...(như trên)... Là loài thú ...(như trên)... thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hai người nữ và biết cả hai người nữ là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến vật gắn liền với thân của hai người nữ ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lầm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(như trên)... và khinh bỉ có đề cập đến vật gắn liền với thân của hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[408] Các trường hợp không phạm tội

Khi giảng về ý nghĩa của từ ngữ (với sự nghiêm trang), khi đọc tụng Pháp (với sự nghiêm trang), khi chỉ dạy Giáo Pháp (với sự nghiêm trang), vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

---o0o---

[409] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Màu đỏ, bị sản sùi,
bị rối, và thô dày,
lông dài, được gieo giống,
đạo lộ là thông suốt?
đức tin, với vật thí,
(ba chuyện) về công việc.*

---o0o---

[410] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len được nhuộm mới. Có vị tỷ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Này chị gái, của chị là màu đỏ.

Cô ấy không hiểu được.

- Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len được nhuộm mới.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỷ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len sần sùi (có lông rậm và ngắn). Có vị tỷ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Đây chị gái, của chị là sần sùi.

Cô ấy không hiểu được.

- Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len sần sùi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỷ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len được giặt sạch. Có vị tỷ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Đây chị gái, của chị có lông bị rối.

Cô ấy không hiểu được.

- Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len được giặt sạch.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỷ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len thô dày. Có vị tỷ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Đây chị gái, của chị có lông rậm.

Cô ấy không hiểu được.

- Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len thô dày.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Đây tỷ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[411] Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm áo choàng dài. Có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Này chị gái, của chị có lông dài.

Cô ấy không hiểu được.

- Thưa ngài, đúng vậy. Tấm áo choàng dài.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[412] Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ sau khi cho người gieo giống thửa ruộng rồi đi về. Có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Này chị gái, của chị đã được gieo giống.

Cô ấy không hiểu được.

- Thưa ngài, đúng vậy. Vẫn còn chưa được phủ kín.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[413] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ khi nhìn thấy người nữ du sĩ ngoại đạo đi ngược chiều đã bị khởi dục rồi nói với người nữ du sĩ ngoại đạo điều này:

- Này chị gái, phải chăng đạo lộ (maggo) của chị là thông suốt?

Cô ấy không hiểu được.

- Này tỳ-kheo, đúng vậy. Rồi người sẽ đi.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya)⁷⁴

[414] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà nọ điều này:

- Nay em gái, cô có đức tin. Tuy nhiên, cô không dâng cho chúng tôi việc cô đã dâng cho chồng.

- Thưa ngài, việc gì vậy?

- Việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà nọ điều này:

- Nay em gái, cô có đức tin. Tuy nhiên, cô không dâng cho chúng tôi vật thí hạng nhất.

- Thưa ngài, việc gì vậy?

- Việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[415] Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đang làm công việc. Có vị tỳ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Nay em gái, cô hãy đứng, tôi sẽ làm.

Cô ấy không hiểu được.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đang làm công việc. Có vị tỷ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Này em gái, cô hãy ngồi xuống, tôi sẽ làm.

Cô ấy không hiểu được.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Này tỷ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đang làm công việc. Có vị tỷ-kheo nọ bị khởi dục rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

- Này em gái, cô hãy nằm xuống, tôi sẽ làm.

Cô ấy không hiểu được.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Này tỷ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ ba.

---o0o---

04. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ tư: Ca ngợi sự hậu hạ tình dục cho bản thân với người nữ

[416] Câu chuyện về tỷ-kheo Udāyi. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvatti. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà góa chồng nọ đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn. Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người đàn bà ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn bà ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã đánh lễ đại đức

Udāyi rồi ngồi xuống ở một bên. Rồi đại đức Udāyi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người đàn bà ấy đang ngồi ở một bên bằng bài Pháp thoại. Rồi khi đã được đại đức Udāyi chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, người đàn bà ấy đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, xin ngài cứ nói ra nhu cầu. Chúng tôi có khả năng đề dâng đến ngài đại đức vật cần dùng tức là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh.

- Nay em gái, những thứ ấy tức là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh thì chúng tôi đạt được không khó. Vậy hãy dâng cho chúng tôi điều mà chúng tôi khó đạt được.

- Thưa ngài, điều gì vậy?

- Việc đôi lứa.

- Thưa ngài, ngài cần điều ấy?

- Nay em gái, ta cần điều ấy,

- Thưa ngài, hãy đi đến. Rồi đã đi vào phòng trong, cởi bỏ y phục, và nằm ngửa ra trên chiếc giường nhỏ.

Rồi đại đức Udāyi đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến (đã nói rằng):

- Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này? Rồi nhổ bãi nước miếng và bỏ đi.

Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này giả vờ là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn, Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì sao sa-môn Udāyi sau khi đích thân cầu xin tôi việc

đôi lú� lại (nói rằng): “*Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này?*” rồi nhỏ bã nước miếng và bỏ đi? Điều xấu gì ở nơi tôi? Mùi hôi gì ở nơi tôi? Tôi thua kém với ai, vì điều gì?

Các người đàn bà khác phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các vị sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này giả vờ là những vị thực hành Pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn, Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì sao sa-môn Udāyi sau khi đích thân cầu xin cô ấy việc đôi lú� lại (nói rằng): “*Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này?*” rồi nhỏ bã nước miếng và bỏ đi? Điều xấu gì ở nơi cô ấy? Mùi hôi gì ở nơi cô ấy? Cô ấy thua kém với ai, vì điều gì?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nữ?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi đại đức Udāyi rằng:

- Này Udāyi, nghe nói người ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nữ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rò dại, vì sao người lại ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nữ vậy? Này kẻ rò dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái,

...(như trên)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Nay kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nữ rằng: ‘Này em gái, đây là việc đứng đầu trong các sự hầu hạ là việc người nữ nên hầu hạ đến người có giới, có thiện pháp, có Phạm hạnh như ta đây bằng việc ấy’ là việc có tính chất đôi lừa, thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*”

---o0o---

[417] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỳ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị khởi dục nghĩa là có dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Bị thay đổi: tâm có dục vọng là (tâm) bị thay đổi, tâm xấu xa là (tâm) bị thay đổi, tâm mê muội là (tâm) bị thay đổi. Tâm có dục vọng là (tâm) “*bị thay đổi*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là người nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có hiểu biết, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là dâm dật và không dâm dật.

Trước mặt người nữ: xung quanh người nữ, không xa người nữ.

Tình dục cho bản thân: là tình dục của chính bản thân, có nguyên nhân của bản thân, có ý định cho bản thân, là sự phục vụ cho bản thân.

Đây là việc đứng đầu: điều này là tốt đỉnh, điều này là hạng nhất, điều này là dẫn đầu, điều này là tối thượng, điều này là quý báu nhất.

Người nữ: là người nữ dòng vua chúa, hoặc là người nữ Bà-la-môn, hoặc là người nữ thương buôn, hoặc là người nữ nô lệ.

Như ta đây: là người dòng vua chúa, hoặc là Bà-la-môn, hoặc là thương buôn, hoặc là nô lệ.

Người có giới: (người) có sự tránh xa việc sát sanh, có sự tránh xa việc trộm cắp, có sự tránh xa việc nói dối.

Có Phạm hạnh: có sự tránh xa việc đôi lừa.

Có thiện pháp nghĩa là với giới ấy và với Phạm hạnh ấy là (người) có thiện pháp.

Bằng việc ấy: bằng việc đôi lừa.

Nên hầu hạ: nên làm cho thích thú.

Có tính chất đôi lừa: là có liên quan đến việc hành dâm.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

---o0o---

[418] Các trường hợp phạm tội

Là người nữ và biết là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nữ ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Là người nữ và có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là người vô căn, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nữ ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và biết là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người vô căn ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Là người vô căn và có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là người nam, (lầm) tưởng là loài thú, (lầm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người vô căn ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là người nam và biết là người nam, có sự hoài nghi, (lầm) tưởng là loài thú, (lầm) tưởng là người nữ, (lầm) tưởng là người vô căn, vị tỳ-kheo bị

khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt người nam ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

Là loài thú và biết là loài thú, có sự hoài nghi, (lâm) tưởng là người nữ, (lâm) tưởng là người vô căn, (lâm) tưởng là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt loài thú ấy thì phạm tội tác ác (dukkata).

[419] Hai người nữ và biết hai người nữ là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người nữ ấy thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hai người nữ và có sự hoài nghi là hai người nữ, (lâm) tưởng là người vô căn, (lâm) tưởng là người nam, (lâm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người nữ ấy thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người vô căn và biết hai người vô căn là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người vô căn ấy thì phạm hai trọng tội (thullaccaya).

Hai người vô căn và có sự hoài nghi là hai người vô căn, (lâm) tưởng là người nam, (lâm) tưởng là loài thú, (lâm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người vô căn ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Hai người nam và biết hai người nam là người nam, ...(như trên)...

Hai con thú và biết hai con thú là loài thú, có sự hoài nghi, (lâm) tưởng là người nữ, (lâm) tưởng là người vô căn, (lâm) tưởng là người nam, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai con thú ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người vô căn và có sự hoài nghi về cả hai, ...(như trên)... thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... (lâm) tưởng là người vô căn, ...(như trên)... thì phạm hai trọng tội (thullaccaya). ...(như trên)... (lâm) tưởng là người nam, ...(như trên)... (lâm) tưởng là loài

thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và người nam và có sự hoài nghi về cả hai, (lâm) tưởng là người vô căn, (lâm) tưởng là người nam, (lâm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và loài thú và (lâm) tưởng cả hai là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Người nữ và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, (lâm) tưởng là người vô căn, (lâm) tưởng là người nam, (lâm) tưởng là loài thú, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và người nam và (lâm) tưởng cả hai là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và người nam và có sự hoài nghi về cả hai, (lâm) tưởng là người nam, (lâm) tưởng là loài thú, (lâm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và loài thú và (lâm) tưởng cả hai là người vô căn, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya) và tội tác ác (dukkata).

Người vô căn và loài thú và có sự hoài nghi về cả hai, (lâm) tưởng là người nam, (lâm) tưởng là loài thú, (lâm) tưởng là người nữ, vị tỳ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trước mặt hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Người nam và loài thú và (lâm) tướng cả hai là người nam, có sự hoà
nghĩ, (lâm) tướng là loài thú, (lâm) tướng là người nữ, (lâm) tướng là người
vô căn, vị tỷ-kheo bị khởi dục rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân
trước mặt hai người ấy thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[420] Các trường hợp không phạm tội

Vị nói rằng: “*Hãy hộ độ với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ,
và thuốc men chữa bệnh,*” vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

---o0o---

[421] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Cách nào bà hiếm muộn,
có được đức con trai?
được yêu quý, thương mến,
Tôi nên dâng vật gì?
Hộ độ bằng thứ gì?
cách nào được sanh thiên?*

---o0o---

[422] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà không sanh sản nọ đã nói với vị tỷ-
kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, làm sao tôi có thể sanh con?
- Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.
- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?
- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)... Vị ấy đã trình sự việc ấy lên
đức Thế Tôn.

- Này tỷ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà còn sanh sản nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, làm sao tôi có thể có được con trai?
- Nay em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.
- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?
- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, làm sao tôi có thể được chồng yêu quý?
- Nay em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.
- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?
- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, làm sao tôi có thể được chồng thương mến?
- Nay em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.
- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?
- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, tôi sẽ dâng ngài đại đức vật gì?

- Nay em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, tôi hộ độ ngài đại đức bằng vật gì?

- Nay em gái, với vật thí hạng nhất.

- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị tỳ-kheo thường tới lui với gia đình điều này:

- Thưa ngài, làm sao tôi có thể sanh về cõi trời?

- Nay em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

- Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

- Là việc đôi lúa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay tỳ-kheo, người đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ tư.

05. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ năm: Tiến hành việc mai mối

[423] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvatti. Tại nơi nào vị ấy nhìn thấy thanh niên chưa vợ hoặc là thanh nữ chưa chồng thì vị ấy nói lời khen ngợi về cô con gái trước mặt cha mẹ của người con trai rằng:

- Cô con gái gia đình kia đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có học thức, khôn ngoan, thông minh, giỏi giang, siêng năng. Cô gái ấy thì xứng đôi với người con trai này.

Các người ấy nói như vậy:

- Thưa ngài, những người này không biết chúng tôi: “*Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?*” Thưa ngài, nếu ngài có thể bảo họ cho cưới thì chúng tôi có thể cho người rước cô con gái ấy về cho người con trai này.

Rồi vị ấy nói lời khen ngợi về cậu con trai trước mặt cha mẹ của người con gái rằng:

- Cậu con trai gia đình kia đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có học thức, khôn ngoan, thông minh, giỏi giang, siêng năng. Cậu trai ấy thì xứng đôi với người con gái này.

Các người ấy nói như vậy:

- Thưa ngài, những người này không biết chúng tôi: “*Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?*” Thật xấu hổ khi rêu rao về con gái! Thưa

ngài, nếu ngài có thể bảo họ xin cưới thì chúng tôi có thể gả cô con gái này cho người con trai ấy.

Bằng chính phương thức ấy, vị ấy cho người thực hiện các đoàn đi rước dâu, cho người thực hiện các đoàn đi đưa dâu, và cho người tiến hành các vụ cưới hỏi.

[424] Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ trước đây (chồng) làm nghề thầy bói có cô con gái đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn. Các đệ tử đạo lửa thể ở một ngôi làng khác đã đi đến và nói với bà vợ người thầy bói ấy rằng:

- Thưa bà, hãy gả cô con gái này cho con trai của chúng tôi.

Bà ấy đã nói như vậy:

- Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông: *“Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?”* Và đây là con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả.

Dân chúng đã nói với các đệ tử đạo lửa thể ấy điều này:

- Thưa các ông, vì sao các ông đã đi đến?

- Thưa các ông, ở đây chúng tôi đã xin bà vợ người thầy bói kia gả người con gái cho con trai của chúng tôi, bà ta đã nói như vậy: *“Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông: ‘Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?’ Và đây là con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả.”*

- Thưa các ông, vì sao các ông lại xin bà vợ người thầy bói ấy gả người con gái? Có lẽ nên nói với ngài đại đức Udāyi, ngài đại đức Udāyi sẽ bảo người ta gả cho.

Khi ấy, các đệ tử đạo lửa thể ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, ở đây chúng tôi đã xin bà vợ người thầy bói kia gả người con gái cho con trai của chúng tôi, bà ta đã nói như vậy: *“Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông: ‘Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?’ Và đây là con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi*

sẽ không gả.” Thừa ngài, tốt thay ngài đại đức hãy bảo bà vợ người thầy bói ấy gả người con gái cho con trai của chúng tôi.

Rồi đại đức Udāyi đã đi đến gặp bà vợ người thầy bói ấy, sau khi đến đã nói với bà vợ người thầy bói ấy điều này:

- Sao bà lại không gả cô con gái cho những người này?

- Thừa ngài đại đức, quả thật tôi không biết các người này: “*Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?*” Và đây là con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả.

- Hãy gả cho những người này. Tôi biết những người này.

- Thừa ngài, nếu ngài đại đức biết thì tôi sẽ gả.

Rồi bà vợ người thầy bói ấy đã gả con gái cho các người đệ tử ngoại đạo ấy. Sau đó, các người đệ tử ngoại đạo ấy đã dẫn người con gái ấy đi và đã đối xử như là con dâu chỉ trong một tháng rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái.

[425] Sau đó, cô con gái ấy đã phái sứ giả đi đến gặp người mẹ (nhấn răng):

- Vì bị đọa đày nên con phải chịu khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi.

Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp các người đệ tử ngoại đạo ấy, sau khi đến đã nói với các người đệ tử ngoại đạo ấy điều này:

- Thừa các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.

Các người ấy đã nói như vậy:

- Chúng tôi không có cưới hỏi gì với bà; chúng tôi chỉ có cưới hỏi với vị sa-môn thôi. Bà hãy đi đi, chúng tôi không biết bà.

Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy bị trách mắng bởi những người đệ tử ngoại đạo ấy nên đã quay trở về lại thành Sāvattthi.

Đến lần thứ nhì, cô con gái ấy đã phái sứ giả đi đến gặp người mẹ (nhấn rằng):

- Vì bị đọa đày nên con phải chịu khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi.

Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, nghe nói người con gái ấy bị đọa đày, phải chịu khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử cô ấy như là con dâu chỉ trong một tháng rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Thưa ngài, ngài nên nói rằng: *“Này các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.”*

Sau đó, đại đức Udāyi đã đi đến gặp các người đệ tử ngoại đạo ấy, sau khi đến đã nói với các người đệ tử ngoại đạo ấy điều này:

- Này các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.

Các người ấy đã nói như vậy:

- Chúng tôi không có cưới hỏi gì với ngài; chúng tôi chỉ có cưới hỏi với bà vợ người thầy bói thôi. Vị sa-môn không nên can thiệp vào. Là sa-môn thì nên là vị sa-môn tốt. Ngài hãy đi đi, chúng tôi không biết ngài.

Khi ấy, đại đức Udāyi bị trách mắng bởi những người đệ tử ngoại đạo ấy nên đã quay trở về lại thành Sāvatti.

Đến lần thứ ba, cô con gái ấy đã phái sứ giả đi đến gặp người mẹ (nhấn rằng):

- Vì bị đọa đày nên con phải chịu khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi.

Lần thứ nhì, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, nghe nói người con gái ấy bị đọa đày, phải chịu khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử cô ấy như là con dâu chỉ trong một tháng rồi từ đó về sau sử dụng như là đũa tó gái. Thưa ngài, ngài nên nói rằng: *“Này các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đũa tó gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.”*

- Lần trước, tôi đã bị những người đệ tử ngoại đạo ấy trách mắng. Bà hãy đi đi, tôi sẽ không đi.

[426] Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Ngài đại đức Udāyi hãy bị đọa đày như vậy! Ngài đại đức Udāyi hãy bị khổ sở như vậy! Ngài đại đức Udāyi chớ được yên ổn như vậy, giống như người con gái của tôi đã bị đọa đày, phải chịu khổ sở, không được yên ổn với bà gia ác độc, với ông gia ác độc, với người chồng ác độc.

Và người con gái ấy cũng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Ngài đại đức Udāyi hãy bị đọa đày như vậy! Ngài đại đức Udāyi hãy bị khổ sở như vậy! Ngài đại đức Udāyi chớ được yên ổn như vậy, giống như tôi đã bị đọa đày, phải chịu khổ sở, không được yên ổn với bà gia ác độc, với ông gia ác độc, với người chồng ác độc.

Những người đàn bà khác không được thuận thảo với các bà gia, hoặc với các ông gia, hoặc với những người chồng, những người ấy nguyên rủa như vậy:

- Ngài đại đức Udāyi hãy bị đọa đày như vậy! Ngài đại đức Udāyi hãy bị khổ sở như vậy! Ngài đại đức Udāyi chớ được yên ổn như vậy, giống như chúng tôi đã bị đọa đày, phải chịu khổ sở, không được yên ổn với các bà gia ác độc, với các ông gia ác độc, với những người chồng ác độc.

Những người đàn bà khác được thuận thảo với các bà gia, hoặc với các ông gia, hoặc với những người chồng, những người ấy cầu khẩn như vậy:

- Ngài đại đức Udāyi hãy được yên ổn như vậy! Ngài đại đức Udāyi hãy được chiều chuộng như vậy! Ngài đại đức Udāyi hãy đạt được sự an lạc như vậy, giống như chúng tôi được yên ổn, được chiều chuộng, và đạt được sự an lạc với các bà gia hiền hậu, với các ông gia hiền hậu, với những người chồng hiền hậu.

---o0o---

[427] Sự quy định điều học

Các tỳ-kheo đã nghe được một số người đàn bà thì đang nguyên rửa, một số người đàn bà thì đang cầu khẩn. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, tự biết đủ, ...(như trên)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai mối?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi đại đức Udāyi rằng:

- Này Udāyi, nghe nói người tiến hành việc mai mối, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao người lại tiến hành việc mai mối vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào tiến hành việc mai mối ý định của người nam đến người nữ, hoặc ý định của người nữ đến người nam, trong việc trở thành vợ chồng, hoặc trong việc trở thành nhân tình, thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*” Và như thế, điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ-kheo.

[428] Vào lúc bấy giờ, có nhiều kẻ vô lại trong khi dạo chơi ở vườn hoa đã phái người đưa tin đi đến gặp cô gái điếm nọ (nói rằng):

- Hãy đi đến, chúng ta sẽ dạo chơi ở vườn hoa.

Cô ấy nói như vậy:

- Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông: “*Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?*” Và lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và ngoại thành là không nên đi. Tôi sẽ không đi.

Sau đó, người đưa tin đã kể lại sự việc ấy cho những kẻ vô lại. Được nói như thế, có người đàn ông nọ đã nói với những kẻ vô lại ấy điều này:

- Này các ông, tại sao các ông lại phải nài nỉ cô gái điếm ấy? Có lẽ nên nói với ngài đại đức Udāyi, ngài đại đức Udāyi sẽ bảo người ta ưng thuận.

Được nói như thế, có người nam cư sĩ nọ đã nói với người đàn ông ấy điều này:

- Thưa ông, chớ có nói như thế. Các sa-môn Thích tử không được phép làm việc như thế. Ngài đại đức Udāyi sẽ không làm việc như thế đâu.

Khi được nói như thế: “*Vị ấy sẽ làm! Vị ấy sẽ không làm!*” Họ đã đánh cá với nhau.

Sau đó, những kẻ vô lại ấy đã đi đến gặp đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, trường hợp chúng tôi khi đang đi dạo chơi ở vườn hoa đã phải người đưa tin đi đến gặp cô gái điếm nọ (nói rằng): “*Hãy đi đến, chúng ta sẽ dạo chơi ở vườn hoa.*” Cô ấy đã nói như vậy: “*Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông: ‘Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?’ Và lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và ngoại thành là không nên đi. Tôi sẽ không đi.*” Thưa ngài, tốt thay xin ngài đại đức hãy bảo cô gái điếm ấy ưng thuận.

Khi ấy, đại đức Udāyi đã đi đến gặp cô gái điếm ấy, sau khi đến đã nói với cô gái điếm ấy điều này:

- Vì sao cô không đi cho những người này?

- Thưa ngài đại đức, quả thật tôi không biết những người này: “*Những người này là ai hoặc là (con cháu) của ai?*” Và lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và ngoại thành là không nên đi. Tôi sẽ không đi.

- Cô hãy đi cho những người này đi. Tôi biết những người này.

- Thưa ngài, nếu ngài đại đức biết thì tôi sẽ đi.

Sau đó, những kẻ vô lại ấy đã dắt cô gái điếm ấy đi đến vườn hoa. Khi ấy, người nam cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao ngài đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình trong chót lát?

Các tỳ-kheo đã nghe được người nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình trong chót lát?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi đại đức Udāyi rằng:

- Này Udāyi, nghe nói người tiến hành việc mai mối cho cuộc tình trong chót lát, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, ...(như trên)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình trong chót lát vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo nào tiến hành việc mai mối ý định của người nam đến người nữ, hoặc là ý định của người nữ đến người nam, trong việc trở thành vợ chồng, hoặc trong việc trở thành nhân tình, thậm chí chỉ là cuộc tình trong chót lát thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).”*

---o0o---

[429] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỳ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “vị tỳ-kheo” được đề cập trong ý nghĩa này.

Tiến hành việc mai mối: Hoặc là đi đến gặp người nam do người nữ phái đi, hoặc là đi đến gặp người nữ do người nam phái đi.

Hoặc là ý định của người nam đến người nữ: Hoặc là thông báo ý định của người nam đến người nữ.

Hoặc là ý định của người nữ đến người nam: Hoặc là thông báo ý định của người nữ đến người nam.

Hoặc trong việc trở thành vợ chồng: Cô sẽ trở thành người vợ.

Hoặc trong việc trở thành nhân tình: Cô sẽ trở thành nhân tình.

Cho dầu chỉ là người vợ trong chót lát: Cô sẽ là người vợ trong chót lát.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[430] **Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ**

Có mười hạng người nữ: hạng được mẹ bảo hộ, hạng được cha bảo hộ, hạng được cha mẹ bảo hộ, hạng được anh (em) trai bảo hộ, hạng được chị (em) gái bảo hộ, hạng được thân quyến bảo hộ, hạng được dòng họ bảo hộ, hạng được luân lý bảo hộ, hạng có sự gìn giữ, hạng bị quy định hình phạt.

[431] Có mười hạng vợ: hạng được mua bằng của cải, hạng sống chung do sự tự nguyện, hạng sống chung vì tài vật, hạng sống chung vì y phục, hạng được cưới theo nghi thức 75, hạng có vật lót ở đầu được đặt xuống, hạng nữ tỳ là vợ, hạng người làm công là vợ, hạng được đem lại dưới lá cờ, hạng chỉ trong chót lát.

[432] **Hạng được mẹ bảo hộ** (Māturakkhitā) nghĩa là có mẹ bảo hộ 76, canh giữ 77, thể hiện sự lãnh đạo 78, vận hành sự quản lý 79.

Hạng được cha bảo hộ (Piturakkhitā) nghĩa là có cha bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng được mẹ cha bảo hộ (Mātāpiturakkhitā) nghĩa là có mẹ cha bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng được anh (em) trai bảo hộ (Bhāturakkhitā) nghĩa là có anh (em) trai bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng được chị (em) gái bảo hộ (Bhaginīrakkhitā) nghĩa là có chị (em) gái bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng được thân quyến bảo hộ (Ñātīrakkhitā) nghĩa là có thân quyến bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng được dòng họ bảo hộ (Gottarakkhitā) nghĩa là có dòng họ bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng được luân lý bảo hộ (Dhammarakkhitā) nghĩa là có các đồng đạo bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Hạng có sự gìn giữ (Sārakkhā) nghĩa là được giữ lại ngay ở trong phòng: “*Cô ấy là của ta;*” thậm chí còn được đặt quanh bằng các bó hoa 80.

Hạng bị quy định hình phạt (Saparidaṇḍā) nghĩa là có người nào đó quy định hình phạt rằng: “*Ai đến với người đàn bà tên như vậy phải chịu phạt tới mức này.*”

[433] **Hạng được mua bằng của cải** (Dhanakkītā) nghĩa là sau khi mua bằng của cải, (người đàn ông) giữ (nàng) sống chung (như là vợ).

Hạng sống chung do sự tự nguyện (Chandavāsīnī) nghĩa là người yêu giữ người yêu sống chung.

Hạng sống chung vì tài vật (Bhogavāsīnī) nghĩa là sau khi biểu xén tài vật, (người đàn ông) giữ (nàng) sống chung (như là vợ).

Hạng sống chung vì y phục (Paṭavāsīnī) nghĩa là sau khi biểu xén y phục, (người đàn ông) giữ (nàng) sống chung (như là vợ)⁸¹.

Hạng được cưới theo nghi thức (Oḍapattakinī) nghĩa là nghĩa là sau khi chạm vào bát nước, (người đàn ông) giữ (nàng) sống chung (như là vợ)⁸².

Hạng có vật lót ở đầu được đặt xuống (Obhatacumbaṭā) nghĩa là sau khi lấy xuống tấm đệm lót ở đầu (để mang vác), (người đàn ông) giữ (nàng) sống chung (như là vợ)⁸³.

Hạng nữ tỳ (dāsī ca bhariyā ca) nghĩa là vừa là nữ tỳ vừa là vợ.

Hạng người làm công (kammakārī ca bhariyā ca) nghĩa là vừa là người làm công vừa là vợ 84.

Hạng được đem lại dưới lá cờ (dhajāhaṭṭā) nghĩa là (nàng) được đem lại như là tù binh 85.

Hạng chỉ trong chót lát (Muhuttikā) nghĩa là đề cập đến cuộc tình chỉ trong chốc lát.

---o0o---

[434] Các trường hợp phạm tội

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Nghe nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ tên như vậy nói rằng: ... (như trên)... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói rằng ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ nói rằng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói rằng ... người nữ có sự gìn giữ nói rằng ... người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Nghe nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[435] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ... (như trên)... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ...*

người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng.

[436] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

---o0o---

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng.

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người

nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

---o0o---

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng thứ nhì.

[438] Sự quy định thêm

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): *“Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.”* Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng thứ ba.

[439] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): *“Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ được chị (em) gái bảo*

hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng thứ tư.

[440] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được thân quyến bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng thứ năm.

[441] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được dòng họ bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng thứ sáu.

[442] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ

được luân lý bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được luân lý bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng thứ bảy.

[443] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): *“Thưa ngài, hãy đi đến người nữ có sự gìn giữ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ có sự gìn giữ và người nữ được luân lý bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng thứ tám.

[444] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): *“Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ có sự gìn giữ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng thứ chín.

Dứt phần liên quan đến một nhân tố.

[445] Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[446] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ, (và) người nữ được cha bảo hộ, (và) người nữ được mẹ cha bảo hộ, (và) người nữ được anh (em) trai bảo hộ, (và) người nữ được chị (em) gái bảo hộ, (và) người nữ được thân quyến bảo hộ, (và) người nữ được dòng họ bảo hộ, (và) người nữ được luân lý bảo hộ, (và) người nữ có sự gìn giữ, (và) người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt sự xoay vòng của phần “Hạng được mua bằng của cải.”

[447] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (hạng) sống chung vì tài vật, (hạng) sống chung vì y phục, (hạng) được cưới theo nghi thức, (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống, (hạng) nữ tỳ là vợ, (hạng) người làm công là vợ, (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ...(như trên)...

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ...(như trên)... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói rằng ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ nói rằng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói rằng ... người nữ có sự gìn giữ nói rằng ... người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người*

vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[448] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ...(như trên)... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng.

[449] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người

tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phân nhân tố được tóm tắt.

[450] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được anh (em) trai bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được chị (em) gái bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ có sự gìn giữ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt phần liên quan đến một nhân tố.

[451] Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[452] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ, (và) người nữ được cha bảo hộ, (và) người nữ được mẹ cha bảo hộ, (và) người nữ được anh (em) trai bảo hộ, (và) người nữ được chị (em) gái bảo hộ, (và) người nữ được thân quyến bảo hộ, (và) người nữ được dòng họ bảo hộ, (và) người nữ được luân lý bảo hộ, (và) người nữ có sự gìn giữ, (và) người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) chỉ trong chót lát của người*

tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt sự xoay vòng của phần “Hạng chỉ trong chót lát.”

[453] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). ... (như trên)...

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (hạng) sống chung vì tài vật, (hạng) sống chung vì y phục, (hạng) được cưới theo nghi thức, (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống, (hạng) nữ tỳ là vợ, (hạng) người làm công là vợ, (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[454] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt Phần phân tích theo sự xoay vòng.

[455] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì tài vật ... (như trên)... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) chỉ trong chót lát ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phần nhân tố được tóm tắt.

[456] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được mua bằng của cải ... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được đem lại dưới lá cờ của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt Phần liên quan đến một nhân tố.

[457] Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[458] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và) (hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đâu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tỳ là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[459] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được cha bảo hộ tên như vậy nói rằng: ... (như trên)... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói rằng ... người nữ được anh (em) trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chị (em) gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ nói rằng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói rằng ... người nữ có sự gìn giữ nói rằng ... người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[460] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng.

[461] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì tài vật ... (như trên)... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) chỉ trong chót lát ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phần nhân tố được tóm tắt.

[462] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được mua bằng của cải ... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được đem lại dưới lá cờ của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Đứt phần liên quan đến một nhân tố.

[463] Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[464] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và) (hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đâu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tỳ là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[465] Người đàn ông phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người

vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ, (và) người nữ được cha bảo hộ, (và) người nữ được mẹ cha bảo hộ tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói cô hãy là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

(Phần tổng hợp của hai nhân tố nên được thực hiện như thế).

Đây là phần có liên quan đến tất cả các nhân tố.

[466] Người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người nữ được mẹ bảo hộ, (và) người nữ được cha bảo hộ, (và) người nữ được mẹ cha bảo hộ, (và) người nữ được anh (em) trai bảo hộ, (và) người nữ được chị (em) gái bảo hộ, (và) người nữ được thân quyến bảo hộ, (và) người nữ được dòng họ bảo hộ, (và) người nữ được luân lý bảo hộ, (và) người nữ có sự gìn giữ, (và) người nữ bị quy định hình phạt có tên như vậy nói rằng: ‘Họ nói các cô hãy là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và) (hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đâu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tỳ là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt Phần tổng hợp của hai nhân tố.

[467] Người mẹ của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi ...(như trên)... Cha của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi ...(như trên)... Mẹ cha của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi ...(như trên)... Anh (em) trai của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi ...(như trên)... Chị (em) gái của người đàn ông phái vị tỷ-

kheo đi ...(như trên)... Thân quyến của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi ...(như trên)... Dòng họ của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi ...(như trên)... Các đồng đạo của người đàn ông phái vị tỷ-kheo đi (Sự trùng lặp về người đàn ông nên được giải thích chi tiết. Phần tổng hợp của hai nhân tố nên được giải thích chi tiết giống như cách thức về người đàn ông).

[468] Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[469] Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) chỉ

trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng.

[470] Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) chỉ trong chót lát ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phân nhân tố được tóm tắt.

[471] Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được mua bằng của cải ... (như trên)... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được đem lại dưới lá cờ của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt phần liên quan đến một nhân tố.

Phân liên quan đến hai nhân tố cho đến phần liên quan đến chín nhân tố được thực hiện như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[472] Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (con gái tôi) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và) (hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tỳ là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[473] Người cha của người nữ được cha bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... Mẹ cha của người nữ được mẹ cha bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... Anh (em) trai của người nữ được anh (em) trai bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... Chị (em) gái của người nữ được chị (em) gái bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... Thân quyến của người nữ được thân quyến bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... Dòng họ của người nữ được dòng họ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... (như trên)... Các đồng đạo của người nữ được luân lý bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi ... Sở hữu chủ của người nữ có sự gìn giữ phái vị tỷ-kheo đi ... Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (cô ta) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (cô ta) là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) có vật lót ở đâu được đặt xuống ... (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[474] Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (cô ta) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng.

[475] Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (cô ta) là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) chỉ trong chót lát ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phần nhân tố được tóm tắt.

[476] Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (cô ta) là người vợ (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được mua bằng của cải ... (như trên)... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được đem lại dưới lá cờ của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt phần liên quan đến một nhân tố.

Phần liên quan đến hai nhân tố cho đến phần liên quan đến chín nhân tố được thực hiện như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[477] Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy nhận (cô ta) là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và) (hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tỳ là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[478] Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tử-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[479] Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là những người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân phân tích theo sự xoay vòng.

[480] Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) chỉ trong chót lát ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phân tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phân nhân tố được tóm tắt.

[481] Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được mua bằng của cải ... (như trên)... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được đem lại dưới lá cờ của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Đứt phần liên quan đến một nhân tố.

Các phần liên quan đến hai nhân tố, v.v... nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[482] Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị tỷ-kheo đi (nói rằng): “*Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và)*

(hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tỳ là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[483] Người nữ được cha bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ được mẹ cha bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ được anh (em) trai bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ được chị (em) gái bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ được thân quyến bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ được dòng họ bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ được luân lý bảo hộ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ có sự gìn giữ phái vị tỳ-kheo đi ... Người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỳ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỳ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) được mua bằng của cải ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (hạng) sống chung vì tài vật ... (hạng) sống chung vì y phục ... (hạng) được cưới theo nghi thức ... (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống ... (hạng) nữ tỳ là vợ ... (hạng) người làm công là vợ ... (hạng) được đem lại dưới lá cờ ... (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Các phần tóm lược.

[484] Người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỳ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) sống chung do sự tự nguyện ... (như trên)... (hạng) được mua bằng của cải và (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần phân tích theo sự xoay vòng.

[485] Người nữ bị quy định hình phạt phái vị tỳ-kheo đi (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) sống chung vì tài

vật ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) chỉ trong chót lát ... (hạng) sống chung do sự tự nguyện và (hạng) được mua bằng của cải của người tên như vậy'.” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Phần tổng hợp theo sự xoay vòng.

Phần nhân tố được tóm tắt.

[486] Người nữ bị quy định hình phạt phái vị tử-kheo đi (nói rằng): *“Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được mua bằng của cải ... (như trên)... (hạng) chỉ trong chót lát và (hạng) được đem lại dưới lá cờ của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt phần liên quan đến một nhân tố.

Các phần liên quan đến hai nhân tố. v.v... nên được thực hiện y như thế.

Đây là phần có liên quan đến mười nhân tố.

[487] Người nữ bị quy định hình phạt phái vị tử-kheo đi (nói rằng): *“Thưa ngài, hãy đi đến người có tên như vậy nói rằng: ‘Hãy chấp nhận tôi là người vợ (hạng) được mua bằng của cải, (và) (hạng) sống chung do sự tự nguyện, (và) (hạng) sống chung vì tài vật, (và) (hạng) sống chung vì y phục, (và) (hạng) được cưới theo nghi thức, (và) (hạng) có vật lót ở đầu được đặt xuống, (và) (hạng) nữ tử là vợ, (và) (hạng) người làm công là vợ, (và) (hạng) được đem lại dưới lá cờ, (và) (hạng) chỉ trong chót lát của người tên như vậy’.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Dứt tất cả các phần trùng lặp theo sự xoay vòng.

---o0o---

[488] Các yếu tố xác định tội

Nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Nhận lời, thông báo, không đem lại (hồi báo) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Nhận lời, không thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Nhận lời, không thông báo, không đem lại (hồi báo) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Không nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Không nhận lời, thông báo, không đem lại (hồi báo) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Không nhận lời, không thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Không nhận lời, không thông báo, không đem lại (hồi báo) thì vô tội.

[489] Người đàn ông bảo nhiều vị tỷ-kheo rằng: “*Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Tất cả nhận lời, tất cả thông báo, tất cả đem lại (hồi báo) thì tất cả phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo nhiều vị tỷ-kheo rằng: “*Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Tất cả nhận lời, tất cả thông báo, rồi bảo một vị đem lại (hồi báo) thì tất cả phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo nhiều vị tỷ-kheo rằng: “*Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Tất cả nhận lời, rồi bảo một vị thông báo, tất cả đem lại (hồi báo) thì tất cả phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo nhiều vị tỷ-kheo rằng: “*Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Tất cả nhận lời, rồi bảo một vị thông báo, và bảo một vị đem lại (hồi báo) thì tất cả phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo vị tỳ-kheo rằng: “*Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo vị tỳ-kheo rằng: “*Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Vị nhận lời, thông báo, bảo người học trò đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo vị tỳ-kheo rằng: “*Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Vị ấy nhận lời, bảo người học trò thông báo, đích thân đem lại (hồi báo) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Người đàn ông bảo vị tỳ-kheo rằng: “*Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.*” Vị ấy nhận lời, bảo người học trò thông báo, người học trò sau khi thông báo, đứng ở bên ngoài rồi đem lại (hồi báo) thì cả hai phạm trọng tội (thullaccaya)86

[490] Khi đi làm hoàn tất, khi trở về làm trái lời dặn thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Khi đi làm trái lời dặn, khi trở về làm hoàn tất thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Khi đi làm hoàn tất, khi trở về làm hoàn tất thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Khi đi làm trái lời dặn, khi trở về làm trái lời dặn thì vô tội.

---o0o---

[491] Các trường hợp không phạm tội

Vị đi vì công việc cần thiết của hội chúng hoặc của bảo tháp hoặc của người bệnh, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

---o0o---

[492] Bài kệ về các câu chuyện dẫn giải

*Ngủ, đã chết, đi khỏi,
không phải là người nữ,*

*là người nữ vô căn,
gây gỗ, vị khuyển giải,
và việc làm mai mối
cho hạng người vô căn.*

---o0o---

[493] Các câu chuyện dẫn giải

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bảo vị tỳ-kheo nọ rằng:

- “Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.”

Vị ấy sau khi đi đã hỏi mọi người rằng:

- Cô tên như vậy ở đâu?

- Thưa ngài, cô ta ngủ.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “*Phải chăng ta đã phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa)?*” Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bảo vị tỳ-kheo nọ rằng:

- “Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.”

Vị ấy sau khi đi đã hỏi mọi người rằng:

- Cô tên như vậy ở đâu?

- Thưa ngài, cô ta đã chết.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(như trên)...

- Này tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bảo vị tỳ-kheo nọ rằng:

- “Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vậy.”

Vị ấy sau khi đi đã hỏi mọi người rằng:

- Cô tên như vậy ở đâu?

- Thưa ngài, cô ta đã đi khỏi.

...(như trên)...

- Thưa ngài, cô ta không phải là người nữ.

...(như trên)...

- Thưa ngài, cô ta là người nữ vô căn.

Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm tội tác ác (dukkata).

[494] Vào lúc bảy giờ, có người đàn bà nọ sau khi gây gỗ với chồng đã đi về nhà mẹ. Có vị tỳ-kheo nọ đã làm công việc khuyến giải. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, cô ta đã bị chồng bỏ (alamvacanīyā)?⁸⁷

- Bạch Thế Tôn, cô ta không bị chồng bỏ.

- Nay tỳ-kheo, trường hợp không bị chồng bỏ thì vô tội.

[495] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo nọ đã làm mai mối cho người vô căn. Vị ấy đã có nổi nghi hoặc. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, người không phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) mà phạm trọng tội (thullaccaya).

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ năm.

---o0o---

06. Điều Tăng tàng (*Saṅghādisesa*) thứ sáu: Làm cốc liêu

[496] Câu chuyện về các tỳ-kheo ở thành Āḷavī.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở thành Āḷavī tự xin (vật liệu) rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các vị ấy sống có nhiều cầu xin, có nhiều sự gợi ý: “*Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí riu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muṅja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét.*” Dân chúng bực mình vì sự cầu xin, bực mình vì sự gợi ý, khi thấy các tỳ-kheo thì hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại; ngay cả khi thấy con bò cái họ (lầm) tưởng rằng: “*Là vị tỳ-kheo*” rồi cũng tránh đi.

[497] Khi ấy, đại đức Mahākassapa sau khi sống qua mùa (an cư) mưa ở thành Rājagaha đã ra đi về hướng thành Āḷavī. Tuần tự du hành, vị ấy đã đến thành Āḷavī. Tại nơi ấy, ở thành Āḷavī, đại đức Mahākassapa ngụ tại tháp thờ Aggālava. Sau đó vào buổi sáng, đại đức Mahākassapa đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Āḷavī để khát thực. Dân chúng khi nhìn thấy đại đức Mahākassapa cũng trở nên hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại. Rồi khi đã đi khát thực trong thành Āḷavī, đại đức Mahākassapa sau bữa ăn khi đang đi khát thực trở về đã bảo các vị tỳ-kheo rằng:

- Nay các đại đức, thành Āḷavī này trước đây vật thực dồi dào, đồ khát thực nhận được mau chóng, và dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Hiện nay, quả thật thành Āḷavī này có sự khó khăn về vật thực, đồ khát thực nhận được khó khăn, và không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực. Nay các đại đức, nguyên nhân gì, lý do gì khiến thành Āḷavī này lại có sự khó khăn về vật thực, đồ khát thực nhận được khó khăn, và không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khát thực?

Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã kể lại sự việc ấy cho đại đức Mahākassapa.

[498] Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đã ra đi du hành về hướng thành Āḷavī. Tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Āḷavī. Tại nơi ấy, ở thành Āḷavī, đức Thế Tôn ngụ tại tháp thờ

Aggāḷava. Sau đó, đại đức Mahākassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Mahākassapa đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo ở thành Āḷavī rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các người tự xin (vật liệu) rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các người đây sống có nhiều cầu xin, có nhiều sự gọi ý: “*Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét.*” Dân chúng bực mình vì sự cầu xin, bực mình vì sự gọi ý, khi thấy các tỳ-kheo thì hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại; ngay cả khi thấy con bò cái họ (lâm) tưởng rằng: “*Là vị tỳ-kheo*” rồi cũng tránh đi, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này những kẻ rò dại, thật không đúng đắn, . . .(như trên)... không nên làm! Này những kẻ rò dại, vì sao các người lại tự xin (vật liệu) rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các người đây sống có nhiều cầu xin, có nhiều sự gọi ý: “*Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét*” vậy? Này những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Rồi sau khi đã khiển trách các tỳ-kheo ở thành Āḷavī bằng nhiều phương thức, ... (như trên)... đức Thế Tôn đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ-kheo rồi đã bảo các tỳ-kheo rằng:

[499] Câu chuyện về hai anh em ần sĩ và rồng chúa Maṇikaṇṭha

Này các tỳ-kheo, vào thời trước đây có hai anh em ần sĩ đã sống nương tựa vào giòng sông Gaṅgā. Này các tỳ-kheo, khi ấy rồng chúa Maṇikaṇṭha 88 đã vượt qua giòng sông Gaṅgā và đi đến gặp vị ần sĩ trẻ tuổi, sau khi đến đã dùng các phần thân thể quấn quanh vị ần sĩ trẻ tuổi bảy vòng rồi phòng lớn mang ở trên đầu (vị ấy) và giữ nguyên. Này các tỳ-kheo, rồi do sự khiếp sợ con rồng ấy vị ần sĩ trẻ tuổi đã trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Này các tỳ-kheo, vị ần sĩ lớn tuổi đã nhìn thấy vị ần sĩ trẻ tuổi bị ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; sau khi nhìn thấy đã nói với vị ần sĩ trẻ tuổi điều này:

- Này đệ, vì sao đệ lại trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?

- Thưa huynh, trường hợp của đệ là con rồng chúa Maṇikaṇṭha đã vượt qua giòng sông Gaṅgā và đi đến gặp đệ, sau khi đến đã dùng các phần thân thể quấn quanh đệ bảy vòng rồi phòng lớn mang ở trên đầu (đệ) và giữ nguyên. Thưa huynh, do sự khiếp sợ con rồng ấy đệ đã trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

- Này đệ, vậy đệ có muốn con rồng ấy không đến nữa?

- Thưa huynh, đệ muốn con rồng ấy không đến nữa.

- Này đệ, vậy đệ thấy con rồng ấy có vật gì?

- Thưa huynh, đệ thấy viên ngọc ma-ni là vật trang điểm ở cổ của nó.

- Này đệ, như thế thì đệ hãy xin con rồng ấy viên ngọc ma-ni (nói rằng): “Rồng ơi, hãy cho ta viên ngọc ma-ni, ta cần viên ngọc ma-ni.”

Này các tỳ-kheo, rồi con rồng chúa Maṇikaṇṭha đã vượt qua giòng sông Gaṅgā và đi đến gặp vị ần sĩ trẻ tuổi, sau khi đến đã đứng ở một bên. Này các tỳ-kheo, vị ần sĩ trẻ tuổi đã nói với con rồng chúa Maṇikaṇṭha đang đứng ở một bên điều này:

- Rồng ơi, hãy cho ta viên ngọc ma-ni, ta cần viên ngọc ma-ni.

Này các tỳ-kheo, khi ấy con rồng chúa Maṇikaṇṭha (nghĩ rằng): “*Vị tỳ-kheo xin viên ngọc ma-ni, vị tỳ-kheo cần viên ngọc ma-ni,*” rồi đã bỏ đi ngay lập tức.

Này các tỳ-kheo, đến lần thứ nhì, con rồng chúa Maṇikaṇṭha đã vượt qua giòng sông Gaṅgā và đi đến gặp vị ân sĩ trẻ tuổi. Này các tỳ-kheo, vị ân sĩ trẻ tuổi đã nhìn thấy con rồng chúa Maṇikaṇṭha từ ở đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với con rồng chúa Maṇikaṇṭha điều này:

- Rồng ơi, hãy cho ta viên ngọc ma-ni, ta cần viên ngọc ma-ni.

Này các tỳ-kheo, khi ấy con rồng chúa Maṇikaṇṭha (nghĩ rằng): “*Vị tỳ-kheo xin viên ngọc ma-ni, vị tỳ-kheo cần viên ngọc ma-ni,*” rồi ngay từ nơi ấy quay trở lui.

Này các tỳ-kheo, đến lần thứ ba, con rồng chúa Maṇikaṇṭha đang vượt qua giòng sông Gaṅgā. Này các tỳ-kheo, vị ân sĩ trẻ tuổi đã nhìn thấy con rồng chúa Maṇikaṇṭha đang vượt qua giòng sông Gaṅgā, sau khi nhìn thấy đã nói với con rồng chúa Maṇikaṇṭha điều này:

- Rồng ơi, hãy cho ta viên ngọc ma-ni, ta cần viên ngọc ma-ni.

Này các tỳ-kheo, khi ấy con rồng chúa Maṇikaṇṭha đã thốt lên với vị ân sĩ trẻ tuổi bằng lời kệ này:

*Cơm và nước của ta
được dồi dào, tuyệt hảo
sinh lên do nhân của
viên ngọc ma-ni này.
Ngươi kẻ xin quá lố,
ta không cho vật ấy,
và ta sẽ không đến
khu ẩn cư ngươi nữa.
Như là những đứa trẻ
tay cầm dao mài bén,
ngươi làm ta run rẩy
khi cầu xin viên ngọc.
Ngươi kẻ xin quá lố,
ta không cho vật ấy,*

*và ta sẽ không đến
khu ẩn cư người nữa.*

Này các tỳ-kheo, khi ấy con rồng chúa Maṇikaṇṭha (nghĩ rằng): “*Vị tỳ-kheo xin viên ngọc ma-ni, vị tỳ-kheo cần viên ngọc ma-ni,*” rồi bỏ đi. Nó đã bỏ đi như thế rồi đã không quay trở lại nữa.

Này các tỳ-kheo, sau đó, vị ẩn sĩ trẻ tuổi do việc không còn nhìn thấy con rồng chúa đáng nhìn ấy nữa càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa. Này các tỳ-kheo, vị ẩn sĩ lớn tuổi đã nhìn thấy vị ẩn sĩ trẻ tuổi càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa; sau khi nhìn thấy đã nói với vị ẩn sĩ trẻ tuổi điều này:

- Này đệ, vì sao đệ lại càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa vậy?

- Thưa huynh, đệ càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa là do việc không còn nhìn thấy con rồng chúa đáng nhìn ấy. Này các tỳ-kheo, khi ấy vị ẩn sĩ lớn tuổi đã thốt lên với vị ẩn sĩ trẻ tuổi bằng lời kệ này:

*Chớ xin dầu mong được
vật yêu quý của người,
do cầu xin quá đáng
trở thành bị ghét bỏ.
Bà-la-môn cầu xin
rồng chúa ngọc ma-ni
không được nhìn thấy nữa
vì đã không đi đến.*

Này các tỳ-kheo, bởi vì việc cầu xin còn không được hoan hỷ, việc gợi ý còn không được hoan hỷ đối với những chúng sanh là các loài thú ấy, thì sẽ là điều gì đối với loài người?

---o0o---

[500] Câu chuyện về vị tỳ-khuru và bầy chim

Này các tỳ-kheo, vào thời trước đây có vị tỳ-kheo nọ sống trong khu rừng rậm nọ ở sườn núi của dãy Hi-mã-lạp-son. Này các tỳ-kheo, không xa

khu rừng rậm ấy có đầm nước lớn và sâu thẳm. Nay các tử-kheo, có bầy chim lớn vào ban ngày đi kiếm ăn ở trong đầm nước ấy và ban đêm đi đến nương nấu ở khu rừng rậm ấy. Nay các tử-kheo, rồi vị tử-kheo ấy bị quấy rầy bởi tiếng động của bầy chim ấy đã đi đến gặp ta, sau khi đến đã đánh lễ ta rồi ngồi xuống ở một bên. Nay các tử-kheo, rồi ta đã nói với vị tử-kheo ấy đang ngồi ở một bên điều này:

- Nay tử-kheo, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Người đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và nay tử-kheo, người đã từ đâu đi đến?

- Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Bạch ngài, con đi đến đường xa ít mệt nhọc. Bạch ngài, có khu rừng rậm lớn ở sườn núi của dãy Hi-mã-lạp-son. Bạch ngài, không xa khu rừng rậm ấy có đầm nước lớn và sâu thẳm. Bạch ngài, rồi có bầy chim lớn vào ban ngày đi kiếm ăn ở trong đầm nước ấy và ban đêm đến nương nấu ở khu rừng rậm ấy. Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến vì bị quấy rầy bởi tiếng động của bầy chim ấy.

- Nay tử-kheo, vậy người có muốn bầy chim ấy không đến nữa?

- Bạch ngài, con muốn bầy chim ấy không đến nữa.

- Nay tử-kheo, như thế thì người hãy về lại nơi ấy và đi vào trong khu rừng rậm ấy rồi vào canh đầu của đêm hãy nói lớn lời này ba lần: *“Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến nương nấu ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.”* Rồi vào canh giữa của đêm ...(như trên)... Rồi vào canh cuối của đêm hãy nói lớn lời này ba lần: *“Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến nương nấu ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.”*

Nay các tử-kheo, sau đó vị tử-kheo ấy đã về lại nơi ấy và đi vào trong khu rừng rậm ấy; rồi vào canh đầu của đêm đã nói lớn lời này ba lần: *“Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến nương nấu ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.”* Rồi vào canh giữa của đêm ...(như trên)... Rồi vào canh cuối của đêm đã nói lớn lời này ba lần: *“Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến nương nấu ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.”*

Này các tỳ-kheo, khi ấy bầy chim ấy (nghĩ rằng): “*Vị tỳ-kheo xin lông chim, vị tỳ-kheo cần lông chim,*” nên đã rời bỏ khu rừng rậm ấy. Khi đã bỏ đi như thế, bầy chim đã không quay trở lại nữa.

Này các tỳ-kheo, bởi vì việc cầu xin còn không được hoan hỷ, việc gợi ý còn không được hoan hỷ đối với những chúng sanh là các loài thú ấy, thì sẽ là điều gì đối với loài người?

[501] Này các tỳ-kheo, vào thời trước đây, người cha của Raṭṭhapāla con trai nhà danh giá đã thốt lên với Raṭṭhapāla con trai nhà danh giá bằng lời kệ này:

*Này Raṭṭhapāla,
có rất là nhiều người
dầu ta không biết họ
họ vẫn đi đến gặp
rồi lại cầu xin ta,
sao con không xin ta?*

(Vị Raṭṭhapāla con trai nhà danh giá đáp lại rằng):

*Kẻ xin không ai thích,
được xin lại không cho
cũng không được ưa thích;
chính vì lý do ấy,
tôi không cầu xin ông
chớ có ghét bỏ tôi.*

Này các tỳ-kheo, bởi vì Raṭṭhapāla con trai nhà danh giá ấy còn nói với cha của mình như thế, thì người với người sẽ nói điều gì nữa?

---o0o---

[502] Sự quy định điều học

Này các tỳ-kheo, đối với người tại gia, các tài sản kiếm được khó khăn, các vật tích lũy giữ gìn khó nhọc. Này những kẻ rò dại, thế mà ở nơi ấy các người lại sống có nhiều cầu xin, có nhiều sự gợi ý đối với các tài sản kiếm được khó khăn, các vật tích lũy giữ gìn khó nhọc như thế (nói rằng): “*Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy*

bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét.” Đây những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỷ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo tự xin (vật liệu) rồi trong khi cho xây dựng cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân thì nên cho làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài mười hai gang theo gang tay của đức Thiện thế 89, chiều ngang bảy gang ở bên trong, và nên dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất. Các vị tỷ-kheo ấy nên xác định khu đất là không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh. Nếu vị tỷ-kheo tự xin (vật liệu) rồi cho xây dựng cốc liêu dành cho bản thân, ở khu đất có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, hoặc không dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất, hoặc vượt quá kích thước thì tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).”*

---o0o---

[503] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Tự xin (vật liệu) nghĩa là sau khi tự mình yêu cầu người nam, nhân công, bò, xe kéo, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưỡi đục, ...(như trên)... cỏ tiṇa, đất sét.

Cốc liêu nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Trong khi cho xây dựng: là (tự mình) đang làm hoặc đang bảo người làm.

Không có thí chủ: không có người nào khác là sở hữu chủ: là người nữ, hoặc người nam, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia.

Dành cho bản thân: vì nhu cầu của bản thân.

Nên cho làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài mười hai gang theo gang tay của đức Thiện thế: theo cách đo ở bên ngoài.

Chiều ngang bảy gang ở bên trong: theo cách đo ở bên trong.

---o0o---

[504] Cách thức xem xét và xác định khu đất làm cốc liêu

Nên dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất: Vị tỷ-kheo là người làm cốc liêu ấy nên cho dọn sạch khu đất làm cốc liêu, nên đi đến nơi hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các vị tỷ-kheo trưởng thượng, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi có ý định làm cốc liêu do tự mình xin (vật liệu), không có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu.

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba.

Nếu toàn thể hội chúng có khả năng đi xem xét khu đất làm cốc liêu thì (khu đất) nên được xem xét bởi toàn thể hội chúng. Nếu toàn thể hội chúng không có khả năng đi xem xét khu đất làm cốc liêu thì tại nơi ấy, các vị tỷ-kheo nào có kinh nghiệm, đủ năng lực để biết được có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có khoảng trống hay không có khoảng trống, các vị ấy nên được thỉnh cầu và nên được chỉ định. Và này các tỷ-kheo, nên chỉ định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm cốc liêu do tự mình xin (vật liệu), không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định các vị tỷ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm cốc liêu do tự mình xin (vật liệu), không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu. Hội chúng chỉ định các vị tỷ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc chỉ định các vị tỷ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị tỷ-kheo tên (như vậy), vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Các vị tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[505] Các vị tỳ-kheo đã được chỉ định ấy sau khi đi đến nơi đó nên xem xét khu đất làm cốc liêu và nên nhận biết là có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có khoảng trống hay không có khoảng trống. Nếu có điều chướng ngại và không có khoảng trống xung quanh nên nói rằng: “*Chớ làm ở đây.*” Nếu không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh thì nên thông báo với hội chúng rằng: “*Không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh.*”

Vị tỳ-kheo là người làm cốc liêu nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các vị tỳ-kheo trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy:

- *Bạch các ngài, tôi có ý định làm cốc liêu do tự mình xin (vật liệu), không có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu.*

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm cốc liêu do tự mình xin (vật liệu), không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên xác định khu đất làm cốc liêu của vị tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm cốc liêu do tự mình xin (vật liệu), không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu. Hội chúng xác định khu đất làm cốc liêu của vị tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc xác định khu đất làm cốc liêu của vị tỳ-kheo tên (như vậy), vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Khu đất làm cốc liêu của vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng xác định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[506] **Có điều chướng ngại** nghĩa là có tổ kiến, hoặc là có tổ mối, hoặc là có ổ chuột, hoặc là có ổ rắn, hoặc là có ổ bọ cạp, hoặc là có ổ rết, hoặc là chỗ ở của bầy voi, hoặc là chỗ ở của bầy ngựa, hoặc là chỗ ở của bầy sư tử,

hoặc là chỗ ở của bầy cọp, hoặc là chỗ ở của bầy beo, hoặc là chỗ ở của bầy gấu, hoặc là chỗ ở của bầy chó sói, hoặc là chỗ ở của bất cứ các loài thú hoặc các loài sinh vật nào, hoặc có liên quan đến ruộng trồng thóc lúa, hoặc có liên quan đến ruộng trồng rau cải, hoặc có liên quan đến nơi tra trấn, hoặc có liên quan đến nơi xử trảm, hoặc có liên quan đến mộ địa, hoặc có liên quan đến vườn hoa, hoặc có liên quan đến đất của đức vua, hoặc có liên quan đến chuồng voi, hoặc có liên quan đến chuồng ngựa, hoặc có liên quan đến trại giam, hoặc có liên quan đến quán rượu, hoặc có liên quan đến nhà đồ tể, hoặc có liên quan đến đường vận chuyển, hoặc có liên quan đến giao lộ, hoặc có liên quan đến nơi hội họp, hoặc có liên quan đến chỗ qua lại; điều này nghĩa là có điều chướng ngại.

[507] **Không có khoảng trống xung quanh** nghĩa là không thể đi vòng khi được móc vào một xe hàng hoặc (không thể) đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là không có khoảng trống xung quanh.

[508] **Không có điều chướng ngại** nghĩa là không có tổ kiến, hoặc là không có tổ mối, hoặc là không có ổ chuột, hoặc là không có ổ rắn, hoặc là không có ổ bọ cạp, hoặc là không có ổ rết, ...(như trên)... hoặc không có liên quan đến chỗ qua lại; điều này nghĩa là không có điều chướng ngại.

[509] **Có khoảng trống xung quanh** nghĩa là có thể đi vòng khi được móc vào một xe hàng hoặc (có thể) đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là có khoảng trống xung quanh.

[510] **Tự xin (vật liệu)** nghĩa là sau khi tự mình yêu cầu về người nam, nhân công, ...(như trên)... lưỡi đục.

Cốc liêu nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Cho xây dựng: là (tự) làm hoặc bảo người làm.

Hoặc không dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất, hoặc vượt quá kích thước: hoặc là sau khi không cho xác định khu đất làm cốc liêu bằng hành sự với lời đề nghị và lời thông báo, hoặc là sau khi vượt quá chiều dài hoặc chiều rộng dù chỉ là một mảnh tóc rời (tự) làm hay bảo người làm thì tội tác ác (dukkata) cho mỗi thao tác. Còn cục (vữa tô) cuối cùng thì phạm trọng tội (thullaccaya). Khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[511] Các trường hợp phạm tội

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[512] Vị tỳ-kheo làm cốc liêu vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu theo kích thước, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu theo kích thước, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu theo kích thước, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[513] Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[514] Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỳ-kheo làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[515] Vị tỳ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì (vị ấy) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỳ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì (vị ấy) phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỳ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỷ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[516] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì (vị ấy) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng*

ngại, và có khoảng trống xung quanh.” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: *“Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: *“Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: *“Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[517] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy là khu đất được xác định và không có điều chướng ngại.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy là khu đất được xác định và có khoảng trống xung quanh.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy là khu đất được xác định.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy (là) không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy (là) không có điều chướng ngại.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy (là) có khoảng trống xung quanh.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[518] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” ...(như trên)... “*Hãy theo đúng kích thước và không có điều chướng ngại.*” ...(như trên)... “*Hãy theo đúng kích thước và có khoảng trống xung quanh.*” ...(như trên)... “*Hãy theo đúng kích thước.*” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy theo đúng kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta theo đúng kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy (là) không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh.*” ...(như trên)... “*Hãy (là) không có điều chướng ngại.*” ...(như trên)... “*Hãy (là) có khoảng trống xung quanh.*” ...(như trên)... thì vô tội.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “*Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.*” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” ...(như trên)... “*Hãy là khu đất được xác định, theo đúng*

kích thước, và không có điều chướng ngại.” ... (như trên)... “Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, và có khoảng trống xung quanh.” ... (như trên)... “Hãy là khu đất được xác định và theo đúng kích thước.” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo đúng kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: *“Nghe nói cốc liêu được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, theo đúng kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.”* Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: *“Hãy (là) không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh.” ... (như trên)... “Hãy (là) không có điều chướng ngại.” ... (như trên)... “Hãy (là) có khoảng trống xung quanh.” ... (như trên)...* thì vô tội.

[519] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội tác ác (dukkata). ... (như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata. ... (như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata. ... (như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkata.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội tác ác (dukkata). ... (như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkata. ... (như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkata. ... (như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và*

có khoảng trống xung quanh.” Các vị làm cốc liêu cho vị ấy vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkata.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm bốn tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: *“Hãy làm cốc liêu cho tôi”* rồi ra đi và có chỉ thị rằng: *“Hãy là khu đất được xác định, theo đúng kích thước, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.”* Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[520] Vị tỳ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỳ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata).

Vị tỳ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỳ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỳ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỳ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỳ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỳ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa và tội

dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỷ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỷ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm hai tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm hai tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm hai tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm cốc liêu cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm cốc liêu cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỷ-kheo ấy nên cho cốc liêu ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì vô tội.

[521] Các yếu tố xác định tội

Vị ấy tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị ấy tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

---o0o---

[522] Các trường hợp không phạm tội

Vô tội trong trường hợp hang núi, hang nhân tạo, chòi cỏ, vì nhu cầu của vị khác, trong mọi trường hợp ngoại trừ nhà ở 90, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ sáu.

07. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ bảy: Làm trú xá lớn

[523] Câu chuyện về tỳ-khuru Channa. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita 91. Vào lúc bấy giờ, người gia chủ hộ độ đại đức Channa⁹² đã nói với đại đức Channa điều này:

- Thưa ngài, hãy tìm kiếm khu đất của trú xá. Tôi muốn cho xây dựng trú xá cho ngài đại đức.

Sau đó, trong khi dọn sạch khu đất của trú xá, đại đức Channa đã cho người đốn cội cây nọ vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích tử lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính? Các sa-môn Thích tử làm hại cuộc sống của loài có một giác quan?93

Các tỷ-kheo đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Channa lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, ...(như trên)... được lãnh thổ tôn kính?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này Channa, nghe nói người cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, ...(như trên)... được lãnh thổ tôn kính, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- ...(như trên)... Này kẻ rồ dại, vì sao người lại chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính vậy? Này kẻ rồ dại, bởi vì có những chúng sanh có tâm thức là những hạng người ở cội cây. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỷ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỷ-kheo trong khi cho xây dựng trú xá lớn có thí chủ, dành cho bản thân, nên dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất. Các vị tỷ-kheo ấy nên xác định khu đất là không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh. Nếu vị tỷ-kheo cho xây dựng trú xá lớn dành cho bản thân ở khu đất có điều chướng ngại không có khoảng trống xung quanh, hoặc không dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*”

[524] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến.

Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Trong khi cho xây dựng: là (tự mình) đang làm hoặc đang bảo người làm.

Có thí chủ: có người nào khác là sở hữu chủ: là người nữ, hoặc người nam, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia.

Dành cho bản thân: vì nhu cầu của bản thân.

---o0o---

[525] Cách thức xem xét và xác định khu đất làm trú xá lớn

Nên dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất: Vị tỷ-kheo là người làm trú xá nên cho dọn sạch khu đất làm trú xá, nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các vị tỷ-kheo trưởng thượng, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú xá.

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba.

Nếu toàn thể hội chúng có khả năng đi xem xét khu đất làm trú xá thì (khu đất) nên được xem xét bởi toàn thể hội chúng. Nếu toàn thể hội chúng không có khả năng đi xem xét khu đất làm trú xá thì tại nơi ấy, các vị tỷ-kheo nào có kinh nghiệm, đủ năng lực để biết được có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có khoảng trống hay không có khoảng trống, các vị ấy nên được thỉnh cầu và nên được chỉ định. Và này các tỷ-kheo, nên chỉ định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy

thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú xá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định các vị tỷ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để xem xét khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú xá. Hội chúng chỉ định các vị tỷ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để xem xét khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc chỉ định các vị tỷ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để xem xét khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy), vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Các vị tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để xem xét khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[526] Các vị tỷ-kheo đã được chỉ định ấy sau khi đi đến nơi đó nên xem xét khu đất làm trú xá và nên nhận biết là có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có khoảng trống hay không có khoảng trống. Nếu có điều chướng ngại và không có khoảng trống xung quanh nên nói rằng: *“Chớ làm ở đây.”* Nếu không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh thì nên thông báo với hội chúng rằng: *“Không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh.”*

Vị tỷ-kheo là người làm trú xá nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các vị tỷ-kheo trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá.

Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá. Nếu là thời điểm thích

hợp cho hội chúng, hội chúng nên xác định khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá. Hội chúng xác định khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc xác định khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Khu đất làm trú xá của vị tỷ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng xác định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[527] **Có điều chướng ngại** nghĩa là có tổ kiến, hoặc là có tổ mối, hoặc là có ổ chuột, hoặc là có ổ rắn, hoặc là có ổ bọ cạp, hoặc là có ổ rết, hoặc là chỗ ở của bầy voi, hoặc là chỗ ở của bầy ngựa, hoặc là chỗ ở của bầy sư tử, hoặc là chỗ ở của bầy cọp, hoặc là chỗ ở của bầy beo, hoặc là chỗ ở của bầy gấu, hoặc là chỗ ở của bầy chó sói, hoặc là chỗ ở của bất cứ các loài thú hoặc các loại sinh vật nào, hoặc có liên quan đến ruộng trồng thóc lúa, hoặc có liên quan đến ruộng trồng rau cải, hoặc có liên quan đến nơi tra trấn, hoặc có liên quan đến nơi xử trảm, hoặc có liên quan đến mộ địa, hoặc có liên quan đến vườn hoa, hoặc có liên quan đến đất của đức vua, hoặc có liên quan đến chuồng voi, hoặc có liên quan đến chuồng ngựa, hoặc có liên quan đến trại giam, hoặc có liên quan đến quán rượu, hoặc có liên quan đến nhà đồ tể, hoặc có liên quan đến đường vận chuyển, hoặc có liên quan đến giao lộ, hoặc có liên quan đến nơi hội họp, hoặc có liên quan đến chỗ qua lại; điều này nghĩa là có điều chướng ngại.

[528] **Không có khoảng trống xung quanh** nghĩa là không thể đi vòng khi được móc vào một xe hàng hoặc (không thể) đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là không có khoảng trống xung quanh.

[529] **Không có điều chướng ngại** nghĩa là không có tổ kiến, ...(như trên)... hoặc không có liên quan đến chỗ qua lại; điều này nghĩa là không có điều chướng ngại.

[530] **Có khoảng trống xung quanh** nghĩa là có thể đi vòng khi được móc vào một xe hàng hoặc (có thể) đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là có khoảng trống xung quanh.

[531] **Trú xá lớn** nghĩa là có thí chủ được đề cập đến.

Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Cho xây dựng: là (tự) làm hoặc bảo người làm.

Hoặc không dẫn các vị tỷ-kheo đến để xác định khu đất: sau khi không cho xác định khu đất làm trú xá bằng hành sự với lời đề nghị và lời thông báo rồi (tự) làm hoặc bảo người làm thì tội tác ác (dukkaṭa) cho mỗi thao tác. Còn cục (vữa tô) cuối cùng thì phạm trọng tội (thullaccaya). Khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[532] Các trường hợp phạm tội

Vị tỷ-kheo làm trú xá ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỷ-kheo làm trú xá ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỷ-kheo làm trú xá ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỷ-kheo làm trú xá ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị tỷ-kheo làm trú xá ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỷ-kheo làm trú xá ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Vị tỳ-kheo làm trú xá ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỳ-kheo làm trú xá ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[533] Vị tỳ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi.*” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỳ-kheo chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi.*” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[534] Vị tỳ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi*” rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỳ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi*” rồi ra đi và không có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh

thì phạm hai tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì phạm tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[535] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “Hãy làm trú xá cho tôi” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “Nghe nói trú xá được làm cho ta ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... “Hãy là khu đất được xác định và không có điều chướng ngại.” ...(như trên)... “Hãy là khu đất được xác định và có khoảng trống xung quanh.” ...(như trên)... “Hãy là khu đất được xác định.” Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “Hãy làm trú xá cho tôi” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Vị ấy nghe rằng: “Nghe nói trú xá được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh.” Vị tỷ-kheo ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: “Hãy (là) không có điều chướng ngại và có khoảng trống xung quanh.” ...(như trên)... “Hãy (là) không có điều chướng ngại.” ...(như trên)... “Hãy (là) có khoảng trống xung quanh.” ...(như trên)... thì vô tội.

[536] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “Hãy làm trú xá cho tôi” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội tác ác (dukkata). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội dukkata. ...(như trên)...

không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkaṭa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi*” rồi ra đi và có chỉ thị rằng: “*Hãy là khu đất được xác định, không có điều chướng ngại, và có khoảng trống xung quanh.*” Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội tác ác (dukkāṭa). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh thì các vị xây dựng phạm tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[537] Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỷ-kheo ấy nên cho trú xá ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và hai tội tác ác (dukkāṭa). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa và tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội Saṅghādisesa.

Vị tỷ-kheo sau khi chỉ thị rằng: “*Hãy làm trú xá cho tôi*” rồi ra đi. Các vị làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị tỷ-kheo ấy nên cho trú xá ấy đến vị khác hoặc là nên phá đi rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc là không phá đi rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội tác ác (dukkāṭa). ...(như trên)... có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh ... thì phạm tội dukkaṭa. ...(như trên)... không có điều chướng ngại, có khoảng trống xung quanh thì vô tội.

[538] Các yếu tố xác định tội

Vị ấy tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị ấy tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[539] Các trường hợp không phạm tội

Vô tội trong trường hợp hang núi, hang nhân tạo, chòi cỏ, vì nhu cầu của vị khác, trong mọi trường hợp ngoại trừ nhà ở, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ bảy.

08.Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ tám: Cáo tội pārajika không có nguyên cớ

[540] Câu chuyện về tỳ-khưu Dabba Mallaputta.

Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, phẩm vị A La Hán đã được đại đức Dabba Mallaputta 94 chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã thành đạt tất cả những gì mà vị đệ tử cần phải chứng đạt 95. Và vị ấy không còn bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc thêm vào (các việc) vị ấy đã làm.

[541] Khi ấy, trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng, ý nghĩ suy tâm như vậy đã khởi đến đại đức Dabba Mallaputta: “*Phẩm vị A La Hán đã được ta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Ta đã thành đạt tất cả những gì mà vị đệ tử cần phải chứng đạt. Và ta không còn bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc thêm vào (các việc) ta đã làm. Vậy ta nên thực hiện phận sự gì cho hội*

chúng?” Rồi điều này đã khởi đến cho đại đức Dabba Mallaputta: “Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?”

Sau đó vào buổi tối, đại đức Dabba Mallaputta đã xuất thiền và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Dabba Mallaputta đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, trường hợp con trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng, ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi đến: *“Phàm vị A La Hán đã được ta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Ta đã thành đạt tất cả những gì mà vị đệ tử cần phải chứng đạt. Và ta không còn bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc thêm vào (các việc) ta đã làm. Vậy ta nên thực hiện phận sự gì cho hội chúng?”* Bạch ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: *“Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?”* Bạch ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

- Nay Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Như vậy thì ngươi hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

- Bạch ngài, xin vâng. Đại đức Dabba Mallaputta đã trả lời đức Thế Tôn.

[542] Rồi đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, như thế thì hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ cư ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các tỷ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi đã yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ cư ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ cư ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ cư ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Đại đức Dabba Mallaputta đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[543] Và khi đã được chỉ định, đại đức Dabba Mallaputta đã phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỷ-kheo có cùng sở hành. Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỷ-kheo chuyên về Kinh (nghĩ rằng): “*Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau.*” Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỷ-kheo thông thạo về Luật (nghĩ rằng): “*Các vị sẽ xác định Luật với nhau.*” Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỷ-kheo chuyên giảng Pháp (nghĩ rằng): “*Các vị sẽ thảo luận về Pháp với nhau.*” Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỷ-kheo chuyên thiền định (nghĩ rằng): “*Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau.*” Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỷ-kheo chuyên nói chuyện thê tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân (nghĩ rằng): “*Các đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy.*” Đối với các tỷ-kheo đi đến vào buổi tối, vị ấy đã nhập thiền đề mục ánh sáng và đã phân bố chỗ ngụ với chính ánh sáng ấy; cho nên các tỷ-kheo có ý đi đến vào buổi tối (nghĩ rằng): “*Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thân thông của đại đức Dabba Mallaputta.*” Sau khi đi đến gặp đại đức Dabba Mallaputta, các vị ấy nói như vậy:

- Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ cho chúng tôi.

Đại đức Dabba Mallaputta đã nói với các vị ấy như vậy:

- Các đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào?

Các vị ấy đề cập các chỗ ở xa vì có chủ đích:

- Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở núi Gijjhakūṭa cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở khe núi Kê Cướp (Corappapāte) cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇi cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở rừng Sīta, động Sappasoṇḍika cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở hẻm núi Gomaṭa cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở hẻm núi Tiṇḍuka cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở hẻm núi Kapota cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở khu vườn Tapoda cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở vườn xoài của Jīvaka

cho chúng tôi. Nay đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở Maddakucchi, nơi vườn nai cho chúng tôi.

Đối với các vị ấy, đại đức Dabba Mallaputta đã nhập thiền đề mục ánh sáng và đi ở phía trước với ngón tay được thấp sáng. Còn các vị ấy đi theo ở phía sau đại đức Dabba Mallaputta nhờ chính ánh sáng ấy. Đại đức Dabba Mallaputta đã phân bố chỗ ngụ cho các vị ấy như vậy:

- Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiêu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chống, đây là qui định của hội chúng: *“Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.”*

Đại đức Daba Mallaputta sau khi phân bố chỗ ngụ cho các vị ấy như thế rồi đã quay trở về lại Veluvana (Trúc Lâm).

---o0o---

[544] Câu chuyện về các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka

Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka⁹⁶ chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú ngụ kém thuộc về hội chúng và những bữa ăn tồi. Vào lúc bảy giờ, dân chúng ở Rājagaha muốn cúng dường đến các tỳ-kheo trưởng lão thức ăn được sắp đặt trước gồm có: Bơ lỏng, dầu ăn, phần ăn ngon; và chỉ dâng đến các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về sau bữa ăn thường hỏi các tỳ-kheo trưởng lão rằng:

- Nay các đại đức, trong nhà ăn các vị đã có thức gì? Các vị đã không có thức gì?

Một số trưởng lão trả lời như vậy:

- Nay các đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn ngon.

Các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vậy:

- Nay các đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

[545] Vào lúc bấy giờ, có nam gia chủ là người có bữa ăn ngon thường cúng dường đến hội chúng bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thường lệ. Vị ấy cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn; họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn, và dâng các vị khác nữa phần ăn ngon.

Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi một công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến đại đức Dabba Mallaputta, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Dabba Mallaputta rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Dabba Mallaputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Rồi sau khi đã được đại đức Dabba Mallaputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này:

- Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi được sắp xếp cho vị nào?

- Nay gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sắp xếp cho các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon không được phấn khởi (nghĩ rằng): *“Vì sao các tỷ-kheo tôi tề lại thọ thực ở nhà của chúng ta?”* rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rằng:

- Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và dâng cho họ cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

- Thưa chủ nhân, xin vâng. Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon.

Khi ấy, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): *“Nay các đại đức, hôm qua bữa ăn ở nhà gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta; họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn, và dâng các vị khác nữa phần ăn ngon.”* Do chính tâm vui mừng ấy, các vị đã không ngủ được như ý đêm ấy. Rồi vào buổi sáng, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thấy các

tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đang đi lại từ đằng xa, sau khi thấy đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho, và nói với các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ấy, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã khởi ý rằng: *“Chấn hấn đến giờ này bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế này!”* Sau đó, cô tó gái ấy đã trở lại với com tấm và món thứ hai là cháo chua, (nói rằng):

- Thưa các ngài, xin hãy ăn.

- Nay chị, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ.

- Tôi biết các ngài là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Và lại, chính ngày hôm qua tôi đã được gia chủ dặn dò rằng: *“Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và dâng cho họ com tấm và món thứ hai là cháo chua.”* Thưa các ngài, xin hãy ăn.

Khi ấy, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): *“Này các đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện gặp Dabba Mallaputta. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputta ly gián với vị gia chủ.”* Chính vì tâm bực bội ấy khiến các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Rồi sau bữa ăn, khi trở về từ chỗ thọ thực các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ y bát xuống, ngồi xếp chân trên y hai lớp (saṅghāṭi) ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, xấu hổ, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng.

---o0o---

[546] Câu chuyện về tỳ-khuru ni Mettiyā

Khi ấy, tỳ-kheo ni Mettiyā đã đi đến gặp các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài.

Được nói vậy, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, tỳ-kheo ni Mettiyā đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài.

Đến lần thứ ba, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

- Tôi đã làm các ngài phật lòng điều gì? Tại sao các ngài không nói chuyện với tôi?

- Này cô ni, bởi vì cô vẫn đứng đưng trong lúc chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

- Thưa các ngài, tôi làm được điều gì?

- Này cô ni, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trục xuất Dabba Mallaputta.

- Thưa các ngài, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

- Này cô ni, cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vậy: *“Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào có sự an toàn, không tai họa, không sâu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sâu khổ; từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố; con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ngài Dabba Mallaputta làm ô uế.”*

- Thưa các ngài, xin vâng ạ.

Rồi tỳ-kheo ni Mettiyā đã nghe theo các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, tỳ-kheo ni Mettiyā đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào có sự an toàn, không tai họa, không sâu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sâu khổ; từ nơi nào gió lộng đi thì

từ nơi ấy có bão tố; con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ngài Dabba Mallaputta làm ô uế.

---o0o---

[547] Sự quy định điều học

Khi ấy, đức Thế-tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Nay Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều tỳ-kheo ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế-tôn ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, đức Thế-tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Nay Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều tỳ-kheo ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

- Nay Dabba, giòng họ Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: “*Có làm;*” nếu người không làm, hãy nói: “*Không làm.*”

- Bạch ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đời lừa gạt cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Sau đó, đức Thế-tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì các người hãy trục xuất tỳ-kheo ni Mettiyā và hãy tra hỏi các tỳ-kheo này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trú xá.

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trục xuất tỳ-kheo ni Mettiyā. Khi ấy, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các tỳ-kheo ấy điều này:

- Nay các đại đức, chớ có trục xuất tỳ-kheo ni Mettiyā, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi.

- Nay các đại đức, có phải các vị bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội pārājika (Bất cộng trụ) không có nguyên cớ?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội pārājika không có nguyên cớ?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các người bôi nhọ Dabba Mallaputta về tội pārājika không có nguyên cớ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay những kẻ rò đại, vì sao các người lại bôi nhọ Dabba Mallaputta về tội pārājika không có nguyên cớ vậy? Nay những kẻ rò đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào xấu xa, sân hận, bất bình vị tỳ-kheo (khác) rồi bôi nhọ về tội pārājika không có nguyên cớ (nghĩ rằng): ‘Chắc là ta có thể loại vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này.’ Sau đó vào lúc khác, dầu được hỏi hoặc không được hỏi và sự tranh tụng ấy thật sự không có nguyên cớ, vị tỳ-kheo ấy (dầu có) thú nhận lỗi làm (cũng) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).*”

---o0o---

[548] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỷ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỷ-kheo: là vị tỷ-kheo khác.

Xấu xa, sân hận: bị nổi giận, không được hài lòng, không được thỏa mãn, có tâm giận dữ, sanh khởi lòng cay cú.

Bị bất bình: là bị bất bình do sự nổi giận ấy, do sự sân hận ấy, do sự không được hài lòng ấy, do sự không được thỏa mãn ấy.

Không có nguyên cớ nghĩa là không được thấy, không được nghe, không nghi ngờ.

Về tội pārajika: về bất cứ điều nào thuộc về bốn điều.

Bội nhọ: hoặc là buộc tội, hoặc là bảo người buộc tội.

Chắc là ta có thể loại trừ vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này: Ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi trạng thái tỷ-kheo, ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi pháp sa-môn, ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi giới uẩn, ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi đức tính khắc khổ.

[549] **Sau đó vào lúc khác:** đã bôi nhọ trong giây phút nào thì trải qua vào giây phút ấy, vào khoảng thời gian ấy, vào thời điểm ấy.

Được hỏi: đã bôi nhọ với sự việc nào thì được hỏi về sự việc ấy.

Không được hỏi: không được bất cứ ai đề cập đến.

[550] **Sự tranh tụng** nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[551] **Và vị tỷ-kheo ấy (dầu có) thú nhận lỗi lầm:** Tôi đã nói điều rỗng không, tôi đã nói điều dối trá, tôi đã nói điều không thật, tôi đã nói điều tôi không biết.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[552] Các trường hợp phạm tội

Vị ấy đã không thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy người phạm tội pārajika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữa*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe người phạm tội pārajika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữa*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ người phạm tội pārajika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữa*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[553] Vị ấy đã không thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy và đã nghe người phạm tội pārajika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy và đã nghi ngờ người phạm tội pārajika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy, đã nghe, và đã nghi ngờ người phạm tội pārajika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe và đã nghi ngờ người phạm tội pārajika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe và đã thấy người phạm tội pārajika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghe rằng: “*Vị kia phạm tội cpārājika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe, đã nghi ngờ, và đã thấy người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārājika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ và đã thấy người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārājika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ và đã nghe người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārājika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ, đã thấy, và đã nghe người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[554] Vị ấy đã thấy vị kia đang phạm tội pārājika; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã thấy vị kia đang phạm tội pārājika; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe và đã nghi ngờ người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārājika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ và đã thấy người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārājika;*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe người phạm tội pārājika, ...(như trên)...*” nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy và đã nghe người phạm tội pārājika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữ*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[555] Vị ấy đã thấy vị kia đang phạm tội pārajika, và hoài nghi về việc đã thấy, không tin việc đã thấy, không nhớ việc đã thấy, quên đi việc đã thấy; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã thấy và đã nghe ... (như trên) ... Ta đã thấy và đã nghi ngờ ... (như trên) ... Ta đã thấy, đã nghe, và đã nghi ngờ người phạm tội pārajika, ... (như trên) ...*”

Vị ấy đã nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika,*” và hoài nghi về việc đã nghe, không tin việc đã nghe, không nhớ việc đã nghe, quên đi việc đã nghe; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghe và đã nghi ngờ ... (như trên) ... Ta đã nghe và đã thấy ... (như trên) ... Ta đã nghe, đã nghi ngờ, và đã thấy người phạm tội pārajika, ... (như trên) ...*”

Vị ấy đã nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika,*” và hoài nghi về việc đã nghi ngờ, không tin việc đã nghi ngờ, không nhớ việc đã nghi ngờ, quên đi việc đã nghi ngờ; nếu buộc tội vị kia rằng: “*Ta đã nghi ngờ và đã thấy ... (như trên) ... Ta đã nghi ngờ và đã nghe ... (như trên) ... Ta đã nghi ngờ, đã thấy, và đã nghe người phạm tội pārajika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữa*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[556] Vị ấy đã không thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Người đã bị thấy là đã phạm tội pārajika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữa*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Người đã bị nghe là đã phạm tội pārajika, ... (như trên) ...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Người đã bị nghi ngờ là đã phạm tội pārajika, ... (như trên) ...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[557] Vị ấy đã không thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Người đã bị thấy và người đã bị nghe ... (như trên) ... Người đã bị thấy và người đã bị nghi ngờ ... (như trên) ... Người đã bị thấy, người đã bị nghe, và người đã bị nghi ngờ là đã phạm tội pārajika,*”

...(như trên)...” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị nghe và ngươi đã bị nghi ngờ ... (như trên)... Ngươi đã bị nghe và ngươi đã bị thấy ... (như trên)... Ngươi đã bị nghe, ngươi đã bị nghi ngờ, và ngươi đã bị thấy là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã không nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị nghi ngờ và ngươi đã bị thấy ... (như trên)... Ngươi đã bị nghi ngờ và ngươi đã bị nghe ... (như trên)... Ngươi đã bị nghi ngờ, ngươi đã bị thấy, và ngươi đã bị nghe là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[558] Vị ấy đã thấy vị kia đang phạm tội pārajika; nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị nghe là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)... Ngươi đã bị nghi ngờ là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)... Ngươi đã bị nghe và ngươi đã bị nghi ngờ là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã nghe rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị nghi ngờ ... (như trên)...*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị thấy ... (như trên)...*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị nghi ngờ và ngươi đã bị thấy là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị ấy đã nghi ngờ rằng: “*Vị kia phạm tội pārajika;*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị thấy là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)...*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị nghe ... (như trên)...*” nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Ngươi đã bị thấy và ngươi đã bị nghe là đã phạm tội pārajika, ... (như trên)...*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[559] Vị ấy đã thấy vị kia đang phạm tội pārajika, và hoài nghi về việc đã thấy, không tin việc đã thấy, không nhớ việc đã thấy, quên đi việc đã thấy; ... (như trên)... và hoài nghi về việc đã nghe, không tin việc đã nghe,

không nhớ việc đã nghe, quên đi việc đã nghe; ...(như trên)... và hoài nghi về việc đã nghi ngờ, không tin việc đã nghi ngờ, không nhớ việc đã nghi ngờ, quên đi việc đã nghi ngờ; nếu cho người buộc tội vị kia rằng: “*Người đã bị nghi ngờ và người đã bị thấy ... (như trên)...*” “*Người đã bị nghi ngờ và người đã bị nghe ... (như trên)...*” “*Người đã bị nghi ngờ, người đã bị thấy, và người đã bị nghe là đã phạm tội pārajika, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng với người nữa*” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[560] Sự ghi nhận là trong sạch trong khi là không trong sạch.

Sự ghi nhận là không trong sạch trong khi là trong sạch.

Sự ghi nhận là không trong sạch trong khi là không trong sạch.

Sự ghi nhận là trong sạch trong khi là trong sạch.

[561] Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lăng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc 97 và tội tác ác (dukkata).

Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lăng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

[562] Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì vô tội.

Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lăng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc và tội tác ác (dukkata).

Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lăng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

[563] Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì vô tội.

Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lăng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc và tội tác ác (dukkata).

Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lăng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

[564] Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) và tội tác ác (dukkata).

Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội),

có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lãng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc và tội tác ác (dukkaṭa).

Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội pārajika nào. Nếu (nguyên cáo) có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định lãng mạ, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

---o0o---

[565] Các trường hợp không phạm tội

Vị có sự ghi nhận là không trong sạch đối với vị trong sạch, vị có sự ghi nhận là không trong sạch đối với vị không trong sạch, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ tám.

09. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ chín: Cáo tội pārajika từ nguyên nhân nhỏ nhất

[566] Câu chuyện về các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka trong lúc đang đi xuống từ núi Gijjhakūṭa đã nhìn thấy con dê đực đang tình tự với con dê cái, sau khi nhìn thấy đã nói như vậy:

- Nay các đại đức, giờ chúng ta đặt tên con dê đực này là Dabba Mallaputta và đặt tên con dê cái này là tỳ-kheo ni Mettiyā, rồi chúng ta sẽ phát biểu như vậy: “Này các đại đức, trước đây chúng tôi nói về Dabba Mallaputta do đã được nghe; bây giờ chúng tôi đã thấy được đương sự đang

tình tự với tỳ-kheo ni Mettiyā.” Các vị ấy đã đặt tên con dê đực ấy là Dabba Mallaputta và đã đặt tên con dê cái ấy là tỳ-kheo ni Mettiyā. Các vị ấy đã kể lại cho các tỳ-kheo rằng:

- Nay các đại đức, trước đây chúng tôi nói về Dabba Mallaputta do đã được nghe; bây giờ chúng tôi đã thấy được đương sự đang tình tự với tỳ-kheo ni Mettiyā.

Các tỳ-kheo đã nói như vậy:

- Nay các đại đức, chớ có nói như thế. Đại đức Dabba Mallaputta sẽ không làm như thế.

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế-tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Nay Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều các tỳ-kheo này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế-tôn ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, đức Thế-tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Nay Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều các tỳ-kheo này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

- Nay Dabba, giống họ Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: “*Có làm;*” nếu người không làm, hãy nói: “*Không làm.*”

- Bạch ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Sau đó, đức Thế-tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì các người hãy tra hỏi các tỳ-kheo này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trú xá.

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã tra hỏi các vị tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka. Trong khi bị tra hỏi bởi các tỳ-kheo ấy, các vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo.

- Nay các đại đức, có phải các vị nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bởi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội pārajika?

- Nay các đại đức, đúng vậy.

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bởi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội pārajika?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các người nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bởi nhọ Dabba Mallaputta về tội pārajika, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay những kẻ rò dại, vì sao các người lại nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bởi nhọ Dabba Mallaputta về tội pārajika vậy? Nay những kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Vị tỳ-kheo nào xấu xa, sân hận, bất bình vị tỳ-kheo (khác) rồi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt và bởi nhọ về tội pārajika (nghĩ rằng): ‘Chắc là ta có thể loại vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này.’ Sau đó vào lúc khác, dầu được hỏi hoặc không được hỏi, nếu cuộc tranh tụng ấy là có quan hệ khác biệt và sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất đã được nắm lấy, vị tỳ-kheo ấy (dầu có) thú nhận lỗi lầm (cũng) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).’*”

---o0o---

[567] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỷ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỷ-kheo: là vị tỷ-kheo khác.

Xấu xa, sân hận: bị nổi giận, không được hài lòng, không được thỏa mãn, có tâm giận dữ, sanh khởi lòng cay cú.

Bất bình: là bị bất bình do sự nổi giận ấy, do sự sân hận ấy, do sự không được hài lòng ấy, do sự không được thỏa mãn ấy.

[568] **Thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt:** hoặc là có quan hệ khác biệt về tội hoặc là có quan hệ khác biệt về tranh tụng.

[569] Thế nào là cuộc tranh tụng là có quan hệ khác biệt (*aññabhāgiyaṃ*) đối với cuộc tranh tụng? Cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cuộc tranh tụng liên quan đến tội là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội. Như thế là cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng.

[570] Thế nào là cuộc tranh tụng có cùng quan hệ (*tabbhāgiyaṃ*) đối với cuộc tranh tụng? Cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cuộc tranh tụng liên quan đến tội có thể là có cùng quan hệ, có thể là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội.

Thế nào là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội? Tội pārajika về việc đôi lừa là có quan hệ khác biệt đối với tội pārajika về trộm cắp, đối với tội pārajika về giết người, đối với tội pārajika về pháp thượng nhân. Tội pārajika về trộm cắp là có quan hệ khác biệt đối với tội pārajika về giết người, đối với tội pārajika về pháp thượng nhân, đối với tội pārajika về việc đôi lừa. Tội pārajika về giết người là có quan hệ khác biệt đối với tội pārajika về pháp thượng nhân, đối với tội pārajika về việc đôi lừa, đối với tội pārajika về trộm cắp. Tội pārajika về pháp thượng nhân là có quan hệ khác biệt đối với tội pārajika về việc đôi lừa, đối với tội pārajika về trộm cắp, đối với tội pārajika về giết người. Như thế là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội.

Thế nào là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội? Tội pārajika về việc đôi lừa là có cùng quan hệ đối với tội pārajika về việc đôi lừa. Tội pārajika về trộm cắp là có cùng quan hệ đối với tội pārajika về trộm cắp. Tội pārajika về giết người là có cùng quan hệ đối với tội pārajika về giết người. Tội pārajika về pháp thượng nhân là có cùng quan hệ đối với tội pārajika về pháp thượng nhân. Như thế là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội.

Cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Như thế là cuộc tranh tụng có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng.

[571] **Năm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất:** điều nhỏ nhất nghĩa là có mười điều nhỏ nhất: điều nhỏ nhất về sự xuất thân, điều nhỏ nhất về tên gọi, điều nhỏ nhất về dòng họ, điều nhỏ nhất về đặc điểm, điều nhỏ nhất về tội vi phạm, điều nhỏ nhất về bình bát, điều nhỏ nhất về y phục, điều nhỏ nhất về thầy tế độ, điều nhỏ nhất về thầy dạy học, điều nhỏ nhất về chỗ trú ngụ.

---o0o---

[572] Các trường hợp phạm tội

Điều nhỏ nhất về sự xuất thân nghĩa là có vị Sát-đế-ly (khattiya) được thấy đang phạm tội pārajika, rồi khi nhìn thấy vị Sát-đế-ly khác lại buộc tội rằng: “*Ngươi là vị Sát-đế-ly phạm tội pārajika đã bị ta thấy, ngươi*

không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, với người không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng nữa” thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Có vị Bà-la-môn được thấy ...(như trên)... Có vị thương nhân được thấy ...(như trên)... Có vị cùng đing được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy vị cùng đing khác lại buộc tội rằng: *“Người là vị cùng đing phạm tội pārājika đã bị ta thấy, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[573] **Điều nhỏ nhặt về tên gọi** nghĩa là có vị Buddharakkhita được thấy ...(như trên)... Có vị Dhammarakkhita được thấy ...(như trên)... Có vị Saṅgharakkhita được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy vị Saṅgharakkhita khác lại buộc tội rằng: *“Người là vị Saṅgharakkhita phạm tội pārājika đã bị ta thấy, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[574] **Điều nhỏ nhặt về dòng họ** nghĩa là có vị Gotama được thấy ...(như trên)... Có vị Moggallāna được thấy ...(như trên)... Có vị Kaccāyana được thấy ...(như trên)... Có vị Vāsiṭṭha được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy vị Vāsiṭṭha khác lại buộc tội rằng: *“Người là vị Vāsiṭṭha phạm tội pārājika đã bị ta thấy, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[575] **Điều nhỏ nhặt về đặc điểm** nghĩa là có vị cao được thấy ...(như trên)... Có vị lùn được thấy ...(như trên)... Có vị đen được thấy ...(như trên)... Có vị trắng được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy vị trắng khác lại buộc tội rằng: *“Người là vị trắng phạm tội pārājika đã bị ta thấy, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[576] **Điều nhỏ nhặt về tội vi phạm** nghĩa là có vị đang vi phạm tội nhẹ được thấy rồi buộc tội vị ấy về tội pārājika rằng: *“Người phạm tội pārājika đã bị ta thấy, người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[577] **Điều nhỏ nhặt về bình bát** nghĩa là có vị mang bình bát đồng được thấy ...(như trên)... Có vị mang bình bát đất được thấy ...(như trên)... Có vị mang bình bát tráng men (sāṭakapatta) được thấy ...(như trên)... Có vị mang bình bát đất loại bình thường (sumbhakapatta) được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy vị khác (cũng) mang bình bát đất loại bình thường lại buộc tội rằng: *“Ngươi là vị mang bình bát đất loại bình thường phạm tội pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[578] **Điều nhỏ nhặt về y phục** nghĩa là có vị mặc y paṃsukūla được thấy ...(như trên)... Có vị mặc y của gia chủ được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy có vị khác (cũng) mặc y của gia chủ lại buộc tội rằng: *“Ngươi là vị mặc y của gia chủ phạm tội pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[579] **Điều nhỏ nhặt về thầy tế độ** nghĩa là có người đệ tử của vị tên (như vậy) được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy người đệ tử khác của vị tên (như vậy) lại buộc tội rằng: *“Ngươi là người đệ tử của vị tên (như vậy) phạm tội pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[580] **Điều nhỏ nhặt về thầy dạy học** nghĩa là có người học trò của vị tên (như vậy) được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy người học trò khác của vị tên (như vậy) lại buộc tội rằng: *“Ngươi là người học trò của vị tên (như vậy) phạm tội pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[581] **Điều nhỏ nhặt về chỗ trú ngụ** nghĩa là có vị ngụ ở chỗ trú ngụ tên (như vậy) được thấy đang phạm tội pārājika rồi khi nhìn thấy vị khác (cũng) ngụ ở chỗ trú ngụ tên (như vậy) lại buộc tội rằng: *“Ngươi là vị ngụ ở chỗ trú ngụ tên (như vậy) phạm tội pārājika đã bị ta thấy, ngươi không phải là sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng nữa”* thì vị ấy phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[582] **Về tội pārajika:** về bất cứ điều nào thuộc về bốn điều.

Bội nhọ: hoặc là buộc tội, hoặc là cho người buộc tội.

Chắc là ta có thể loại trừ vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này: Ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi trạng thái tỳ-kheo, ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi pháp sa-môn, ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi giới uẩn, ta có thể loại trừ (vị ấy) ra khỏi đức tính khắc khổ.

[583] **Sau đó vào lúc khác:** đã bôi nhọ trong giây phút nào thì trải qua vào giây phút ấy, vào khoảng thời gian ấy, vào thời điểm ấy.

Được hỏi: đã bôi nhọ với sự việc nào thì được hỏi về sự việc ấy.

Không được hỏi: không được bất cứ ai đề cập đến.

[584] **Sự tranh tụng** nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[585] **Sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất đã được nắm lấy:** một điều nhỏ nhất nào đó trong mười điều nhỏ nhất ấy đã được nắm lấy.

[586] **Và vị tỳ-kheo ấy (dầu có) thú nhận lỗi lầm:** Tôi đã nói điều rỗng không, tôi đã nói điều dối trá, tôi đã nói điều không thật, tôi đã nói điều tôi không biết.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng*.”

[587] Vị tỳ-kheo đang phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là tội Saṅghādisesa trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa, nếu buộc tội vị ấy với tội pārajika (nói rằng): “*Ngươi không phải là sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng nữa.*” Như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị tỳ-kheo đang phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là trọng tội (thullaccaya) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa, nếu buộc tội vị ấy với tội pārajika (nói rằng): “*Ngươi không*

phải là sa-môn, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.”Nhu vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị tỳ-kheo đang phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là tội ung đối trị (pācittiya) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa, nếu buộc tội vị ấy với tội pārājika (nói rằng): *“Ngươi không phải là sa-môn, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*”Nhu vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị tỳ-kheo đang phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội tác ác (dukkata) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ác khẩu (dubbhāsita) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa, nếu buộc tội vị ấy với tội pārājika (nói rằng): *“Ngươi không phải là sa-môn, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*”Nhu vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[588] Vị tỳ-kheo đang phạm trọng tội (thullaccaya) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là thullaccaya trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ung đối trị (pācittiya) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội tác ác (dukkata) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ác khẩu (dubbhāsita) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) trên (cơ sở) thullaccaya, nếu buộc tội vị ấy với tội pārājika (nói rằng): *“Ngươi không phải là sa-môn...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*”Nhu vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị tỳ-kheo đang phạm tội ung đối trị (pācittiya) đã được thấy ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đang phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) đã được thấy ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đang phạm tội tác ác (dukkata) đã được thấy ...(như trên)... Vị tỳ-kheo đang phạm tội ác khẩu (dubbhāsita) đã được thấy ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội dubbhāsita trên (cơ sở) tội dubbhāsita.

...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội Saṅghādisesa trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là thullaccaya trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội pācittiya trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội pāṭidesanīya trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội dukkaṭa trên (cơ sở) tội dubbhāsita, nếu buộc tội vị ấy với tội pārājika (nói rằng): “*Người không phải là sa-môn, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*” Như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Sau khi đã thực hiện theo mỗi một nhân tố, sự xoay vòng nên được thành lập.

[589] Vị tỳ-kheo đang phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là tội Saṅghādisesa trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa, nếu cho người buộc tội vị ấy với tội pārājika (nói rằng): “*Người không phải là sa-môn, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*” Như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị tỳ-kheo đang phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là trọng tội (thullaccaya) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội ung đối trị (pācittiya) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội tác ác (dukkhaṭa) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa. ...(như trên)... và có sự ghi nhận là tội ác khẩu (dubbhāsita) trên (cơ sở) tội Saṅghādisesa, nếu cho người buộc tội vị ấy với tội pārājika (nói rằng): “*Người không phải là sa-môn, ...(như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*” Như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhất đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

[590] Vị tỳ-kheo đang phạm trọng tội (thullaccaya) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là thullaccaya trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ung đối trị (pācittiya) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội tác ác (dukkhaṭa) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội ác khẩu (dubbhāsita) trên (cơ sở) thullaccaya. ...(như trên)... có sự ghi nhận là tội Saṅghādisesa trên

(cơ sở) thullaccaya, nếu cho người buộc tội vị ấy với tội pārajika (nói rằng): “*Người không phải là sa-môn... (như trên)... hay là hành sự của hội chúng nữa.*” Như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

Vị tỳ-kheo đang phạm tội ung đối trị (pācittiya) đã được thấy ... (như trên)... Vị tỳ-kheo đang phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) đã được thấy ... (như trên)... Vị tỳ-kheo đang phạm tội tác ác (dukkata) đã được thấy ... (như trên)... Vị tỳ-kheo đang phạm tội ác khẩu (dubbhāsita) đã được thấy. (Nguyên cáo) có sự ghi nhận là tội dubbhāsita trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ... (như trên)... có sự ghi nhận là tội Saṅghādisesa trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ... (như trên)... có sự ghi nhận là thullaccaya trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ... (như trên)... có sự ghi nhận là tội pācittiya trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ... (như trên)... có sự ghi nhận là tội pāṭidesanīya trên (cơ sở) tội dubbhāsita. ... (như trên)... có sự ghi nhận là tội dukkata trên (cơ sở) tội dubbhāsita, nếu cho người buộc tội vị ấy với tội pārajika (nói rằng): “*Người không phải là sa-môn, người không phải là Thích tử, với người không còn lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hay là hành sự của hội chúng nữa.*” Như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; vị (nguyên cáo) phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) theo từng lời nói.

---o0o---

[591] Các trường hợp không phạm tội

Vị buộc tội hoặc bảo (người khác) buộc tội theo như sự nhận biết, vị bị diên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ chín.

10. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười: Chia rẽ hội chúng

[592] Câu chuyện về tỳ-khuru Devadatta yêu cầu năm sự việc

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto; đến rồi đã

nói với Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddatto điều này:

- Nay các đệ, hãy đi. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo.

Được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này:

- Nay đại đức, sa-môn Gotama thật sự có đại thân lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được?

- Nay các đệ, hãy đi. Chúng ta sẽ đi đến gặp sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: “*Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỷ-kheo nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị khát thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.*” Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này.

- Nay đại đức, với năm sự việc này thì có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Nay đại đức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khô hạnh.

[593] Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỷ-kheo nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm

tội. Cho đến trọn đời là các vị khát thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.

- Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng; vị nào muốn thì cứ cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khát thực; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ việc thỉnh mời. Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ y của gia chủ. Này Devadatta, ta cho phép chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng. Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện là: *“Không thấy, không nghe, và không nghi ngờ.”*

[594] Khi ấy, Devadatta (biết rằng): *“Đức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này,”* nên mừng rỡ, phấn chấn cùng phe cánh từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc:

- Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: *“Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỷ-kheo nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị khát thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.”* Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi sẽ thọ trì và thực hành năm sự việc này.

[595] Sự quy định điều học

Ở nơi ấy, những người dân không có đức tin, không hoan hỷ, kém trí tuệ thì nói như vậy:

- Các sa-môn Thích Tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đến việc xa hoa.

Còn những người có đức tin, hoan hỷ, sáng suốt, có trí tuệ, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi Devadatta rằng:

- Này Devadatta, nghe nói ngươi ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, ..(như trên)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các ngươi nên phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỳ-kheo nào ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Vị tỳ-kheo ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo như vậy: ‘Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng*

hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc⁹⁸ thì sống được an lạc.’ Và khi được các tỷ-kheo nói như vậy mà vị tỷ-kheo ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị tỷ-kheo ấy nên được các tỷ-kheo nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt, nếu không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).”

---o0o---

[596] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “vị tỷ-kheo” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới (sīmā).

Ra sức chia rẽ: vị (nghĩ rằng): “*Làm thế nào để những người này trở thành khác biệt, trở thành tách biệt, trở thành nhiều phần?*” rồi tầm cầu phe cánh, kết hợp nhóm bọn.

Cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ: là mười tám sự việc làm chia rẽ.⁹⁹

Nắm lấy: là chọn lấy.

Loan truyền: là khơi lên.

Chấp giữ: là không chịu từ bỏ.

[597] **Vị tỷ-kheo ấy:** Vị tỷ-kheo là người chia rẽ hội chúng.

Bởi các tỷ-kheo: là bởi các vị tỷ-kheo khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: “*Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt, nếu (vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị tỷ-kheo ấy nên được kéo 100 đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng:

“Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt, nếu (vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[598] Tuyên ngôn nhắc nhở

Vị tỳ-kheo ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỳ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[599] Tội tác ác (dukkata) do lời đề nghị. Các trọng tội (thullaccaya) do hai lời thông báo (dvīhi kammavācāhi). Khi chấm dứt lời thông báo (thứ

ba) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) 101. Đối với vị vi phạm tội Saṅghādisesa, thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[600] Các yếu tố xác định tội

Hành sự đúng Pháp, vị nhận biết là hành sự đúng Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, vị có sự hoài nghi, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, vị (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, vị (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp thì phạm tội tác ác (dukkāṭa).

Hành sự sai Pháp, vị có sự hoài nghi thì phạm tội tác ác (dukkāṭa).

Hành sự sai Pháp, vị nhận biết là hành sự sai Pháp thì phạm tội tác ác (dukkāṭa).

[601] Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên 102, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười.

11. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười một: Ủng hộ kẻ chia rẽ hội chúng

[602] Câu chuyện về các tỳ-khưu ủng hộ sự chia rẽ. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Các tỳ-kheo đã nói như vậy:

- Devadatta là người nói sai Pháp, Devadatta là người nói sai Luật. Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo vậy?

Được nói như thế, Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddatto đã nói với các vị tỳ-kheo ấy như vậy:

- Các đại đức chớ có nói như thế. Devadatta là người nói đúng Pháp. Devadatta là người nói đúng Luật. Devadatta nắm được và phát biểu về ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa điều ấy hợp ý chúng tôi.

Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, các tỳ-kheo lại là những kẻ ủng hộ tức là những kẻ tuyên bố ly khai?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, các tỳ-kheo lại là những kẻ ủng hộ tức là những kẻ tuyên bố ly khai, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, thật không đúng đắn cho những kẻ rò đại ấy, . . (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì sao những kẻ rò đại ấy, trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, lại là những kẻ ủng hộ tức là những kẻ tuyên bố ly khai vậy? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Các tỳ-kheo là những kẻ ủng hộ của chính vị tỳ-kheo ấy tức là những kẻ tuyên bố ly khai đầu là một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị. Và các vị ấy nói như vậy: ‘Các đại đức chớ có nói bất cứ điều gì về vị tỳ-kheo này. Vị tỳ-kheo này là người nói đúng Pháp. Vị tỳ-kheo này là người nói đúng Luật. Vị tỳ-kheo này nắm được và phát biểu về ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa điều ấy hợp ý chúng tôi.’ Các vị tỳ-kheo ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo như vậy: ‘Các đại đức chớ có nói như thế. Vị tỳ-kheo này không phải là người nói đúng Pháp. Vị tỳ-kheo này không phải là người nói đúng Luật. Các đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.’ Và khi được các tỳ-kheo nói như vậy mà các vị tỳ-kheo ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì các vị tỳ-kheo ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt, nếu không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).”*

---o0o---

[603] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Của chính vị ấy: là của chính vị tỳ-kheo là người chia rẽ hội chúng.

Các tỳ-kheo là: Các vị tỳ-kheo khác là.

Những kẻ ủng hộ: (Vị chia rẽ hội chúng) có quan điểm gì, có điều mong mỏi gì, có sự thích ý gì thì các vị ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mỏi ấy, có sự thích ý ấy.

Những kẻ tuyên bố ly khai: là những vị đứng trong phe, trong nhóm của vị ấy.

Một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị: là một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị và các vị ấy nói như vậy: “*Các đại đức chớ có nói bất cứ điều gì về vị tỳ-kheo này. Vị tỳ-kheo này là người nói đúng Pháp. Vị tỳ-kheo này là người nói đúng Luật. Vị tỳ-kheo này nắm được và phát biểu về ước muốn và điều thích*

ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa điều ấy hợp ý chúng tôi.”

[604] **Các vị tỳ-kheo ấy:** những kẻ ủng hộ là các vị tỳ-kheo ấy.

Bởi các tỳ-kheo: là bởi các vị tỳ-kheo khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: *“Các đại đức chớ có nói như thế. Vị tỳ-kheo này không phải là người nói đúng Pháp. Vị tỳ-kheo này không phải là người nói đúng Luật. Các đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.”* Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (các vị ấy) dứt bỏ thì như thế là điều tốt, nếu (các vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị tỳ-kheo ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được nói rằng: *“Các đại đức chớ có nói như thế. Vị tỳ-kheo này không phải là người nói đúng Pháp. Vị tỳ-kheo này không phải là người nói đúng Luật. Các đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.”* Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (các vị ấy) dứt bỏ thì như thế là điều tốt, nếu (các vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[605] **Tuyên ngôn nhắc nhở**

Các vị tỳ-kheo ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở. Và này các tỳ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) là những kẻ ủng hộ của tỳ-kheo tên (như vậy) đang ra sức chia rẽ hội chúng, tức là những kẻ tuyên bố ly khai. Các vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) là những kẻ ủng hộ của tỳ-kheo tên (như vậy) đang ra sức chia rẽ hội chúng, tức là những kẻ tuyên bố ly khai. Các vị ấy không dứt

bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) là những kẻ ủng hộ của tỳ-kheo tên (như vậy) đang ra sức chia rẽ hội chúng, tức là những kẻ tuyên bố ly khai. Hội chúng nhắc nhở các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Các tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[606] Tội tác ác (dukkata) do lời đề nghị. Các trọng tội (thullaccaya) do hai lời thông báo (dvīhi kammavācāhi). Khi chấm dứt lời thông báo (thứ ba) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). Đối với các vị vi phạm tội Saṅghādisesa, thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực. Hai ba vị nên được nhắc nhở chung (một lượt), không nên nhắc nhở nhiều hơn số lượng đó.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[607] Các yếu tố xác định tội

Hành sự đúng Pháp, các vị nhận biết là hành sự đúng Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, các vị có sự hoài nghi, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, các vị (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, các vị (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, các vị có sự hoài nghi thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, các vị nhận biết là hành sự sai Pháp thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[608] Các trường hợp không phạm tội

Các vị chưa được nhắc nhở, các vị dứt bỏ, các vị có tâm bị rối loạn, các vị bị thọ khổ hành hạ, các vị bị điên, các vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười một.

---o0o---

12. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười hai: Vị tỳ-khưu có bản tánh khó dạy

[609] Câu chuyện về tỳ-khưu Channa. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa hành xử sai nguyên tắc.

Các tỳ-kheo đã nói như vậy:

- Nay đại đức Channa, chớ có làm điều như vậy. Việc ấy không được phép.

Vị ấy đã nói như vậy:

- Nay các đại đức, điều gì khiến các người nghĩ là ta cần được dạy bảo? Chính ta mới nên dạy bảo các người. Đức Phật là của chúng ta, Giáo Pháp là của chúng ta, Giáo Pháp đã được chứng đạt bởi ngài thái tử của chúng ta. Cũng giống như cơn gió mạnh thổi qua thì gom tụ cỏ, cành khô, lá rụng đó đây chung lại thành đống; cũng giống như dòng sông phát xuất từ ngọn núi thì gom tụ các loại rong rêu chung lại thành đống; tương tự y như thế, các

người có tên khác nhau, có họ khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có gia tộc khác nhau đã được xuất gia và quy tụ chung lại. Điều gì khiến các người nghĩ là ta cần được dạy bảo? Chính ta mới nên dạy bảo các người. Đức Phật là của chúng ta, Giáo Pháp là của chúng ta, Giáo Pháp đã được chúng đạt bởi ngài thái tử của chúng ta.

Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao trong khi được các tỳ-kheo dạy bảo đúng theo Pháp, đại đức Channa lại tỏ ra ương ngạnh?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi đại đức Channa rằng:

- Này Channa, nghe nói trong khi được các tỳ-kheo dạy bảo đúng theo Pháp, người lại tỏ ra ương ngạnh, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, . . .(như trên)... không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi được các tỳ-kheo dạy bảo đúng theo Pháp, người lại tỏ ra ương ngạnh vậy? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Ngay cả vị tỳ-kheo có bản tánh khó dạy*103 , trong khi được dạy bảo bởi các tỳ-kheo về các điều học thuộc về giới bốn lại tỏ ra ương ngạnh: ‘Các đại đức chớ có nói bất cứ điều gì đến tôi dầu là tốt hay là xấu; tôi cũng sẽ không nói bất cứ điều gì đến các đại đức dầu là tốt hay là xấu. Các đại đức hãy kèm chế lại việc đề cập đến tôi.’ Vị tỳ-kheo ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo như vậy: ‘Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các tỳ-kheo đúng theo Pháp, các tỳ-kheo cũng sẽ dạy bảo đại đức đúng theo Pháp; bởi vì như vậy hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ-kheo mà vị tỳ-kheo ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị tỳ-kheo ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt, nếu không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).”

---o0o---

[610] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Ngay cả vị tỳ-kheo có bản tánh khó dạy: là vị khó dạy, là hội đủ các đức tính làm cho vị ấy trở thành khó dạy, không nhẫn nại, thọ nhận sự giáo huấn không nghiêm chỉnh.

Về các điều học thuộc về giới bổn: về các điều học thuộc về giới bổn pātimokkha.

Bởi các tỳ-kheo: là bởi các vị tỳ-kheo khác.

Đúng theo Pháp nghĩa là điều học đã được đức Thế Tôn quy định; điều ấy nghĩa là đúng theo Pháp.

Vị ấy khi được dạy bảo lại tỏ ra ương ngạnh: “*Các đại đức chớ có nói bất cứ điều gì đến tôi dầu là tốt hay là xấu; tôi cũng sẽ không nói bất cứ điều gì đến các đại đức dầu là tốt hay là xấu. Các đại đức hãy kèm chế lại việc đề cập đến tôi.*”

[611] **Vị tỳ-kheo ấy:** là vị tỳ-kheo có bản tánh khó dạy ấy.

Bởi các tỳ-kheo: là bởi các vị tỳ-kheo khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: “*Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các tỳ-kheo đúng theo Pháp, các tỳ-kheo cũng sẽ dạy bảo đại đức đúng theo Pháp; bởi vì như vậy hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ thì như thế là điều tốt, nếu (vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata). Vị tỳ-kheo ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được nói rằng: “*Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các tỳ-kheo đúng theo Pháp, các tỳ-kheo cũng sẽ dạy bảo đại đức đúng theo Pháp; bởi vì như vậy hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau.*” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ thì như thế là điều tốt, nếu (vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[612] Tuyên ngôn nhắc nhở

Vị tỷ-kheo ấy nên được nhắc nhở. Và này các tỷ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy), trong khi được dạy bảo bởi các tỷ-kheo đúng theo Pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị tỷ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy), trong khi được dạy bảo bởi các tỷ-kheo đúng theo Pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỷ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỷ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy), trong khi được dạy bảo bởi các tỷ-kheo đúng theo Pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỷ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỷ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Vị tỷ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[613] Tội tác ác (dukkata) do lời đề nghị. Các trọng tội (thullaccaya) do hai lời thông báo (dvīhi kammavācāhi). Khi chấm dứt lời thông báo (thứ ba) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). Đối với vị vi phạm tội Saṅghādisesa, thì tội dukkata do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): ...(như trên)... vì thế được gọi là “*tội Tăng tàng.*”

---o0o---

[614] Các yếu tố xác định tội

Hành sự đúng Pháp, vị nhận biết là hành sự đúng Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, vị có sự hoài nghi, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, vị (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, vị (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, vị có sự hoài nghi thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

Hành sự sai Pháp, vị nhận biết là hành sự sai Pháp thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

---o0o---

[615] Các trường hợp không phạm tội

Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười hai.

13. Điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười ba: Làm hư hỏng các gia đình

[616] Câu chuyện về các tỳ-khuru nhóm Assaji và Punabbasuka.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka 104 là các vị thường trú 105 tại vùng Kiṭṭāgiri là những tỳ-kheo tòi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc như vậy: họ trông bông

hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, dùng chung một tấm trải, dùng chung một tấm đắp, dùng chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xúc nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tượng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: “*Này cô em, hãy nhảy ở đây này;*” họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách.

[617] Vào lúc bảy giờ, có vị tỷ-kheo nọ đã trải qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi. Khi đang đi đến thành Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn, vị ấy đã trú tại vùng Kiṭāgiri. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỷ-kheo ấy đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kiṭāgiri để khát thực. Vị ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỷ-kheo ấy đã nói như vầy:

- Người này là ai mà trông giống như kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bỏ thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có hờn hĩnh, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện, nhờ vậy các ngài mới có đồ khát thực cúng dường.

Có người nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị tỷ-kheo ấy đang đi khát thực ở vùng Kiṭṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị tỷ-kheo ấy, sau khi đến đã đánh lễ vị tỷ-kheo ấy và nói điều này:

- Thưa ngài, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?
- Nay đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.
- Thưa ngài, xin hãy đi. Chúng ta sẽ đi về nhà.

Khi ấy, người nam cư sĩ ấy đã dẫn vị tỷ-kheo ấy về nhà, dâng thức ăn, và nói điều này:

- Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?
- Nay đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn.

- Thưa ngài, như thế thì xin ngài đánh lễ bằng đầu ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vậy: “*Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng Kiṭṭāgiri đã bị hủy hoại. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka là các vị thường trú tại vùng Kiṭṭāgiri là những tỷ-kheo tôi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc như vậy: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, ...(như trên)... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch ngài, những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỷ-kheo tốt ra đi, còn các tỷ-kheo tôi cư ngụ. Bạch ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỷ-kheo đến vùng Kiṭṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kiṭṭāgiri có thể tồn tại.*”

- Nay đạo hữu, được rồi,

Vị tỳ-kheo ấy sau khi lắng nghe người nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvattthi. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapinḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

[618] Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỳ-kheo đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị tỳ-kheo ấy điều này:

- Nay tỳ-kheo, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Người đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và nay tỳ-kheo, người từ đâu đến vậy?

- Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch ngài, con đi đường xa không mệt lắm. Bạch ngài, con đây đã trải qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi. Khi đang đi đến thành Sāvattthi để diện kiến đức Thế Tôn, con đã trú tại vùng Kiṭṭāgiri. Bạch ngài, khi ấy vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kiṭṭāgiri để khát thực. Bạch ngài, có người nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy con đang đi khát thực ở vùng Kiṭṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần con, sau khi đến đã đánh lễ con và nói điều này: “Thưa ngài, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?” “Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.” “Thưa ngài, xin hãy đi. Chúng ta sẽ đi về nhà.” Bạch ngài, sau đó người nam cư sĩ đã dẫn con về nhà, dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: “Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?” “Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvattthi để diện kiến đức Thế Tôn.” “Thưa ngài, như thế thì xin ngài đánh lễ bằng đầu ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vậy: “Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng Kiṭṭāgiri đã bị hủy hoại. các vị nhóm Assaji và Punabbasuka là các vị thường trú tại vùng Kiṭṭāgiri là những tỳ-kheo tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc như vậy: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(như trên)... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch ngài, những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ-kheo tốt ra đi, còn các tỳ-kheo tồi cư ngụ. Bạch ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỳ-kheo đến vùng Kiṭṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kiṭṭāgiri có thể tồn tại.” Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến.

[619] Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại rồi hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tử-kheo, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka là các vị thường trú tại vùng Kitāgiri là những tử-kheo tội, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc như vậy: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. ... (như trên) ... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tử-kheo tốt ra đi, còn các tử-kheo tội cư ngụ, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tử-kheo, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, ... (như trên) ... Nay các tử-kheo, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện hành xử sai nguyên tắc như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, dùng chung một tấm trải, dùng chung một tấm đắp, dùng chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người

nữ đang nhảy vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đồ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: “*Này cô em, hãy nhảy ở đây này,*” họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỷ-kheo tốt ra đi, còn các tỷ-kheo tồi cư ngụ. Này các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

---o0o---

[620] Câu chuyện về trưởng lão Sāriputta và Moggallāna. Hành sự xua đuổi

Sau khi khiển trách các vị tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp thoại rồi bảo Sāriputta (Xá Lợi Phất) và Moggallāna (Mục Kiền Liên) rằng:

- Này Sāriputta và Moggallāna, hai người hãy đi đến vùng Kiṭṭāgiri rồi hãy thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỷ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka, các vị này là những đệ tử của hai người.106

- Bạch ngài, các tỷ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm thế nào chúng con thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỷ-kheo ấy được?

- Này Sāriputta và Moggallāna, như thế thì hai người hãy đi cùng với nhiều tỷ-kheo.

- Bạch ngài, xin vâng. Sāriputta và Moggallāna đã trả lời đức Thế Tôn.

[621] Và này các tỳ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭṭāgiri.*” Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭṭāgiri.*” Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭṭāgiri,*” vị ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭṭāgiri.*” Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭṭāgiri,*” vị ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri*” đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[622] Sau đó, hội chúng tỳ-kheo dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna đã đi đến vùng Kiṭāgiri và đã thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kiṭāgiri đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: : “*Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kiṭāgiri.*” Khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các vị ấy không làm bỗ phận một cách nghiêm chỉnh¹⁰⁷, không trở nên thu thúc, không làm bỗ phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ-kheo hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương do có sự thiên vị vì ghét do có sự thiên vị vì si mê do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bỏ đi, họ hoàn tục.

Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasukakhi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi lại không làm bỗ phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bỗ phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ-kheo hài lòng, họ lại mắng chửi, họ lại nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương do có sự thiên vị vì ghét do có sự thiên vị vì si mê do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bỏ đi, họ hoàn tục?

---o0o---

[623] Sự quy định điều học

Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã trình bày sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không làm bỗ phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bỗ phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ-kheo hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu, họ bị sa đọa do có sự thiên vị vì thương do có sự thiên vị vì ghét do có sự thiên vị vì si mê do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bỏ đi, họ hoàn tục, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, ...(như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, lại không làm bôn phạt một cách nghiêm chỉnh, ...(như trên)... lại hoàn tục? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)... Và nay các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ-kheo sống nương tựa vào ngôi làng hoặc thị trấn nọ là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của vị ấy không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì vị ấy không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Vị tỳ-kheo ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo như vậy: ‘Chính đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với đại đức đã đủ rồi!’ Và khi được nói bởi các tỳ-kheo như thế, vị tỳ-kheo ấy lại nói với các tỳ-kheo ấy như vậy: ‘Các tỳ-kheo có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi, cùng với tội như nhau họ lại xua đuổi vị này, họ lại không xua đuổi vị kia. Vị tỳ-kheo ấy nên được nói bởi các tỳ-kheo như vậy: ‘Đại đức chớ có nói như thế. Các tỳ-kheo không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vị vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với đại đức đã đủ rồi!’ Và khi được các tỳ-kheo nói như vậy mà vị tỳ-kheo ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị tỳ-kheo ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy thì như thế là điều tốt, nếu không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).”

---o0o---

[624] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị tỹ-kheo (sống nương tựa) vào ngôi làng hoặc thị trấn nọ: là ngôi làng, là thị trấn, là thành phố, và ngay cả ngôi làng và thị trấn.

Sống nương tựa: các vật dụng là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh là phụ thuộc vào nơi ấy.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Kẻ làm hư hỏng các gia đình: là kẻ làm các gia đình trở thành hư hỏng với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tằm, hoặc với đất sét, hoặc với gỗ chà răng, hoặc với tre, hoặc bằng cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin.

Có hành động sai trái: vị trồng bông hoa, vị bảo kẻ khác trồng, vị tưới bông hoa, vị bảo kẻ khác tưới, vị hái bông hoa, vị bảo kẻ khác hái, vị kết lại bông hoa, vị bảo kẻ khác kết lại.

[625] **Không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa:** Những ai có mặt thì nhìn thấy, những ai vắng mặt thì nghe.

Các gia đình bị hư hỏng vì vị ấy: Trước kia họ sùng đạo, vì vị ấy họ trở nên không còn sùng đạo. Họ đã có niềm tin trở thành không có niềm tin.

Không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa: Những ai có mặt thì nhìn thấy, những ai vắng mặt thì nghe.

[626] **Vị tỹ-kheo ấy:** là vị tỹ-kheo làm hư hỏng các gia đình.

Bởi các tỹ-kheo: là bởi các vị tỹ-kheo khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: *“Chính đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với đại đức đã đủ rồi!”* Và khi được các tỹ-kheo nói như thế, vị tỹ-kheo ấy lại nói với các tỹ-kheo ấy như vậy: *“Các tỹ-kheo có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi, cùng với tội như nhau các vị lại xua đuổi vị này, các vị lại không xua đuổi vị kia.”*

[627] **Vị tỳ-kheo ấy:** là vị tỳ-kheo được thực thi hành sự.

Bởi các tỳ-kheo: là bởi các vị tỳ-kheo khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: *“Đại đức chớ có nói như thế. Các tỳ-kheo không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vị vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với đại đức đã đủ rồi!”*

Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ thì như thế là điều tốt, nếu (vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata). Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội tác ác (dukkata).

Vị tỳ-kheo ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được nói rằng: *“Đại đức chớ có nói như thế. Các tỳ-kheo không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vị vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với đại đức đã đủ rồi!”* Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ấy) dứt bỏ thì như thế là điều tốt, nếu (vị ấy) không dứt bỏ thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[628] **Tuyên ngôn nhắc nhở**

Vị tỳ-kheo ấy nên được các tỳ-kheo nhắc nhở. Và này các tỳ-kheo, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) khi được hội chúng thực thi hành phạt xua đuổi lại lên án các tỳ-kheo có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) khi được hội chúng thực thi hành phạt xua đuổi lại lên án các tỳ-kheo có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) khi được hội chúng thực thi hành phạt xua đuổi lại lên án các tỳ-kheo có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị tỳ-kheo tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy, vị ấy nên im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[629] Tội tác ác (dukkata) do lời đề nghị. Các trọng tội (thullaccaya) do hai lời thông báo (dvīhi kammavācāhi). Khi chấm dứt lời thông báo (thứ ba) thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa). Đối với vị vi phạm tội Saṅghādisesa, thì tội dukkaṭa do lời đề nghị và các tội thullaccaya do hai lời thông báo hết hiệu lực.

Tội Tăng tàng (Saṅghādisesa): Chỉ có hội chúng ban cho hành phạt *parivāsa* của tội đó, cho thực hành lại từ đầu, ban cho hành phạt *mānatta*, cho giải tội, không phải một số vị, không phải một cá nhân; vì thế được gọi là “tội Tăng tàng.” Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là “tội Tăng tàng.”

---o0o---

[630] Các yếu tố xác định tội

Hành sự đúng Pháp, vị nhận biết là hành sự đúng Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, vị có sự hoài nghi, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự đúng Pháp, vị (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, không dứt bỏ thì phạm tội Tăng tàng (Saṅghādisesa).

Hành sự sai Pháp, vị (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, vị có sự hoài nghi thì phạm tội tác ác (dukkata).

Hành sự sai Pháp, vị nhận biết là hành sự sai Pháp thì phạm tội tác ác (dukkata).

---o0o---

[631] Các trường hợp không phạm tội

Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ 108, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) thứ mười ba.

[632] Tổng kết chương Mười Ba Pháp. Bài kệ tóm lược

Bạch chư đại đức, mười ba điều Tăng tàng (Saṅghādisesa) đã được đọc tụng xong, chín điều bị phạm tội (ngay từ giây phút) đầu tiên, bốn điều (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba. Vị tỳ-kheo vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này và che giấu biết được bao nhiêu ngày thì vị tỳ-kheo ấy phải chịu hành phạt *parivāsa* không theo ý muốn bấy nhiêu ngày. Vị tỳ-kheo đã trải qua hành phạt *parivāsa* nên thực hành thêm sáu đêm *mānatta* dành cho tỳ-kheo. Vị tỳ-kheo có hành phạt *mānatta* đã được hoàn tất thì vị tỳ-kheo ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng tỳ-kheo nhóm hai mươi vị. Nếu hội chúng tỳ-kheo nhóm hai mươi vị chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị tỳ-kheo ấy thì vị tỳ-kheo ấy chưa được giải tội và các tỳ-kheo ấy bị khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.

Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương Mười ba pháp.

Tóm Lược Chương này:

*Sự xuất ra (tinh dịch),
việc xúc chạm cơ thể,
(nói lên) lời dâm dật,
tình dục cho bản thân,
mai mối, và liêu cốc,
trú xá, không nguyên cố,
điều nhỏ nhất nào đó,
và chia rẽ (hội chúng),
kẻ ủng hộ vị ấy,
và (wong ngạnh) khó nói,
làm hư các gia đình,
là mười ba điều học
Saṅghādisesa.*

-ooOoo-

VI. Chương Bất Định (Aniyatakaṇḍam)

Bách chư đại đức, hai điều Bất định (aniyata) này được đưa ra đọc tụng.

01. Điều Bất định (Aniyata) thứ nhất: Ngồi với người nữ ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất

[633] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvatti. Vào lúc bấy giờ, người con gái của gia đình hộ độ đại đức Udāyi đã được gả cho người con trai của gia đình họ. Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, và đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã hỏi mọi người rằng:

- Cô gái tên (như vậy) ở đâu?

Những người ấy đã nói như vậy:

- Thưa ngài, cô ấy đã được gả cho người con trai của gia đình kia rồi.

Và gia đình ấy cũng là người hộ độ của đại đức Udāyi. Sau đó, đại đức Udāyi đã đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã hỏi mọi người rằng:

- Cô gái tên (như vậy) ở đâu?

- Thưa ngài, cô ấy ngồi ở phòng trong.

Khi ấy, đại đức Udāyi đã đi đến gặp người con gái ấy, sau khi đến đã cùng người con gái ấy một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, tùy lúc thì tâm sự, tùy lúc thì nói Pháp109.

---o0o---

[634] Câu chuyện về bà Visākhā mẹ của Migāra. Sự quy định điều học

Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā mẹ của Migāra có nhiều con trai, có nhiều cháu trai, có các con trai không bệnh tật, có các cháu không bệnh tật, được xem là điều đại kiết tường. Trong những dịp tế lễ, hội hè, đình đám, dân chúng thường ưu tiên thỉnh mời bà Visākhā mẹ của Migāra đến dự tiệc. Khi ấy, bà Visākhā mẹ của Migāra được gia đình ấy thỉnh mời đã đi đến. Rồi bà Visākhā mẹ của Migāra đã nhìn thấy đại đức Udāyi cùng với người con gái ấy một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, điều này là không thích hợp, là không đúng đắn. Là việc ngài đại đức cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động. Thưa ngài, mặc dầu ngài đại đức không có ước muốn gì đến chuyện ấy, tuy nhiên những người không có niềm tin thì khó mà thuyết phục lắm.

Tuy được bà Visākhā mẹ của Migāra nói như thế, đại đức Udāyi đã không lưu tâm đến. Sau đó, bà Visākhā mẹ của Migāra khi ra về đã kể lại sự việc ấy cho các tỷ-kheo.

Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay Udāyi, nghe nói người cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ,... (như trên) ...
Này kẻ rồ dại, vì sao người lại cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...
Và này các tỷ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: *“Vị tỷ-kheo nào cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, có người nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy sau khi thấy rồi tố cáo vị ấy với một tội nào đó trong ba tội: hoặc là với tội pārājika, hoặc là với tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), hoặc là với tội ung đối trị (pācittiya). (Nếu) vị tỷ-kheo thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong ba tội: hoặc là với tội pārājika, hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội pācittiya; hoặc là người nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị tỷ-kheo ấy theo tội đó. Đây là điều bất định (aniyata).”*

---o0o---

[635] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Vị nào: là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỷ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là người nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sinh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: cùng chung.

Một nam một nữ: chỉ có vị tỷ-kheo và người nữ.

Kín đáo: nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai.

Kín đáo đối với mắt nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên.

Kín đáo đối với tai nghĩa là không thể nghe lời nói (với giọng) bình thường.

Chỗ ngồi được che khuất nghĩa là được che khuất bởi bức tường, hoặc bởi cánh cửa, hoặc bởi tấm màn, hoặc bởi khung chắn, hoặc bởi cội cây, hoặc bởi cột nhà, hoặc bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Thuận tiện cho hành động: là có thể thực hiện việc đôi lứa.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi thì vị tỷ-kheo ngồi gần hoặc nằm gần; trong khi vị tỷ-kheo đang ngồi thì người nữ ngồi gần hoặc nằm gần; hoặc cả hai đang ngồi; hoặc cả hai đang nằm.

[636] **Có lời nói đáng tin cậy** nghĩa là người nữ đã chứng Thánh Quả, đã thông suốt Tứ Diệu Đế (abhisametāvinī), đã hiểu rõ Tam Học: Giới, Định, Tuệ (viññātasāsanā).110

Người nữ cư sĩ nghĩa là người nữ đã quy y đức Phật, đã quy y đức Pháp, đã quy y đức Tăng.

Sau khi thấy: sau khi đã nhìn thấy.

---o0o---

[637] Phương thức xác định tội

(Cô ấy) tố cáo với một tội nào đó trong ba tội: hoặc là với tội pārajika, hoặc là với tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), hoặc là với tội ung đối trị (pācittiya). (Nếu) vị tỷ-kheo thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong ba tội: hoặc là với tội pārajika, hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội pācittiya; hoặc là người nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị tỷ-kheo ấy theo tội đó.

[638] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,”* nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không thực hiện việc đôi lứa”* thì nên hành xử theo việc ngồi.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm”* thì nên hành xử theo việc nằm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng”* thì không nên hành xử.

[639] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,”* nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc đôi lứa”* thì nên hành xử theo việc nằm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,” nếu vị ấy nói như vậy: “Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi” thì nên hành xử theo việc ngồi.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ,” nếu vị ấy nói như vậy: “Tôi đã không nằm nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[640] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,” nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,” nếu vị ấy nói như vậy: “Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể” thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm” thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[641] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,” nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,” nếu vị ấy nói như vậy: “Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể” thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... “Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi” thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... “Tôi đã không nằm nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[642] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức cùng với người nữ một nam một nữ đã ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận

tiện cho hành động,” nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... *“Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm”* thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... *“Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng”* thì không nên hành xử.

[643] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức cùng với người nữ một nam một nữ đã nằm xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động,”* nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... *“Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi”* thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... *“Tôi đã không nằm nhưng đã đứng”* thì không nên hành xử.

[644] **Tội bất định (aniyata):** không chắc chắn là tội pārajika, hay là tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), hay là tội ung đối trị (pācittiya).

[645] Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi.

Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi.

Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Dứt điều bất định (aniyata) thứ nhất.

02. Điều Bất định (Aniyata) thứ nhì: Ngồi với người nữ ở chỗ ngồi kín đáo

[646] Câu chuyện về tỳ-khuru Udāyi. Sự quy định điều học

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán (việc) cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động” nên đã cùng với chính người con gái ấy một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, tùy lúc thì tâm sự, tùy lúc thì nói Pháp.

Đến lần thứ nhì, bà Visākhā mẹ của Migāra được gia đình ấy thỉnh mời đã đi đến. Rồi bà Visākhā mẹ của Migāra đã nhìn thấy đại đức Udāyi cùng với chính người con gái ấy một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Udāyi điều này:

- Thưa ngài, điều này là không thích hợp, là không đúng đắn. Là việc ngài đại đức cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Thưa ngài, mặc dầu ngài đại đức không có ước muốn gì đến chuyện ấy, tuy nhiên những người không có niềm tin thì khó mà thuyết phục lắm.

Tuy được bà Visākhā mẹ của Migāra nói như thế, đại đức Udāyi đã không lưu tâm đến. Sau đó, bà Visākhā mẹ của Migāra khi ra về đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo.

Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Udāyi lại cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này Udāyi, nghe nói người cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- ... (như trên) ... Này kẻ rô đại, vì sao người lại cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rô đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)... Và này các tỳ-kheo, các người nên phổ biến điều học này như vậy: “*Hơn nữa, khi chỗ ngồi là không được che khuất, không thuận tiện cho hành động, nhưng thích hợp để nói với người nữ bằng những lời dâm dục. Vị tỳ-kheo nào ở chỗ ngồi có hình thức như thế cùng với người nữ một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có người nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy sau khi thấy rồi tố cáo vị ấy với một tội nào đó trong hai tội: hoặc là với tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), hoặc là với tội ưng đối trị (pācittiya). (Nếu) vị tỳ-kheo thú nhận việc ngồi thì nên hành xử với một tội nào đó trong hai tội: hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội pācittiya; hoặc là người nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị tỳ-kheo ấy theo tội đó. Đây cũng là điều bất định (aniyata).*”

---o0o---

[647] Giải nghĩa từ ngữ của điều học

Hơn nữa, khi chỗ ngồi là không được che khuất: là không được che khuất bởi bức tường, hoặc bởi cánh cửa, hoặc bởi tấm màn, hoặc bởi khung chần, hoặc bởi cội cây, hoặc bởi cột nhà, hoặc bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Không thuận tiện cho hành động: là không thể thực hiện việc đôi lứa.

Nhưng thích hợp để thốt ra với người nữ bằng những lời dâm dục: là có thể nói với người nữ bằng những lời dâm dục

[648] **Vị nào:** là bất cứ vị nào ...(như trên)...

Tỷ-kheo: ...(như trên)... Vị này là “*vị tỷ-kheo*” được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở chỗ ngồi có hình thức như thế: ở chỗ ngồi y như thế ấy.

Người nữ nghĩa là người nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có hiểu biết, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là dâm dật và không dâm dật.

Với: cùng chung.

Một nam một nữ: chỉ có vị tỷ-kheo và người nữ.

Kín đáo: nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai.

Kín đáo đối với mắt nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhường mào, trong khi ngẩng đầu lên.

Kín đáo đối với tai nghĩa là không thể nghe lời nói (với giọng) bình thường.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi thì vị tỷ-kheo ngồi gần hoặc nằm gần; trong khi vị tỷ-kheo đang ngồi thì người nữ ngồi gần hoặc nằm gần; hoặc cả hai đang ngồi; hoặc cả hai đang nằm.

[649] **Có lời nói đáng tin cậy:** nghĩa là người nữ đã chứng Thánh Quả, đã thông suốt Tứ Diệu Đế (abhisametāvinī), đã hiểu rõ Tam Học: Giới, Định, Tuệ (viññātasāsanā).

Người nữ cư sĩ nghĩa là người nữ đã quy y đức Phật, đã quy y đức Pháp, đã quy y đức Tăng.

Sau khi thấy: sau khi đã nhìn thấy.

---o0o---

[650] Phương thức xác định tội

(Cô ấy) tố cáo với một tội nào đó trong hai tội: hoặc là với tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), hoặc là với tội ung đối trị (pācittiya), (nếu) vị tỷ-kheo thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong hai tội: hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội pācittiya; hoặc là người nữ cư sĩ

có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị tử-kheo ấy theo tội đó.

[651] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,”* nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể”* thì nên hành xử theo việc ngồi.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm”* thì nên hành xử theo việc nằm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng”* thì không nên hành xử.

[652] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã thấy ngài đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ,”* nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

...(như trên)... *“Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể”* thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... *“Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi”* thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... *“Tôi đã không nằm nhưng đã đứng”* thì không nên hành xử.

[653] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã nghe được khi ngài đại đức đã ngồi và đang nói với người nữ bằng những lời dâm dục,”* nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vậy: *“Tôi đã nghe được khi ngài đại đức đã ngồi và đang nói với người nữ bằng những lời dâm dục,”* nếu vị ấy nói như vậy: *“Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không nói với người nữ bằng những lời dâm dục”* thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm” thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[654] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã nghe được khi ngài đại đức đã nằm và đang nói với người nữ bằng những lời dâm dục,” nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

...(như trên)... “Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không nói bằng những lời dâm dục” thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... “Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi” thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... “Tôi đã không nằm nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[655] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức cùng với người nữ một nam một nữ đã ngồi ở chỗ kín đáo,” nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm” thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[656] Nếu cô ấy tố cáo như vậy: “Tôi đã thấy ngài đại đức cùng với người nữ một nam một nữ đã nằm ở chỗ kín đáo,” nếu vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc nằm.

...(như trên)... “Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi” thì nên hành xử theo việc ngồi.

...(như trên)... “Tôi đã không nằm nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

[657] **Đây cũng là:** được gọi như thế vì có liên quan đến điều trước.

Tội bất định (aniyata): không chắc chắn là tội Tăng tàng (Saṅghādisesa), hay là tội ung đối trị (pācittiya).

---o0o---

[658] Tổng kết chương Bất Định. Bài kệ tóm lược

Tổng kết chương Bất Định. Bài kệ tóm lược

Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi.

Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi.

Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Dứt điều bất định (aniyata) thứ nhì.

[659] Bạch chư đại đức, hai điều bất định (aniyata) đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?

Các đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương Bất định (Aniyatakaṇḍamaṃ Niṭṭhitam).

Tóm Lược Chương này:

*Thuận tiện cho hành động,
như thế, không như thế,
đức Phật khéo xếp đặt
điều Bất định như thế.*

-ooOoo-

Hết Quyển 1

1 . Theo ngài Buddhaghosa giải thích ở *Samantapāsādikā* (Chú Giải Tạng Luật), Verañjā là tên của một thành phố, Pucimanda là cây *Nimba* (Từ điển Pāli-English của *Pali Text Society* cho biết đó là một loại cây có lá đắng và gỗ cứng), Naḷeru là tên của một dạ-xoa, và đức Thế Tôn ngự ở khu vực lân cận của cây ấy.

2 . Theo ngài Buddhaghosa, ông bà-la-môn nói “*arasarūpo*” để chỉ trích đức Phật sống không thuận theo tập quán là người trẻ nên cung kính, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi đối với các vị già cả, uy tín, v.v... Còn đức Thế Tôn cũng dùng nhóm từ “*arasarūpo*” nhưng đề cập đến năm đối tượng thích ý là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạc được tầm cầu bởi năm giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Ở các phần kế tiếp, khi chỉ trích đức Phật “*không biết thương thức,*” “*thuyết về không hành động,*” “*có sự ghé tởm,*” “*là người từ bỏ,*” “*là người thiêu đốt,*” vị bà-la-môn cũng ám chỉ việc đức Phật không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị già cả, uy tín, v.v...

-
- 3 . Theo ngài Buddhaghosa, vị bà-la-môn chỉ trích rằng đức Phật thuyết về đoạn kiến (ucchedavāda) chủ trương sau đời này không có đời khác.
- 4 . Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “*Có nhiều xương trắng nằm rải rác vì có quá nhiều người chết đói hoặc là tên của một loại bệnh mốc trắng ở cây lúa;*” chúng tôi tạm dịch thoát như trên.
- 5 . Theo ngài Buddhaghosa, lúa mạch này đã được tách vỏ trấu và hấp chín. Các người buôn ngựa đem theo lúa mạch để cho ngựa ăn ở những vùng không kiếm ra cỏ và họ đã xén phần ăn sáng của ngựa để dâng cho các vị tỳ khuru. Ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở tác phẩm *Vinayamukha* thì 1 *pattha* có dung tích bằng hai bàn tay bụm lại.
- 6 . *Pappoṭakojam* = chất sanh ra từ cây nấm (?).□
- 7 . Xin xem *Diệu Pháp Yếu Lược* (Saddhammasaṅgaha) để có lời giải thích chi tiết về chín thể loại này.
- 8 . Suy tầm về ly dục, suy tầm về vô sân, và suy tầm vô hại (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 9 . Chớ suy tầm về ngũ dục, chớ suy tầm về sân hận, chớ suy tầm về hãm hại (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 10 . Tác ý đến vô thường, tác ý đến khổ não, tác ý đến vô ngã, tác ý đến bất tịnh (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 11 . Chớ tác ý đến bốn điều đối nghịch trên là: thường, lạc, ngã, tịnh (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 12 . Hãy từ bỏ bất thiện pháp (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 13 . Hãy thành tựu và an trú vào thiện pháp (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 14 . Phần “*sự lớn mạnh về việc học nhiều*” này không có ở đĩa CD *Budsir IV* của Thái Lan. Chúng tôi thêm vào theo bản dịch tiếng Anh của học giả I. B. Horner.
- 15 . Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, và Tri kiến về sự giải thoát (Theo lời giảng giải của ngài Buddhaghosa).
- 16 . Payāga là một thị trấn ở bên bờ sông Gaṅgā, nay là thành phố Allahabad (Chú thích của người dịch).
- 17 . *Kalandaputta* nghĩa là “*con trai của Kalanda.*”
- 18 . Đúng ra phải dịch rằng: “*điều này đã khởi đến Sudinna Kalandaputta.*”
- 19 . *Y paṃsukūla*: y được may bằng vải dơ bị người ta quăng bỏ, thông thường là vải quần tử thi được tìm thấy ở bãi tha ma.
- 20 . Ngài Buddhaghosa giải thích ở Chú Giải *Samantapāsādikā* rằng đã tám năm trôi qua nên người nữ tỳ không thể nhận ra đại đức Sudinna mà chỉ nhận biết qua các đặc điểm trên (Đại đức Sudinna xuất gia vào năm thứ mười hai của đức Thế Tôn và lúc bấy giờ là năm thứ hai mươi).

21 . Theo ngài Buddhaghosa cho biết, hai mẹ con đã xuất gia sau đó khoảng bảy hoặc tám năm.

22 . Là việc đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp, vào trong miệng của con hắc xà, vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực.

23 . Là việc đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ.

24 . Ngài Buddhaghosa giải thích rằng *Saddhamma* gồm có ba phần: *Pariyattisaddhamma* (Pháp Học) gồm tất cả các lời dạy của đức Phật đã được kết tập thành Tam Tạng, *Patipattisaddhamma* (Pháp Hành) là 13 pháp Đầu-đà, 14 pháp hành, 82 phạm sự chính, Giới, Định, và Minh Sát, *Adhigamasaddhamma* (Pháp Đắc Chứng) là 4 Đạo, 4 Quả, và Niết Bàn. Về 82 phạm sự chính *Ṭikā* (Số giải) giải thích rằng: 66 phạm sự của vị hành *parivāsa* (bắt đầu với điều “*Không nên ban phép tu lên bậc trên, ..., không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất*”), không ngụ chung với 5 hạng tỳ khưu: vị cũng thực hành *parivāsa* nhưng thâm niên hơn, vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị tỳ khưu xứng đáng hành *mānatta*, vị đang thực hành *mānatta*, vị xứng đáng sự giải tội, tính là 5 điều thành 71. “*Không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các vị tỳ khưu trong sạch*” tính là 1 điều thành 72. “*Không nên bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, v.v...*” tính là 10 điều. Tổng cộng là 82 phạm sự.

25 . Từ “*bất cộng trụ*” đã được sử dụng quen thuộc khi đề cập đến tội *pārājika*. Thật ra, “*bất cộng trụ*” là từ dịch của “*asaṃvāsa*” trong “*... pārājiko hoti asaṃvāso,*” chứ không phải của “*pārājika.*” “*Pārājika*” được xem là tên của tội, còn “*asaṃvāsa*” có thể xem như là một hình thức xử lý tội *pārājika*, là không được sống chung và tiến hành các hành sự như là lễ *Uposatha*, lễ *Parāraṇā*, v.v.... Ngài Buddhaghosa chỉ ra động từ liên quan là “*parājeti = khuất phục, đánh bại, chế ngự, chiến thắng*” và giải thích rằng vị “*pārājiko*” là vị “*parājito: quá khứ phân từ thể thụ động của parājeti, có nghĩa là: bị khuất phục, bị đánh bại, bị chế ngự.*” Như vậy, “*pārājika*” có nghĩa là “*kẻ thất trận, kẻ bại trận người thua cuộc*” và được sử dụng cho tên của một loại tội cực nặng trong giới bổn *Pātimokkha* của tỳ khưu gồm 4 điều được trình bày trong chương này. Chúng tôi giữ nguyên từ “*pārājika*” không dịch. Trường hợp cần thiết sẽ dùng từ “*bất cộng trụ*” để quý vị có thể dễ dàng nắm vững được vấn đề.

26 . Là việc đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp, vào trong miệng của con hắc xà, vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực.

27 . Là việc đặt dương vật vào trong âm vật của con khi cái.

28 . *Adhisīla*: Tăng thượng giới là giới bốn *Pātimokkha*. *Adhicitta*: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thể. *Adhipaññā*: Tăng thượng tuệ là sự tu tập (các tâm) Đạo Siêu Thế (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

29 . Theo như phân phân tích bên dưới, hạng người này có luôn cả hai bộ phận sinh dục nam và nữ. Vì thế, chúng tôi tạm dùng từ “*lưỡng căn*” để dịch từ “*ubhatobyañjana*.” Trong thực tế, bản thân chúng tôi chưa từng được nghe hoặc được đọc tài liệu khoa học nào nói về trường hợp này.

30 . Từ Pāli *paṇḍaka* là đề cập đến người phái nam. Về phái nữ, các từ được tìm thấy là *paṇḍikā*, *itthipaṇḍikā*, *itthipaṇḍaka*. Từ tiếng Anh tương đương là “*eunuch*” được dịch sang tiếng Việt là “*hoạn quan, thái giám*.” Từ “*bị thiến*” đã được dùng đến trong một số bản dịch trước đây. Lâu nay, chúng tôi hiểu theo ý nghĩa thông thường đó. Gần đây, chúng tôi tìm thấy từ “*jātipaṇḍaka*” mới biết thêm được là có hạng người *paṇḍaka* bẩm sinh. Dựa theo phần giảng giải của giới *pārājika* thứ nhất này, chúng tôi có được khái niệm là hạng này không có bộ phận sinh dục, còn việc xác định nam hay nữ là do các đặc tính khác như vóc dáng, bộ ngực, giọng nói, v.v... Về tâm sinh lý, trong *Mahāvagga - Đại Phẩm* thuộc tạng Luật có câu chuyện đề cập đến bản chất ham muốn về nhục dục của hạng người này. Chúng tôi tạm dịch là “*vô căn*” cho hạng người không có bộ phận sinh dục này cho dù là bẩm sinh hay bị thiến.

31 . *Ṭīkā* giải thích “*bhikkhupaccatthikā*” là “*các kẻ đối nghịch của tỳ khuru*” còn ngài Buddhaghosa thiên về ý “*các tỳ khuru đối nghịch*.” Theo văn phạm, hai cách dịch trên đều có khả năng tùy theo cách phân tích danh từ kép “*bhikkhupaccatthikā*” là *tappurisa* hay *kammadhāraya*. Xin xem phần [44] bên dưới để xác định mạch văn và có được sự chọn lựa hợp lý.

32 . Nếu ở trên dịch là “*các kẻ đối nghịch của tỳ khuru*” thì ở đây phải dịch là “*các kẻ đối nghịch của vị vua*” xét ra không hợp lý. Chính vì ở đây phải chọn “*các vị vua đối nghịch*” nên có thể xác định ý nghĩa cho phần [40] ở trên là “*những tỳ khuru đối nghịch*.”

33 . Có thể liên hệ phần này với hai câu chuyện ở phần [59].

34 . Điều vô tội này ở CD *Budsir iv* không có, được thêm vào theo CD *Chatthasārīgāyana* và bản dịch tiếng Anh.

35 . Đúng ra phải dịch rằng: “*Có nổi nghi hoặc đã khởi đến vị ấy*.”

36 . Lúc này, vị tỳ khuru ni *Uppalavaṇṇa* đã là vị A-la-hán. Còn người thanh niên ấy khi vừa đi khuất tầm mắt của vị tỳ khuru ni thì quả địa cầu đã nứt tạo ra lỗ hồng hút vào lòng đất như thể quả địa cầu này không thể nâng đỡ nổi

kẻ độc ác ấy. Anh ta lập tức bị đọa vào địa ngục *Avīci* và ở vào trạng thái bị lửa địa ngục thiêu đốt (theo giải thích của ngài Buddhaghosa).

37 . Theo văn cảnh có thể nghiệm ra rằng thi thể này là của người nữ, dựa vào văn phạm không thể xác định được.

38 . Ngài Buddhaghosa giải thích rằng vị này đẹp trai (*sundara*) và là vị Bất Lai.

39 . Theo ngài Buddhaghosa, đơn vị tiền tệ thời ấy là *kaḥāpaṇa* và 1 *kaḥāpaṇa* = 4 *pāda* = 20 *māsaka*. Theo bản dịch tiếng Anh “*Pārājika Pāḷi*” của Ven. Thumana do *Department for the Promotion and Propagation of the Sāsana* xuất bản ở Miến Điện thì lấy đơn vị tiền tệ làm sự so sánh nên cho rằng: Nếu lấy trộm $\frac{1}{4}$ *kyat* sẽ phạm tội *pārājika* (1 US dollar # 1000 *kyat* vào năm 2002). Hơn nữa, *baht* đơn vị tiền tệ ở Thái Lan chính là từ *pāda* của Pāli (1US dollar # 45 *baht* vào năm 2002). Tài liệu “*Luật Xuất Gia Tóm Tắt*” của HT Hộ Tông cũng cho rằng 1 *pāda* tương đương 6 cắt bạc VN năm 1966. Nếu so sánh theo cách này thì chỉ cần trộm 1 vật có giá trị rất nhỏ cũng đã phạm tội *pārājika*. Tài liệu “*Vinayamukha*” của Ngài Mahāsamaṇa Chao (Thái Lan) ngoài cách giải thích trên còn giới thiệu một cách tính khác: “*Theo Sớ giải (Tīkā), 1 māsaka trị giá bằng số vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của 4 hạt gạo.*” Như vậy 1 *pāda* sẽ có giá trị vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của $4 \times 5 = 20$ hạt gạo, nghe đâu có người đã ước lượng vào khoảng 5 phân vàng (?).

40 . Đúng ra phải là tội ung đôi trị (*pācittiya*).

41 . Đúng ra phải là tội ung đôi trị (*pācittiya*).

42 . Vì không thể đưa hũ lên khỏi hồ chôn được (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

43 . *Vehāsat*, *t*, *haṃ* được dịch sát nghĩa cũng là “*vật ở trên không.*”

44 . Loài có cánh (*pakkhajātā*) có ba loại: cánh bằng lông (*lomapakkhā*) như chim công, gà gô, cánh bằng da (*cammapakkhā*) như loài dơi, cánh bằng xương (*atthipakkhā*) như loài ong (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

45 . Dựa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa, chúng tôi thêm vào A, B, C, D để cho dễ hiểu.

46 . Do sự luyện ái với tấm vải choàng nên người có tấm vải choàng ấy đã bị tái sanh làm *peta* ở nơi thi thể ấy. *Peta* có khả năng làm thi thể ấy đứng dậy. Sau khi cửa bị đóng lại, *peta* ấy biết đã bị mất tấm vải choàng nên đã từ bỏ thi thể ấy rồi theo nghiệp đi tái sanh lần nữa; do đó, thi thể ấy bị té ngã xuống đất (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

47 . Nay các tỷ-kheo, ta cho phép lấy do sự thân thiết (đồ vật) của người hội đủ năm điều: là vị quen biết, là vị thân thiết, vị ấy đã nói trước, vị ấy còn

sống, và vị lấy biết được rằng: “*Nếu được ta lấy thì vị ấy sẽ hoan hỷ.*” (*Đại Phẩm – Mahāvagga*, chương II, [159]).

48 . Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở “*Vinayamukha*” thì āḷhakaṃ và doṇam là đơn vị đo dung tích. 1 āḷhakaṃ ước lượng khoảng tám bụm tay, 4 āḷhaka = 1 doṇam. Còn tulaṃ là đơn vị đo trọng lượng.

49 . Trường hợp này chúng ta có thể thắc mắc rằng: “*Nếu tổng số bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng trị giá bằng năm māsaka hoặc hơn năm māsaka thì vị ấy có phạm tội pārājika hay không?*” (Yếu tố “*có ý định trộm cắp*” được hiểu ngầm). Đương nhiên là vị ấy phạm tội pārājika. Tuy nhiên, trường hợp của vị này có chút khác biệt. Chúng tôi hiểu như sau về lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Vị ấy thọ dụng mỗi lần một chút ít như thế trị giá bằng một māsaka hoặc kém một māsaka nên chỉ phạm tội tác ác (dukkata) cho mỗi lần thọ dụng. Sau khi thọ dụng lần thứ nhất, vị ấy sám hối, quyết tâm rằng: “*Ta sẽ không làm như thế nữa.*” Vì đã trong sạch trở lại, nên vào ngày kế khi vị ấy thọ dụng thêm một chút ít thì lại phạm tội tác ác (dukkata) nữa. Vị ấy lại sám hối tội. Tiến trình phạm tội và sám hối được tiếp diễn. Chính vì lý do đó, số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng không được tính gộp lại mà chỉ tính riêng cho mỗi lần thọ dụng. Nếu vị ấy không sám hối tội, thì sẽ tùy theo tổng số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng mà định tội.

50 tvaṃ atinṇe tāresi: Người đã làm cho vượt qua (tāresi) những kẻ chưa được vượt qua (luân hồi).

51 . Đây là lời giải thích của ngài Buddhaghosa: “*Assāsoti bahi nikkhamanavāto. Passāsoti anto pavisanavāto*” (Hơi thở ra là gió đi ra bên ngoài. Hơi thở vào là gió đi vào bên trong). Như thế “*assasati*” là thở ra, “*passasati*” là thở vào, và phương pháp “*Niệm hơi thở ra hơi thở vào*” được trình bày hơi thở ra trước rồi mới đến hơi thở vào. Từ điển của Childers và A. P. Buddhadatta Mahā Thera cho nghĩa bị đảo lộn; do đó, có một vài bản dịch cũng bị lầm lẫn theo.

52 . Chúng tôi thêm vào A, B, C, D để cho dễ hiểu.

53 . Tội tác ác (dukkata) vì làm thầy thuốc (theo ngài Buddhaghosa).

54 . Là việc bị mổ banh bụng ra bởi con dao bén của kẻ giết trâu bò.

55 . Là việc ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia.

56 . Vô phiền não giải thoát (suññato vimokkho) là nội tâm không còn tham sân si, vô tướng giải thoát (animitto vimokkho) là nội tâm không còn các biểu hiện của tham sân si, vô nguyện giải thoát (appaṇihito vimokkho) là không còn trạng thái mong mỏi về tham sân si (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

57 . Vị ấy không phạm pārajika vì chưa đề cập rõ ràng rằng bản thân vị ấy là vị A-la-hán. Có một số câu chuyện ở các phần kể cũng được giải thích tương tự.

58 . Câu chuyện này được lập lại y như câu chuyện ở phía trên.

59 . Ngài Buddhaghosa gọi các loài chim kên kên, chim quạ, chim ưng này là các loài dạ-xoa có hình dạng chim (yakkhagijjhā, yakkhakākā, yakkhakulalā).

60 . Ngài Buddhaghosa giải thích rằng người này đã giết các con dê rồi lột da nên bị quả báu không có lớp da bao bọc. Các câu chuyện kể là những ví dụ về sự liên quan giữa nhân quả và nghiệp báo.

61 . Người này tuy là quan xử án nhưng nhận của hối lộ ở nơi kín đáo rồi xử án thiên lệch nên bị trả quả phải phơi bày vật kín ra (Theo ngài Buddhaghosa).

62 . Có thể đây là một lầm lẫn trong lúc gom các đoạn văn trùng lặp lại với nhau vì các vị ni tu tập sự, sa-di, sa-di ni không có y hai lớp (saṅghāṭi). Chỉ tỳ-kheo và tỳ-kheo ni mới có y này.

63 . Đoạn này phỏng dịch theo ý dựa vào lời giảng giải của ngài Buddhaghosa (Attheso bhikkhave samādhi so ca kho aparisuddho).

64 . Theo ngài Buddhaghosa, vị ấy không còn được tham dự các lễ Uposatha, Pavāraṇā, việc đọc tụng giới bản Pātimokkha, và các hành sự của hội chúng (saṅghakamma).

65 . Trước đây còn tại gia chưa tu lên bậc trên sự cách biệt đối với các vị tỳ-kheo như thế nào thì bây giờ theo như thế (giải thích theo ngài Buddhaghosa).

66 . Tựa đề này do người dịch thêm vào để tiện việc phân biệt

67 . *Anabhirato*: tâm bị loạn động và đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa ái dục nhưng lại không muốn trở về trạng thái tại gia (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

68 . Theo ngài Buddhaghosa, đại đức Udāyi là thầy tế độ của đại đức Seyyasaka.

69 . Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: (*Saṅghādisesa* = *Saṅgha-ādisesa*) Hội chúng (*Saṅgha*) là cần thiết từ lúc khởi đầu (*ādi*) và các phần kể (*sesa*). Khởi đầu là sự ban cho hành phạt *parivāsa*, các phần kể là sự ban cho hành phạt *mānatta* hoặc sự ban cho việc thực hành trở lại từ đầu (*mūlāya paṭikassanaṃ*), cuối cùng là hành sự giải tội (*abbhānakamma*) đều do hội chúng (*Saṅgha*) thực hiện, cá nhân hoặc nhóm tỳ-kheo đều không được (Xin xem thêm *Tiểu Phẩm – Cullavagga*, chương II).

70 . Số bị cách khoảng có lẽ do lỗi kỹ thuật vì nội dung không thiếu sót khi so sánh với CD Chatṭhasaṅgāyana.

71 . Ngài Buddhaghosa cho rằng trú xá của đại đức Udāyi không phải ở trong một khu rừng riêng biệt mà ở trong Jetavana, thuộc về khu vực ở một bên, cuối cùng, sát ranh giới.

72 . Ngài Buddhaghosa giải thích về “*asatiyā*” như sau: Vị ấy bị bận rộn về việc khác nên không biết rằng: “*Ta chạm vào người nữ.*” Trong lúc không biết (*asatiyā* = thất niệm) như thế, như trong khi co duỗi tay chân, v.v... vị có sự đụng chạm thì vô tội.

73 . Theo ngài Buddhaghosa, người đàn bà đánh lễ theo lối nắm lấy bàn chân của vị tỷ-kheo. Trường hợp ấy, vị tỷ-kheo nên có vật phủ lên bàn chân hoặc bất động.

74 . Trường hợp này vị tỷ-kheo bị phạm trọng tội (*thullaccaya*) vì đã ám chỉ “*đường khiêu*” khi sử dụng từ “*magga*” nhưng người nữ du sĩ hiểu theo nghĩa là “*con đường.*” Nếu cô ấy hiểu được ý thô tục thì vị tỷ-kheo ấy đã phạm tội Tăng tàng (*Saṅghādisesa*).

75 . Được dịch theo ý. Dịch sát từ là: Người nữ mang bát nước (*odapattakinī*).

76 . Không cho phép đi đến bất cứ nơi đâu (theo ngài Buddhaghosa).

77 . Giữ nàng ở nơi kín đáo, không để các người khác nhìn thấy (theo ngài Buddhaghosa).

78 . Cấm đoán nàng sống ở chỗ theo ý thích (theo ngài Buddhaghosa).

79 . Nói rằng: “*Hãy làm điều này, chớ có làm điều kia*” (theo ngài Buddhaghosa).

80 . Ṭīkā (Sớ giải) giải thích là “*sasāmikā*” nghĩa là cô ấy đã có chồng, đã có sở hữu chủ.

81 . Đề cập đến người đàn bà nghèo trở thành vợ sau khi nhận lấy y phục chỉ là tấm áo choàng (theo ngài Buddhaghosa).

82 . Sau khi cả hai người nhúng hai tay vào trong một bát nước nói rằng: “*Hãy gắn bó như là nước này, đừng có chia lìa,*” thì nàng được chấp nhận là vợ theo phong tục (theo ngài Buddhaghosa).

83 . Nàng là người kiếm củi, v.v... Sau khi lấy xuống từ đầu của nàng tấm đệm lót để đội vật nặng rồi đem về sống ở trong nhà (theo ngài Buddhaghosa).

84 . Nàng được thuê làm việc trong nhà. Người đàn ông không hài lòng với vợ của mình rồi san sẻ cuộc sống gia đình với nàng (theo ngài Buddhaghosa).

85 . Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Khi đoàn quân dương cờ đi đến chiếm cứ một khu vực và nòng bị bắt đem lại, một người nào đó nhận nòng làm vợ nên được gọi là “dhajāhaṭṭā” (được đem lại dưới lá cờ).

86 . Người học trò khi quay trở về không báo cho thầy biết (đứng ở bên ngoài) và đích thân đem lại hồi báo cho người đàn ông. Người thầy bản thân nhận lời và bản thân bảo học trò thông báo nên phạm trọng tội (thullaccaya) vì hai phần ấy; còn người học trò bản thân thông báo và bản thân đem lại (hồi báo) nên phạm trọng tội (thullaccaya) vì hai phần ấy.

87 . Ngài Buddhaghosa giải thích “*alaṃvacanīyā*” là “*pariccattā = bị từ bỏ.*” Theo như trong một số quốc độ người đàn bà bị mất đi tính chất làm vợ thì gọi là “*alaṃvacanīyā.*” (*Alaṃ = vừa đủ, xứng đáng; vacanīya = nên được nói, cần phải nói. Alaṃvacanīyā = được nói đủ rồi, hết nước nói, không còn gì để nói.*)

88 . Maṇikaṇṭha nghĩa là “cổ có ngọc ma-ni.” Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “Nghe nói con rồng chúa ấy khi đi có trang điểm ở cổ một viên ngọc ma-ni lớn vĩ đại (có thể) ban cho tất cả các điều ao ước; vì thế được biết đến với tên “*Maṇikaṇṭha.*”

89 . Sugatavidatthi (gang tay của đức Thiện thế): được ngài Buddhaghosa giải thích bằng ba lần gang tay của người bậc trung. HT Bửu Chơn cho rằng 1 gang của người bậc trung là 0,25 mét và tính ra diện tích là 9,00 mét x 5,20 mét (trong cuốn “*Tứ Thanh Tịnh Giới,*” trang 33, ở phần chú thích). Trong “*Vinayamukha,*” ngài Mahāsamaṇa Chao đề nghị rằng sugatavidatthi, tức là gang tay của đức Thiện thế nên được tính theo kích thước trung bình là 0,25 mét; như vậy diện tích sẽ là 3,00 mét x 1,75 mét. Vì đây là “*kuṭṭi*” nên chúng tôi nghĩ rằng kích thước thứ hai hợp lý hơn.

90 . Ngoại trừ nhà ở cho mục đích trú ngụ của vị ấy (thì phạm tội). Nếu vị ấy cho xây dựng bảo rằng: “*Sẽ là nhà làm lễ Uposatha, nhà tắm hơi, trai đường, nhà đốt lửa khác nữa*” trong mọi trường hợp thì vô tội. Tuy nhiên, nếu vị ấy nghĩ rằng: “*Sẽ là nhà làm lễ Uposatha và ta sẽ trú ngụ,*” “*Sẽ là nhà tắm hơi, trai đường, nhà đốt lửa và ta sẽ trú ngụ,*” trong khi được cho làm thì vị ấy phạm tội (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

91 . Theo ngài Buddhaghosa, tu viện này được cho xây dựng bởi người phú hộ tên Ghosita.

92 . Channa: (Xa-nặc của Hán tạng) là người hầu cận của thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta) về sau trở thành đức Phật.

93 . Chỉ có giác quan “*thân*” (kāyindriyaṃ) để nhận biết sự xúc chạm. (theo ngài Buddhaghosa).

94 . Ngài Dabba là con trai của vua xứ Malla (theo ngài Buddhaghosa).

95 . Ngài Buddhaghosa giải thích là ba Minh, bốn Tuệ phân tích, sáu Thắng trí, và chín Pháp Siêu Thế.

96 . Theo ngài Buddhaghosa, hai vị này là các vị đứng đầu trong nhóm Lục Sư. Thứ tự được ngài trình bày là hai vị Paṇḍuka và Lohitaka ở thành Sāvatti, hai vị Mettiya và Bhummajaka ở thành Rājagaha, hai vị Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kīṭā.

97 . Là tội ung đối trị (pācittiya) thứ nhì.

98 . Ekuddeso: chung sự đọc tụng giới bốn Pātimokkha đang được hiện hành (theo ngài Buddhaghosa).

99 . Xin xem *Đại Phẩm - Mahāvagga*, chương Kosambī thứ X.

100 . Ngài Buddhaghosa giải thích là “... *nắm lấy các tay và các chân kéo đến giữa hội chúng* ...”

101 . Sở dĩ không đề cập đến tội thullaccaya thứ ba vì khi dứt câu: “*Yassa nakkhamati so bhāseyya*” ở chữ “*yya*” thì vị ấy phạm tội Saṅghādisesa nên không thành lập tội thullaccaya thứ ba.

102 . Hai điều “*vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ*,” tạng Thái Lan có chú thích rằng: “*Được thấy ở các sách khác.*”

103 . Về vấn đề này, ngài Buddhaghosa đề cập đến bài kinh Anumānasutta thuộc Majjhimanikāya I (HT Minh Châu dịch là Kinh Tư Lượng số 15 của *Kinh Trung Bộ I*).

104 . Theo ngài Buddhaghosa, hai vị này là các vị đứng đầu trong nhóm Lục Sư. Theo thứ tự được ngài trình bày là hai vị Paṇḍuka và Lohitaka ở thành Sāvatti, hai vị khác đã được đề cập trước đây là Mettiya và Bhummajaka ở thành Rājagaha, hai vị này ở vùng núi Kīṭā.

105 . Được gọi là “*āvāsika*” nghĩa là trong trường hợp ấy chỗ trú ngụ (āvāso) tức là trú xá (vihāra) thuộc về vị ấy. Vị thường trú có trách nhiệm làm mới, sửa chữa những chỗ cũ kỹ, v.v... được gọi là “*āvāsika*” còn vị chỉ thuần túy cư ngụ thôi thì gọi là “*nevāsika*” (Theo ngài Buddhaghosa).

106 . Ngài Buddhaghosa còn cho biết rằng hai tỷ-kheo này (luôn cả sáu vị được gọi là Lục Sư) đều đã được xuất gia với hai vị Tối thượng Thịnh Văn này, đã sống nương nhờ tròn đủ 5 năm, và có học thuộc lòng các đầu đề (mātikā).

107 . Theo ngài Buddhaghosa là 18 phận sự của vị bị thực thi hành sự xua đuổi (Xin xem *Tiểu Phẩm - Cullavagga*, chương I, [119]).

108 . Hai điều “*vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ*,” tạng Thái Lan, có chú thích rằng: “*Không được thấy ở tạng Miến Điện.*”

109 . Xem xét khi nào không có ai qua lại thì hỏi han chuyện gia đình: “*Chắc là cô hạnh phúc? Chắc là cô không bị mệt nhọc? Chắc là cô không bị đói?*” v.v... Khi nào có ai đi lại gần thì nói Pháp: “*Nên thọ Bát quan trai*”

giới. Nên dâng thức ăn theo thể.” v.v... (theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa).

110 . Hai từ trong ngoặc đơn được ghi nghĩa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa.